

C H U Y Ê N



Văn hoá tính dục

Bản lĩnh tính dục

Cá nhân – Gia đình – Cộng đồng

Freud – Tôi và Bạn

Orgasme (Tột đỉnh khoái cảm)

Hôn nhân

Tình yêu trong lịch sử

Tình yêu trong cá nhân

Tình yêu trong phòng ngủ

Cư xử theo khái niệm

Ngoại tình

Ý thức vợ chồng



HỒ NGỌC ĐẠI

C H U Y Ê N
Áy

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
TRUNG TÂM VĂN HOÁ NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

MỤC LỤC

Vào chuyện	7
Dẫn luận	9
1 - Văn hoá tính dục	31
2 - Bản lĩnh tính dục	42
3 - Cá nhân - Gia đình - Cộng đồng	57
4 - Freud – Tôi và bạn	68
5 - Orgasme	85
6 - Hôn nhân	103
7 - Tình yêu (I - Trong lịch sử)	119
8 - Tình yêu (II - Trong cá nhân)	141
9 - Tình yêu (III - Chuyện phòng ngủ)	155
10 - Cư xử theo khái niệm	185
11 - Ngoại tình	200
12 - Ý thức vợ chồng	229
Trích dẫn	257

VÀO CHUYỆN

Chúng ta đi xem xiếc, trong khi chẳng một diễn viên nào nghĩ mình *làm xiếc*. Họ đến rạp xiếc cũng tự nhiên như tôi đến trường, bạn đến nhà máy. Bí mật “làm xiếc” xem ra chỉ ở một chỗ này thôi - biết tận dụng triệt để thói quen thường ngày của người đời.

Mở mắt ra, mọi người đã đặt chân xuống đất *đi bộ*. Đi trong nhà, đi ra ngõ, khắp nơi tìm đâu chẳng được một chỗ đặt chân trên mặt đất bao la này mà phải bận tâm. Thế mà diễn viên tận dụng ngay cái chỗ chẳng ai bận tâm đến để làm xiếc. Anh ta tạo ra một tình thế ngặt nghèo giả tạo, rồi cho thập thò mấy mối nguy: chỗ đặt chân là một sợi dây mong manh (nguy cơ trượt), căng trên cao (nguy cơ ngã), lại còn (mấy cô ngồi xem xuyt xoa) tay cầm thêm cây sào nữa!

Bà con cứ việc nín thở, hồi hộp mà xem! Chốc nữa tan cuộc, tôi đủ kiên nhẫn chờ cho những ấn tượng trực quan kia người hản đi, bấy giờ sẽ xin thưa (vâng, biết là khó thuyết phục đây, nhưng thôi - cứ nói): chúng ta đi bộ theo nguyên lý nào, thì diễn viên xiếc đi trên dây cũng theo một nguyên lý thôi: trọng tâm phải rơi vào trong hình chân đế. Các diễn viên xiếc không có phép lạ nào khác ngoài những nguyên lý trần gian của bạn và của tôi. Đến như diễn viên ảo thuật biến giấy vụn thành tiền cũng cứ ngong ngóng chờ kỳ lương kia mà.

Cuộc sống trần gian của chúng ta có biết bao nguyên lý. Mỗi nguyên lý có vô vàn biểu hiện khác nhau, trái ngược nhau, khi thực, khi hư, khi bày ra, khi che giấu. Cứ xù theo những nguyên

lý ấy, thực ra, ai cũng như ai. Chỉ có điều, người thì cậm cụi làm, người thích nói bô bô lên. Riêng CHUYỆN ẤY người đời càng ham làm hơn ham nói. Thậm chí người ta còn cố tình giấu kỹ, lờ tịt, không nói. Hoặc ai đó nói thì nói lí nhí, nói nhát gừng, nói lúng búng, thậm chí thà thậm thụt như nói vụng. Sao thế nhỉ? - Chỉ vì không đâu bằng trong CHUYỆN ẤY có quá nhiều định kiến. Mà định kiến thì ai cũng kiêng, mặc dù mọi người biết tổng bao giờ nó cũng ở dưới tấm lịch sử đương thời.

CHUYỆN ẤY sẽ được trình bày như nó cần phải được trình bày, bất chấp mọi định kiến (vâng, trong đời sống tinh thần, tôi biết, không gì tàn bạo hơn định kiến). Tôi hi vọng bạn sẽ tự thuyết phục lấy mình bằng những lý lẽ và sự kiện hơn là vì định kiến. Rồi bạn sẽ tự nghiệm thấy sự thuyết phục ấy, rút cục, vì lợi ích của cuộc sống, của những cá nhân đang sống, nghĩa là của chính bạn. Nếu có chỗ từ trang viết, bạn cảm thấy gai gai, ròn ròn, thì xin hãy nghỉ bụng, ôi dào, quá lắm cũng chỉ như nhìn thấy họng súng đang chia thẳng vào mình từ trên... màn ảnh.

DẪN LUẬN

Con người xuất hiện. Từ đây thiên nhiên không còn là thiên nhiên “chính cống”, “tự nó” hoang dã thuở ban đầu. Nó đã thấm đượm bản chất người. Điều đó thoát đầu chỉ mới có một ý nghĩa triết học trừu tượng, tương ứng với trình độ phát triển lúc bấy giờ của lịch sử nói chung.

Xin hãy bắt đầu từ *hạt giống*. Với tư cách là một trình độ phát triển, hạt giống chỉ còn một giới hạn phía trước mà nếu vượt qua đó thì sẽ KHÔNG CÒN là hạt giống nữa, để trở thành cái phù định nó, gọi là *mầm*. Mầm lại có giới hạn phía trước của mình, mà vượt khỏi đó thì thành *chồi*. Hạt giống - mầm - chồi - cành - nụ - hoa - quả là chuỗi các trình độ khác nhau. Đó là phép biện chứng thực hiện ngay bên trong bản thân sự vật với những nguyên nhân tự nhiên của nó, tạo ra một *lịch sử* của bản thân nó, mà Mác gọi là lịch-sử-tự-nhiên.

Xin lấy một ví dụ khác dễ hình dung hơn. Ngày nào ở nông thôn yên lành mọi người chỉ *đi bộ*, thì con đường làng là con đường *chính thống* của người đi bộ. Họ thông dong đi giữa đường, tuồng như đường chỉ dành riêng cho một mình họ. Thế rồi lù lù xuất hiện trên đường làng chiếc *xe đạp*. Người đi xe đạp chỉ cần bám chuông là người đi bộ né ra, nhường đường. Tự bản thân người đi bộ nhận thức được thân phận mình không còn là người chủ chính thống như xưa nữa. Còn người đi xe đạp mặc nhiên coi con đường ấy là của mình với cái quyền lịch sử của người chủ. Rồi đến lượt chiếc *xe ô-tô* bám còi đòi đường thúc người đi xe đạp dạt vào rìa đường và ép người đi bộ lùi xa hơn nữa, ra khỏi mặt đường. Sự “đòi quyền” ấy lúc đầu

được mỗi bên tự nhận thức một cách âm thầm, tùy theo sức mạnh vật chất của mình. Cuối cùng, nền văn minh hiện đại “văn bản hoá” và “pháp lý hoá” những tương quan lực lượng ấy, bèn vạch ra trên đường phố những ranh giới rạch ròi. Phân chia giữa đường dành cho ô tô. Xe đạp đi hai bên rìa. Vĩa hè cổ truyền sẽ chẳng dùng được vào việc gì khác, nếu không dành cho người đi bộ. Nhận lấy phần chia, chẳng ai mặc cảm về thân phận mình. Qua ví dụ này, tôi muốn nói vài điều về sự đời. *Đi bộ* là hình thái chính thức đầu tiên của người, đã sang hẳn *bên này* giới hạn logic, để lại bên kia thiên nhiên hoang dã và thế giới động vật thấp hơn. Nhưng sức mạnh bản chất của đi bộ vẫn mượn của thiên nhiên ở đôi chân thật *tự nhiên*, ở cơ thể tự nhiên, ở quá khứ lịch sử nói chung. Xe đạp là cố gắng đầu tiên con người muốn dứt ra khỏi quá khứ động vật. Ngắt nổi, hoàn cảnh lịch sử lúc ấy bắt người đời phải cư xử “nửa vùi”, vẫn phải mượn đôi chân thật thiên nhiên làm sức đẩy. Trờ trêu là ở chỗ, bứt ra khỏi thiên nhiên – lòng đã nung nấu mà vẫn ngại làm mất lòng thiên nhiên. Dùng dằng mãi trong sự ràng buộc cổ truyền ấy, con người coi đó là một sự nhẫn nhục lịch sử. Còn trong thực tế, cái nguyện vọng tách ra cứ mỗi ngày một phình lên, phình mãi lên cho đến một hôm nào thì sinh ra *chiếc ô-tô*. Đó là thời điểm đánh dấu sự phát triển chín muồi của phạm trù người. Từ nay sức mạnh bản chất người sẽ KHÔNG NẪM trong mỗi cá thể tự nhiên như xưa kia nữa.

Người và ô-tô, một cách trực quan, là hai THỰC THỂ khác nhau, nhưng kỳ thực chỉ là *hai hình thức* khác nhau của một bản chất. Con người quan hệ với chiếc ô-tô chỉ là cách *thực hiện tính hiện thực của bản chất mình*. Nói cách khác, con người tìm thấy *bản chất* của mình không phải ở cơ thể tự nhiên của riêng mình, mà ở BÊN NGOÀI mình.

Ngày nay, xã hội loài người có trước mắt mình toàn bộ sự phong phú, đa dạng của bản chất người đã được vật thể hoá, ở BÊN NGOÀI các cá nhân: cốc, chén, cưa, riu, nhà cửa, máy móc, xe

cô, v.v... Những cái này đều là những vật thể được tách ra từ người, chứ không phải là cái gì hoang dã, có sẵn từ đầu. Đó là hình thái hiện thực, cảm tính, vật chất, là cái hiện-thực-thường-xuyên của bản chất người.

Tạo ra cái hiện thực thường xuyên ấy là *hành vi thực tiễn* quen gọi là *lao động*, hay *công nghiệp*. Theo Mác, “công nghiệp là quyển sách *đã mở ra của những lực lượng bản chất người*, là tâm lý người bày ra trước mắt chúng ta một cách cảm tính¹”. Bằng đại công nghiệp nền văn minh hiện đại xoá bỏ những định kiến quá khứ về sự đối lập giữa chủ quan và khách quan, chủ thể với khách thể, tự nhiên và xã hội... Thế là không thể tách bạch tinh thần với cơ thể vật chất, mà chỉ có một thực thể văn hoá, có hình thái tồn tại hiện thực. Nếu chỉ cần nói riêng *một mặt* biểu hiện của thực thể văn hoá ấy, tôi xin chọn *cảm giác*. Về vấn đề này, một mệnh đề sau đây của Mác đã hoàn toàn đủ: “Sự *hình thành* năm giác quan là công việc của toàn bộ lịch sử thế giới đã diễn ra từ trước tới nay”². Nói cụ thể hơn: con mắt người tri giác và hưởng thụ một cách khác với con mắt thô lỗ không phải con mắt người, *lỗ tai* người tri giác và hưởng thụ một cách khác với lỗ tai thô lỗ, không phát triển, v.v...³. Tất cả các giác quan còn lại, tất nhiên, cùng ở vào một hoàn cảnh ấy, cùng có sự khác biệt giữa *thô lỗ* và *văn hoá*, tức là giữa một trình độ chưa phát triển so với một trình độ phát triển hơn. Sự phát triển của các giác quan có nguồn gốc bên ngoài các cá nhân, tức là ở các đối tượng của chúng. Đối tượng cho các giác quan động vật là tự nhiên hoang dã, cho nên các giác quan ấy vẫn ở trạng thái hoang dã thiên nhiên. Trong khi đó thế giới vật thể của người (= tự nhiên người) luôn luôn

¹ Mác viết: “Toàn bộ hoạt động của con người từ trước đến nay là lao động, nghĩa là công nghiệp”. Xem *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, ST. 1962, tr. 139.

² C. Mác. *Bản thảo triết học - kinh tế 1844*, ST. 1962, tr. 139.

³ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 137.

⁴ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 136.

phát triển, vừa đa dạng hơn, vừa tinh tế hơn, cứ thế chờ lúc tạo ra sự biến đổi cơ bản. Tôi xin lấy lại tư tưởng của Mác về khả năng hưởng thụ của các giác quan, của cảm giác. Nếu cảm giác bị những nhu cầu thô lậu khống chế, thì nó đánh mất phần lớn bản chất người trong những cảm giác đó. Nếu một con người thiếu văn hoá bị đói, thì thức ăn đối với anh ta chỉ là thức ăn trần trụi, trừu tượng, với tư cách là thức ăn đơn thuần. Trong tình trạng ấy, Mác nói, “không thể nói việc ăn uống như thế khác với *động vật* ăn uống ở chỗ nào”⁴¹. Tình hình đó cũng chung cho tất cả các cảm giác khác. “Đối với lỗ tai không thính âm nhạc thì âm nhạc hay nhất cũng *không có ý nghĩa gì cả*”⁴². Lúc ấy, cái gọi là âm nhạc mất hết bản chất âm nhạc, không còn là đối tượng đích thực của sự hưởng thụ âm nhạc.

Chịu khó lần theo lịch sử hiện thực toàn thế giới từ trước tới nay, ta thấy, cho đến thời Mác, quan hệ tính giao còn là một biểu hiện trực tiếp, tự nhiên, thoả mãn một nhu cầu loài. Riêng với phụ nữ, kinh nghiệm cho thấy hậu quả của tính giao dè nặng lên họ một cách thực tế hơn so với các cảm giác hưởng thụ cá nhân. Cho nên, với họ người đàn ông chỉ là một người đàn ông trừu tượng trong quan hệ tính giao loài. Còn người đàn ông thì có điều kiện hưởng thụ cái cảm giác tính giao, nên trong nhiều trường hợp họ coi đàn bà như “chiến lợi phẩm và nữ tì của khoái lạc” (Mác). Sự bất bình đẳng này, chưa đựng một nhân tố tích cực, hướng về sự hưởng thụ cá nhân. Nó sẽ đẩy quan hệ tính giao đến tình trạng *phân hoá*, tách đối tượng hưởng thụ ra khỏi trạng thái trừu tượng của quan hệ loài giữa đàn ông và đàn bà.

Ở động vật, quan hệ tính giao chỉ thuần là quan hệ loài. “Động vật trực tiếp đồng nhất với hoạt động sống của mình. Nó không phân biệt được nó với hoạt động sống của nó. Nó là *hoạt động sống*

⁴¹ C. Mác. Xem ¹⁾, tr. 138.

⁴² C. Mác. Xem ¹⁾, tr. 137.

ấy. Còn con người thì biến bản thân mình, hoạt động sống của mình thành đối tượng của ý chí và của ý thức của mình”¹⁶. Con người có thể cư xử *ngoài tầm* nhu cầu vật chất trực tiếp, thậm chí trái ngược với những nhu cầu ấy.

Giới động vật chỉ có một nghĩa vụ loài, nên mỗi khi cần đến quan hệ tính giao, Thượng đế bèn khuyến khích vật chất bằng khoái cảm nhục dục cho các cá thể. Con cái, vì vậy, chỉ có được cảm giác nhục dục mỗi khi đúng vào lúc có thể thụ thai. Còn với con đực, chỉ vì không tin lắm vào kết quả của một lần, Thượng đế vốn tính chắc lép có nói rộng hơn sự khuyến khích, đôi khi còn phòng hao hơn nữa, sao cho hễ con cái cần đến thì nó sẵn sàng phục vụ kịp thời, hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng của loài. Nhưng cái tính chắc lép kia vẫn là cơ bản, nên Thượng đế cho phép con đực cảm thấy mình là đực khi đang có con cái trước mắt. Mãi sau này, Thượng đế vẫn theo một triết học ấy: Con cái chỉ cảm thấy mình là con cái khi nó cần thực hiện sứ mệnh *loài*. Còn con đực chỉ được phép trở thành con đực mỗi khi có con cái tại chỗ. Nhưng với cả hai, Thượng đế vẫn công bằng, chia đều sự khuyến khích vật chất bằng khoái cảm nhục dục. Cho đến hôm nay, nguyên lý triết học ấy vẫn không suy suyển và xem ra giới động vật vẫn không mấy may có ý định vượt ra ngoài khuôn khổ đó. Sự kiện ấy khiến cho Thượng đế chủ quan, nghĩ rằng có thể dùng một triết học ấy cho cả con người, chẳng cần vất óc nghĩ ra một triết học mới cho phù hợp với thời đại mới. Cũng may, lúc đầu con người còn non dại, bằng lòng ngay. Nhưng con người vốn bất trị, dăm nổi loạn, “bất chấp kinh thánh” mà cư xử theo luật trần gian, thì rồi chẳng biết sẽ đi đến đâu. Chờ mà xem.

*

* *

¹⁶ C. Mác. Xem ¹¹, tr. 92-93.

Thuở đầu còn mòng muội, tất cả đàn ông đều là đàn ông trừu tượng và đàn bà cũng trừu tượng là đàn bà. Lúc ấy, bất cứ người đàn ông nào cũng là chồng của bất cứ người đàn bà nào, vì lịch sử chỉ cần một sự đối lập trừu tượng mà thực hiện một sự thống nhất trừu tượng. Hình thái vật chất của thể thống nhất ấy là loài, một thực thể kém phân hoá, chỉ cần một sự phân đôi giản đơn (đàn ông – đàn bà) là đủ. “Quan hệ tính giao không hạn chế ấy”¹⁷ chưa tạo ra sự phân hoá có tính cá nhân, nên bấy giờ chưa có tính ghen tuông. May thay, theo Ăng-ghe-n, nhờ không ghen tuông mới thực hiện nổi bước chuyển hoá từ thú vật thành người¹⁸. Nhưng lịch sử là một quá trình phát triển, luôn luôn có xu hướng phân hoá. Cho nên, tính không hạn chế của quan hệ tính giao dần dần được giới hạn lại trong các nhóm, tức là *quần hôn*: Mỗi người trong nhóm đàn ông này là chồng của tất cả phụ nữ của nhóm đàn bà kia, và ngược lại. Cũng vì thế mà hồi ấy chưa có cả khái niệm *loạn luân*. Dễ hiểu thôi: trong quan hệ tính giao lúc ấy, người cha và con gái chỉ là những yếu tố đối lập về giới tính trong sự thống nhất loài. Đơn giản có vậy thôi. Mãi sau này, do quy luật chọn lọc tự nhiên mà có cái gọi là loạn luân chuyển sang bị hạn chế và định hình thành tập quán như một định luật xã hội.

Ngoài ra, biết đâu còn có một cái lý này nữa của mỗi bước tiến hoá liên quan đến quan hệ tính giao: trong khi thực hiện sứ mệnh loài, con người ương bướng đã không chấp nhận toàn vẹn cái triết lý mà Thượng đế từng áp đặt cho thú vật. Ấy là phần khoái cảm nhục dục của đương sự. Con người lạm dụng “sự khuyến khích vật chất” biến nó thành một *nhu cầu thiết thân* và thường xuyên hơn. Đàn ông là kẻ đầu têu trong sự “nổi loạn” này. Và hồi ấy, dám hưởng ứng phải là những người

¹⁷ Ph.Ăng-ghe-n. *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*. ST, 1972, tr.47.

¹⁸ Ph. Ăng-ghe-n. Xem ¹⁷, tr.53.

đàn ba có trình độ cao hơn những người khác. Họ cao hơn ở chỗ, hoặc là hưởng ứng quan hệ tình giao, hoặc là họ đòi hỏi phải được “đền bù” một cách vật chất, nhằm thoả mãn một nhu cầu khác của họ (ở bên ngoài quan hệ tình giao). Chế độ *mại dâm* ra đời. Lúc ấy mại dâm là một việc không lấy gì làm tồi tệ lắm, lại còn được Nhà nước bảo hộ⁽⁹⁾. Hơn nữa, như Ăng-ghe-nơ nói, “chính trên cơ sở mại dâm đó đã nảy nở những nhân vật phụ nữ Hy Lạp siêu quần xuất chúng, đã vượt khá cao trình độ chung của phụ nữ thời cổ về tài trí và năng khiếu nghệ thuật, cũng như phụ nữ Sparte đã vượt về nhân cách”.⁽¹⁰⁾

Bạn không tin nổi, người phụ nữ mại dâm là người có nhân cách hơn, có năng khiếu nghệ thuật và tài trí hơn người?

Vâng, Ăng-ghe-nơ nói luôn, ngày nay, người ta chối phắt các sự kiện đại loại như thế vì muốn tránh cho các thể hệ đang sống khỏi mang tiếng “nhục”⁽¹¹⁾. Nhưng, thưa bạn thân mến, mỗi thời đại có vinh và có nhục của nó. Cuộc sống là một quá trình chuyển hoá triền miên, mỗi giai đoạn được quyết định không phải bởi những quy luật phổ biến (những quy luật ấy không có được bao năm giá trị thực tế) mà bởi những *quy luật đặc thù*. Sự phát huy tác động của các quy luật đặc thù trong quan hệ tính giao đã làm nảy sinh ra những tình cảm mới cho mỗi giai đoạn lịch sử, ví dụ, tính *ghen tuông*, cũng như đức hạnh *trinh tiết*. Từ không hạn chế tuyệt đối đến hạn chế tương đối, rồi co cụm dần cho đến khi chỉ còn quan hệ tình giao giữa một vợ - một chồng. Bạn đừng vội mừng, tưởng mình là cao cả nhất trần đời, vì giữ được sự toàn vẹn tuyệt đối của *đức hạnh*, là chỉ có quan hệ tính giao với một người duy nhất, từ lần đầu đến lần cuối. Biết tổng cái tâm lý tự hào vô lối ấy, Ăng-ghe-nơ phải nói thêm, nếu quả thật “tình trạng một vợ một chồng triệt để là đỉnh cao của đức hạnh, thì giải quần quân ấy phải thuộc về loài sán (chứ không phải thuộc về

⁽⁹⁾, ⁽¹⁰⁾ Ph. Ăng-ghe-nơ. Xem ⁽⁷⁾, tr. 101.

⁽¹¹⁾ Ph. Ăng-ghe-nơ. Xem ⁽⁷⁾, tr. 48.

bạn. H.N.Đ.) vì trong số 50 cho đến 200 đốt của nó, mỗi cái đều có một bộ máy sinh dục hoàn toàn có đủ đực và cái, và trong suốt cả đời nó, nó cứ tự mình giao cấu với mình trong mỗi đốt như thế”.¹²

*

* *

Những kẻ “nổi loạn” đã làm cho cảm giác khoái lạc trong quan hệ tính giao dần dần tách ra khỏi *tính loài*, rồi lảng lạng nuôi lớn tính *cá thể* còn non yếu ấy cho đến khi thành “sự đã rồi”: biến khoái cảm vốn là “phần phụ thêm vào” (mà tôi gọi là “sự khuyến khích vật chất cho được việc”) của một hành vi loài, thành một hành vi hưởng thụ cá nhân, chỉ lấy ra cái phần khoái cảm đơn thuần, khiến cho hành vi ấy KHÔNG CHỈ đảm nhiệm sứ mệnh loài đơn thuần nữa. Vâng, ngay từ đầu, Thượng đế tính ma đã thừa biết là muốn ép các cá thể thực hiện hành vi loài thì phải “khuyến khích vật chất cho được việc”. Thế nên, chính Thượng đế đã gieo mầm “nổi loạn”, để cho cá thể có cái mà miệt mài chăm sóc. Đàn ông miệt mài hơn. Cho đến tận cuối thế kỷ trước, không một phụ nữ nào có thể tách phần khoái lạc của cá thể ra khỏi hành vi loài. Họ vẫn “mặc cảm” trong quan hệ tính giao. Nếu có ít nhiều khoái cảm thì chỉ là của vót vát, phụ thêm vào. Thế nên, những tập quán nặng nề cứ xoáy vào chỗ yếu ấy của phụ nữ (vì vậy gọi họ là “phái yếu”) – hưởng thụ khoái lạc vẫn âm ỉ nung nấu, mà hậu quả “nhờ ra” vẫn cứ sùng sùng tro trên đống đổ ập đổ... Muốn bứt ra khỏi sự đe dọa “nhờ ra” thì phải phân giải được quá trình tạo ra cái sự “nhờ ra”, để kiểm soát được nó một cách chủ động. May quá, cuối thế kỷ trước, người ta đã phát hiện ra *cơ chế thụ thai*. Các bạn gái ơi, nhờ có cơ chế ấy, tôi cam đoan với các bạn, nếu dẫm phải dấu chân của đàn ông cũng không “nhờ ra” chuyện gì cả đâu! Một giấc mơ với thần thánh cũng không mang lại

¹² Ph. Ăng-ghen. Xem ⁽⁷⁾, tr. 49.

gì khác, ngoài một cảm giác lâng lâng dang dở và sẽ không để lại một dấu vết trần gian nào khác ngoài sự nuối tiếc âm thầm của riêng bạn. Còn yoi các bà lâu ngày chưa có con mà muốn có, thì vẫn nên lên chùa cầu tự. Chỉ xin dặn riêng, nếu các bà có cảm giác gần thánh thần cũng y hệt như gần ông nhà, thì chẳng nên lấy làm lạ. Ấy, cũng là người trần ban ngày lên đây, ban đêm lại xuống... Còn mấy bà có con gái lon lón, dùng sót ruột, tôi sắp thừa chuyện ngay bây giờ. Ngày xưa ngày xưa, chừng vài mươi năm trước đây, khi cô Kếu nhà bà Tô mới lớn, tôi biết bà cấm ngặt không cho con gái ra đường. Nhờ phải đưa con trai ma quỷ nào liếc nhìn rồi “nhờ ra”, thì thà bôi tro trát trấu vào mặt còn hơn! Mà cũng đã có chuyện không lành thật rồi. Sau một lần duy nhất ấy mà tối cô cứ rên hừ hừ vì nằm mơ thấy ma quỷ ám. Bà nào tân thời hơn, “có tài trí và năng khiếu nghệ thuật hơn người”, thì dám cho con gái ra chỗ đông người, cho bọn con trai vây quanh. Nào, mấy bà đoán xem, sau đó chuyện gì xảy ra? Trời đất! Tối ấy và nhiều tối sau đó, chính bà ta được hưởng cái cảm giác lạ lạ quen quen – cô con gái ôm chầm lấy bà, riết mạnh bà vào lòng, hôn lấy hôn để. Bà mừng chảy nước mắt - mười bảy, mười tám năm nay chưa bao giờ nó yêu mẹ nó đến thế!

Tôi tin là có, không dung các nhà văn ác mồm bịa ra cái lòng tham đàn bà. Một bà thường mặc cảm về số phận mình không lấy gì làm “siêu quần xuất chúng”, lần này bèn đánh liều cho con gái ra với chúng bạn, không phải chỉ thăm hỏi, không phải chỉ bắt cái bàn tay mà bắt cả... cánh tay, rồi hai cánh khép lại, rồi, ừ thì cứ thế v.v... Thế nhưng quái lạ con gái bà, tối đến làm một giấc đấy, cơ hồ như mọi chuyện trên đời này chẳng có gì đáng gọi là có! Đã thế nó còn ngừng ngừng, lại cứ tự tiện, vài ba tháng mang về... giới thiệu đứa này, rồi mấy tháng sau lại đưa khác. Nó cứ hứa rày “tổ chức”, mai “tổ chức” mà lòng bà thì thấp thỏm chỉ một tổ... lo “nhờ ra”. Rồi bà thở vắn, thở dài oán trách cái thời này. Đời thuở nhà ai, cái *cơ chế thụ thai*, cái chuyện thăm kín ấy thăm nghe đã ngượng, nay lại cứ

bô bô trên các loa phóng thanh, trên các diễn đàn hội nghị có chủ tịch đoàn. Không phải chỉ nói, mà còn vẽ. Không phải vẽ, mà bày của thật ra,... Xưa nay chưa bao giờ có chuyện “hư_đốn” quái gở ấy! Không phải chỉ riêng một bà, mà tất cả các bà đứng đắn muốn lắm thì chỉ có nghe... vung là cùng, dằng này con gái các bà, mới khi chữ, lại hí hửng, tung tung rủ nhau đi nghe nói, đi xem, rồi thậm thà thậm thụt, khúc khích với nhau, tính thảng tính ngáy, chọn thứ nào tiện hơn. Rồi chúng nó nói toen hoèn, nghe trơn lèm: Biết rồi, chẳng có gì phải lo! Từ nay chỉ việc tách quan hệ tính giao ra làm hai chức năng. Một cổ truyền cho loài, vẫn như xưa. Một hiện đại có tính cá thể, *vì khoái cảm cá nhân*. Nghe hay hay tôi bèn gọi là PHẠM TRÙ THỨ HAI vì khoái cảm nhục dục của cá nhân, để phân biệt với phạm trù thứ nhất của quan hệ tính giao có chức năng cổ truyền tái sản sinh ra loài.

Sáng tạo ra phạm trù thứ hai - phạm trù khoái cảm nhục dục cá thể - là công việc của toàn bộ lịch sử thế giới từ trước đến nay. Phạm trù thứ nhất bị cơ chế thụ thai chi phối theo tính tất yếu tự nhiên. Còn phạm trù thứ hai tuân theo một quy luật khác hoàn toàn mới. Nói như Mác, đó là những cảm giác mới phát triển, thậm chí *lần đầu tiên được sản sinh ra* giống như lỗ tai thính âm nhạc, con mắt biết ngắm vẻ đẹp, v.v... Lỗ tai phát triển đến đâu, mắt mũi... cũng phát triển đến đấy. Tất nhiên, trình độ ấy có thể *không* đồng đều đối với từng cá thể riêng lẻ, nhưng là trình độ chung của *toàn bộ nền văn hoá*, trước hết và một cách cơ bản là nền văn hoá vật chất, biểu hiện ở thế giới vật thể do con người sáng tạo ra. Ví dụ, vị giác của người quen “chặt to kho mặn” sánh sao nổi với vị giác của những người sành ăn. Mà muốn sành ăn thì ít nhất phải ăn, rồi phải ăn một cách sành sỏi. Độ tinh tế của cảm giác có nguồn gốc và có sự khẳng định vật chất ở BÊN NGOÀI cá thể, chứ không phải là cái gì có sẵn ở bên trong mỗi cá nhân. Bởi vậy, chỉ có thể bằng toàn bộ lịch sử loài người mà giải thích tại sao một đời người rất ngắn, nhưng

cảm giác lại ở trình độ tinh tế nhất của lịch sử. Trình độ này của người đương thời là kết quả mài giũa từ thế hệ này sang thế hệ khác và được giữ lại ở BÊN NGOÀI các cá nhân. Mỗi cá nhân khi sinh ra *đã có sẵn* một nền văn hoá coi như cơ sở vật chất cho sự tồn tại và phát triển của mình. Trong câu chuyện đang nói, cái cơ sở vật chất ấy gồm cả bản thân *cơ thể* cá nhân. Chính cơ thể này cũng được hưởng thành tựu của các thế hệ trước để lại. Chúng ta may mắn được chứng kiến tận mắt những biểu hiện thực tiễn của xu hướng lịch sử. Những cô Nụ, cô Nếp mới từ nông thôn tới om của quá khứ đi ra, mà đã bừng lên rạng rỡ dưới ánh sáng văn hoá của thời đại. Hai khuôn mặt hao hao (giữa cô Nụ và mẹ cô ta) mà hai nét mặt tinh anh khác nhau. Mỗi nét mặt ấy biểu thị khí phách văn hoá của thời đại mình. Khi một này xúc động, nuốt nước bọt, nhìn thấy hai đôi môi đang gần sát lại nhau, rồi ập một cái làm rung động cả màn ảnh, thì một kia nhổ nước bọt, quay mặt đi, không thèm nhìn cái sự “gớm ghiếc” ấy. Cái thái độ văn hoá nào sẽ tạo ra cho mình một *cơ thể* tự nhiên nấy. Con người không phải chỉ có độc thân thể mình như con vật. Con người biết *tự nhân đôi mình*, “một cách hiện thực, một cách cần lao và trực quan trong thế giới do mình sáng tạo ra”⁽¹³⁾. Ngoài cái thân thể độc nhất - của thừa kế mang theo từ tổ tiên loài vật, con người còn tạo ra cho mình một cơ thể thứ hai, bao gồm cả các vật thể do công nghiệp sáng tạo ra, khiến cho *cơ thể tự nhiên* không còn hoang dã, do cha mẹ sinh ra. Có thể diễn đạt đơn giản hơn: Thân thể của tôi cần thiết phải được *bổ sung* thêm một *vật thể* nào đó, bên ngoài thân thể tôi. Đồng thời, tôi cũng cần một vật thể như thế (bên ngoài) để tôi *biểu lộ* bản chất bên trong của tôi. Nếu tôi là nhà văn thì cái ấy là thơ văn, tiểu thuyết... Nếu tôi là đàn ông, thì cái chứng thực bản chất đàn ông của tôi KHÔNG THỂ ở ngay trong thân thể tôi, “chạy” như thế được, mà phải ở NGOÀI thân thể tôi, ở

⁽¹³⁾ C. Mác. Xem ⁽¹¹⁾, tr. 94.

đàn bà. Tình hình đó xưa nay vẫn xảy ra, dù đương sự không có chút tí ý thức triết học nào. Tình hình đó còn xảy ra và mãi mãi còn xảy ra đối với phạm trù thứ nhất của quan hệ tình giao mặc dù không triển khai theo cơ chế thụ thai, thì nó cũng phải mượn các cơ quan sẵn có ấy, kèm theo cách thức tiến hành ấy. Dễ hiểu thôi! Cơ thể đã có một tổ chức hoàn chỉnh các cơ quan cần thiết, không cần tăng thêm “biên chế” tổ chức nữa. (Chẳng ai, nói ví dụ, có nhu cầu được mọc thêm cái sừng). Sẽ chẳng có thêm cái tai thịt nào nữa (vẫn hai cái “củ” ấy, thôi) mà nhiệm vụ nghe cứ phải ngày càng tăng, càng mới. Ta nhớ lại, thuở nào, cái tai thịt trời sinh có chức năng là nghe. Nay con người hiện đại vẫn nghe tiếp những âm thanh ấy, lại còn được nghe âm nhạc, và trong muôn vàn tiếng xào xạc lấy ra nghe những lời ngắt quãng thì thậm chí ân... Nhưng để có năng lực ấy thì không cần phải có thêm cái chất thịt nào mới hơn cái tai “củ”, không cần những tiến hoá về sinh học nữa. Chỉ có một sự đòi hỏi duy nhất - chất văn hoá. Cho phép tôi nói cộc lốc: cái tai thịt + văn hoá = tai người. Công thức ấy dùng cho sự tiến hoá của tất cả các giác quan còn lại. Trong công thức ấy, cái tai thịt là một yếu tố coi như **KHÔNG CÒN** tiến hoá nữa, vậy thì mọi sự đều do yếu tố thứ hai - *văn hoá*. Nhìn một người không phải chỉ bằng đôi mắt! Ôm lấy ngang eo không phải chỉ một vòng tay. Những nhân tố vật lý, hoá học sinh học, gì gì học đó, là những nhân tố có thể tạo ra cảm giác, mà cũng không thể tạo ra nỗi cảm giác người, - còn tùy vào sức nhạy cảm văn hoá của giác quan.

Bạn biết đấy, sách giáo khoa viết có 5 giác quan. Đó là 5 giác quan chủ yếu phục vụ cho cá thể, được đặt ở những vị trí tiền tiêu, một cách công khai. Người viết sách giáo khoa không có quan điểm lịch sử thì không thấy hết vấn đề đâu. Thế này: theo kinh thánh sau khi Êva rù Adam ặn quả cấm, mở mắt ra, thấy cái bảo bối của mình cũng để hớ hênh như 5 giác quan kia. Nguy quá, sợ ý ai nhặt mất thì mất giống, bèn giấu kín đi, rồi im luôn và nói to cho mọi loài biết,

người chỉ có 5 giác quan thôi. Mọi loài vốn cả tin, tìm đếm đủ 5 giác quan sờ sờ ra đây, tưởng thật, trong bụng lấy làm kính phục lắm cái phép lạ của người: hai người chỉ có nhìn nhau rồi nhoen cười, thế mà truyền đời được! Đầu óc mọi loài hiểu sao nổi, và chắc gì con người đã thấu hết nỗi lòng của Thượng đế: lo cho từng cá nhân đã đành, còn lo hơn cho cả loài người (không thì ai cúng tế cho), Thượng đế mới giao hẹn, để 5 giác quan cho cá nhân tùy nghi sử dụng, còn cái sử dụng vào việc loài (ở trần gian quen gọi là việc “họ”) thì là của Thượng đế gửi nhờ. Mỗi lần dùng sẽ “trả thù lao” ngay tại chỗ. (Vì có chuyện “gửi nhờ” ấy, mà người đời nói “con trời gửi” hay “con trời cho”). Cho đến tận thế kỷ chúng ta, bà con mình vẫn đinh ninh là của gửi, chứ chẳng phải của nhà, đâu dám tự tiện dùng dằng hoàng, công khai. Mãi gần đây, con người ngấm ra cái luật “một thì hai, hai thì một”: phẩm cái gì có hai thì làm một chức năng (hai con mắt - chỉ nhìn) phẩm cái gì có một thì làm hai chức năng (một cái miệng - vừa ăn vừa nói), bèn thưa lại với Thượng đế, xin ban hành luật đó đồng đều cho mọi cơ quan chức năng. Nghe phải, Thượng đế hạ chiếu: Căn cứ luật tổ chức cơ thể, theo nguyện vọng của con người hiện đại, nay giao cho cơ quan thực hiện quan hệ tính giao thêm một chức năng nữa vẫn đặt ngay tại địa điểm ấy, gọi là GIÁC QUAN THỨ SÁU. Hai cơ quan chung một số nhà (chẳng còn đất để xây thêm “trụ sở” mới, và lại cũng chẳng cần), vào ra một lối. Từ ngày tách thành hai cơ quan, người ra vào tấp nập. Cũng thì vào đó, biết ai việc gì. Con người bèn đưa ý thức ra làm thường trực, phân luồng theo chức năng rành rọt như đã ban hành. Việc ấy dần dần đi vào nền nếp, có kế hoạch. (Cũng có khi nhớ ra vỡ kế hoạch).

Cơ sở vật chất lúc xuất phát của nó là hành vi tính giao từ động vật mang theo và ngày nay vẫn còn. Nhưng hành vi ấy không nhất thiết chỉ thực hiện chức năng sinh đẻ mà có thể thuần túy để tạo ra khoái cảm nhục dục. Từ khi được tách rời ra, phạm trù thứ hai tự tìm lấy những hình thức cho riêng mình một cách độc đáo. Đại loại

thể này: có cảm giác chỉ gắn chặt với một cơ quan ví dụ *tai*. Có cảm giác có thể được hỗ trợ như thị giác được bù đắp phần nào bởi xúc giác. Tất cả khả năng bù trừ ấy so với khoái cảm nhục dục thì còn kém hơn nhiều. Vì vậy, tuy mới được tách ra sau cùng, giác quan thứ sáu nhanh chóng huy động đồng đảo các cơ quan bạn tham gia vào, hỗ trợ cho mình, để làm tăng thêm sức mạnh của cảm giác.

*

* *

Cảm giác tính dục không còn là bản năng. Người đã vượt sang bên kia ngưỡng phát triển của động vật, cũng là vượt sang bên kia giới hạn bản năng. Người là một thực thể có ý thức và của ý thức, không bị cái gọi là “bản năng” quy định. Đây chỉ là cách nói khác của tôi về *cảm giác người*. Đó là cảm giác không phải chỉ của các giác quan chịu tác động các quy luật sinh lý, mà chịu tác động mạnh mẽ hơn nhiều của văn hoá. Trình độ phát triển văn hoá càng thấp, tình cảm càng thô sơ, thì cảm giác người càng trở ra cái lõi cổ xưa của nó, có từ thời động vật.

Càng tiêm vào chất văn hoá, khoái cảm nhục dục càng tinh tế hơn, càng sâu sắc và người hơn. Cho nên, con người không những cần biết hưởng những khoái cảm do các giác quan đưa lại một cách trực tiếp (như ăn ngon, ngửi mùi thơm, ngắm vẻ đẹp...) mà còn một cách gián tiếp, thông qua độ thẩm văn hoá, thông qua trình độ phát triển văn hoá. Tình hình đó càng biểu lộ rõ rệt hơn trong khoái cảm nhục dục. Nó có vượt ra khỏi giới hạn bản năng thú vật hay không là cả một vấn đề đang đặt ra cho trình độ văn minh hiện đại. Có chuyển được không từ khoái cảm nhục dục kèm theo quan hệ tính giao cổ xưa sang phạm trù thứ hai độc lập, - đó là cả một bước phát triển tâm lý trong lịch sử người. Tóm lại, vấn đề tận hưởng khoái cảm nhục dục có thể là một hành vi vụ lợi, ích kỷ, thấp hèn, mà cũng có thể là một vấn đề nghiêm túc của lối sống hiện đại, có văn hoá

cao. Do đó, cần có thái độ hợp lý đối với giác quan thứ sáu.

Với trình độ càng thấp kém, thì nguồn khoái cảm nhục dục chỉ có thể có được từ cơ quan sinh dục. Nhưng cơ quan ấy ngày nay chỉ còn là cơ quan thường trực “trung ương” đầu mối của mạng liên kết các tổ chức “địa phương” được huy động một cách trực tiếp hay gián tiếp vào công việc chung tạo ra khoái cảm nhục dục. Có cơ sở để gọi giác quan thứ sáu là giác quan nhục dục, vì đó là một giác quan có thật, ngày càng phát triển và tinh tế, trở thành một giác quan văn hoá như bất cứ giác quan nào khác của cơ thể.

Sự hình thành giác quan thứ sáu vốn là kết quả của sự phát triển lịch sử. Nó đã có từ lâu trong lịch sử (thuộc phạm trù thứ nhất) nhưng chỉ là phần “phụ thêm vào”, chẳng đáng gì, lịch sử chưa chú ý đến. Thì nay, trái lại, đã hình thành rồi, nó lại đóng một vai trò hoàn toàn khác, *chưa hề* có trong toàn bộ lịch sử từ trước đến nay. Lịch sử đã đi qua một đoạn đường dài từ thời mông muội, khi quan hệ tính giao mang lại cảm giác tự nhiên hoang dã cho mọi loài, đến cảm giác văn hoá thuần người ở trình độ phát triển gần đây nhất. Có thể coi cảm giác mông muội như một dấu hiệu *báo trước*, mà toàn bộ sức mạnh của nó bây giờ mới bộc lộ với tất cả hiệu lực làm nên khoái cảm nhục dục ở giác quan thứ sáu.

*

* *

Có thể nói, mỗi thời đại có “anh hùng thời đại” của mình. Tinh thần của nó thấm vào tất cả mọi ngóc ngách cuộc sống - vật chất và tinh thần, rồi thể hiện ở “kỹ thuật” trong mọi hoạt động của đời sống.

Nếu xã hội hiện đại có đại công nghiệp trong sản xuất, tư duy có phép biện chứng, thì có *cơ chế thụ thai* cho quan hệ tính giao. Nhờ nắm được quy luật thụ thai, phạm trù thứ hai có biện pháp thực tiễn để đạt đến trạng thái thuần khiết. Cơ chế thụ thai, do đó, có ý nghĩa

then chốt làm thay đổi vai trò chủ đạo trong quan hệ tính giao, tạo ra một cuộc cách mạng triệt để về tính dục. Hậu quả xã hội của nó sẽ vô cùng to lớn, vì động chạm đến đời sống thường ngày của hàng triệu triệu cá nhân trên hành tinh chúng ta.

Ngày nay, càng tạo ra nhiều kỹ thuật đảm bảo *sinh đẻ có kế hoạch*, về thực chất chúng ta càng khẳng định vai trò của phạm trù thứ hai. Nền văn minh hiện đại ngày càng thừa nhận một cách công khai vai trò của phạm trù thứ hai, thậm chí cần thì “hy sinh” phạm trù thứ nhất (tránh thụ thai, phá thai...). Kỹ thuật tránh thụ thai (và phá thai) rồi cũng có những thuộc tính mà Mác thấy ở kỹ thuật đại công nghiệp là “làm đảo lộn tất cả giới hạn của đạo đức”¹⁴¹, là tuyên chiến với phong tục tập quán lâu đời. Tất nhiên, có thể có những trận đánh thất bại, nhưng phạm trù thứ hai (và đạo đức phù hợp với nó) sẽ thắng trong cả cuộc chiến tranh! Vũ khí của cuộc chiến tranh này là “công nghệ thụ thai”, kể từ kỹ thuật giản đơn như áp trứng bằng máy, đến việc đông tinh khô, lập các quỹ tinh dịch, công nghệ thụ thai nhân tạo trong ống nghiệm hay “gửi nhờ”. Mỗi bước tiến lên của “công nghệ thụ thai” là một nhát chổi quét đi những định kiến xã hội, biến quan hệ tính giao thành một quá trình có thể bị kiểm soát, nghĩa là triển khai *một mục đích được hình dung trước khi quá trình thực tiễn bắt đầu*, giống như điều đã xảy ra trong đại công nghiệp. Không còn nữa quan niệm may nhờ rủi chịu và “của trời cho”, bắt được từ một hành vi thiêng liêng bí hiểm. Quy trình công nghệ thụ thai chứng thực một bước tiến khổng lồ về mặt kỹ thuật, do đó cả về mặt tâm lý. Con người càng lặn sâu vào các quá trình trần gian thì càng đẩy lùi sự ngu muội và định kiến. Con người hiện đại nhìn nhận quan hệ tính giao một cách cởi mở hơn, hồn nhiên hơn, coi như một sự *hưởng thụ*, mà không làm suy suyển nghĩa vụ loài muôn đời truyền lại (hơn nữa còn có điều kiện và năng

¹⁴¹ C. Mác. *Tư bản*, Q. 1, T. II, ST. 1975, tr. 179.

lực hoàn thành nghĩa vụ đó một cách tối ưu). Ở đây, cũng như trong toàn bộ đời sống, là sự phát triển, chứ không phải gạt bỏ. Tri khôn con người càng đi sâu vào bản chất các quá trình hiện thực, càng biết cư xử hợp lý hơn, nghĩa là phù hợp hơn với sự vật.

Cơ chế thụ thai là một trong những kết quả tất nhiên của kỹ thuật sản xuất ở trình độ đại công nghiệp đủ sức “thực hiện cái mục đích tự giác của mình. Mục đích ấy quyết định phương thức hành động của họ giống như một quy luật và bất ý chí của họ phải phục tùng nó”¹⁶. Cơ chế thụ thai dù muốn hay không, cũng đã tách ra hai mục đích khác nhau từ một hành vi tình giao, hay nói đúng hơn, bất hành vi cổ truyền ngàn xưa thực hiện một mục đích mới, thuần khiết hơn (chứ không phải chỉ “phụ thêm vào”) là hành vi “trần gian hoá” triệt để những truyền thuyết về quan hệ tính dục giữa đàn ông với đàn bà. Và điều này tạo ra khả năng thực tế làm cho sự *huống thụ khoái cảm* tính dục trở nên phong phú hơn và người hơn, cao cả hơn. Xưa nay, tất cả những ràng buộc xoay quanh quan hệ tính giao, suy cho cùng, đều do chỗ KHÔNG nắm được cơ chế thụ thai và không có kỹ thuật đáng tin cậy, chứ không phải do khoái cảm tự nhiên của hành vi tình giao.

Nhà vua sẽ được thêm rất nhiều khoái cảm tính dục, nếu những nữ tỳ khoái lạc không phải do các hoạn quan trông coi. Và chỉ vì lợi ích dòng họ, tức là một lợi ích BÊN NGOÀI khoái cảm tính dục, mà nhà vua cũng như bất cứ người đàn ông nào trong xã hội hễ rơi ra là phải “cử linh canh gác” nghiêm ngặt nơi vào ra của các nữ tỳ khoái lạc ấy.

Cơ chế thụ thai, do đó, là nhân tố vật chất (dưới hình thức kỹ thuật) giải phóng ý thức khỏi những quan niệm và phong tục tập quán, định kiến và sự khắt nghiệt của người đời về quan hệ tính giao. Con người hiện đại bằng sự chi phối của ý thức và cơ chế thụ

¹⁶ C. Mác, xem ¹⁴, tr. 335.

thai làm cho quan hệ trở nên thuần túy người, xét về mặt hưởng thụ khoái cảm nhục dục.

Như trên đã nói, cảm giác người là cảm giác có ý thức. Khoái cảm tinh dục là một cảm giác càng bị chi phối nhiều hơn bởi ý thức, trước hết bởi *tâm lý an toàn*.

Có lúc nào bạn ngạc nhiên nghe câu hỏi “thưa” này không: đã khoa cùn chưa? Không phải đề phòng kẻ gian. Không phải khách lạ sẽ đến. Mà đề tăng thêm độ an toàn! Ý thức về sự an toàn cơ mật tuyệt đối luôn luôn ám ảnh bạn trong quan hệ tính giao.

Nhưng bạn thân mến, đó là sự an toàn “cơ học”, chỉ cần một thao tác “xem lại” là đủ lắm rồi. Thế mà sự không an toàn không “xem lại” được, và có tính chất quyết định, là hậu quả có phù hợp với mục đích của quá trình không. Hàng ngàn vạn đời nay, cái tâm lý e ngại ấy luôn luôn đề nặng lên ý thức phụ nữ. Khoái cảm dễ bị đứt quãng giữa chừng và không thể nối lại được, chỉ vì một giây lát thoáng gọn lên “hậu hoa”. Người đàn ông có trách nhiệm cũng không hoàn toàn thoát khỏi sự ám ảnh đó.

Cơ chế thụ thai là sự bảo đảm an toàn đáng tin cậy. Ngoài ra còn có kỹ thuật tránh thai hay phá thai để phòng sẵn đó. Những thành tựu ấy ra sức cổ vũ giác quan thứ sáu, mở rộng đường cho nó tiến tới. Nhưng đó vẫn còn là sự đối phó, nhiều lắm mới chỉ “bỏ ngõ” thôi. Để có khoái cảm nhục dục thuần khiết, còn cần phải có thêm những *biện pháp sinh lý*, trực tiếp tác động lên cơ thể nhục thể, mà những hiểu biết thường ngày không đủ, kinh nghiệm cá nhân cũng quá nghèo nàn. Nền văn minh hiện đại đã có những công trình thăm dò, phát hiện *địa điểm* và cách *đánh thức* những phần đang ngủ. Một sự động viên nào đó có thể tạo ra một sức mạnh vật chất để vượt sang bên kia chỗ còn cợn, e thẹn, rồi bạo dạn hơn và cuối cùng đạt đến trạng thái thuần khiết của cảm giác tự nhiên từ giác quan thứ sáu.

An toàn có. Có đủ cả các biện pháp sinh lý. Thì những điều kiện để đạt đến khoái cảm nhục dục tự nhiên đã chắc là đủ? – Khoái cảm nhục dục là một cảm giác văn hoá, là sự kết hợp hài hoà giữa cảm giác nhục dục, lý trí và tình cảm. Ngưỡng khoái cảm tinh dục là một ngưỡng văn hoá, vậy thì sự hưởng thụ nó cũng đòi hỏi một trình độ văn hoá nào đó, đạt đến một ngưỡng phát triển nào đó.

“Cái dối là cái dối, nhưng cái dối được thoả mãn bằng thịt nấy và ăn với dao, đĩa lại khác với cái dối dùng bàn tay, móng vuốt và răng nuốt chửng thịt sống”¹⁶.

Khác biệt mấy giữa hai cái dối. Cùng vậy lường sao được độ đoàng trong việc thoả mãn khoái cảm tinh dục của thú vật và của người hay giữa các trình độ phát triển khác nhau của các cá nhân. Cho nên, không những *thái độ*, mà cả *mức độ* hưởng thụ khoái cảm tinh dục là một *thuộc đo* văn hoá. Thái độ và trình độ hưởng thụ khoái cảm này cũng là một ấy đứng trước một bức hoạ, nghe một bản giao hưởng, đọc một luận văn triết học. Cái sức mạnh quyết định để vượt qua trình độ thấp kém trong khoái cảm này là ý thức văn hoá. Chỉ có văn hoá mới thắng được bản năng và thay thế nó.

“Con người chỉ khác với con cừu ở hiện tượng duy nhất là trong con người, ý thức thay thế bản năng”¹⁷.

Sự thay thế ấy là một giải pháp quyết định, nhưng mới là khởi đầu của quá trình phát triển văn hoá. Sau này sẽ hình thành nên *ý thức* về khoái cảm nhục dục và năng lực hưởng thụ khoái cảm ấy.

Mỗi phạm trù chỉ có thể đứng trên chân nó và phát triển trên cơ sở của chính nó (nghĩa là không có ràng buộc nào khác ngoài bản thân nó). Nếu vậy thì trong quan hệ tính giao, phạm trù thứ nhất chỉ thuộc về loài (có thể gọi là phạm trù loài).

¹⁶ C. Mác. *Góp phần phê phán kinh tế chính trị học*. ST. 1964, tr. 283.

¹⁷ C. Mác và Ph. Ăng-ghen. *Hệ tư tưởng Đức*, ST. 1962, tr. 25.

¹⁸ Không có ý thức hưởng thụ, thì đầu bị đánh đập đung chỗ, khoái cảm nhục dục chưa chắc đã đứng dậy. Nó vẫn ở trạng thái ngái ngủ.

Đàn ông một mình thì không là gì cả! Là đàn ông đích thực khi được bổ sung bởi đàn bà, - hợp lại thành loài. Chỉ lúc đó, với tư cách *loài* thì thực thể (hợp nhất) ấy mới có thể tồn tại và phát triển trên cơ sở của chính nó (= khả năng sinh đẻ). Trong hoàn cảnh ấy, khoái cảm nhục dục chỉ là "phần phụ thêm vào", chứ không phải là xu hướng cơ bản thể hiện mục đích của hành vi tính giao loài.

Khi phạm trù thứ hai chỉ tồn tại và phát triển trên cơ sở của mình, thì quan hệ tính giao, nói một cách lý thuyết, là có *tính cá thể* (gọi tắt là phạm trù cá thể).

Khoái cảm tính dục có nguồn gốc từ hành vi tính giao loài. Nhưng rời khỏi điểm xuất phát ấy, nó không còn bị ràng buộc bởi những yêu cầu, xu hướng và mục đích loài. Nó vì lợi ích thiết thân của cá nhân.

Là một phạm trù độc lập, phạm trù thứ hai sẽ tự tìm lấy cho mình những hình thức độc đáo, trung thành với bản chất của mình. Biểu hiện cực đoan của phạm trù thứ nhất là thụ tinh nhân tạo. Còn phạm trù thứ hai thì thậm chí không cần đến hình thức tính giao cổ truyền. Lúc này quan hệ tính giao giới tính (sự giao hợp giữa đàn ông với đàn bà) rơi xuống địa vị một cơ sở vật chất như là quặng hay nguyên liệu trong quá trình sản xuất. Nó còn phải được khai thác, chế biến, chứ tự bản thân nó, hành vi giao hợp còn hoang dã lắm. Để có được khoái cảm nhục dục chính cống, một hành vi trần trụi ấy còn quá ít, thậm chí chưa là gì cả. Phạm trù thứ hai cần có thêm *nhân tố mới* thì mới tạo ra được sức mạnh bản chất cho khoái cảm nhục dục. Ấy là một sức mạnh còn chưa được khai thác. Chỉ có sức mạnh văn hoá may ra mới giải quyết được nghịch lý này: Trong khi về mặt sinh lý nhục thể, không cần nữa sự biến đổi về *chất* của các cơ quan nhục thể dành cho giác quan thứ sáu, thì phạm trù thứ hai lại đòi hỏi phải có một nguồn sức mạnh mới để tạo ra khoái cảm tính dục đích thực như một mục

đích, chứ không phải chỉ là “phần phụ thêm vào”, tức là đòi hỏi cơ quan của giác quan thứ sáu phải khác về chất cảm giác. Đúng vậy, với một sự tiến hoá về chất có tính quyết định, thì các cơ quan sinh dục (nguyên là của phạm trù thứ nhất), mới chuyển hoá được thành giác quan thứ sáu thuộc phạm trù thứ hai.

Bây giờ chắc bạn không lấy làm ngạc nhiên trước yêu cầu của phạm trù thứ hai: muốn luyện cho giác quan thứ sáu trở nên tinh tế, thì phải luyện tập tất cả các giác quan khác, kể cả các giác quan gọi là “lý thuyết” như mắt và tai chẳng hạn.

Mảnh đất liền, bề phóng của khoái cảm tính dục, tất nhiên vẫn là những giác quan nhục thể, nhưng sức đẩy phóng lên lại không phải chỉ là sức mạnh vật chất, nhục thể sẵn có của cơ thể, mà là sức mạnh văn hoá, của sự hợp đồng nhuần nhuyễn giữa cảm giác, lý trí và tình cảm, là khả năng huy động đông đảo các giác quan nhục thể tham gia vào quá trình tạo ra khoái cảm tính dục.

Bản chất văn hoá của quan hệ tính giao thuộc phạm trù thứ hai đòi hỏi mỗi cá nhân hiện đại phải có *ý thức* hưởng thụ khoái cảm tính dục và đồng thời phải có *năng lực* tạo ra sự hưởng thụ ấy¹. Vì khoái cảm tính dục KHÔNG có phẩm chất bản năng như thú vật, nên ý thức ngày càng phải trở nên một nhân tố quyết định trong việc tạo ra cũng như hưởng thụ khoái cảm. Phải đạt đến một trình độ phát triển văn hoá nào đó, thì mới nhận thức được vai trò của ý thức trong hưởng thụ và ý thức này phải mạnh đến một độ nào đó thì mới làm cho người đời vượt ra khỏi định kiến cổ truyền. Chỉ khi nào được giải phóng khỏi mọi ràng buộc ngặt nghèo của đời sống cổ truyền (ở đây gắn liền với phạm trù thứ nhất) thì mới có được sức mạnh mới, theo một nguyên lý mới. Hoàn toàn có cơ sở để nói rằng,

¹ “Bạn nào sợ ý bỏ qua chỗ này, xin dừng lại một chút! Tôi nói ý thức và năng lực. Chỉ có thể thôi! Nhưng như vậy là tôi mở rộng đến hết cỡ phạm vi của phạm trù thứ hai. HND.

sức mạnh mới của khoái cảm tính dục hiện đại so với cổ truyền, giống như sức mạnh ô-tô so với đi bộ. Hai nguyên lý khác nhau đòi hỏi có hai cách cư xử khác nhau. Nếu ta coi nguyên lý mới có tác động như nhau đối với cả hai cá nhân trong quan hệ tình giao thì vì tính lịch sử lâu dài của quan hệ này, nguyên lý mới đòi hỏi nhiều hơn ở phía nữ. Mai đây lịch sử sẽ đẩy phụ nữ vào một cuộc “đấu tranh” (không phải với nam giới mà với chính mình) giành lại quyền bình đẳng trong việc tạo ra và hưởng thụ khoái cảm tính dục. Có lẽ đó sẽ là quyền bình đẳng cuối cùng trong cuộc đấu tranh cuối cùng giải phóng phụ nữ. Còn ngay bây giờ thì đã có thể nói, thái độ và trình độ hưởng thụ khoái cảm tính dục của phụ nữ là thước đo trình độ văn hoá của họ và thông qua đó mà đo trình độ giải phóng phụ nữ của xã hội đương thời.

1 - VĂN HOÁ TÍNH DỤC

"**K**hông thể thực hiện được một sự giải phóng hiện thực nào, nếu không thực hiện sự giải phóng ấy trong thế giới hiện thực và bằng những phương tiện hiện thực"¹⁸. Nói cách khác, sự giải phóng là một sự kiện lịch sử, chứ không phải sự kiện tư tưởng hay triết lý.

Sự kiện lịch sử số 1, cơ bản nhất, quyết định nhất của lịch sử người chỉ là thế này: "Người ta phải có khả năng sống đã, rồi mới có thể "làm ra lịch sử"¹⁹. Lo cái sự sống làm đầu, tức là lo ăn, lo mặc, lo ở... Một khi những nhu cầu ấy được thoả mãn, lịch sử mới sản sinh ra những *nhu cầu mới*. Ngay từ đầu tham gia vào quá trình lịch sử còn có hành vi tái sản xuất chính bản thân mình, tức là quan hệ giữa đàn ông với đàn bà. Đó là quan hệ xã hội duy nhất lúc bấy giờ. Vậy là có hai nhân tố thiết yếu nhất liên hệ mật thiết với nhau:

1. Lao động để duy trì bản thân đời sống và 2. Quan hệ tình giao để tái sản sinh ra chủ thể lao động. Hai hành vi cơ bản ấy cùng nhau xác lập một trạng thái xã hội nhất định trong những điều kiện tự nhiên nhất định, bao gồm giới tự nhiên có từ khi khai thiên lập địa nay đã được tính người, cùng với những sản phẩm do lao động chế tạo ra. Như thế thì gọi là "làm ra lịch sử", - một lịch sử vật chất, thực tiễn trần gian. Mãi sau đó mới nảy sinh và hình thành *ý thức*. Ý thức nảy sinh từ những *quan hệ* thực tiễn trong lao động và giao tiếp. Là

¹⁸ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Hệ tư tưởng Đức*, ST.1984, tr. 27.

¹⁹ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem¹⁸, tr. 34.

một sự kiện có sau, ý thức lúc đầu còn gắn chặt với nguồn gốc thực tiễn của nó. Về sau nó sẽ tự giải thoát khỏi thế giới vật chất, trở thành một phạm trù chính cống với tất cả những nét độc đáo của riêng nó (phạm trù thứ hai cũng phải trải qua những bước đi đó) và tìm được một hình thức độc đáo là *ngôn ngữ*. Với công cụ hiệu nghiệm này, người ta xây dựng nên các quan điểm, học thuyết, nói chung là *lý luận*. Bây giờ thì sự giải phóng được thực hiện không những một cách thực tiễn như một sự kiện lịch sử, mà còn một cách lý luận trong tinh thần, tư duy. Sự giải phóng, do đó, không thể là một cái gì vô đoán, áp đặt. Nó chỉ là một giải pháp tự nhiên tất yếu. Lịch sử luôn luôn dẫn đến những giải pháp *mới*. Lý do: “Mỗi thế hệ một mặt tiếp tục phương thức hoạt động cũ được truyền lại, nhưng trong những hoàn cảnh đã hoàn toàn thay đổi và mặt khác, lại biến đổi những hoàn cảnh cũ bằng một hoạt động hoàn toàn thay đổi”²⁰. Cứ thế làm nên lịch sử là những hành động tự nhiên, tất nhiên, triền miên, “hoàn toàn vật chất, có thể kiểm nghiệm bằng kinh nghiệm”²¹. Quan niệm như thế ta quen gọi là theo chủ nghĩa duy vật lịch sử - một quan niệm coi lịch sử làm từ các nhân tố liên hệ máu thịt với nhau một cách *hữu cơ* và vận động như một thực thể tự nhiên. Vì vậy bất cứ sự vận động nào của lịch sử cũng vừa là cách biểu hiện lịch sử, vừa chính là lịch sử, vẫn có cái *cốt lõi vật chất* và cảm tính.

Quan hệ tính giao (mà từ nay tôi gọi bằng thuật ngữ giao lưu tính dục) là một sự kiện lịch sử. Nó có ngay từ buổi đầu lịch sử. Nó phát triển dọc theo lịch sử, như bất cứ bộ phận nào của cơ thể cũng cùng một trình độ trưởng thành ấy. Cho nên, một cách rất công phu và chắc chắn, có thể lần theo sự phát triển của các phạm trù lực lượng sản xuất – quan hệ sản xuất - kết cấu xã hội mà theo dõi sự phát triển của giao lưu tính dục. Còn ở đây ta chỉ phác qua cái sườn logic của vấn đề.

²⁰, ²¹ C. Mác và Ph. Ăng-ghen. Xem ¹⁸, tr. 48-49.

Giao lưu tình dục vốn là một cách *cư xử tự nhiên*. Nó tự nhiên như ăn, mặc, ở. Về sau, do sự sản sinh ra nhu cầu mới vì cần phải tăng năng suất lao động, cộng đồng người bắt đầu *phân công lao động*. Thoạt đầu cũng là sự *phân công tự nhiên*, theo giới tính và tùy thuộc vào các điều kiện tự nhiên ngẫu nhiên.

Mỗi hành vi lịch sử có hiệu quả của nó. Sự phân công lao động sinh ra hoạt động vật chất và hoạt động tinh thần, sản xuất và phân phối, hương thụ và nghĩa vụ, v.v... Thế là tạo ra tình trạng *không đồng đều* giữa các cá nhân, gia đình, cộng đồng khái niệm *sở hữu tư nhân* có điều kiện vật chất để nảy sinh. Sở hữu tư nhân trở nên nguồn kích thích mới, khiến cho “các cá nhân chỉ theo đuổi lợi ích riêng của mình”²². Đó sẽ là nguyên nhân làm cho trạng thái tự nhiên sẽ bị thủ tiêu và thay bằng trạng thái tự nguyện với nghĩa là “bước phải nhận lấy, không thể thoái thác được”.

Ngay từ khi có sự phân công lao động tự nhiên, phụ nữ đã ở vào thế “nô lệ của đàn ông”. “Chiếm hữu nô lệ trong gia đình đánh rằng hãy con rất thô sơ và được che đậy – là hình thức sở hữu đầu tiên”²³. Đó là mầm mống của mọi sự phát triển về sau của chế độ tư hữu và của mọi ràng buộc đối với các cá nhân. Sự phát triển này có nguyên nhân vật chất là lực lượng sản xuất. Với mỗi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (đặc biệt là công cụ sản xuất) lịch sử có một hình thức giao tiếp tương ứng phù hợp với nó. Sự phát triển này nảy sinh một cách *tự nhiên* (tự phát), mãi sau này mới biến thành *tự nguyện* (tự giác). Quá trình diễn biến rất chậm, hình như để cho lịch sử kịp có những cá nhân tiên tiến nhất. Họ là những người đi đầu trong việc xác lập những quan hệ và hình thức giao tiếp mới. Tình hình này ta đã thấy trong hiện tượng mai dâm mà Ph. Ăng-ghe-nơ mô tả²⁴.

Qua trình phát triển của lực lượng sản xuất có thể được phân

²² C. Mác và Ph. Ăng-ghe-nơ, Xem ¹², tr. 13.

²³ Ph. Ăng-ghe-nơ, Xem ¹², tr. 101.

đôi, bên này nông nghiệp gia trưởng làm kẻ đại diện và bên kia - đại công nghiệp, và một cách tương ứng ta có hai kiểu giao tiếp. Giao lưu tính dục có *mục đích* của nó và *phương tiện* đạt mục đích ấy. Rất có thể giao lưu tính dục KHÔNG nhằm mục đích sinh đẻ, nhưng trình độ kém phát triển KHÔNG tìm ra phương tiện để thực hiện mục đích “mơ hồ” ấy. Thành thử, sự giao lưu tính dục, rút cục, phải theo mục đích loài. Lúc ấy, các cá nhân giao lưu tính dục KHÔNG phải với tư cách cá nhân mà là loài (dòng họ). Chế độ tư hữu càng phát triển thì nhu cầu *kế thừa tài sản* trở nên da diết. Nhu cầu này buộc phải khoanh vùng lại hẹp hơn phạm vi giao lưu tính dục, cho đến quan hệ một vợ - một chồng. Nhưng thực ra, bây giờ cũng như trước đó, nguyên lý ấy chỉ áp dụng cho người vợ thôi. Chỉ riêng phụ nữ là bị pháp luật tước bỏ quyền tự do giao lưu tính dục. Còn đàn ông thì..., như Ăng-ghe-nơ nói “mãi cho đến ngày nay, đàn ông không bao giờ có ý muốn từ bỏ cái thú quần hôn thật sự cả”⁷²⁵.

Trong giao lưu tính dục, đàn ông ý thức được sức mạnh vật chất của mình, do đó, ý thức được quyền sở hữu của mình không những về *tài sản* nói chung, mà cả nguồn cung cấp khoái cảm nhục dục. Phụ nữ kể từ sự phân công tự nhiên thuở đầu, ngày càng thu hẹp hoạt động, quay về gia đình, làm vợ và làm mẹ. (Đôi khi làm mẹ chỉ vì một hậu quả ngẫu nhiên). Đó là nhân tố vật chất buộc phụ nữ phải thực hiện triệt để nguyên lý một chồng. Trong khi đó, người chồng còn được thả lỏng và thả lỏng được vì cũng có những phụ nữ tiên tiến hơn người khác. Biểu hiện cực đoan của tình trạng ấy là mại dâm. Thông thường, giải pháp ôn hoà hơn là *ngoại tình*. Và cái gì ôn hoà cũng dai dẳng, lay lắt. Những hậu quả của ngoại tình thường đè nặng lên người phụ nữ một cách công khai và đơn độc. Đó là mối lo lớn nhất (dù là một mối lo ở BÊN NGOÀI bản chất của sự việc) về mặt đạo đức và dư luận xã hội của các phụ nữ ngoại tình và

⁷²⁵ Ph. Ăng-ghe-nơ. Xem ¹⁷, tr. 101.

của các cô gái chưa chồng, đến nỗi, trong trường hợp hoàn toàn chính đáng, vẫn “khiến cho một cô gái không dám hiến thân cho người mình yêu”²⁶. Ngay nay mỗi lo ấy có thể được gỡ bỏ về mặt “kỹ thuật”, bởi cơ chế thụ thai và các phương tiện tránh thai, phá thai. Nhân tố kỹ thuật này đảm bảo chắc chắn hơn cho mục đích giao lưu tình dục, dễ “bịt miệng” thế gian (dù là một cách hình thức), tạo điều kiện thực tế cho “quan hệ tính giao tự do hơn dần dần xuất hiện và đồng thời hình thành nên một công luận ít khắt khe hơn về lòng danh dự của người con gái và về sự trinh tiết của người đàn bà”²⁷. Tất nhiên, bước tiến bộ này nằm trong số những biến động lớn của đại công nghiệp và của đời sống xã hội. Đại công nghiệp đã chặt dần những rễ cái, rễ con ràng buộc cá nhân vào gia đình cổ truyền, rồi nhất từng người đem vứt rải rác khắp nơi. Những hành vi tương tự đã tạo ra một địa bàn mới cho đời sống cá thể và cho giao lưu tình dục. Ta nhớ rằng, sự kiện lịch sử bao giờ cũng có thể cảm nhận được bằng kinh nghiệm, khi ý thức còn đang ngái ngủ trong định kiến tối mù. Muốn phá bỏ định kiến thì không thể chỉ việc đánh thức ý thức dậy, cho nó lu loa lên, chứai bới om sòm (đành rằng rồi cũng phải làm như vậy), mà phải xoá bỏ từ gốc đến rễ, từ nguyên nhân vật chất của nó, từ cái nguyên lý lỗi thời của đời sống hiện thực.

Nguyên lý của đời sống nông nghiệp gia trưởng là duy trì mọi quan hệ trong vòng tay dòng họ, vì lợi ích của cộng đồng như một khối liên. Lúc ấy, các cá nhân quan hệ với nhau *nhân danh dòng họ*. Hai “họ” thông gia với nhau. Họ là phạm trù cụ thể, còn cá nhân là phạm trù trừu tượng. Chủ thể dòng họ đã mang cau trầu đi “hỏi vợ” cho con trai là hành vi chính thống của nguyên lý cổ truyền, thì phạm trù tính giao tất nhiên cũng thuộc về dòng họ, về loài, như một mục đích, mà cá nhân thực hiện hành vi ấy như một phương tiện.

²⁶, ²⁷ Ph. Ăng-ghen. Xem ¹¹, tr. 121.

Nguyên lý đại công nghiệp phủ định nguyên lý nông nghiệp gia trưởng, bằng cách biến cá nhân thành cá nhân tự do. Biểu hiện cực đoan của hành vi đó là cá nhân bị trừu tượng hoá mọi thuộc tính cá nhân, chỉ còn là kẻ mang sức lao động, đem sức lao động bán tự do trên thị trường tự do. Từ đó sinh ra tình trạng *tha hoá* của lao động (theo nghĩa mác-xít). Nỗi đau lịch sử nào cũng mang nhân tố tích cực của nó. Thời đại tha hoá ấy cũng là thời đại tạo ra những con người “tự do” và “bình đẳng”. Ăng-ghe-n khẳng định, “đó chính là một trong những công trình chủ yếu nhất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa”²⁹. Còn Mác thì gọi thế kỷ ấy (thế kỷ 18) là “thế kỷ của chủ nghĩa cá nhân”³⁰. Sự bình đẳng trong sản xuất được đo bằng sức lao động, và sức lao động ấy lại tạo ra tự do cho cá nhân (trong chừng mực là kẻ mang sức lao động). Đã có được tự do và bình đẳng một cách vật chất, hiện thực, cảm tính thì khó nổi gì không tạo ra được những tự do và bình đẳng trong giao lưu nói chung, đặc biệt trong giao lưu tình dục.

Khi đã bứt ra khỏi dòng họ và địa phương (tức là giới hạn địa lý thuần túy) để kiếm ăn sinh sống, cá nhân chỉ cần phải cư xử theo lợi ích của chính mình. Dưới con mắt cổ truyền, đó là những lợi ích trần trụi, tro trên, không che đậy dù chỉ bằng một mảnh lá nhỏ. Nhưng thực sự bức tức ấy chỉ chứng tỏ là có một nguyên lý khác đầy sức đe dọa hiện thực.

Quanh năm ở làng quê, tôi biết rõ từng tác đất. Và mỗi con người – tôi biết rõ từ lúc mới ọc ọc. Thế là, một sự quen thuộc đã làm chôn tất cả các giác quan của tôi. Mọi cái đều đã cũ khi còn mới, chưa dùng. Hai, một cái gì đó hay (nguy hiểm hơn) một ai đó chẳng may làm tôi xúc động, thì “ai đó” đã có dòng họ bao trong, làng xóm bao ngoài, lại còn thêm một “ai đó”

²⁹ Ph. Ăng-ghe-n. Xem¹, tr. 127.

³⁰ C. Mác. *Sự khôn cùng của triết học*. ST. 1971, tr. 131.

quần quanh suốt ngày đêm canh giữ. Một người trần gian, thực tế như tôi còn biết làm gì hơn. Không có một nhu cầu nào có thể nhồi lên nổi từ một ý thức khô cứng như một định mệnh.

Đời sông cổ truyền với những mảnh đất rào giậu ngăn cách, làm thành một thế giới còn con biệt lập, cha truyền con nối, hưởng chung một mảnh đất, nghe chung một tiếng gà đánh thức, bàn chung những câu chuyện đã mòn vẹt từ thuở nào nao: Trâu no bò đói, sân sạch nhà bẩn, cơm khê canh mặn. Đêm ập xuống, mọi người hời hả gom tất cả lại, để đấy. Trong tối đen dày đặc chỉ còn nghe ra hai bàn chân đập vào nhau quẹt quẹt phui bụi. Thoát cái, tiếng rảng rác còn chưa hết nhịp, thì đã vội thay bằng tiếng khô khô đều đều. Hết một chu kỳ sống. Sống như thế tại đây vẫn đây, mất mờ vẫn mờ, luôi chai vẫn chai - tất cả trở nguyên cái lõi trời sinh. Tìm đâu ra những nhảy cảm văn hoá, có sao được những rung động tinh tế trong cái thế giới ử dụng cổ truyền ấy.

Với họ, những người hăm hở sống, táo tợn, xông xáo thách thức, chịu thua, dám thắng... là những kẻ hoang tàng, những kẻ xấu. Nhưng, theo Mác, chính vì xấu mà họ sẽ thắng, vì họ là nguyên nhân của đấu tranh tạo ra sự vận động làm nên lịch sử³⁰. Lịch sử tiến lên bằng những cái chưa hề có, bằng những cái tạo ra lần đầu tiên, chứ không phải chỉ bo bo giữ chặt những gì đã có. Cuộc sống lành mạnh không phải chỉ trong ổn định hài hoà (đã đành) mà lành mạnh cả trong những biến động làm nghiêng ngửa những bức thành định kiến ngăn cách dòng họ, làng xã, địa vực, quốc gia...

Chúng ta từng chứng kiến những vết rạn nhỏ nhất trong cuộc sống. Ngỡ ngàng nhất có lẽ lần đầu tiên bà mẹ hé mở cửa sổ phòng ngủ cho cô con gái “cắm cung” được nhìn ra đường đời. - Chẳng có hậu quả tiêu cực nào, bà mạnh dạn hơn. “Vũ trang” ba tầng, bảy lớp, chắc chắn, kiên cố, an toàn tuyệt đối,

³⁰ C. Mác. Xem²⁹, tr. 140.

được thả ra khỏi phòng, các cô choáng ngợp trước trời mây khoáng đạt và nhất là mây cậu con trai đầy hấp dẫn. (Vâng, các cậu ấy còn chưa được đến gân, nhưng vào giấc mơ thì đã được rồi). Một sự giao lưu đã nối hai dòng tâm linh - sợ không chạm, nhìn không thấy, nhưng mãi cảm lam mẹ nhìn ra một cái gì đó *đã có*. Kinh nghiệm một lần nữa chạy lại an ủi vỗ về cho bà yên tâm. Bà tiếp tục nới lỏng hơn sợi dây ràng buộc, bóc móng dần những lớp bọc lên cơ thể non mềm của con gái. Bà bỏ qua sự háo hức (lẽ ra nên giấu) của con được ra *chào* bạn trai. Ôi, một tiếng chào nhỏ nhẹ mà bà nghe vang như tiếng sét. Rồi một cái nhìn xa lác xa lơ mà cũng đủ chiếu sáng cả tâm hồn con gái bà. Rồi một cái bắt tay! Thế giới sẽ đổ vỡ vì một *cái bắt tay ấy*! Đó là sự táo tợn chưa hề có. Sự đụng chạm nhục thể ấy đâu sao cũng cứ là một sự đụng chạm. Nó đã vượt bỏ cả một quá khứ câu nệ và đã sang được bên này rồi!

Trong cuộc sống, vĩ đại nhất là sự kiện từ KHÔNG sang CÓ. Ít đến đâu có vẫn là có. Một cái bắt tay, ít ư? Vâng, ít – cũng là ít, nhiều – cũng đã nhiều. Đến như nằm mơ đã đâu vào đâu mà cũng đã, thì hẳn là, hơn cả dấm phải dấm chân, dễ lắm cái sự CÓ, có từ chỗ đụng chạm hai bàn tay! Nhưng một lần nữa, kinh nghiệm lại đến trấn an! (Đối với sự ngu muội không thuốc an thần nào mạnh hơn kinh nghiệm). Sau *cái bắt tay* làm bà thất thần, bà chẳng còn có gì đáng sợ cho con gái bà nữa. Ừ, thì cứ cho là bắt một *cánh tay*, hay cả hai, dù *hai cánh tay* vừa đủ một vòng đơn độc hay còn phụ họa thêm... con gái lớn của bà rồi vẫn yên lành như xưa. Và bà vẫn yên lòng, chùng nào con gái bà, hồn máu và danh dự của bà, vẫn còn yên lành. Bỗng nhiên, bà lại bàng hoàng, khi con gái mang theo một *bạn trai* về nhà. Trời đất, cái gì thế kia, một quả bom mở ngòi hay lù lù ra đây một cậu con trai? - Mất bà thấy thế này, đâu bà nghĩ thế kia. Rồi cũng qua đi và cũng quên đi! Bà dấy胆 hơn lên. Từ đó, bà không cần biết những cậu con trai thay nhau đến nhà tên gì, bao nhiêu tuổi, từ đâu đến, con nhà ai (chắc, bạn trai con bé ấy mà),

miễn là bà vẫn thấy cửa sổ mở toang, vẫn vọng ra đều đều câu chuyện về chính trị, về triết học, về tình hình thế giới và những tin thời tiết trái ngược nhau. Nghĩa là, nói vậy thôi, bà vẫn căng thẳng đuổi theo những âm thanh. Con gái bà khôn rồi, biết nổi lòng ấy, muốn cho bà thả lỏng thần kinh, thỉnh thoảng vận tất âm thanh cho một sự im lặng tràn ngập căn phòng! Cũng có khi mẩn cảm làm bà thấy sự im lặng đã kéo dài đến mức ấy dễ mang trong lòng mối đe dọa ngấm ngấm, thì vừa vặn lúc ấy, con gái bà (khôn rồi, biết nổi lòng ấy) liền mở cửa bước ra với vẻ hừng hờ (hình như con bé đã thấm mệt) tiến đưa bạn trai với một câu hỏi vu vơ: “Chiều mai vẫn họp chi đoàn chứ?”.

Các bà cũng như lịch sử ngày càng già đi, mà vẫn trẻ mãi một nỗi thấp thỏm lo con “dại”. Nhưng các bà ơi, cái ranh giới dại khôn ấy ở đâu mà lần, lớn bé đến đâu mà lường? Bà đã đi suốt một lượt từ đầu này cái bắt tay, lần theo một cánh tay, hai cánh tay,... Một bạn trai, rồi vài ba, năm bảy, một căn phòng để ngủ, rồi đóng chặt cửa vào, cửa sổ mở toang.

Ngày nay, mọi sự vật được nhìn từ bản thân nó, trong bản thân nó, bởi bản thân nó. Mà sự vật đã biến động, thì *khái niệm* của nó cũng không thể như xưa. Chung thủy, trinh tiết, lời thề, chỉ là những hình thức biểu hiện, chứ không phải là *cái* biểu hiện. Câu nệ làm gì vào những ấn tượng và kinh nghiệm xa xưa. Không có kinh nghiệm nào vượt quá tầm trực quan trực tiếp của nó. Không có ấn tượng nào vào sâu quá cái bề ngoài hời hợt của sự vật. Thế mà cuộc sống cần đến chính bản thân sự vật, cốt lõi của sự sống. Sự sống tươi mới, đang rạo rực và đầy hi vọng là đặc trưng cho TUỔI TRẺ, cho những sự giao lưu đầy phiêu lưu. Sự giao lưu này vượt bỏ mọi ranh giới cổ truyền vượt qua mọi chuẩn mực, mọi khuôn khổ, mọi thể chế đã định hình của quá khứ. Nó tự tạo ra thể chế của nó, khuôn khổ của nó, chuẩn mực của nó. Nó tạo ra một nguyên lý mới cho mọi sự giao lưu trong xã hội hiện đại, và do đó cho giao lưu tình dục.

Cuộc sống là thời gian. Nó có những bước đi tục tãc, đều đặn, nhưng vẫn đi và vẫn mở những con đường mới.

Cuộc sống là văn hoá. Nó có truyền thống với cả bề dày lịch sử. Nhưng văn hoá đích thực khi nó làm dày thêm lên lịch sử của chính bản thân nó bằng những thành tựu văn minh lần đầu tiên có.

Mở rộng giao lưu là một thành tựu văn minh, hệ quả tất nhiên của cuộc sống đại công nghiệp. Mở rộng giao lưu là phương thức đào luyện cá nhân, bắt mỗi cá nhân phải trở thành chính mình. Ý thức về chính mình sẽ mở ra khả năng làm chủ cuộc sống của mình. Đối với cá nhân hiện đại, điều quyết định là *ý thức cá nhân*, chứ không phải ý thức đồng họ và cũng không phải một ý thức cộng đồng trừu tượng nào đó. Lịch sử đã làm tất cả những gì có thể làm được để làm cho cái tăng liên cộng đồng trừu tượng ấy phát triển cụ thể hơn, phân hoá thành các yếu tố cấu thành, và theo xu hướng đó, từng bước một đi miết cho đến tận *cá nhân*. Sự kiện đó đồng nhất với thắng lợi của đại công nghiệp.

Ý thức cá nhân biểu hiện trực tiếp ở ý thức về *cơ thể mình*, biết rằng nó theo *quy luật tự nhiên*, thì cũng là quy luật văn hoá, của người, chứ không phải *bản năng*. Ý thức biến *cơ thể tự nhiên* thành *cơ thể CỦA MÌNH*. Mình “có quyền tự do định đoạt chính bản thân mình, thân thể và các khí quan của cơ thể mình”³¹. Muốn định đoạt được điều gì thì phải hiểu rõ nó, ý thức được mục đích và nắm vững kỹ thuật thực thi nó. Chỉ trong hoàn cảnh ấy lịch sử mới giải thoát được cho phụ nữ nỗi lo “khôn - dại” ngàn đời nay.

Có ý thức hưởng thụ khoái cảm nhục dục là khôn hay dại?
Nắm được kỹ thuật thực hiện bất cứ mục đích nào của giao
lưu tính dục là dại hay khôn?

³¹ Ph. Ăng-ghen. Xem¹⁷, tr. 128.

Mặc cho các bà mẹ khôn ngoan tin vào những “biện pháp ngăn đề” ở BÊN NGOÀI quá trình giao lưu tình dục, các cô con gái chịu mang tiếng đại tin vào luật AN TOÀN bên trong. Năm, bảy lớp áo hay 50-70 “phòng tuyến bên ngoài” như thế cũng không là gì hết, vì ý thức dù khôn để làm mòng dần đi một cách cần thiết. Một bàn tay, một vòng tay, một phòng riêng... tự bản thân chúng, không một cái nào có thể chạm đến độ an toàn, nếu ý thức không đại vi phạm luật an toàn!

Mà khó gì không nắm được luật an toàn! Nó như luật giao thông, có biển chỉ đường đặt khắp ngã qua lại. Nhưng ai lơ ngơ chưa quen đã có người chỉ dẫn. Cho nên, dù ngã ba ngã bảy, chẳng ai lạc đường. Các cô sẽ đi đến nơi, về đến chốn, an toàn. Đừng lo! Mà lo cũng chẳng được gì hơn. Đã ra ngoài đường, các cô khác biết tự liệu lấy thân, chứ đâu phải ở trong nhà, trong sân nhà, trong vườn nhà, mà các bà lâu lâu ời gọi nhắc chúng!

Việc “đại – khôn” trong giao lưu tình dục ngày nay không còn là nỗi lo đơn độc của các cá nhân. Nó là vấn đề xã hội. Nó không phải là vấn đề e thẹn, hay danh dự. Nó là vấn đề sống thiết thân của toàn xã hội, nên xã hội phải chăm lo.

Cách chăm lo hiện đại là làm cho mỗi cá nhân có Ý THỨC về tất cả những vấn đề có liên quan đến giao lưu tình dục và trao cho họ BIỆN PHÁP hữu hiệu để đảm bảo an toàn. Không thể trông cậy vào những biện pháp BÊN NGOÀI, mà tạo ra BÊN TRONG mỗi cá nhân một bản lĩnh tình dục!

Bản lĩnh tính dục là một bản lĩnh hiện đại như bất cứ bản lĩnh nào - bản lĩnh khoa học, bản lĩnh đạo đức, bản lĩnh nghệ thuật, bao gồm cả hai năng lực - tạo ra và thường thức.

2 - BẢN LĨNH TÍNH DỤC

Bản chất giao lưu tính dục người là bản lĩnh thay cho bản năng.

Độc đoán và nhu nhược là hai biểu hiện của một sự kiện - thiếu bản lĩnh, nghĩa là cư xử không phù hợp với bản tính của sự vật, một mục mù quáng tuân theo cách phán xét chủ quan.

Bản lĩnh là một sự kiện lịch sử, thước đo trình độ phát triển người trong suốt tiến trình tiến hoá. Nông nghiệp lạc hậu gia trưởng kém bản lĩnh hơn đại công nghiệp, vì ít khả năng kiểm soát quá trình sản xuất hơn. Dốt nát thì sinh ra lì lợm, chứ không có bản lĩnh. Bản lĩnh là sự sáng suốt văn hoá của cá nhân, nó vừa cứng như cốt thép, vừa mềm như sự sống - cứng khi cần cứng, mềm khi cần mềm. Nếu không thì chỉ là một trạng thái bệnh hoạn.

Biểu hiện chính xác nhất của thiếu bản lĩnh tính dục là các hoan quan. Khi còn có thể thì không thể thể cư xử có bản lĩnh, khi không thể làm gì hơn thì không còn bản lĩnh để làm gì hơn.

Trong đời sống thường ngày, thiếu bản lĩnh bao nhiêu những cu cậu nhất gái, thì các cậu đại gái cũng thiếu bấy nhiêu bản lĩnh. Cả hai loại đều chỉ cư xử theo nguyện vọng cá nhân của mình, mặc dù bề ngoài hình như ngược lại. Cho nên, bản lĩnh cá nhân không phải là cái gì thuần túy TRONG cá nhân đó, cũng không phải là cái gì thuần túy NGOÀI cá nhân đó.

Bản lĩnh tính dục của con trai KHÔNG phải chỉ ở TRONG cá nhân cậu ta, nhưng đồng thời cũng không thể ở ngoài cậu

ta. Đồng thời cơ thể noi lập lại: bản lĩnh tinh dục của con trai phải ở TRONG con gái, nhưng đồng thời cũng không thể ở TRONG con gái.

Bản lĩnh hình thành từ các QUAN HỆ, trong đó mỗi cá thể chỉ là một nhân tố cấu thành. Trong quan hệ tinh dục (giao lưu tinh dục) con gái là TÓN - TÀI – KHÁC của con trai. Con gái là sự chứng thực một cách trực quan về lý luận sự tồn tại của con trai với tư cách là con trai và ngược lại . Vì vậy, bản lĩnh tinh dục buộc mỗi yếu tố của quan hệ phải cư xử theo một tính tất yếu triết học như nhau. Đó là *nguyên lý bình đẳng* trong giao lưu tinh dục. Bản lĩnh tinh dục sẽ thể hiện tính bình đẳng đó ở cả hai nhân vật trong giao lưu. Mỗi cá nhân trực quan của thể thống nhất ấy là một CHỦ THỂ, để cho cá nhân kia thành ĐỐI TUƠNG. Quá trình giao lưu tinh dục vừa *tạo ra* (từ phía đối tượng) vừa hưởng thụ (từ phía chủ thể) khoái cảm nhục dục. Người ta chỉ có thể hưởng thụ những gì được tạo ra. “Những gì” này một cách trực tiếp thường từ phía *cơ thể* đến. Nhưng nguồn cung cấp ấy sẽ gặp phải một giới hạn rất hẹp.

Sức của bạn liệu gánh được bao nhiêu kg? 50?, 60? 100? Thôi, cứ cho là 1.000kg – thì đã đáng là bao! Ấy là chưa kể người nai lưng ra gánh ấy chỉ có thể cầm đầu cầm cổ gánh, trên dọc đường đi không còn hơi sức đâu mà ngắm phong cảnh, mây trời, người đời...

Còn gánh bằng... ô tô, tức là bằng văn hoá người, thì bạn thấy đấy...

Đời sống hiện thực có nguyên lý của nó. Nguyên lý ấy biểu hiện như thế nào trong sản xuất, trong điều kiện sinh sống thường ngày thì cũng biểu hiện như thế ấy trong giao lưu tinh dục. Sức mạnh tự nhiên của cơ thể tạo ra không bao nhiêu khoái cảm nhục dục, so với sức mạnh có thể có từ văn hoá. Hưởng thụ khoái cảm cũng theo một

Trường hợp giao lưu tinh dục đồng giới tính thì quan hệ đó chỉ bị xuyên tạc về hình thức biểu hiện.

tương quan ấy. Không có giới hạn cho sự phát triển văn hoá người, thì chỉ có văn hoá ấy mới tạo ra những khoái cảm vô hạn, kể cả khoái cảm nhục dục, và như thế cũng là nguồn cung cấp vô hạn cho sự hưởng thụ *một cách văn hoá* những gì được tạo ra.

Từ khi tách ra, giác quan thứ sáu (mặc dù vẫn đặt trụ sở tại chỗ ấy) có một sự phát triển độc đáo dưới tác động của văn hoá. Sự phát triển này làm cho giác quan nhục thể nhạy cảm hơn, có sức chứa khoái cảm lớn hơn, do đó, tạo ra nhu cầu cao hơn về hưởng thụ. Cụ thể, từng tí một, lịch sử dần dần tạo ra một *chất mới* về khoái cảm và một *năng lực mới* về hưởng thụ.

Ăn thịt chín là bước tiến khổng lồ trong quá trình tiến hoá của người. Có thể nói CÁCH ăn ấy tạo ra một CHẤT mới so với cách ăn thịt sống của thú vật.

Cách ăn thịt chín ngày càng *phân hoá* cụ thể hơn. Món ăn chat to kho mặn so với món ăn tinh tế không khác nhau bao nhiêu về chất sinh hoá, nhưng khác nhau cơ bản về CHẤT VĂN HOÁ. Chất này phụ thuộc vào nhiều nhân tố văn hoá khác, mà hiệu quả không thể tính bằng số học được. Ăn vào lúc nào, đang đói hay no, ăn với ai, bằng những dụng cụ gì. Cầm đầu cầm cổ ăn, hay vừa ăn vừa nghe nhạc. Xoet một cái ăn xong, hay ăn từ tốn nhắm nháp.

Tôi không thấy chỗ khác biệt nào gọi là có giữa giao lưu văn hoá và giao lưu tình dục. Ở đây cái quyết định là môi quan hệ giữa hai người. Nói một cách tuyệt đối, KHÔNG CÓ quan hệ nào chỉ có hai người với nhau, trực tiếp, thuần khiết. *Xen giữa hai người là văn hoá*. Bản lĩnh cá nhân trong giao lưu được đo bởi thái độ đối với *quan hệ* ấy và đối với cả *vật trung gian* cho quan hệ ấy. Bữa cơm là vật trung gian. Lam trung gian có thể là một bó hoa, một quả tặng, một lời chào, một cái bắt tay... Tôi không tin là có điều kiện ngặt nghèo cầm lấy *bàn thân cơ thể* ra làm một vật trung gian như thế.

Con người là thực thể duy nhất có thể lay cơ thể của chính mình làm *đối tượng* cho ý thức của mình, cũng như làm *phương tiện* cho hoạt động của mình. Đó là lúc *ý thức* tự tách ra khỏi cái tồn - tại khác của mình (là cơ thể) và cư xử với nó như một cái tồn tại tự nhiên, ở bên ngoài mình.

Mại dâm là trường hợp cực đoan lấy cơ thể làm phương tiện, tức là cơ thể không phải tồn tại cho chính mình (như một mục đích) mà phục vụ cho một mục đích khác. Trong trường hợp ấy, người hưởng thụ cũng đem thân mình làm một phương tiện. Một sự trao đổi, hai bên cùng có lợi. Ở đây bản lĩnh tình dục mang tính chất phiến diện và bị xuyên tạc, vì mục đích mỗi bên một khác, không như trong trường hợp đồng nhất về mục đích mà trường hợp *cực đoan* là tình yêu. Giao lưu tình dục trong tình yêu là biện pháp để cho mình tìm lại mình (hay tìm thấy mình) ở mặt đối lập của mình. Mỗi bên nhận cái mình cho (mà khoái cảm nhục dục là mục đích chung). Ở đây không có trao đổi mà chỉ có giao lưu, khoái cảm nhục dục không phải là gì khác ngoài sự tồn tại cảm tính của tình yêu. Tình yêu có nhu cầu bộc lộ bản thân mình dưới các hình thái trực quan, vật chất, nhục thể: sự hiện diện, sự gần gũi biểu trưng cho sự đồng nhất trong lý tưởng của tình yêu. Còn sự đồng nhất thực sự sẽ được thực hiện một cách độc đáo ở giao lưu tình dục. Xu hướng mà nhất thiết tình yêu phải đi đến là sự đồng nhất ấy, ở đó cả hai chỉ còn là những nhân tố đối lập của một thể thống nhất, là cái tồn-tại-khác của Tình yêu. Chỉ trong hoàn cảnh ấy mới thực hiện được nguyên lý cơ bản của giao lưu tình dục là *binh đẳng* – cùng tạo ra và cùng hưởng thụ cái được tạo ra. Bản lĩnh tình dục không phải thể hiện ở một cách trực tiếp ở quá trình nhục thể đang triển khai, mà ở bản chất văn hoá, ở ý thức của nó. Tất nhiên, không có ý thức nào chỉ là ý thức mông lung đầu óc – nó phải tạo ra cho nó một tồn tại cảm tính, hiện thực, vật chất.

Như những đám tinh vân rải rác, phân tán trong vũ trụ, sẽ được Thượng đế vo lại thành các hành tinh, rồi đặt lên đây các

thực thể vô cơ và hữu cơ. Ý thức về tính dục cũng vậy. Nếu chưa được vo lại, thì cũng chỉ là chưa kịp vo lại. Tàn mạn nhất là ý thức mơ hồ, xa thẳm về một sự giao lưu (nói chung, trừu tượng) với giới bên kia. Cuộc đời sẽ “vo” nó lại cho đông đặc hơn, định hình hơn thành một ý hướng, rồi thành một ý định, chẳng bao lâu thành một khát vọng, một sự “xúi giục”. Sự kiện này nhiều người gọi là “bản năng tính dục” được “vô thức” (có người nói lấp lờ - “dưới ý thức”) giắt dây, xúi bẩy. Thục ra...

Xu hướng tiến hoá của tính dục, năng lực và phẩm chất của nó *được hình thành* trong đời sống thường ngày cùng với sự hình thành ý thức. Nó là một quá trình tự nhiên, có ngày, có tháng.

Một đứa bé sinh ra là một thực thể trừu tượng. Nó có tất cả mà cũng chưa có gì cả. Cuộc sống sẽ làm cho nó phân hoá, bằng cách “phiến diện hoá”. Một hôm nó biết mình là con gái. Nhưng ý - thức - con - gái đích thực là một thành tựu muộn hơn nhiều. Bây giờ, đang ủ trong một cơ thể còn non mềm, nó là một ý - thức - con - gái đang ngái ngủ. Sự trưởng thành bột phát ở một thời điểm sau đó (theo luật tiến hoá tự nhiên) sẽ làm rung động toàn bộ cơ thể, đánh thức năng ý - thức - con - gái dậy. Nàng vươn vai đứng lên và nhận ra một cuộc vật lộn vật chất ở BÊN TRONG cơ thể nhục thể. Một ý - thức - con - gái chính cống, tỉnh táo, đứng ra phân xù. Tinh huông đó buộc Nàng phải vượt cao lên khỏi cuộc vật lộn vật chất kia và tỏ thái độ dứt khoát: ủng hộ bên này, đàn áp bên kia. Cuộc vật lộn vật chất bao giờ cũng đẻ ra một sức mạnh vật chất. Sức mạnh vật chất hơn ai hết có ý thức về chính mình (mặc dù không tuyên bố công khai bằng lời). Nhưng sức mạnh vật chất người chỉ là một biểu hiện vật chất của ý thức, chứ không phải cái đối lập tuyệt đối với nó. Vấn đề chỉ còn là ở đâu ra cái ý thức ấy? (chứ không phải có hay không).

* Sự phân biệt vật chất - tinh thần một cách đối lập chỉ có một giới hạn rất mỏng manh và thực ra chỉ có trong lý luận thôi.

Ý thức được hình thành TRONG mỗi cá nhân. Nhưng nó có nguồn gốc ở NGOÀI cá nhân. Ý thức trong mỗi cá nhân chỉ là sự tái sinh của ý thức xã hội trong cá nhân, một thành tựu tự nhiên của đời sống cá thể.

Freud không lý giải nổi hoàn cảnh có sự *xung đột* giữa cái ông gọi là CÁI ẤY với cái ông gọi là SIÊU TÔI. Bí quá ông lấy CÁI TÔI ra dàn hoà.

CÁI ẤY được nuôi bằng dục năng (libido) CÁI SIÊU TÔI là ý thức xã hội, là sức ép của toàn xã hội lên mỗi cá nhân. CÁI TÔI có khi khuyên bên này nhân nhượng bên kia, còn thường thì theo cái SIÊU TÔI mà đàn áp CÁI ẤY.

Chống lại sự vung vẩy tự nhiên của khát vọng cơ thể, dồn nó (= CÁI ẤY) vào trong cái hũ (= CÁI SIÊU TÔI) nút lại. Đó là hành vi của ý thức cổ truyền, vào lúc lịch sử đang có tình trạng THA HOÁ (hiểu theo nghĩa mác-xít). Nhưng đã có tha hoá (nghĩa của Hegel) thì có tước bỏ tha hoá (nghĩa của Hegel)¹. Khi đứa trẻ có được ý - thức - con - gái, trong thể đối lập với ý - thức - con - trai, nó chỉ mới ở trình độ vượt ra khỏi trạng thái nguyên thủy, xoá bỏ trạng thái trừu tượng ban đầu (là đứa bé con). Nhưng bước tiến hoá tất yếu của quá trình phát triển là “tìm lại” (hoặc trở lại) thể thống nhất đích thực của nó. Đó là thời điểm ra đời ý - thức - đàn - bà, nảy sinh từ thể thống nhất với đàn - ông: Lúc ấy nó tự xoá bỏ trạng thái phiến diện cục bộ (là con gái) như một nấc thang *trung gian* của tiến trình phát triển. Ý - thức - đàn - bà phản ánh trình độ phát triển đạt đến hình thái chính thức của đời sống cá thể người, giống như cái cây bắt

¹ Các bạn chưa quen dùng thuật ngữ này của Hegel cũng như chưa quen các nút ấn trên một cái đài thu thanh thôi. Ấn xuống lần thứ nhất, rồi ấn ‘hèm một lần nữa, thì ta trở về trạng thái ban đầu. Chỉ có sự sai khác duy nhất này: hai trạng thái ở hai tầm lịch sử khác nhau của tiến trình phát triển người... Thuật ngữ tha hoá (mác-xít) có thể thay bằng thuật ngữ lao động nếu nói về mặt tích cực thì nó là sự từ bỏ cái vốn có. H.N.D.

dầu bôi. Cây sẽ sum sê hơn, nhưng nó đã trải qua bước phát triển trung gian quan trọng nhất, bây giờ điểm tinh sống trong trạng thái chính thức ấy với tất cả những nét độc đáo của riêng nó.

Các trình độ tiến hoá của ý thức xưa nay vẫn có và mãi mãi vẫn còn. Nhưng không phải cá nhân nào cũng có ý thức về chuyện đó, cho nên họ xử sự một cách tự nhiên (và vì vậy mà phù hợp với thực trạng lịch sử) như bất cứ luật “bù trừ” tự nhiên nào khác.

Thời kỳ tha hoá của lịch sử đã xuyên tạc bản chất con người. Nó đánh tráo mọi giá trị văn hoá. Trong hoàn cảnh ấy, người ta tưởng cái gì trái với tự nhiên là hợp đạo đức. Bản lĩnh tinh dục, do đó, được hiểu như là dám cưỡng lại sự xúi giục của khoái cảm nhục dục, dám cưỡng lại nhu cầu muốn giao lưu tình dục. Cách tư duy ấy trở nên phổ biến trong một đời sống *trì trệ*, khi một này được coi như chuẩn mực TRÊN THỰC TẾ cho một kia, như người già làm chuẩn mực cho người trẻ. Mở rộng thêm, cái siêu tự nhiên làm chuẩn mực cho cái tự nhiên, cái siêu phạm làm chuẩn cho cái phạm tục gắn liền với đời sống nhục thể của con người. Đó là xu hướng vượt ra khỏi cái phạm tục, vươn cao hơn cái tự nhiên, vượt lên cái thường ngày – xu hướng ấy thực sự lạnh mạnh, nếu không phải vượt ra bằng *ảo tưởng*, một cách hình thành “thuần tụy”. Đời sống phạm tục bao giờ cũng là cơ sở của lịch sử, là mặt bằng văn hoá người. Người ta chỉ có thể vượt lên khỏi cái phạm tục bằng *sức mạnh phạm tục*. Ngôi nhà văn hoá bao giờ cũng xây một cách phạm tục. Nói một cách tuyệt đối, bất cứ trạng thái phạm tục nào của đời sống hiện thực cũng có ý thức tương xứng của nó, mặc dù người ta có ảo tưởng vượt ra khỏi đó.

Ông thầy tu không dám giao lưu tình dục, thì dầu ọc ông ta KHÔNG THỂ vượt cao hơn trạng thái mà ông ta hình dung về giao lưu tình dục, nghĩa là không thể vượt khỏi cái mà ông ta muốn vượt ra. Cứ xử như vậy chứng tỏ ông ta không có bản lĩnh!

Bản lĩnh tinh dục là cách cư xử phù hợp với bản chất tinh dục.

Thấp hơn nó, cao hơn nó - đều là không phù hợp. Thờ ơ hay lạm dụng - đều không phù hợp. Cư xử phù hợp với bản chất sự vật là một hành vi *nghiêm túc, có văn hoá*. Ngược lại, cư xử không có văn hoá là *nhảm nhí*, trái đạo lý thường tình, thiếu văn hoá.

Người ta thường nhầm lẫn các *chuẩn mực* trong cuộc sống và do đó cư xử không công bằng. *Cư xử một cách nghiêm túc* bên cạnh người tinh là thế nào? Bạn hình dung nó thế nào thì trình độ văn hoá của bạn nghiêm túc thế ấy.

Nghiêm túc là cách tự diễn đạt cách cư xử phù hợp với phạm trù, chứ không theo một chuẩn mực nào khác. Trong giao lưu tính dục, với phạm trù thứ nhất, cư xử nghiêm túc nhất là *thụ thai*. Còn với phạm trù thứ hai – có khoái cảm nhục dục.

Người ta kể lại một tai hoạ về chuyện nghiêm túc gây ra. Mãi sau này theo đề nghị của phái nữ, Thượng đế mới phân công lại, coi như một sự “sửa sai”: Người mẹ đã chịu mang thai nặng nhọc, thì khi sinh người cha phải chịu đau. Hai bên cùng thoả thuận. Thượng đế cũng yên lòng. Thế rồi ngay lần sinh đờ, ông hàng xóm xóm Đông kêu đau, lần tiếp theo, đến lượt ông xóm Đoài, rồi ông xóm Nam. Thương ông xóm Bắc, người mẹ viết đơn trình Thượng đế, từ nay xin chịu lấy tất cả. Thượng đế nghĩ bụng: ừ, ầu cũng là nó tự nguyện trả món nợ hưởng thêm (ngoài phạm trù – HNĐ) trước đó, bèn chấp nhận sự biết điều ấy.

Bản linh tính dục gắn liền với phạm trù thứ hai. Từ khi phát hiện cơ chế thụ thai, thì phạm trù thứ hai được tách ra một cách *độc lập*, không còn tính chất ngẫu nhiên nữa. Còn trong thực tế, phạm trù ấy có cùng một lịch sử với phạm trù thứ nhất. Ví dụ, mại dâm là hiện tượng có từ lâu. Trong chế độ nô lệ, “những nữ nô lệ trẻ, đẹp đều thuộc về *người đàn ông* cả về tâm hồn lẫn thể xác”³². Thậm chí còn cả trường hợp “người nào thích vợ bạn cũng có thể cùng bạn san

³² Ph. Ang-ghen. Xem ¹⁷, tr. 99.

sẽ người vợ đó; và người ta cho rằng đem vợ mình trao cho một “con ngựa đực” khoẻ mạnh (như lời Bi-smac nói) là một việc làm lịch sử³³. Chẳng chịu thua, “mặc dù bị cấm cung và bị giám sát chặt chẽ, phụ nữ Hy Lạp thường thường vẫn tìm được dịp để lừa dối chồng”³⁴. Đó là những câu chuyện xa xưa vài ba ngàn năm trước. Hồi ấy, mục đích của quan hệ tính giao là sinh đẻ, hơn nữa phải đảm bảo con cái sinh ra có cha đẻ rõ ràng, không thể tranh cãi được (để thừa hưởng tài sản của cha), nhưng đã bị mục đích khoái lạc chen vào, đến nỗi sau này “điều 212 trong *Code Napoléon* (Bộ luật Na-pô-lê-ông) đã quy định: L'enfant conçu pendant le mariage a pour père le mari”³⁵. Như vậy từ đầu quan niệm chính thống coi phạm trù thứ nhất là chuẩn mực và hợp pháp, dù có khi chỉ là một cách hình thức. Mặt khác, tình hình đó cũng cho thấy bản lĩnh tính dục của phạm trù thứ hai - từ thời “bất hợp pháp” nó đã tồn tại cho đến ngày nay, chứng tỏ nó có sức sống. Mà có thật! Đến như người ta nhốt nó (= CÁI ẤY) trong cái hũ (= CÁI SIÊU TÔI) rồi đút nút lại, thì cũng như các bà ở quê cất giữ hạt giống. Một sự sống tiềm tàng đang say giấc nồng. Đến mùa, đem gieo, nó lại nhanh chóng nảy mầm, phát triển.

Hàng ngàn năm, hàng vạn năm, và lâu hơn nữa, phạm trù thứ nhất không hề mòn đi chút nào về *uy quyền, chức năng* và *khả năng*. Nhưng lịch sử văn hoá ngày càng công khai bệnh phạm trù thứ hai, thủ thi xúi nó đừng chịu mãi cái thân phận “vụng trộm”, “bất hợp pháp”, luôn luôn nằm dưới chiếc roi dư luận mà phạm trù thứ nhất đang nắm. Nói vậy thôi, mọi sự xúi bẩy, khuyến răn, cũng như lòng tốt, sự thương cảm, đều ở NGOÀI phòng ngủ, mà có vào được thì thật ra chẳng có được bao năm sức mạnh vật chất. Bản lĩnh tính dục là một bản lĩnh vật chất, được vũ trang một cách vật chất,

³³ Ph. Ăng-ghe-n. Xem ¹⁷, tr. 99.

³⁴ Dựa con thụ thai trong thời gian kết hôn thì cha nó là người chồng.

³⁵ Dẫn theo Ph. Ăng-ghe-n. Xem ¹⁷, tr. 107.

nhờ đó có đủ sức mạnh vật chất để giành một thắng lợi vật chất. Chỉ sau đó, sự thắng lợi vật chất ấy tự khoác vào mình vòng nguyệt quế tượng trưng cho chiến thắng tinh thần.

Bản lĩnh tinh dục là một sự kiện lịch sử, bị quy định bởi những nhân tố xã hội – kinh tế, do đó, bởi trình độ văn hoá đương thời, tức cũng là bởi đời sống phạm tục, nên bản lĩnh tinh dục có *tầm cỡ toàn xã hội*.

Nhiều người những tưởng là có thể vượt cao hơn đời sống phạm tục. Không bao giờ có chuyện đó! Cuộc sống là một tảng liền, cả vật chất lẫn tinh thần với một sức mạnh bản chất của nó. Làm ăn sinh sống ra sao, người ta suy nghĩ như thế ấy. Mọi quan niệm đều là con đẻ máu thịt của cuộc sống phạm tục ấy. “Theo nguyên lý thì một người bốc vác khác một nhà triết học ít hơn là con chó giữ nhà khác con chó săn”³⁶. Có thể hiểu theo đúng nghĩa đen câu đó của Mác.

Một cuộc sống phạm tục thô sơ, đơn điệu, thì tất cả *mọi bản lĩnh* của người đời đều đơn điệu và thô sơ. Có thể người này nhỉnh cao hơn người khác nhiều ít, nhưng về nguyên lý thì cũng vẫn một ấy thôi.

Mấy ngàn năm trước, tư duy loài người nói chung đã có bản lĩnh siêu hình vững chắc định hình, thì tư duy biện chứng còn là một mầm mống rất mong manh. Tình trạng này chỉ là sự chứng thực về mặt tinh thần sự thống trị độc tôn của nền sản xuất đương thời, đặc biệt là *phương pháp* sản xuất. Sau này, sự thắng lợi của đại công nghiệp trong đời sống phạm tục phải tạo ra sự thắng lợi cho phương pháp tư duy của nó – phép biện chứng. Nhưng đó là sự thắng lợi triết học và xác lập *vai trò lịch sử* của một phạm trù đã phát triển đến độ chín muồi. Nó không thù tiêu bất cứ thành tựu nào của quá khứ. Chỉ có điều, nó chỉ cho những thành tựu đó đóng

³⁶ C. Mác. Xem²⁹, tr. 148.

những vai phụ trên sân khấu đương thời. Như vậy, nếu về mặt triết học, tất cả các phạm trù đều tất yếu như nhau, thì vai trò lịch sử của chúng lại khác nhau, mặc dù trên thực tế chúng vẫn tồn tại BÊN CẠNH nhau.

Sức mạnh tư duy cũng là sức mạnh của ý thức. Sức mạnh ý thức tạo ra bản lĩnh tinh thần. Bản lĩnh tinh thần chỉ là hình thái tinh thần của bản lĩnh vật chất. Bản lĩnh vật chất là cái cốt tủy của đời sống phẩm tực. Nói tóm lại, “bản thân quá trình tư duy lớn lên từ những quan hệ nhất định, nên chính bản thân nó là một *quá trình tự nhiên*”³⁸. Trình độ tư duy được biến đổi một cách tự nhiên tùy theo trình độ chín muồi của các quan hệ hiện thực, một cách tự nhiên, kể cả quan hệ tính giao. Không phải người ta muốn hàm hồ thế nào cũng được, bất chấp các mối liên hệ hiện thực của các quan hệ ấy. Nhưng, “một khi người ta nắm được mối liên hệ của sự vật thì tất cả lòng tin lý luận ở tính tất yếu thường xuyên của những trật tự đang tồn tại sẽ sụp đổ ngay trước khi những trật tự đó sụp đổ trong thực tiễn”³⁹. Nếu không nắm được bản chất của sự vật trong vận động thì, như Mác nói, “khoa học để làm gì?”. Khoa học không tin vào một cái gì vĩnh viễn, thường xuyên, dù nó tồn tại đã hàng nghìn năm rồi. Cho nên những ai cúi rạp trước cái bề ngoài của sự vật thường chỉ biết đọc một phương thức *kéo dài về mặt lịch sử* của cái đang tồn tại, mà không thấy được sự sụp đổ của nó đã xảy ra trong triết học và nay mai sẽ xảy ra một cách thực tiễn trong lịch sử. Quan niệm về giao lưu tính dục cũng ở trong cùng một hoàn cảnh ấy. Xin hãy trở lại một lần nữa cái thuở đầu, khi bản lĩnh tính dục chỉ xoay quanh việc sinh đẻ, tức là tạo ra cơ thể nhục thể con người, thì phải coi nó là một sự kiện *thiênց liêng*. Thiênց liêng chỉ vì nó tạo ra cơ thể con người, chứ không phải ở những ảo tưởng và định kiến gắn liền

^{38, 39} C. Mác - *Thư gửi Kugelmann* ngày 11/7/1868, in trong *C. Mác và Ph. Ăngghen. Tuyển tập*, 2 tập, T. II, ST, 1971, tr. 564.

với nó. Và một khi cái thiêng liêng ấy được bao toàn nguyên vẹn (một cách chắc chắn trần gian) thì người ta có thể cư xử với chuyện ấy tinh táo hơn, không bị những định kiến cổ truyền dân áp.

Chúng ta đứng trước một tình trạng là phạm trù thứ nhất vốn mang theo tư giới động vật, và ngay từ thời đó đã đạt đến trình độ chín muồi chính thức (với đầy đủ những nét độc đáo của riêng nó), thì nó sẽ như thế nào ở một trình độ tiến hoá cao hơn? - Tất nhiên, sẽ không còn những biến động về chất nữa. Nhưng nó là *cơ sở vật chất* để cho bản lĩnh tính dục từ bản lĩnh loài chuyển dần sang bản lĩnh cá nhân, cá thể. Mỗi bước tiến lên của quá trình này sẽ xác định rõ hơn xu hướng của nó, nghĩa là định hình dần bản chất của nó. Đó cũng là quá trình tạo ra sức mạnh mới mà sau này sẽ đủ sức kinh địch với những sức mạnh cổ truyền, cho đến khi giành được *vai trò chủ đạo* trong cuộc sống.

Quá trình hình thành và phát triển của bản lĩnh tính dục cá nhân gắn liền với vai trò của phụ nữ trong giao lưu tính dục. Về chuyện này Phu-ri-ê (Fourier, người Pháp, 1772-1830) là người sớm có ý kiến về quan hệ nam nữ, trong đó ông nhấn mạnh: trình độ giải phóng phụ nữ là thước đo tự nhiên của sự giải phóng chung. Ông chống lại những hình thức tư sản đối với quan hệ tính giao này. Người đương thời của ông, Heghen (Hegel, 1770-1830) cũng bàn đến chuyện này. Ông dành ra 5 mục (từ mục 367 đến mục 372) của *Bách khoa toàn thư triết học* với 34 trang nói về quá trình loài, quan hệ tính giao của loài và cá thể³⁹. Muộn hơn một chút, Phoi-bac (Feuerbach, 1804-1872), có hẳn triết học về tình yêu, mà là tình yêu nhục dục, coi như một tôn giáo. Ông là người dám xóa bỏ sự phân biệt đàn ông với đàn bà quyền bình đẳng hưởng hạnh phúc. Theo ông, xã hội đương thời (tư sản) đã tước đoạt của người ta quá nhiều rồi, may ra còn lại một

³⁹ Hegel. *Bách khoa toàn thư triết học*, tập II. Bản dịch tiếng Nga. M., Nxb Tư tưởng, 1975.

chút quan hệ tình cảm đó! Vâng, chẳng có lý gì lại làm cho cái chút xíu ấy ít thêm nữa. Điệp khúc của ông là hãy yêu nhau đi, hãy ôm hôn nhau đi, không cần phân biệt địa vị! Tiếp đến Mác và Ăng-ghe-n cũng bàn về tình yêu, về quan hệ tình giao. Đó là những người của thế kỷ 19. Thế kỷ ấy cũng để lại một nhân vật độc đáo, mà tiếng xì xào không ít hơn tiếng khen: Freud (Freud, 1856-1939). Freud nghiên cứu chủ yếu là bản lĩnh tình dục của cá nhân.

Mãi đến 1921, chừng 30 năm sau khi công bố lần đầu công trình về tâm lý học phân tâm, ông đưa ra một giả thuyết về cấu trúc và vận hành của cái tinh thần (Esprit). Cấu trúc có 3 phần: 1- cái ẤY, 2- cái TÔI và 3- cái SIÊU TÔI. Cái ẤY là do di truyền, chứa hạt nhân dục năng (libido) với những kích động hỗn loạn không ăn nhập gì với nhau và với bên ngoài. Cái TÔI có trách nhiệm chọn lọc, kiểm soát, điều hoà những xu hướng của cái ẤY, gạt bỏ hoặc điều chỉnh những cái chống đối với thực tế bên ngoài. Cái SIÊU TÔI đại diện cho bộ luật của xã hội ở trong mỗi cá nhân. Đó là thành tựu cuối cùng mà tinh thần cá thể đạt được.

Trong lý thuyết của Freud, cái TÔI về mặt đối nội - phải biết cai quản được những kích thích nhục dục. Về mặt đối ngoại - liệu bề mà cư xử với thực tế bên ngoài. Kết quả là dung hoà, giữ được trạng thái cân bằng. Giúp việc cho cái TÔI là bộ máy vận động và những trung tâm chức năng ở não. Với một vai trò quan trọng như thế, cái TÔI luôn luôn cơ động, chống lại trạng thái trì trệ (đã tự động hoá) cũng như ngăn ngừa cả những phản ứng quá đồng đánh, để có được giải pháp kịp thời và có hiệu quả.

Những điều tôi vừa thuật lại, thực ra, chẳng có được bao nhiêu giá trị lý luận. Điều mấu chốt không phải thừa nhận hay không thừa nhận sự tồn tại của cái TÔI, mà có thừa nhận hay không *mâu thuẫn thường xuyên* giữa những kích động bản năng (ví như sức mạnh của phản ứng dây chuyền nổ hạt nhân libido) và sự trấn áp

của xã hội. Freud mặc nhiên thừa nhận mâu thuẫn không điều hoà nổi ấy. Đó là điểm *non kém thứ nhất*. Lý do: Ông không xuyên tạc sự thật, cũng không bịa ra, ông cảm nhận được sự kiện ấy trong xã hội tư sản, nơi chung là xã hội tha hoá, khi lợi ích cá nhân mâu thuẫn với lợi ích xã hội. Nhưng giải quyết mâu thuẫn ấy, ông chỉ trông cậy vào cái TÔI. Làm sao nổi! Vấn đề là cải tạo toàn bộ đời sống xã hội, do đó, làm biến đổi các quan hệ hiện thực giữa các cá nhân và cuối cùng, làm biến đổi các quan niệm cổ truyền về những tồn tại ấy.

Điều thứ hai, Freud không vượt ra khỏi quan niệm mơ hồ về di truyền động vật và sự sống người, từ đó không thấy được vai trò các quy luật sinh lý của con vật và của người. Sức mạnh sinh lý (do libido sản sinh ra) chẳng đáng là bao. Nói chung sức mạnh bản năng là cực kỳ hạn chế. Thế mà con người ngày càng có nhu cầu lớn hơn, vô hạn. Freud cảm nhận được nhu cầu ấy và nghĩ rằng dục năng (libido) hay cá nhân nói chung bị kìm hãm bởi những thể chế xã hội, bởi định kiến xã hội. Trong khi đó, vấn đề thực ra là ở chỗ phải dùng *sức mạnh văn hoá* mà tạo ra sức mạnh nhục thể của cá nhân, tức là dùng sức mạnh của toàn bộ lịch sử loài người để tạo ra sức mạnh ở mỗi cá nhân.

Điều thứ ba, nếu thừa nhận có 3 nhân tố, thì vai trò của một nhân tố này *tất yếu* ngang với vai trò của mỗi nhân tố còn lại. Mỗi nhân tố ấy có quy luật vận động của *riêng nó*. Cái TÔI không thể *bao hàm* cái ẤY. Cái SIÊU TÔI không thể bao hàm tất cả. Như vậy, lý thuyết này mâu thuẫn về logic. Thừa nhận có 3 nhân tố (thực sự, chính công) khác nhau về chất thì không chỉ ra được quy luật vận động *đặc thù* của mỗi nhân tố. Nếu thừa nhận các cung bậc khác nhau của một thể đồng chất, thì không chỉ ra sự chuyển hoá *lẫn nhau*. Tóm lại, đó là một lý thuyết siêu hình có thể thuyết phục được nhiều người quen tư duy trực quan. Nhưng nhiều lắm Freud chỉ có *sở học về tính dục* tức là gom góp lại những nhận xét chính xác, có

thực về những biểu hiện tính dục (lành mạnh và bệnh hoạn), chứ không đạt đến một quan niệm biện chứng về tính dục, điều đó đồng thời cũng có nghĩa là lý thuyết tính dục của Freud chỉ mới là cách đặt ra vấn đề, chứ tuyệt nhiên KHÔNG phải là cách giải quyết. Tất nhiên, riêng một việc làm ấy cũng đã rất xứng đáng với một cái tên riêng Freud rồi!

3 - CÁ NHÂN - GIA ĐÌNH - CỘNG ĐỒNG

Vấn đề giao lưu tình dục, khoái cảm nhục dục, không phải chỉ là vấn đề cá nhân. Mà cho dù như thế, thì cách giải quyết cũng không thể chỉ tìm kiếm trong các cá nhân. Để bạn đọc dễ theo dõi, tôi nói ngay nơi tìm kiếm. Có ba: 1- Cá nhân, 2- Gia đình, 3- Cộng đồng (xã hội).

Phòng xa, tôi xin nói ngay những nhầm lẫn thường tình, đại loại như cho rằng các cá nhân làm thành gia đình, các gia đình làm thành các cộng đồng lon be. Cá nhân là đơn vị nhỏ nhất, còn đơn vị lớn nhất là quốc gia hay là quốc tế. Quan niệm như vậy là coi 3 phạm trù *đồng chất*. Thực ra không phải. Cá nhân A và cá nhân A trong gia đình G là *khác nhau*, mặc dù một cách trực quan ta biết gia đình G gồm các cá nhân A, B, C.

Cá nhân A với tư cách là cá nhân tồn tại và phát triển theo quy luật đặc thù của cá nhân, thuộc phạm trù cá nhân. Còn cá nhân A trong gia đình G thì tồn tại như là một *yếu tố* và chịu sự tác động của phạm trù gia đình G.

Cô A và cậu B vốn là hai cá nhân, với tư cách ấy họ đồng chất, chỉ khác biệt ở tính đơn nhất thuộc cái phổ biến cá nhân.

Nếu cô A và cậu B lấy nhau, lập thành gia đình G, thì cùng một lúc xảy ra hai sự kiện: 1- Cả A lẫn B đều bị phủ định và 2- Sự hình thành một *thực thể mới*, với tư cách cái tồn-tại-khác của phạm trù G. Tình hình nay giống như Oxy và Hydro với tư cách hai *nguyên tố*, thì thuộc phạm trù nguyên tố. Còn nước (H₂O) là một thực thể mới, trong đó không còn nữa nhưng

thuộc tính riêng rẽ của các nguyên tố. Chúng bị phù định. Từ nay chúng theo quy luật vận động của nước, hoàn toàn khác quy luật vận động của H và của O với tư cách là các nguyên tố xưa kia.

Trong đời sống xã hội, với tư cách là các thực thể trực quan, vật chất, cơ thể nhục thể, thì không khác nhau bao nhiêu giữa cô A trước đêm tân hôn với cô A sau đêm đó. Nhưng sự sút mẻ nào đó, thực ra, chỉ có một giá trị *tượng trưng* cho một sự *biến đổi về chất*. Tai họa sẽ xảy ra khi trong gia đình, cô A vẫn là cô A ấy và cậu B vẫn là cậu B ấy. Lúc ấy chỉ có *số học về cá nhân*, chứ không có được thực thể mới cho một phạm trù mới. Lễ cưới, đêm tân hôn, v.v... chỉ là những thủ tục ở bên ngoài bản thân sự vật (có hay không có những thủ đó, bản chất của vấn đề không hề suy chuyển).

Ngược lại, những thuộc tính, sự tồn tại và phát triển của gia đình G không phải do A và B góp lại theo nguyên tắc số học. Phạm trù gia đình G có những thuộc tính không có ở các cá nhân A và B riêng rẽ.

Khi nghiên cứu gia đình với tư cách một phạm trù triết học thì phải nghiên cứu sự nảy sinh, hình thành và phát triển của nó. Đó là cách làm của Ăng-ghe-n. Nhưng đồng thời cũng có thể nghiên cứu theo phương pháp logic. Thực ra thì cũng là một thôi. Cái gì mở đầu trong lịch sử thì cũng mở đầu trong logic (Hegel). Nhưng nếu vạch ra *cấu trúc logic* của phạm trù và cơ chế vận hành của nó, thì mới có thể kiểm soát nó một cách thực tiễn.

Sự hình thành và phát triển của gia đình phải giả định (để có cái mà làm việc) đã có tiền đề để hiện thực là các cá nhân A và B. Trong thực tiễn lịch sử, còn phải giả định là các cá nhân đã phát triển đến một chừng mực nào đó. Lúc ấy, một mặt tiếp tục sự phát triển của cá nhân A theo phạm trù cá nhân, mặt khác, nảy sinh những mầm mống đầu tiên của phạm trù G ở tại *yếu tố* A (chứ không phải cá nhân A).

Từ nay sự phát triển của A với tư cách là yếu tố của G thì có xu hướng *chủ đạo* thuộc phạm trù G. Đồng thời, A vẫn phải tiếp tục tồn tại và hoàn thiện theo logic của phạm trù cá nhân A. Như vậy, trên thực tế, một mối liên hệ phức tạp giữa cái vừa *nảy sinh* (cùng với sự nảy sinh của phạm trù G) với cái vừa *tiếp tục* (theo logic đã được xác lập trong phạm trù cá nhân). Sự bất hạnh của một gia đình (tức cùng là của các cá nhân thuộc gia đình ấy) là do sự phức tạp của mối liên hệ này sinh ra, trong trường hợp mỗi cá nhân (cũng là mỗi yếu tố cấu thành gia đình) không bị ràng buộc bởi bất cứ phạm trù nào, nghĩa là sẽ cư xử KHÔNG phù hợp với bất cứ phạm trù nào. Nói cách khác, bất hạnh chỉ có nghĩa *không phù hợp* với phạm trù chủ phối mình. Tình trạng ấy càng trở nên tồi tệ hơn trong hoàn cảnh lịch sử biến động nhanh và sự phân hoá các phạm trù càng rõ rệt hơn.

Lịch sử không bắt đầu từ Adam và Eva. Khi vượt người chuyển thành Người thì không phải chỉ có những cá nhân lẻ tẻ và định hình - phải trải qua một quá trình vận động lâu dài và trật tự, thì mới có được cả một phạm trù người (chứ không phải từng cá nhân, từng cặp).

Phạm trù người trong thế đôi lập với phạm trù động vật và với phạm trù thiên nhiên, là một sáng tạo của lịch sử, một bước phát triển của lịch-sử-tự-nhiên¹. Điều này ít nhất có hai nghĩa: 1- Toàn bộ những thành tựu của lịch sử tự nhiên vẫn còn *tồn tại* hoặc dưới một hình thức như thế (sự kéo dài) hoặc dưới một hình thức đã biến đổi về cơ bản. 2- Những mầm mống đầu tiên của một thực thể mới nảy sinh từ trình độ phát triển đã đạt được của lịch sử. Ở đây, cũng có hai cách cư xử. Về mặt phạm trù – là một sự phủ định (triết học) dứt khoát; về mặt lịch sử thì hoặc là cái cũ tiếp tục tồn tại, lúc đó, trên thực tế có hai thực thể tồn tại BÊN CẠNH nhau, ví dụ, cái ô tô vẫn tồn tại BÊN CẠNH chiếc máy bay; hoặc cái cũ phải biến hoá về

¹ Thuật ngữ "lịch-sử-tự-nhiên" không phải tinh tú lục khai thiên lập địa cho đến Người, mà còn tiếp tục mãi sau khi đã có Người.

cơ bản, tạo ra một CHẤT mới và tương ứng với nó - một HÌNH THAI mới. Người có một hình thái *mới* so với vườn người. Khi phạm trù người xuất hiện (trở hình thành, phát triển) rồi còn phải chờ đủ điều kiện chín muồi thì mới phân hoá.

Cứ theo quan điểm duy vật mà xét, thì nhân tố quyết định trong lịch sử, quy đên cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Có hai loại: 1- Sản xuất ra tư liệu sinh hoạt (thức ăn, quần áo...) và 2- Sản xuất ra con người, duy trì nòi giống. Như vậy, một thời đại lịch sử được quyết định bởi: 1- Trình độ phát triển lao động; 2- Trình độ phát triển gia đình.

Vậy thì *gia đình* nảy sinh như thế nào, hình thành và phát triển theo quy luật nào?

Nguồn gốc nguyên thủy của gia đình dĩ nhiên là từ giới động vật mang theo, theo *huyết tộc*. Nhưng phải coi đây chỉ là một cơ sở vật chất, một tiền đề, trên đó nảy sinh, hình thành và phát triển *phạm trù gia đình* chính công. Nói cách khác, quan hệ huyết tộc rồi phải bị phủ định (về mặt triết học), thì một cách tất yếu, phạm trù gia đình chính công mới được hình thành theo nguyên lý *của nó*, lần đầu tiên có trong lịch sử.

Giới động vật KHÔNG biết phủ định quan hệ huyết tộc này, cho nên *bầy đàn* vẫn cứ mãi là bầy đàn. Ngay cả khi *chia đàn*, thì động vật cũng chỉ thực hiện một phép chia số học, không hề làm suy yếu khai niệm bầy đàn.

Tiếp đến, quan hệ huyết tộc còn phải bị phủ định một cách *thực tiễn*, thì thực thể của phạm trù gia đình mới đủ sức mạnh lịch sử để phát triển trên cơ sở của chính nó.

Mac và Ph. Ăng-ghe-n bắt đầu tư gia đình mà lý giải phạm trù xã hội (cộng đồng).

"Quan hệ tham dự ngay từ đầu vào quá trình phát triển lịch sử là quan hệ vợ chồng - con cái, cha mẹ - con cái, do là

gia đình”¹¹. Đó là quan hệ xã hội duy nhất lúc bấy giờ. Ở đây quan hệ xã hội được hiểu theo nghĩa là “hoạt động kết hợp nhiều cá nhân, không kể là trong những điều kiện nào, theo cách nào và nhằm mục đích gì”¹².

Như vậy, mầm mống của xã hội nằm ở trong gia đình. Nhưng để có được xã hội thì không phải nhờ vào số học về gia đình.

Ăng-ghe-n cho rằng “các đơn vị cơ sở của quốc gia không phải là những liên minh dựa trên quan hệ huyết tộc mà là những liên minh dựa trên địa vực”¹³. Mác nói đi nói lại một ý này trong hai tác phẩm: sự trao đổi hàng hoá xuất hiện ở nơi công xã kết thúc, nơi ranh giới tiếp xúc với công xã khác. Sự trao đổi này càng thâm nhập vào nội bộ công xã thì càng làm cho nó tan rã¹⁴.

Các gia đình đầu có nhu cầu liên hệ với nhau, thì sự liên hệ ấy chưa đủ để thành một *thực thể mới*, vì bản chất của thực thể mới này nằm NGOÀI gia đình. Điều đó chứng tỏ có HAI phạm trù khác *chất*, không phải có được từ một hành vi số học cộng lại các đơn vị cùng chất.

Bảng con đường nghiên cứu kinh tế chính trị học. Mác đi đến kết luận: Muốn có trao đổi hàng hoá, các cá nhân phải độc lập với nhau, thì “mối quan hệ độc lập đối với nhau đó không tồn tại giữa các thành viên của một cộng đồng được hình thành một cách tự nhiên, dù cho cộng đồng đó mang hình thức một gia đình gia trưởng hay một công xã”¹⁵. Sau đó, “Sự trao đổi hàng hoá càng phá vỡ những mối quan hệ thuần túy có tính chất địa phương của nó”¹⁶.

Theo ý kiến này, ta thay cá nhân là một phạm trù độc lập, theo sự phát triển khác với gia đình và xã hội.

¹¹, ¹² C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem ¹¹, tr. 35 và tr. 36.

¹³ Ph. Ăng-ghe-n. Xem ¹², tr. 7.

¹⁴ C. Mác. *Tư bản*, q. 1, T. I, ST, 1973, tr. 170 và C. Mác, Xem ¹⁶, tr. 51.

¹⁵, ¹⁶ C. Mác, Xem ¹⁴, tr. 170 và tr. 172.

Tóm lại, chúng ta có ba phạm trù khác nhau, về mặt triết học chúng tất yếu nhu nhau. Nhưng trong tiến trình phát triển lịch sử, chúng đóng những vai trò khác nhau, vận động theo những quy luật khác nhau, tạo ra mối liên hệ giữa chúng với nhau, chứ không phải bao hàm nhau (là những đơn vị đồng chất).

Nói cụ thể hơn, cá nhân là một phạm trù tồn tại và phát triển trên cơ sở của chính nó, nhưng điều đó không buộc nó phải tách ra khỏi mối liên hệ hữu cơ với hai phạm trù gia đình, xã hội (cộng đồng). Tình hình đó lặp lại đối với bất cứ phạm trù nào khác. Ở đây không thể nói về bất cứ sự “thua kém” hay “lớn bé” v.v... về tương quan giữa bất cứ hai phạm trù nào. Cá nhân là một phạm trù không lớn hơn, không bé hơn, không quan trọng hơn, không kém quan trọng so với phạm trù gia đình hay phạm trù xã hội. Do đó, cần phải nghiên cứu *trước hết* một cách độc lập (dĩ nhiên một cách tương đối) từng phạm trù, theo cấu trúc logic của nó và mối liên hệ giữa các nhân tố cấu thành nó. Trong số các nhân tố ấy không gạt bỏ những nhân tố liên hệ trực tiếp với các phạm trù khác, bởi vì, sự vận động của một phạm trù này kéo theo sự vận động (hoặc biểu thị qua sự vận động) của một phạm trù khác. Ví dụ, nếu cá nhân luôn luôn chỉ là một yếu tố của gia đình huyết tộc, của công xã, thì lấy đâu ra những cá nhân tự do, lấy đâu ra sức lao động trừu tượng của xã hội làm thước đo cho sự trao đổi và giao lưu. Ngược lại, trình độ lao động xã hội phát triển chỉ có thể biểu thị qua năng lực thực tiễn của từng người lao động, của từng cá nhân, v.v...

Việc tách ra ba phạm trù *tương đương nhau* về mặt triết học (trong tư duy) – cá nhân – gia đình - cộng đồng (xã hội) - chỉ là nhằm mục đích giải quyết triệt để về lý luận, nhờ đó mà có được những biện pháp cụ thể để tổ chức thực tiễn. Trình độ văn minh hiện đại đã

¹ Trong diễn đạt, tôi dùng các cách nói khác nhau: liên hệ biện chứng, liên hệ hữu cơ, liên hệ máu thịt... cốt để nói lên bản chất thực có của mối phạm trù và của các phạm trù. H.N.D.

làm cho cả ba phạm trù ấy đạt đến *hình thái chính thức* (tức là các phạm trù chính công, đã phát triển trên cơ sở của chính mình).

*

* *

Những ai ít nhiều có quan hệ với khoa học, đều có thể tán thành ý kiến này của Mác: “Sự phát triển lịch sử của tất cả các ngành khoa học chỉ dẫn đến điểm xuất phát chân chính của nó sau khi đã đi qua rất nhiều đường quanh co khúc khuỷu. Khác với các kiến trúc sư, các nhà khoa học không những chỉ vẽ những lâu đài trên không, mà họ còn xây dựng một số tầng ở trước khi đặt nền móng cho toà lâu đài”⁴⁵. Sự kiện này cuối cùng phải thể hiện ở các phạm trù, khái niệm.

Tư duy khoa học là tư duy khái niệm, tư duy phạm trù. Mỗi nhà khoa học sinh ra khi đã có sẵn những khái niệm và phạm trù do thế hệ trước để lại. Ông ta buộc phải dùng. Chỉ khi nào dùng thực sự thì mới có nhu cầu thực sự phải biến đổi nó, rồi tìm cái thay thế.

Trong chuyên khảo này, tác giả có ý định *khoanh vùng* vấn đề cho thật hẹp, nói như bà con ta “loanh quanh CHUYỆN ẤY thôi”. Khốn nỗi, nếu không có một chuyện ấy thôi, thì làm gì có được sự sống, đau khổ và hạnh phúc. Mà chỉ có một chuyện ấy thôi thì cuộc sống tẻ nhạt biết chừng nào. Thành ra, gọi là khoanh mà phải mở. Nhưng khoanh hay mở đến đâu thì cũng như vùng trời dành cho diều - vẫn bị ràng buộc bởi sợi dây lèo. Sợi dây lèo này bện bằng các phạm trù, khái niệm. Có thể mượn các phạm trù, khái niệm *đã có*. Nhưng đó chỉ là một sự bắt chước dè dặt và rất tạm thời, vì các phạm trù, khái niệm ấy không chịu nổi sức nặng của vấn đề đã vượt sang bên kia giới hạn logic mà lịch sử dành cho chúng. Đọc đến đây, chắc bạn

⁴⁵ C. Mác. Xem ¹¹⁶, tr. 62.

không con ngạc nhiên trước nhưng thuật ngữ nghe lạ hoắc như cái “ton-tai-khác”. Tôi biết thành phần xuất thân của nó là duy tâm. Nhưng có hề gì, khi nó sẵn sàng phục vụ cho sự tìm hiểu thực trạng văn đề, nghĩa là đi theo chủ nghĩa duy vật. Tiếp đến thuật ngữ “*phạm trừ thứ hai*” (thuộc quan hệ tình giao), thì “thứ hai” không phải là tính từ, giống như mối-tình-đầu, thì chẳng phải mối tình là danh từ, còn “đầu” là tính từ. Gọi là phạm trừ thứ hai, mà thực ra là phạm trừ độc đáo của người. Hơn nữa, phải đạt đến một trình độ phát triển nào đó người mới tách từ một hành vi ấy lấy ra hai phạm trừ khác nhau.

Bạn còn có thể thắc mắc, tại sao không nói “quan hệ tình giao” hay quan hệ tình dục mà nói “giao lưu tình dục”. Tất nhiên, đã là tác giả thì không thể tự cho phép “nhờ lời”, muốn loè hay trở ngại bằng những ngôn từ rỗng tuếch. Nói phải có lý. “Quan hệ” – nghe nói thanh thản quá, có vẻ hơi hững và ít buộc người ta phải chịu trách nhiệm. Còn “giao lưu” là có ý chủ động, có nguyện vọng và trách nhiệm kèm theo trong hành vi đó.

“*Bản lĩnh tình dục*” là một thuật ngữ xem ra phù hợp với khái niệm hơn cả. Nếu tra từ điển tiếng Việt, thì “*bản lĩnh*” là phẩm cách, tài năng; người có bản lĩnh vững vàng. Bạn đọc dễ nhíu lông mày khi nghe một thuật ngữ được “đề cao” như vậy. Nhưng tôi thì vẫn thấy chưa hết và chưa nói hết cái “bản lĩnh tình dục”. Mặc dù tôi đã chuẩn bị từ xa cho nó một “giác quan thứ sáu” và một “khoái cảm tình dục”, là những thuật ngữ không chênh lắm với khái niệm của chúng, mà còn được khẳng định “chính thống” như bất cứ thuật ngữ nào khác.

Dần dần, từng tý một, nhưng quyết liệt, tôi đẩy bạn vào một tình thế phải làm quen với những cái chưa hề quen, mà đã cảm thấy có chút gì còn rộn rợn, giống như đưa thuốc kháng sinh vào đời sống xưa nay quen dùng thuốc nam. Làm như vậy, đồng thời, tôi cũng tự chuốc lấy những mối nguy mới - phải tăng dần liều lượng và sức

mạnh của thuốc. Cứ thế tăng mãi thì sẽ đi đến đâu? - Chẳng phải lo! “Nhân loại bao giờ cũng chỉ đặt ra cho mình những vấn đề mà mình có thể giải quyết được, vì, khi xét kỹ hơn, bao giờ người ta cũng thấy rằng bản thân vấn đề chỉ xảy ra khi những điều kiện vật chất để giải quyết vấn đề đó đã có, hay ít ra cũng đang hình thành”⁽⁴⁶⁾. Trong câu chuyện của chúng ta, *điều kiện vật chất* là những phương tiện kỹ thuật hiện đại phục vụ cho cơ chế thụ thai, về cả mặt khẳng định lẫn phủ định. Không có những cơ sở vật chất bền vững, tin cậy, thì không có được những thành tựu tinh thần tương xứng. Vì vậy, các phạm trù mới không phải là sản phẩm của tư duy, mà là con đẻ của cuộc sống hiện thực. Tư duy nhiều lắm chỉ “đặt tên” cho sự vật giống như các ông bố bà mẹ đặt tên cho con, khi nó đã sinh ra trên đời, đã khóc, đã bình ra, đã có thật tất cả.

Không biết bao nhiêu thời gian đã động lại thành cuộc sống hôm nay với tất cả những thành tựu vật chất và tinh thần của nó. Qua mỗi thời đại, cuộc sống có những vấn đề độc đáo của riêng lúc ấy. Đến như đời sống tinh dục có từ thuở xa xưa, thiết thân sát sạt với sự sống thì còn có chuyện gì mới mẻ hơn được, thế mà như chúng ta thấy đây cũng có vấn đề của thời đại chúng ta, một vấn đề mới.

Công bằng mà nói, trước đây, lịch sử chỉ cảm nhận được vấn đề ở mức độ “loài” và “gia đình”. Vấn đề mới chín đến đây thôi. Bỏ ra 40 năm trời, trọn một đời người nghiên cứu, Moóc-gan (L.H. Morgan) cho xuất bản năm 1877 ở London tác phẩm nhan đề *Xã hội cổ đại*, mà sau đó Mác và Ăng-ghe-nơ đọc rất kỹ, đến mức cả hai ông định viết chung một tác phẩm về vấn đề này. Mác không kịp làm. Ăng-ghe-nơ dành một mình viết, coi như thực hiện một Di chúc và cho xuất bản năm 1884 tác phẩm *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*. Lấy tác phẩm của Morgan làm sườn, Ăng-ghe-nơ điều chỉnh, bổ sung nhiều tài liệu khác với một phương pháp tư duy triệt để duy vật hơn,

⁽⁴⁶⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁶⁾, tr.8.

viết để lại cho chúng ta một tác phẩm rất quý. Cuối thế kỷ trước - đầu thế kỷ này, một người khác cũng bỏ ra cả cuộc đời mình nghiên cứu CHUYỆN ẤY trong cá nhân là Freud. Nói là người mở đầu hay người kết thúc, thì cũng một Freud ấy, người đã công khai đưa tình dục thành một vấn đề nghiêm túc. Nếu là câu chuyện hồ đồ, thì có sao được cả một cây cổ thụ khoa học và thực tiễn y tế được hình thành, phát triển từ gốc Freud. Lý thuyết của Freud (cứ gọi như vậy cho tiện) rồi phải đi đến giới hạn của nó, mà chỉ có cuộc sống (chứ không phải tư duy) mới có thẩm quyền định ra được.

Tính dục không phải là, hoặc từ giới hạn Freud mà nói, không còn là vấn đề cá nhân, khép kín trong tâm linh và cơ thể từng người. Đó là vấn đề liên quan mật thiết đến gia đình và xã hội. Nhưng gia đình từ khi có lý thuyết Freud (tức là từ khi cuộc sống đã phát triển đến mức ấy) thì không còn là gia đình trước đó nữa. Nó đã phải thích nghi với xã hội hiện đại (đồng thời cũng chi phối đời sống xã hội) là xã hội đại công nghiệp trên phạm vi toàn thế giới. Những biến động rất lớn của thế kỷ chúng ta - hai cuộc đại chiến, cách mạng xã hội chủ nghĩa, phong trào giải phóng dân tộc, các cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, v.v... - đã làm lay động đến tận rễ cái, rễ con của cây cổ thụ xã hội cổ truyền. Các biên giới địa vực mềm đi, nói rộng ra. Sự giao lưu hiện đại đã biến hành tinh này thành một vùng đất đứng đầu này trông thấy đầu kia. Tầm mắt mở rộng ra đến đâu, làm doãng theo đến đâu mọi định kiến, - không chịu được thì vỡ toang. Tình hình ấy đến lượt nó làm biến đổi bản tính cá nhân và gia đình.

Cứ cho là những luận điểm và biện pháp của Freud đã từng đúng, thì chắc gì còn đúng nữa trong xã hội hiện đại với những cá nhân hiện đại. Vấn đề, do đó, KHÔNG THỂ đặt ra cho một xã hội, một gia đình hay một cá nhân. Sẽ không thể giải quyết được vấn đề, nếu chưa tìm ra được mối liên hệ đích thực giữa ba phạm trù này của thời đại: cá nhân - gia đình - cộng đồng (xã hội), đồng thời cũng chẳng hơn gì, nếu chưa tìm ra được “chỗ hiểm” của mỗi phạm trù,

tức là *đặc điểm thời đại* cơ bản của nó. Trong một chuyên khảo gọi là *Phạm trù người tôi* đã làm được ít nhiều theo xu hướng ấy. Tôi biết, nêu lên một ý kiến chưa phải là giải pháp, nhưng mọi cách giải quyết thực tiễn trong nền văn minh hiện đại đều phải có *tư tưởng* của nó. Mọi tư tưởng xuất hiện trong lịch sử đều có cơ sở của nó, chỉ còn nên coi nó trung thành đến đâu với thực tiễn của nó, với trình độ phát triển của cuộc sống, và do đó, của tư duy. Trong hoàn cảnh ấy, tôi không câu nệ vào những định kiến vốn có trong các tư tưởng và định kiến đối với những tư tưởng đó. Vì vậy, khi đời sống hiện đại đặt ra vấn đề tính dục, thì chỉ có thể giải quyết nó trên cơ sở đời sống hiện đại. Điều này, tôi thật bụng tin, không một ai trong quá khứ có thể có ý kiến được. Cho nên, chẳng phải vì buột mồm mà Ăng-ghe-nơ nói những câu đại loại như, những thế hệ mai sau sẽ vứt bỏ tất cả những điều mà theo quan niệm hiện nay họ phải làm: tự họ, họ sẽ biết cần phải làm như thế nào⁽⁴⁷⁾. Có thể có những thời đại, mà như Mác nói, người chết níu lấy người sống⁽⁴⁸⁾. Nhưng sức níu ấy sẽ luôi dần, luôi dần, rồi phải buông ra thôi. Xã hội hiện đại chắc chắn tạo ra những sức mạnh đủ sức phá bỏ những ràng buộc của quá khứ, trước hết trong sản xuất, rồi vào dần trong đời sống xã hội, cho đến khi vào tận phòng ngủ của mỗi gia đình.

⁽⁴⁷⁾ Ph. Ăng-ghe-nơ. Xem⁽⁷⁾, tr. 133.

⁽⁴⁸⁾ C. Mác. Xem⁽⁴³⁾, tr.18. Nguyên văn tiếng Pháp trong văn bản: *Le mort saisit le vif*

4 - FREUD – TÔI VÀ BẠN

Động vật không có các “khái niệm” cá thể, gia đình, cộng đồng, chỉ vì động vật “không có quan hệ” với cái gì cả và nói chung không có mối quan hệ nào cả. Đối với con vật không có những mối quan hệ của con này với con khác với tư cách là quan hệ⁽⁵⁰⁾. Nói như vậy, Mác muốn nêu lên vai trò của ý thức.

Ý thức là một sản phẩm của lịch sử tiến hoá, và “ngay từ đầu đã là một sản phẩm xã hội và vẫn là như vậy chừng nào con người còn tồn tại. Dĩ nhiên lúc ban đầu ý thức về hoàn cảnh *gần nhất* có thể cảm giác được và là ý thức về mối liên hệ hạn chế với những người khác và vật khác ở bên ngoài các cá nhân, đang ý thức về mình; đồng thời cũng là ý thức về giới tự nhiên”⁽⁵¹⁾. Hồi bấy giờ, khi con người vẫn còn mang theo những thuộc tính và bản tính động vật, thì đó là ý thức bầy đàn thuần túy, và trong trường hợp này, con người chỉ khác với con cừu ở chỗ trong con người ý thức thay thế bản năng, hoặc bản năng của con người là bản năng được ý thức”⁽⁵²⁾. Giải thích thêm điều này, Mác viết: “Sự đồng nhất giữa con người với giới tự nhiên cũng thể hiện dưới hình thức này: quan hệ hạn chế của con người với giới tự nhiên quyết định quan hệ hạn chế của con người với nhau (và ngược lại), quan hệ hạn chế con người với nhau lại quyết định quan hệ hạn chế của con người với giới tự nhiên”⁽⁵³⁾. Ở đây các mối quan hệ chi phối lẫn nhau, biểu hiện trình độ phát triển của

⁽⁵⁰⁾ C. Mác và Ăng-ghen. Xem⁽¹⁸⁾, tr. 24.

⁽⁵¹⁾ C. Mác và Ăng-ghen. Xem⁽¹⁸⁾, tr. 38. Đối chiếu với⁽¹⁷⁾, tr. 24.

⁽⁵²⁾, ⁽⁵³⁾ C. Mác và Ăng-ghen. Xem⁽¹⁸⁾, tr. 39.

nhau, con người - giới tự nhiên, con người – con người (hay con người – xã hội) là hai quan hệ nguyên thủy, ngày càng tách ra khỏi sự *đồng nhất trừu tượng* ban đầu. Một ngày nào đó ý thức sẽ tách khỏi cái cơ thể chứa ý thức. Lúc ấy không nên trách Hegel đã rơi vào “nhi nguyên”, khi ông coi cơ thể là một cái-trống-rỗng, thiếu một ý thức. Và cũng không nên phê phán ông, khi ông đem ý thức này đồng nhất với bản chất người, mà ông còn nói một cách thực bụng duy tâm hơn là coi bản chất người này đồng nhất với *ý niệm tuyệt đối* của Thượng đế. Vứt bỏ ngôn ngữ duy tâm đi, thì ta thấy một vấn đề cực kỳ chính xác và duy vật 100%.

Sự tồn tại của bầy đàn, nếu không có ý thức, thì nó là một sự đồng nhất trừu tượng tuyệt đối các cá thể mà không có ý thức cá thể, vì không có ý thức về chính mình. Vậy thì *cái gì* duy trì sự sống của cá thể và bầy đàn? - BẢN NĂNG. Có thể nói, động vật cao cấp là ở giới hạn cực đoan bên này của tiến hoá lịch sử trước khi có người. (Giới hạn cực đoan ở bên kia là thực vật: cái cây luôn luôn vươn lên thẳng đứng hay hướng về phía có ánh mặt trời).

Bản năng là sự đối lập tuyệt đối với ý thức. Ấy là khi ý thức đã phát triển đến trình độ chính cống (là ý thức). Lúc đầu, đương nhiên, bản năng vẫn là *nguyên lý cơ bản của sự sống*, cứ cho là ở trong tay Thượng đế. Ý thức hình thành đến đâu sẽ tách dần ra khỏi cái nguồn gốc xuất thân của mình. Tình hình đó cũng giống như bất cứ phạm trù triết học nào khác, ví dụ phạm trù thứ hai (của chúng ta) tách ra khỏi phạm trù thứ nhất. Phạm trù ra đời sau bao giờ cũng giữ một vai trò lịch sử là “anh hùng thời đại”.

Bản năng cũng được nhiều người hiểu như sự xúi giục của khát vọng để có những hành động không suy tính. Cái đói ăn, cái khát uống xúi người ta đi tìm cái ăn cái uống. Cái đói libido (thuật ngữ của Freud đọc là li-bi-đô) xúi người ta đi tìm hành vi tính dục cho đã, như đã khát.

Bản năng còn được hiểu như khởi đầu của tâm lý người và có người còn cho là nó sẽ ở mãi nơi sâu thẳm nhất trong cá nhân, luôn luôn chực sẵn, chỉ cần ới gọi là ra ngay.

Trong những cuộc cãi vã dai dẳng về bản năng, người ra mượn khái niệm “vô thức” để nói về *chất* của nó. Rất nhiều nhà khoa học nghiêm túc dùng khái niệm này, Janet, Jung, Fromm, cũng như Sechenov, Pavlov, Uznadze. Ở đây vấn đề không phải ở sự kiện như nó hiện có mà nó đã có sẵn lúc mới sinh mang theo từ bụng mẹ, hay được hình thành trong đời sống cá thể.

Bản năng là cái có sẵn, tự nhiên, thiên nhiên. Nó có chức năng bảo vệ sự sống của cá thể và của loài. Tất nhiên, trong quá trình sinh thành cá thể, các bản năng liên hệ chặt với sự luyện tập. Ví dụ, các chú mèo con tập vồ, tập trốn, tập các thao tác bắt mồi.

Đặc điểm cơ bản nhất của các hành vi bản năng là theo một cơ chế chặt chẽ, triển khai theo một trật tự nghiêm ngặt những động tác vận động, mà không có sự can thiệp của ý thức.

Vai trò của bản năng trong tâm lý là một vấn đề bàn cãi khá gay gắt. Cho đến nay, có lẽ “trận đấu” phải như thế nào đó, thì quyển *Từ điển tâm lý học* xuất bản năm 1983 ở Moskva chỉ có một thuật ngữ duy nhất: Bản năng động vật (chứ không phải chỉ là “bản năng” cộc lốc, nữa là bản năng người). Tôi ở vào phía KHÔNG thừa nhận bản năng trong tâm lý người, và cho đến nay tôi không hề ân hận gì với ý kiến “cực đoan” ấy. Bạn có thể lấy gây lý luận của tôi đập lung tôi – khi tôi thừa nhận sự tồn tại của những thành tựu quá khứ BÊN CẠNH những thành tựu mới xuất hiện, ví dụ, sự tồn tại của phương pháp đi bộ bên cạnh ô tô, v.v... Xin thưa, tôi chưa cảm thấy mình tự mâu thuẫn về lý luận và càng chưa mâu thuẫn trong những giải pháp thực tiễn. Tôi khẳng định sự tồn tại BÊN CẠNH nhau của những thành tựu lịch sử nói chung. Nhờ đó lịch sử ngày

càng phát triển và phong phú hơn. Nhưng đồng thời, tôi cũng khẳng định lại *vai trò triết học*, do đó, cả *vai trò lịch sử* của mỗi thành tựu trong lịch sử hiện thực. Điều quyết định không phải CÓ hay KHÔNG, mà là vai trò CHỦ ĐẠO của nó trong điều kiện lịch sử của nó, tức cũng là *trong thời gian một chiều*.

Thành tựu của thực vật vẫn còn tồn tại ở trong động vật. Thành tựu của động vật vẫn còn tồn tại trong người. *Hệ thần kinh thực vật* của người - chắc chắn phải do thuật mồm nói ra. Nhưng thành tựu ấy tồn tại bằng phạm trù *loài* và phương thức tồn tại loài, nhu cầu duy trì sự sinh tồn thể xác. Vì vậy đời sống của người vẫn còn lặp lại (dưới hình thức trừu tượng nhất) đời sống loài - đời sống đẻ ra đời sống. Nhưng khi đã nảy sinh ra phạm trù người (với tư cách là phạm trù mới) thì cũng làm xuất hiện những thuộc tính mới. Đó là những mầm mống của sự phân hoá. Bây giờ thì rõ ra tình trạng phân hoá này của lịch sử hiện đại:

“Con vật tự đồng nhất mình một cách trực tiếp với hoạt động sinh sống của nó. Nó không tự phân biệt nó với hoạt động sinh sống của nó. Nó là *hoạt động sinh sống* ấy. Còn con người thì biến bản thân hoạt động sinh sống của mình thành đối tượng của ý chí và của ý thức của mình. Con người có một hoạt động có ý thức”⁵⁴¹. Nói cách khác, con người coi bản thân đời sống của mình là *đối tượng* của mình, tức là nhân tố đối lập với ý thức. Chính vì thế mà hoạt động của con người là *hoạt động tự do*, không bị những ràng buộc của bản năng, cũng như không bị chi phối bởi những *nhu cầu trực tiếp*. Mác nói tiếp: “Cố nhiên, con vật cũng sản xuất. Nó xây tổ, chỗ ở của nó, như con ong, con hải ly, con kiến v.v... Nhưng nó chỉ sản xuất cái mà bản thân nó hoặc con nó trực tiếp cần đến, nó sản xuất một cách phiến diện, còn con người thì sản xuất một cách toàn diện; con vật sản xuất vì bị chi phối bởi nhu cầu thể xác trực tiếp, còn con người

⁵⁴¹ C. Mác. Xem C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Tuyển tập*, 6 tập, T.I, ST, 1980, tr. 118.

sản xuất ngay cả khi được giải phóng khỏi nhu cầu thể xác, và chỉ khi được giải phóng khỏi nhu cầu đó thì con người mới sản xuất theo ý nghĩa chân chính của chữ đó, con vật chỉ tái sản xuất ra bản thân nó, còn con người thì tái sản xuất ra toàn bộ giới tự nhiên, sản phẩm của con vật thì trực tiếp gắn liền với thân thể thể xác của nó, còn con người thì đối diện một cách tự do với sản phẩm của mình. Con vật chỉ chế tạo theo kích thước và nhu cầu loài của nó, còn con người thì có thể sản xuất theo kích thước của bất kỳ loài nào và ở đâu cũng biết vận dụng bản chất vốn có của mình vào đối tượng⁽⁵⁵⁾.

Những gì con vật có thì cũng có ở con người, NHƯNG *đã bị biến đổi một cách cơ bản* và vận động theo một quy luật khác. Đương nhiên, trình độ *xa cách* này chỉ có thể là hậu quả của một trình độ phát triển *văn hoá* và một cách hiện thực. Nó nói lên cái thế mạnh, cái thế hơn của con người, là cái thế người, như một cái thế tự nhiên mà lịch sử nói chung đã thiết lập. *Lịch sử là lịch sử phát triển tự nhiên*^(*), không bao giờ quay về trạng thái thấp hơn, thuộc quá khứ. Cho nên, nếu coi bản năng, cái vô thức là cái quyết định trong đời sống tâm lý người, như Freud nói (đây là luận điểm cơ bản nhất, then chốt nhất trong lý thuyết của Freud) thì không phù hợp với triết học (đã đành), mà cũng không phù hợp với lịch sử hiện đại. Ông thầy thuốc tận tâm và rất có lương tâm nhà nghề Freud chưa hiểu được một điều này trong triết học: “Những phạm trù trừu tượng nhất - mặc dù có giá trị đối với mọi thời đại chính là nhờ cái bản chất trừu tượng của chúng - dưới bản thân cái hình thái nhất định của sự trừu tượng đó, cũng là sản phẩm của các điều kiện lịch sử, và chỉ hoàn toàn thích dụng với những điều kiện này và trong phạm vi các điều kiện này”⁽⁵⁶⁾. Bản năng, vô thức là những phạm trù chỉ thích

⁽⁵⁵⁾ C. Mác. Xem⁽⁵⁴⁾, tr. 119-120.

^(*) Mác nói lịch sử là lịch sử tự nhiên. Tôi nhét vào từ “phát triển” chỉ để nhấn mạnh thêm. H.N.D.

⁽⁵⁶⁾ C. Mác. Xem⁽¹⁶⁾, tr. 303.

hợp với những điều kiện lịch sử còn chưa có phạm trù người.

Mỗi thời đại có một phạm trù chủ đạo của nó. Phạm trù này quy định vị trí và ảnh hưởng của tất cả các phạm trù khác, mà Mác ví như “một ánh sáng chung trùm lên tất cả các màu sắc và làm thay đổi sắc điệu riêng biệt của những màu sắc ấy”¹⁵⁷. Cho nên muốn lý giải một vấn đề lịch sử - xã hội, thì phải xác định *thời điểm* của chúng, phải thấy được “địa vị khác nhau của những phạm trù ấy ở những giai đoạn khác nhau của sự phát triển xã hội”¹⁵⁸. Vậy là, khi nói đến tâm lý người *hiện đại*, tôi không thừa nhận bản năng như là một *phạm trù hiện đại*. Chỉ có một *phạm trù ý thức* quyết định đời sống tâm lý người hiện đại.

Bạn vẫn còn ăm ứ, vì bên cạnh cái lập luận dứt khoát của tôi, bạn nghĩ, còn có cái “sự thực” sờ sờ ra của những hành vi “có thực” của những con người “có thực” mà chính bạn “chứng kiến thực” cũng như tự cảm thấy “có thực” trong bản thân mình. Tại sao tôi lại cố tình gạt phát những cái “có thực” ấy đi? Để lấy lòng những lập luận triết học, hay để khỏi mang tiếng “mất lập trường”?

Xin thưa, cái nỗi sợ “mất lập trường” to bằng cái bỏ luôn luôn đe dọa bạn, vì bạn đã có quá ít “lập trường”, mà lại không *có lối*. Còn với tôi, nỗi sợ lớn nhất là mất khoái cảm nhục dục, là những cái tôi có quá ít và mỏng manh, mệnh mông, mù mờ. Lập trường thì tôi rất sẵn. Nó là máu thịt của tôi, là bản thân đời sống của tôi: Có thể đo được 160cm, cân được 50kg, có thể tách ra được 1/3 tóc bạc trên mái đầu nửa thế kỷ. Toàn bộ cái khối liền một tảng ấy đứng vững trên đôi chân mang giày số 38. Tôi rất có ý thức về cơ thể của mình, về mỗi nỗi đau về mỗi rung động khát khao và thoả mãn. Tôi có ý thức cảm nhận một cách tinh táo để tận dụng được những khoái cảm do mỗi giác quan mang lại. Ý thức ấy không cần

¹⁵⁷ C. Mác. Xem¹¹⁶, tr. 306.

¹⁵⁸ C. Mác. Xem¹¹⁶, tr. 308.

phóng to khoái cảm ấy bằng ngọn đèn của ông Trọng Quỳnh, mà chỉ cần cảm nhận được khoái cảm ấy nguyên vẹn *như thật*. Cái của thật ấy to chừng nào? Lấy gì mà đo? Thì tôi khác với bạn và ông Freud từ chỗ này đây. Tôi có nguyên lý cư xử của tôi. Tôi nhận thức được cái gì, thì cái đó tồn tại đối với tôi đúng như tôi nhận thức nó. Đương nhiên, điều đó còn bao hàm một điều kiện ẩn tàng - CÁCH nhận thức. Trong CÁCH ấy có cả toàn bộ lịch sử từ trước đến nay và có cả lịch sử bản thân tôi. Làm sao tôi có thể thưởng thức được một bản nhạc hay, khi còn chưa có bản nhạc đó. Ngược lại, bản nhạc đó đã có, thì có như thế nào *đối với tôi* là tùy theo bản lĩnh của tôi, do năng lực cảm nhận của tôi, do dự từng trải và nói chung do trình độ văn hoá của tôi. Một khi tôi đã đóng chặt cửa phòng¹, thì chỉ một tôi còn lại mặt đối mặt với đối tượng cảm nhận. Trong hoàn cảnh ngặt nghèo ấy, KHÔNG THỂ trông chờ vào ai khác ngoài bản thân mình, - cái bản lĩnh mình đang có và có được một cách thực sự, thực thể, thực chứng. Và phía bên kia, bạn tình của tôi, chỉ có thể cho được cái gì đang có hay có thể có được một cách thực chứng, thực tế, thực sự. Tôi không thể đòi nhiều hơn những gì tôi có thể có được từ đối tượng (kể cả sức tưởng tượng của đôi bên và sự cộng hưởng được tạo ra). Giả thử, tôi chỉ có *một bản năng* trần trụi từ thuở xa xưa còn lại trong tôi (với tư cách loài) thì cái bản năng ấy liệu có hơn được *văn hoá* người đã có (trong lịch sử loài người) và tôi đã có, nhờ dày công tu luyện mà hấp thụ được nó? Giả thử nhờ có bản năng ấy mà tôi cảm nhận được khoái cảm nhục dục, thì khoái cảm ấy có vượt quá ý thức của tôi được không? Có thể nào tôi có nhiều khoái cảm hơn cái mà tôi cảm nhận được? Giả thử khoái cảm ấy bị ý thức ràng buộc, chèn ép, thì vấn đề lại ở chỗ khác: giải phóng ý thức. Giả thử, nếu đã giải phóng được ý thức mà

¹ Mọi sự thưởng thức đều ở trong hoàn cảnh ấy. Dù tôi đang ngồi trong rạp hát hay giữa công viên, thì thực ra cũng chỉ có MỘT mình tôi với một mình đối tượng gọi là partenaire, như bạn nhảy với tôi trong đa hội.

vùng giải phóng ấy vẫn không chứa xuể khả năng, thì cái sức mạnh bản năng ấy có được cảm nhận không nghĩa là tôi có ý thức được về nó không? Và cứ thế đặt ra các câu hỏi. Rut cuộc, bạn sẽ thấy rằng cái cốt tủy là *ý thức*. Chắc là Freud cũng đồng ý với tôi.

Ý nghĩa xã hội của học thuyết Freud là ở chỗ muốn giải phóng tính dục khỏi sự ràng buộc của ý thức xã hội đương thời. Với ý nghĩa ấy, ông đã làm một cuộc cách mạng về tính dục. Ông đưa ra công khai tất cả những cái mà ý thức xã hội cổ tình bêu riếu, cư xử đầy định kiến. Ông lên án cả ý thức xã hội đã chà đạp những xúc cảm tự nhiên và lành mạnh của các cá nhân. Ông đòi phải cư xử công bằng không những với các cá nhân nói chung, mà trong mỗi cá nhân phải cư xử công bằng với các cảm giác của nó. Lần đầu tiên, một người dám nói lên một cách công nhiên, thẳng thắn và chân thực về khoái cảm nhục dục của con người. Tuy nhiên, không nên quên hoàn cảnh này của Freud:

Freud là một thầy thuốc. Thế giới mà ông nhận thức và lý giải là những *người bệnh*. Họ mất trạng thái tâm lý bình thường của những người bình thường. Không tránh được! Cho đến nửa đầu thế kỷ chúng ta các nhà nghiên cứu tâm lý học chỉ có một phương pháp *đối chứng* (so sánh), ví dụ, nghiên cứu tâm lý của *động vật* để suy ra người, nghiên cứu người bệnh để tìm hiểu các quy luật tâm lý người nói chung.

Những kết quả thu được là chân thực. Điều đó không nghi ngờ gì nữa. Nhưng nó chỉ chân thực trong phạm vi CỬA NÓ THỜI! Mặc dù vậy, chúng ta có thể khai thác được nhiều nhân tố *tích cực* từ các dữ liệu mà Freud thu lượm được. Ví dụ:

Một công lao rất lớn của Freud là phát hiện ra khoái cảm nhục dục ở trẻ em. Ở đây, ông vượt cao hơn nhiều những đầu óc trung bình ở thời ông. Đánh giá như vậy, tôi tin rằng chính ông phải đồng ý với tôi một điều này:

Mọi người chỉ nhìn thấy sự vật khi sự vật ấy đã đạt đến hình thái chính thức của tiến trình phát triển. Còn ông thì nhìn thấy nó từ lúc còn manh nha, ở những hình thái hết sức xa lạ với cái hình thái kinh điển (classique – chính thức, chính cống) như cái mầm xa lạ với quả. Ai dám nói rằng quả này có từ mầm kia?

Trong ý thức mọi người, khoái cảm nhục dục chỉ nảy sinh từ cơ quan sinh dục, từ giao lưu tính dục ở trạng thái cổ điển của nó. Xin hỏi, từ đâu có khoái cảm ấy? Trên đỉnh màn rưng xuống à? Freud đã phát hiện cả một quá trình dài lâu. Ông lần theo lịch sử của khoái cảm nhục dục cá nhân, từ lúc nó mới ra đời còn khóc oe oe, từ cái hành vi bú, từ cái tay sờ tí mẹ, cho đến khi cất sang đặt lên ngực người yêu, và lần đầu tiên dồn tất cả khoái cảm ấy về một nơi, để cho mọi người... bắt được.

Các nhà giáo dục hiện đại còn phải cảm ơn Freud về một phát hiện này (nhờ nghiên cứu qua người bệnh): Ý thức tính dục, theo định kiến chung, được đánh thức dậy từ tuổi dậy thì. Vậy thì ở đâu ra có sẵn mà dùng một cái đánh thức nó dậy? Freud cho rằng đó là một định kiến sai lầm gây ra những hậu quả nặng nề⁽⁵⁹⁾. Theo ông, ngay từ bé, cái hạt giống tính dục đã được gieo rồi. Lẽ ra hạt giống ấy được nảy mầm, đâm chồi một cách tự nhiên cùng với cuộc sống hồn nhiên của trẻ. Nhưng khi đưa trẻ lớn lên thì bị *cấm đoán* nhiều quá (tất nhiên không người bố người mẹ nào nghĩ rằng những cấm đoán ấy liên quan đến chuyện tính dục), trong đó có những điều trẻ *bất bình*. Những điều bất bình ấy qua đi và mọi người tin rằng mọi chuyện đã qua đi. Nhưng khi nghiên cứu trên người bệnh, Freud rút ra kết luận quan trọng này: Những gì trẻ chịu đựng lúc bé để lại những dấu vết rất sâu. Không qua đi, không teo đi, mà tích tụ lại. Cứ tích tụ mãi như thế, thì nó ảnh hưởng đến tính cách của trẻ em, đến khoái cảm nhục dục sau này và quá một giới hạn nào đó sẽ

⁽⁵⁹⁾ S. Freud. *Trois essais sur la théorie de la sexualité*. Gallimard, 1962, p.65.

thành bệnh (thuộc loại tâm thần). Khi bị bệnh, người lớn nhớ lại những gì từ tuổi lên 2, lên 3, những ám ức từ lúc còn bé thơ.

Nói chung, bệnh névrose đều có nguyên nhân tính dục, có một lịch sử dài lâu cùng với đời sống cá thể từ thời trẻ con. Từ đó, dễ thấy, về mặt giáo dục, tai hoạ của phương pháp đè nén, đàn áp, trừng phạt trẻ em, nói chung là cách cư xử nghiêm khắc. Phương pháp ấy không những tạo ra một cuộc sống nặng nề ngay lúc đó, mà còn ảnh hưởng lâu dài về sau. Phát hiện của Freud tự nó có một ý nghĩa nhân văn, đòi người lớn phải lấy lợi ích trực tiếp của trẻ em làm chuẩn, sau nữa đòi phải có một đời sống xã hội lành mạnh tôn trọng những nhu cầu thường tình của cá nhân. Và xã hội có thể lành mạnh được, cũng như trẻ em có thể sống hạnh phúc, hồn nhiên, nếu người lớn *tôn trọng* sự phát triển tự nhiên của trẻ em. Freud hoàn toàn đồng ý với tôi trong nhận định này: một nền giáo dục lấy người lớn làm chuẩn cho trẻ em là sai lầm! Cũng vậy, một nền giáo dục sẽ sai lầm, khi nó không tôn trọng sự phát triển tự nhiên của tính dục ở trẻ em.

Riêng về học thuật, tôi nghĩ, sẽ có lợi hơn, nếu bạn trực tiếp nói chuyện với Freud. Khó khăn về ngôn ngữ, tôi xin giúp làm phiên dịch.

- *Bạn đọc*: Nếu nói một câu thôi, thì ông sẽ nói gì về lý thuyết của ông?

- *Freud*: Le fond de toute vie psychique est inconscient.

- *H.N.D. dịch*: Nhân lõi của tâm lý là cái vô thức.

- *B.D.*: Nếu nói thêm một câu nữa, thì liệu lý thuyết của ông có đủ để nói không? Nếu có, thì...

- *F.*: C'est la sexualité enfantine.

- *H.N.D. dịch*: Tính dục của đời sống cá thể, bắt đầu rất sớm, từ lúc mới sinh. Đó là một cái có thật với cả một quá trình tiến hoá lâu dài, qua từng lứa tuổi. Thật ra, đó là một quá trình có hai xu hướng tiến triển, hoặc một cách lành mạnh, tự nhiên, mà cũng có thể bị đè

nén, chà đạp, thậm chí còn bị đối xử tàn tệ. Thường thì người lớn không để ý gì đến nó, hoặc gò nó theo những ý định của mình. Cứ xử như vậy, chỉ vì người lớn biết độc một trạng thái trưởng thành của tính dục, khi nó đã đạt đến cái “hình thái kinh điển” của nó. Lý thuyết của tôi về tính dục có thể gói lại trong 3 điều sau đây:

1- Tính dục biểu hiện rất sớm ở trẻ em, với những hình thái rất khác với tính dục ở người lớn.

2- Để hiểu được điều đó, cần có một khái niệm tính dục khác với quan niệm thông tục của mọi người từ xưa đến nay.

3- Cần phân biệt hai chức năng trong đời sống tính dục (la vie sexuelle) để có khoái cảm nhục dục và để phục vụ cho giống loài. Nghe đâu, điều này ông Hồ Ngọc Đại đã nói cặn kẽ trong các mục trước.

Ngoài ra tôi có thể phân biệt ra 4 pha phát triển của tính dục (để nghị để nguyên tên gọi, không dịch) 1- Phase orale, 2- Phase anale, 3- Phase phallique, 4- Phase génitale. Pha cuối cùng bắt đầu từ dậy thì với biểu hiện còn khá xa lạ với hành vi tính dục “chính cống”, ví dụ, *thích nhìn* (plaisir visuel) của người khác giới và cảm thấy thèm thèm của ấy (la faim sexuelle). Riêng về vấn đề tính dục của trẻ em, tôi đã dành ra hơn 50 trang sách (yêu cầu bỏ mi-crô ra, xin nói khê một số vấn đề xem ra còn có thể hợp với lỗ tai bạn đọc Việt Nam⁽⁶⁰⁾).

Ngay trong *Lời Tựa* quyển sách (59), tôi có ý thanh minh để tránh những hiểu lầm không đâu. Chắc ở Việt Nam chẳng có tình trạng như đã từng có ở các nước châu Âu đầu thế kỷ. Họ không đọc, không tìm đọc. Nếu đọc thì họ đeo kính định kiến, rồi suy diễn, rồi quy kết, rồi làm đủ mọi chuyện để chứng tỏ là họ có thừa đạo đức dâm dục, còn ai nói gì, nghĩ gì, mặc ai. Thế nên, nhân dịp tái bản lần thứ tư, năm 1920, ở Vienne, tôi phải nói là đến bây giờ còn có người coi tôi như một kẻ đưa ra “chủ nghĩa nhục dục tràn lan”, cái gì cũng

⁽⁶⁰⁾ S. Freud. Xem ⁽⁵⁹⁾, p. 65-111.

quy tụ về tính dục. Họ đứng trên cao ném cái nhìn khinh bỉ xuống lý thuyết của tôi. Nhưng tại sao họ không nhớ là Platon đã đưa ra một tư tưởng về tính dục còn rộng rãi hơn nữa kia, cái L'Eros⁽⁶¹⁾?

Về tính dục trẻ em, cái chuyện nghe dễ sợ nhất, sách báo cũng từng đưa ra những ca giât gân của những đứa trẻ đến với chuyện ấy quá sớm, như thủ dâm và thậm chí còn giao hợp. Nhưng người ta đều coi là những ca ngoại lệ, chả ai nghĩ rằng cái sự đó vẫn có thể xuất hiện đều đều được⁽⁶²⁾. Rồi ngay cả chính tôi và bạn, lắm khi nhớ lại những ấn tượng về chuyện ấy hồi bé, nghĩ đến mà ngượng, tằm bậy quá! Nhưng chẳng lẽ cả nhân loại tằm bậy hay sao? - Lỗi tại Thượng đế đã gieo vào đứa bé mới sinh cái hạt giống tính dục, âm thầm như hạt giống còn vùi dưới đất. Nhưng chỉ vài ba bốn tuổi thì đã trồi lên, có thể nhận ra được các hình thức biểu hiện của hành vi ấy. (Mà người lớn chúng ta thường chặc lưỡi. – trò trẻ con nghịch ngợm, chứ,...). Người lớn, nhất là bố mẹ đứa trẻ, ai dám nghĩ bậy bạ, đứa bé mới nứt mắt mà đã... thế! Nhưng tôi vẫn coi những biểu hiện sau đây thuộc về phạm trù tính dục.

Bú. Đó là một hành vi gồm những động tác nhịp nhàng của môi, của lưỡi, của phần da thịt. Nó bú say sưa đến ngây ngất, rồi sau đó lăn ra ngủ - Không phải ư, đó cũng là một biểu hiện của orgasme⁽⁶³⁾. Hơn nữa, vừa bú trẻ vừa sờ tỳ, sờ chim... Nếu tôi gọi đó là sự thủ dâm thì các bà mẹ sẽ hét lên cho là ăn nói quá quắt. Nhưng tôi vẫn cứ nói – đó là hành vi tính dục ở trình độ phát triển lúc ấy (Sdd, tr.73) với 3 đặc điểm: 1- Chưa có đối tượng; 2- Tự khoái; 3- Mục tiêu bị quy định bởi sự hoạt động của một vùng kích thích tính dục (zone érogène).

⁽⁶¹⁾ S. Freud. Xem ⁽⁵⁹⁾, p. 12-13.

⁽⁶²⁾ S. Freud. Xem ⁽⁵⁹⁾, p. 65.

⁽⁶³⁾ *L'orgasme* đọc là oóc-gat, là lúc khoái cảm nhục dục đạt đến đỉnh cao nhất và chỉ khi nào đạt đến đấy thì mới gọi là một hành vi thành đạt. Nhiều người không lên được đến cao độ ấy, cứ lửng lửng.

Các vùng kích thích tính dục là những nơi trên cơ thể mà gặp sự kích thích thích hợp thì có khoái cảm rất đặc biệt. Các vùng này cũng có từ bé, ở *ngoại da* và ở những nơi tiết ra chất nhờn. Các vùng ấy có những đặc điểm y như của các vùng gây các rối loạn thần kinh. Cho nên, bạn chớ ngạc nhiên khi nghe Moebius nói - tất cả chúng ta, ai cũng điên điên tí chút (Sdd, tr.61). Có thể chia ra hai vùng, vùng gọi là *trung tâm* (centrale), vùng gọi là *ngoại biên* (périphérique). Một kích thích ở vùng này có thể lan sang vùng lân cận, ra ngoại biên, hoặc từ ngoại biên vào.

Sự tự khoái của trẻ em (masturbation enfantine)

Lúc bé, trẻ dùng ngón tay ngoáy ngoáy, sờ sờ vào lỗ đít, vùng hậu môn, tạo ra một khoái cảm. Khoái cảm này vẫn còn lại lâu dài sau này.

Lớn lên thì sờ vào cơ quan sinh dục. Khoái cảm được đánh thức dậy. Tất cả các em bé đều có khoái cảm này. Có hai cách gây kích thích, sờ tay trực tiếp (phần lớn đối với các cháu trai) và kẹp vào đùi riết (với các cháu gái).

Có 3 pha trong tự khoái của trẻ: 1- lúc đang bú, 2- chừng 3-4 tuổi và 3- lúc dậy thì. Mỗi pha kéo dài trong một thời gian rồi lắng xuống. Nhưng để lại dấu vết sâu sắc nhất là pha thứ hai, khi trẻ lên 3-4 (có hai xu hướng *sain et névrose* - lành mạnh hay bệnh tật). Các cháu gái ở tuổi này thường thủ dâm (onanis me) và làm tiết chất nhờn. Nhiều cháu bé bắt đầu thích thú về những khoái cảm từ cơ quan sinh dục và trở đi trở lại với thói quen này. Nguyên nhân của trẻ là từ bên trong cơ thể. (Sdd, tr. 82-85).

Trẻ em tìm hiểu về tính dục. Từ 3 đến 5 tuổi trẻ em quan tâm đến những chuyện tính dục, cứ hỏi mãi quanh chuyện đại loại như “trẻ con ở đâu ra”. Bạn không nên lo. Sự tìm hiểu ấy đánh thức trí thức trí tuệ của trẻ, giúp cho trẻ thông minh hơn. Chẳng thế mà nó đưa ra nhiều lý thuyết (và sau này các học... giả gọi là giả thuyết nghiên cứu) về sự sinh đẻ. Trẻ ra đời từ nách, từ bụng, từ nang tiên, v.v...

Lớn lên chút nữa, trẻ thấy những giả thuyết “khoa học” của mình hình như không đúng, khi trông thấy người chữa mỗi ngày một phình phình ra. Nhưng nó không biết tại sao, vì nó còn chưa biết đến vai trò đích thực của các cơ quan sinh dục và các nhân tố sinh lý của sự thụ thai. Sự quan tâm ấy lắng sâu xuống trong một thời gian dài (thường là tuổi học sinh cấp I). Sau đó lại dậy lên. Bấy giờ, người lớn mới “à ra thế”, cuống cuống lên, lo sợ. Họ giục con chăm học, đọc nhiều sách, v.v... Nhưng, làm như vậy, bạn biết không, chính là làm tăng thêm những kích thích tính dục. Tôi muốn nói rõ hơn: sự tập trung chú ý vào những công việc trí óc và tinh thần căng thẳng cũng là cách tạo ra sự kích thích liên quan đến tính dục, dù ở trẻ em hay ở người lớn (Sđd, tr.104). Chẳng là trong cơ thể có một cơ chế dồn sự quá căng thẳng từ trí óc sang chuyện ấy. (Không thì “vỡ đầu” ra mất).

Tôi muốn dừng lại ở ngưỡng dậy thì, vì câu chuyện sau đó còn dài hơn. Tất nhiên, vấn đề không phải nhiều hay ít số vấn đề, nhiều hay ít thời gian, mà nhiều hay ít chính bản thân vấn đề tính dục của trẻ em. Tôi đã nói về quãng tuổi rất non dại để hy vọng có ý nghĩa thuyết phục hơn. (Vâng, cũng dễ bị phản đối hơn. Nhưng vì vậy mà có thể thuyết phục được). Xin cảm ơn sự chú ý của bạn.

LỜI NGƯỜI DỊCH

Nhiều nhà khoa học hồn nhiên (đã là nhà khoa học thực sự thì ai cũng hồn nhiên cả thôi) thường đi đến triết học một cách tự nhiên, chứ không cứ gì nhà triết học chuyên nghiệp. Tôi biết hai người như thế trong tâm lý học. Piaget và Freud. Hai ông đều có được khái niệm phát triển (dù rằng khái niệm phát triển ấy của các ông chưa thật sự phát triển). Mỗi ông đều tìm thấy ở trẻ em mọi *sự sinh thành*. Nhưng không ai thoát khỏi sự khống chế trực quan của cái di

truyền bản năng. Xem ra, Piaget thanh thản hơn, vì ông nghiên cứu trên trẻ em bình thường, không như Freud nghiên cứu người bệnh. Đổi lại, Freud táo bạo hơn, vì đi vào một lĩnh vực đen đặc những định kiến là định kiến, không như Piaget nghiên cứu về trí tuệ.

Freud đã thấy những khoái cảm nhục dục, sức hấp dẫn của nó, những biểu hiện đa dạng và trái ngược nhau của nó..., ở trên suốt cuộc đời cá thể. Thật là giỏi! Thực ra, nói cho phải, đời sống tính dục sinh thành và phát triển cùng với đời sống cá thể nói chung - một kết luận như thế chẳng làm cho tôi ngạc nhiên. Nhưng nói cho ra lẽ, chi li, cặn kẽ, nói to lên mà thuyết phục, thì tôi xin chịu. Phát hiện ra toàn bộ tiến trình nảy sinh, hình thành và phát triển của đời sống tính dục, - việc này, dù có sai lầm đến đâu về cách lý giải, vẫn có giá trị độc lập của nó. Bất cứ những gì liên quan đến cuộc sống của con người đều cần phải được xử lý một cách nghiêm túc và công bằng. Tại sao những công trình về mắt, về tai, mũi, họng, về da, v.v..., được trình bày một cách trịnh trọng, công khai, mà cái sự sống sát sạt, thiết thân và hấp dẫn, âm í và sôi sục, thì lại coi khinh, giấu giếm, vụng trộm? (Tôi đang nói về cái sự "nói về" chứ không phải cái sự thực thi). Tại sao ai cũng ra sức tìm kiếm những khoái cảm rất tốn kém *từ ngoài* đưa vào (từ thức ăn, ánh sáng, âm thanh...) mà không tìm thấy những khoái cảm ngay trong cơ thể mình^(*). Hàng ngàn vạn năm, rồi hàng trăm năm khoa học phát triển rất mạnh (từ thời hoàng kim của chủ nghĩa tư bản) người ta càng xới lên biết bao nhiêu vấn đề trên lục địa con người, mà vẫn để hoá ở đó một vùng nguyên thủy rậm rịt um tùm, chưa một dấu chân khoa học nào men đến gần. Thế mà, Freud cả gan xông vào, đến tận hang ẩn nấp của khoái cảm nhục dục, bàn tay của ông sờ được nó trong bóng tối định kiến, rồi thấy được nó dưới ánh sáng khoa học, rồi ông mới thừa

(*) Thường để có một hành vi công bằng duy nhất là đã ban phát khoái cảm tính dục cho tất cả mọi người, không kể thành phần xuất thân và nơi sinh sống của cá thể ấy.

với cả làng: Bà con ơi, không phải là con quý như người ta đồn, mà là người bạn hết sức thâm lặng và thân tình, chưa gặp thì e thẹn rút rè, mà đến rồi thì cởi mở bộc bạch hết mình.

Nghe lời ông, nhiều người đi theo. Lại gì thói thường người đời, có ít xuýt ra nhiều và ai dám bảo còn quá ít những kẻ quá khích ở cả hai phe, để gây ra những cuộc ẩu đả. Mà đã ẩu đả thì mọi chuyện từm lum toè loe ra, buộc nhà chức trách phải truy tìm kẻ đầu têu. Thế là được thể người ta đổ riết cho một ông Freud.

Ra trước toà, ông Freud tự khai về mình như sau:

Tôi, Sigmund Freud, sinh năm 1856 tại Moravie, nước Áo, chết năm 1939 tại London, nước Anh.

Thành phần dân tộc: Do Thái.

Cha tôi 41 tuổi, lấy mẹ tôi (là vợ thứ hai), 20 tuổi. Khi sinh ra, tôi đã có một người anh 21 tuổi con bà trước. Bà ấy sinh thêm 1 trai và 1 gái. Mẹ tôi sinh được 7 anh chị em, có hai trai, nhưng anh tôi chết lúc 8 tháng.

Tôi học sinh lý học với chuyên ngành lịch sử hệ thống thần kinh giải phẫu óc. Lúc đầu tôi làm việc ở Paris, sau chuyển về Vienne. Bằng việc làm, tôi đã nổi tiếng từ năm 30 tuổi, nên khi từ Pháp về, tôi được Vienne đón như một thượng khách.

Tôi chuyên nghiên cứu về bệnh tâm thần, nên do nghề nghiệp mà vào năm 1902 sáng lập ra công thức: Psycho + analyse = Psychanalyse.

Năm 1910 đại hội quốc tế thành lập API (Association Psychanalytique Internationale) họp ở Nurembourg.

Tự phê bình ưu và khuyết điểm. Tôi được góp ý là người sáng suốt, dững cảm, chân thành một cách kỳ cục, có khát vọng đi tìm cái mới, tin vào chân lý và cuộc sống.

Kẻ thù của tôi là định kiến và sự thần bí hoá đời sống cá nhân. Tôi nghèo, may có ông chú bên vợ đỡ cho về khoản tiền nong, đắp

thêm vào đồng lương ít ỏi của tôi.

Tài sản để lại: 50 tập sách.

Nhân chứng Romain Rolland (Nhà văn)

Năm 1903 lần đầu tiên tôi đọc Freud. Nhưng tôi chỉ còn giữ lại bức thư để ngày 22-3-1923 gửi cho ông ấy. Trong đó có câu này:

Freud là Christophe Colomb tìm ra một lục địa mới của tinh thần (esprit).

Ngày 20-1-1936 tôi chính thức đề nghị Viện Hàn lâm Thụy Điển tặng cho Freud giải thưởng Nobel về văn chương. Nhưng Freud lại nhận giải thưởng Goeth (lúc Freud đã 74 tuổi).

Nhân chứng Aragon (Cộng sản)

Khi Freud bị bôi nhọ nhục nhã, thì nhiều người mới tỉnh ngộ, tự hỏi, vì sao chủ nghĩa Freud có thể thâm nhập vào trong lĩnh vực của đời sống (nhất là các hoạt động xã hội) và nó cứ tồn tại, thậm chí còn phát triển nữa?

Đã đến lúc cần phải biết rõ bản thân học thuyết Freud, rồi sau đó hãy tiến hành phân tích nó.

Các nhân chứng Einstein, Gilbert, Brande đều có mặt, nhưng Toà yêu cầu trình bày vào phiên sau.

Phiên này Toà tuyên bố kết thúc.

Các nhân chứng có mặt còn chưa nói, các nhân chứng mới sẽ đến và sẽ sinh ra. Các phiên toà còn mở, còn xét xử, còn để lại cho cuộc sống thẩm định.

5 - ORGASME

Xin lắng nghe một phụ nữ, bà Hélène Deutsch, nói về chuyện ấy⁶³.

HND dịch. Hành vi tính dục ở cả nam lẫn nữ đều nhằm hai mục đích dính với nhau, thoả mãn nhục dục và sinh đẻ. Nhưng khi đã bùng lên, ngọn lửa tính dục đã thiêu cháy sạch cái mục đích sinh đẻ ở cả hai. Cái còn lại, phân tích kỹ hơn sẽ thấy có sự khác nhau sâu sắc:

Ở nam giới, chức năng sinh đẻ chỉ phụ thêm vào, còn phụ nữ khi thực hiện nghĩa vụ loài, thì vót vát lấy khoái cảm làm chút đền bồi gọi là. Lịch sử đã tạo ra một tâm lý khá bền vững như thế nào cho mỗi bên, đến nỗi phụ nữ cảm thấy có một sự đồng nhất (trong tâm lý) giữa hành vi giao hợp với sự sinh đẻ, tưởng như có một chiếc cầu nối đôi bờ ấy với nhau làm một.

Freud đã có lần nói rằng âm hạch (clitoris) sẽ trở thành thừa đối với một phụ nữ trưởng thành, khi đã dồn tất cả khoái cảm cho âm đạo. Nhưng tôi (Hélène Deutsch) nghiên cứu kỹ, thấy vẫn có cả hai, khốn nỗi, phụ nữ lại ở vào cái thế như con lừa Esope chết đói chỉ vì lương lự không biết nên vào đâu, cả hai chuồng đều thừa mứa cái ăn! Vì có hai tổ chức tạo ra khoái cảm mà phụ nữ thường không thoả mãn nhục dục.

Trong thời kỳ chưa có kinh nghiệm trực tiếp, con gái mới lớn hay phụ nữ lớn tuổi (mà chưa chung đụng với đàn ông) chỉ có một cơ

⁶³ Hélène Deutsch. *La psychologie des femmes*. Traduit d'après la 7e édition américaine. P.U.F. 1955. *The psychology of women*. N.Y, 7e.

quan trung ương là âm hạch. Âm đạo sẽ trở thành như thế khi đã có kinh nghiệm ấy. Một âm đạo chưa mất trinh không có những kích thích tinh dục tương đương với dương vật của nam giới. Như vậy, kinh nghiệm chung đụng trực tiếp với đàn ông đã chuyển sang vai trò thống trị từ âm hạch sang âm đạo. Nhưng đồng thời cũng vì vậy mà những ấn tượng cho, nhận, giữ lại, chứa đựng... của hành vi giao hợp là phù hợp với chức năng sinh đẻ. Thế đấy, thiên nhiên đã khéo liệu, giao cho nam giới cái trách nhiệm biến âm đạo thành một cơ quan khoái cảm¹⁾ khiến cho nghĩa vụ loài được cả hai bên tiếp nhận như một điều mong muốn.

Suốt cả một thời (từ bé đến khi chưa chung đụng với đàn ông) âm hạch đóng vai trò trung tâm kích thích nay vẫn biết là vai trò ấy không còn như xưa nữa, nhưng không dễ gì nó nhường hẳn tất cả cho âm đạo. Trong khi đó, âm đạo biết là chưa thể bao hết cùng một lúc cả hai nhiệm vụ, còn phải ưu tiên cho nhiệm vụ sinh đẻ. Lại một lần nữa, khen cho Thượng đế khéo liệu, giao cho nhà thiết kế thiên nhiên thiết kế cho mỗi chức năng một cơ quan riêng: Âm hạch cho khoái cảm và âm đạo cho sinh đẻ. Lúc còn bé đã làm gì có chuyện sinh đẻ, thì âm hạch phải thống trị, còn khi đã đến thời gian sinh đẻ thì âm đạo giành lấy quyền đó. Nhưng nói vậy thôi, ý định của Thượng đế không được người đời nhất trí, nên mới có tình trạng nước đôi. Mãi sau này, âm hạch vẫn giữ chức năng cổ truyền của mình, không tự nguyện bàn giao cho âm đạo. Trong khi đó âm đạo cũng nhùng nhằng, không dám quyết đoán nhận cả hai nhiệm vụ. Thành thử khi giao hợp phụ nữ không dứt khoát là chỉ thực hiện một nhiệm vụ này, gác lại nhiệm vụ kia, mà cứ nhập nhằng, do đó cứ lúng túng mãi, nhiều khi đâm nhụt chí, sinh bệnh (frigidity).

H.N.D. bình: Đoạn vừa rồi bà H. Deutsch viết năm 1945,

¹⁾ Thực ra hành vi giao hợp chỉ đánh thức dậy cái khoái cảm đã chờ sẵn ở đấy hơn là đưa từ ngoài vào.

cách đây 40 năm. Trong 40 năm qua có những chuyển biến rất to lớn trong lĩnh vực hưởng thụ khoái cảm nhục dục, thì nguyên nhân hoàn toàn không phải do những yếu tố sinh lý, thể chất quyết định được. Đây là một vấn đề tâm lý.

Trong hưởng thụ khoái cảm nhục dục, vấn đề quan trọng là cơ quan thực hiện.

Các cơ quan ấy đành rằng đã có và hoạt động theo quy luật của chúng, nhưng ai là kẻ *ấn nút* cho cái bộ máy ấy chạy? Và ấn nút trong hoàn cảnh nào? Các cơ quan chỉ là công cụ cho ý thức, nói đúng hơn, cho bản lĩnh tính dục thực hiện năng lực cảm thụ của nó. Nếu đó là cơ quan hoạt động theo sinh lý hay bản năng thì nó cho ít khoái cảm hơn nhiều, so với ý thức điều hành. Ý thức này càng mạnh, nếu có cảm nhận một cách có ý thức trình độ hoạt động của cơ quan thực hiện nhiệm vụ ấy. Ở đây kinh nghiệm cá nhân, trình độ văn hoá và ý thức về mục đích của hành vi giao hợp của mình và của bạn tình - tất cả cùng nhau tạo ra khoái cảm nhục dục mà phải đạt đến orgasme.

H.N.D. dịch tiếp:

L'orgasme est fortement conditionné par le psychisme (p.75).
Những điều kiện gì cần và đủ cho có orgasme? Trước hết là năng lực của âm đạo, có thể hoạt động theo một cơ chế trái ngược - vừa phải co lại, vừa phải giãn ra theo nhịp của dương vật. Hai là cần phải cư xử đúng với phụ nữ. Người ta thường tưởng rằng hành vi tính dục của hai bên tương đương nhau. Chẳng phải! Ngay từ đầu, động cơ đẩy hai bên đến hành vi ấy là hoàn toàn khác nhau. Nam giới đang ở trạng thái chưa căng tinh dịch, cần phải tháo đi như một nhu cầu sinh lý tự nhiên^(*). Mở van, tháo đi, vì vậy, hành vi giao hợp tạo ra một khoái

(*) Tôi không hoàn toàn chấp nhận, cũng không bác bỏ lập luận này. Trong hành vi tính dục thì sinh lý chỉ là điều kiện hay "cơ sở vật chất" để tiến hành thôi, dù là đối với nam hay nữ. H.N.D.

cảm cực kỳ lớn cho nam giới. Trong khi đó, sự tiết dục ở phụ nữ chỉ là phân phụ thêm vào, đóng vai trò “tạo điều kiện thuận lợi” cho dương vật hoạt động, chứ không tháo gỡ được gì. Nữ giới vẫn có nhu cầu tính dục, nhưng trước hết phải có tâm lý muốn cảm nhận được khoái cảm nhục dục rồi mới giao nó cho giác quan thứ sáu đảm nhiệm về mặt sinh lý. Còn nam giới thì trước hết do sự thôi thúc sinh lý mà tìm cách giải quyết rồi sau đó mới tìm thấy nhân tố tâm lý.

Trong đời sống thường ngày, nữ giới ở trong trạng thái tiết dục, không mấy khi cảm nhận được sự căng thẳng nhu cầu nhục dục ở cơ quan sinh dục. Với phụ nữ, ý muốn nhục dục nảy sinh từ nhu cầu được yêu và được cho. Những phụ nữ có chồng bất lực hay tức giận, cáu kỉnh, chỉ vì thất vọng, như bị xúc phạm, bị quấy nhiễu, chứ không phải vì sự kích thích xác thịt. Cũng vậy, một khi phụ nữ nếm được khoái cảm, thì có nhu cầu nếm lần nữa (như mọi thể nghiệm khoái cảm khác), chứ không phải do nhu cầu cấp thiết về sinh lý. Nhân tố tâm lý này rất cơ bản đối với phụ nữ, đến mức khi chưa được kích thích đúng mức thì tâm lý ấy xui cơ thể phụ nữ chống cự quyết liệt, âm đạo co thắt, khép chặt lại. Tình trạng này thường thấy ở những phụ nữ chung sống với người chồng hèn học, ích kỷ hoặc không có kinh nghiệm, nói chung là thiếu văn hoá tính dục. Lúc ấy phụ nữ tham gia vào chỉ để thực hiện một bốn phần hơn là một sự hưởng thụ, điều này, đến lượt nó, cũng làm thui chột mầm mống văn hoá tính dục lẽ ra cần được phát triển một cách lành mạnh.

Còn có một loại orgasme coi như một cuộc thi đấu, xem ai là kẻ thua cuộc (hoặc ai sẽ trụ được lâu hơn). Trường hợp này thường có ở những phụ nữ táo tợn, chỉ muốn giành lấy phần hơn ngay cả trong sự giao lưu thân mật nhất giữa hai người. Những người hiện đại cư xử ôn hoà hơn, muốn sao cho cùng kết thúc một lúc, coi đó là sự hài hoà lý tưởng, nhưng nghiên cứu kỹ thì thấy chẳng cần. Phụ nữ thường chậm đến orgasme, nhưng cũng chậm rời khỏi nó. Đến từ tốn mà đi còn từ tốn hơn. Điều này phản ánh đặc điểm của âm đạo

trong giao lưu tính dục nhằm sinh đẻ: tiếp nhận một cách âu yếm và muốn giữ lại lâu hơn. Xu hướng giữ lại có tính áp đảo, vì nó còn chờ sự thụ thai mà kết thúc bằng sự sinh đẻ. Lúc ấy phụ nữ còn nỗi sợ thiệt thân (giống như nam giới sợ thiếu) và mặc cảm tội lỗi. Điều này cản đường đi đến orgasme. Tình trạng phụ nữ không đến được orgasme vì sợ thụ thai là phổ biến. Hầu như không có một phụ nữ nào trong khi nhắm nháp khoái cảm giao hợp mà không vắn vương (dù hết sức mơ hồ) chuyện chưa đẻ.

Có thể nói, trong khi giao hợp, phụ nữ có tâm lý coi đó như mở đầu một quá trình sẽ kết thúc ở sự sinh đẻ. Đồng nhất hành vi giao hợp với sự chưa đẻ là biểu hiện chức năng kép của âm đạo, xét cả về mặt sinh lý lẫn kinh nghiệm tính dục. Đó cũng là đặc điểm của tâm lý phụ nữ trong giao lưu tính dục.

H.N.D. bình:

Orgasme đã đành là một chức năng sinh học và di truyền. Nhưng để đạt đến orgasme thì không phải chỉ một cơ chế ấy, hơn nữa, chủ yếu cũng không phải. Đây là một cơ chế tâm lý. Mà đã nói đến tâm lý thì phải tính đến đặc điểm dân tộc, thời đại, văn hoá. Không phải ngẫu nhiên tôi dùng thuật ngữ “văn hoá tính dục” (tương tự như bản lĩnh tính dục). Trước đây, khi chưa phát hiện ra cơ chế thụ thai và chưa có các phương tiện triển khai nó, thì lẽ đương nhiên hai chức năng của âm đạo xen lẫn, hoà hợp với nhau, trong đó chức năng sinh đẻ phải đóng vai trò chủ yếu. Tuy nhiên, khi đã có cả cơ chế và phương tiện, thì cũng chưa đủ để có được orgasme. Cả một tâm lý xã hội ngàn vạn đời truyền lại dưới biết bao nhiêu hình thức khác nhau (cổ tích, ca dao, tục ngữ, phong tục tập quán...) luôn luôn đè lên cuộc sống từng người. Chừng nào người phụ nữ chưa được giải phóng về cả mặt xã hội lẫn mặt gia đình và cá nhân, thì orgasme vẫn còn là chuyện may rủi, ngẫu nhiên. Mà muốn giải phóng mọi ràng buộc để cho phụ

nữ có thể đi đến orgasme một cách tự nhiên, thì phải tiến hành cả một cuộc cách mạng xã hội, một cách vật chất và chứng nào những thành tựu ấy được củng cố chắc chắn thì mới hy vọng tạo ra một công luận đủ sức coi bỏ những ràng buộc tinh thần. Orgasme là vấn đề xã hội, vấn đề tinh thần, tâm lý chứ không phải là vấn đề sinh lý, sinh học đơn thuần.

Để có được orgasme, mỗi bên phải cộng tác với bên kia, phải xác định được mục đích giao lưu tính dục (có thể bất cứ mục đích nào, miễn là phải dứt khoát). Nếu mục đích đó là chung cho cả hai, thì có nhiều cơ hội đạt được orgasme cho cả hai và nâng nó lên cao mãi. Trong hoàn cảnh ấy các cơ quan sinh dục và các nhân tố sinh lý chỉ đóng vai trò là *cơ sở vật chất* thôi!

Lời bình của tôi có thể chưa làm hài lòng bạn. Bạn nghĩ rằng tôi coi thường vai trò của bản năng, của cơ chế sinh lý thuần túy, mà đề cao ý thức và ý nghĩa xã hội của vấn đề rất riêng tư ấy. Chúng ta hãy quay trở về với Freud và với câu chuyện đang còn dang dở, thuần túy sinh lý hơn, rồi sẽ tranh luận tiếp.

*
* *

Freud. J'expose maintenant transformations de la puberté.

H.N.D. dịch: Trước tuổi dậy thì, những xung động dục tính còn là tự khoái. Ngưỡng cửa dậy thì hé mở. Thiếu niên, nhất là thiếu nữ, bắt đầu phát hiện ra *đôi tượng* tính dục và *mục đích* tính dục. Thế là những xung động địa phương, lẻ tẻ, từng nơi lỗ chỗ, nay đều quay về quy phục vương quốc sinh dục. Từ nay, cơ quan sinh dục (cũng là trụ sở của giác quan thứ sáu) có thể hoạt động từ 3 nguồn kích thích: -1 từ thế giới bên ngoài, 2- từ bên trong cơ thể, 3- từ đời sống tâm lý.

Lời bình của H.N.D.:

Có những vấn đề thuần lý luận, cũng có những vấn đề thuần thực tiễn. Ấy là nói cho tiện. Thực ra, một vấn đề nào

đó thuần thực tiễn chỉ khi nào nó có một cơ sở vững chắc thuần lý luận. Và ngược lại.

Tuy nhiên, đôi khi những tác động thực tiễn rất phân tán, đa dạng, trái ngược nhau. Có thể lấy bất cứ sự kiện thực tiễn *có thật* nào để minh họa cho bất cứ luận điểm nào trong đời sống xã hội và cá nhân.

Trong khoa học, điểm xuất phát và cơ sở bền vững nhất là *sự kiện*. Nhưng nó cũng chỉ đến mức là cơ sở và điểm xuất phát thôi. Điều quan trọng nhất là cái *linh hồn* (bản chất lý luận) của nó.

Freud tách ra các nguồn kích thích, thì ông đã phải đưa *đời sống tâm lý* vào. Nhưng đời sống ấy chẳng lẽ không phải từ bên ngoài, mà cũng không phải từ bên trong?

Freud. La tension sexuelle...

H.N.D. dịch: Cảm giác về sức căng tính dục bao giờ cũng bứt rứt. Cảm giác ấy (sentiment) nảy ra nhu cầu phải thay đổi tình thế tâm lý ấy. Cách giải quyết có khi rất đơn giản, bằng một cơ quan khá xa lạ. *Mắt* là vùng tính dục xa vời nhất với *đối tượng*, nhưng lại đóng vai trò đặc biệt trong việc chinh phục đối tượng (cảm giác sắc đẹp).

Đối tượng của cảm giác này phải có chất gọi cảm tạo ra một lượng nào đó khoái cảm, khoái cảm này sẽ dẫn đến kích thích tính dục. Ví dụ, chỉ nhìn thấy ngực phụ nữ cũng cảm thấy thích thú (plaisir). Tất nhiên đó chỉ là *khoái cảm* mào đầu. Một khoái cảm này sẽ gọi ra một khoái cảm khác và tăng thêm độ khoái cảm, nếu biết kích thích thích hợp. Một khoái cảm này, do đó, cũng là điểm xuất phát của một độ căng cao hơn, cao mãi cho đến khi tạo ra một năng lượng vận động cần thiết cho hành vi tính giao, mà rút cục phải tập trung vào một vùng, ở cơ quan sinh dục. Sau đó còn phải tiếp tục kích thích đủ mức thì các cơ quan này mới tạo ra orgasme, đồng thời làm xui đi độ căng libido, gọi là khoái cảm kết thúc. Cần chú ý đến mối nguy này: khoái cảm mào đầu quá lớn, khiến cho độ

căng còn lại quá yếu. Nhiều trường hợp, vì vậy, không thể tiếp tục được quá trình lễ ra phải diễn biến hoặc rút lại quá ngắn đoạn đường từ hành vi chuẩn bị đến hành vi kết thúc, do đó khó đem lại orgasme cho bạn tình.

Khoái cảm mào đầu không phải sau này mới có trong một hành vi giao hợp chính cống, mà cũng có cả trong một quá trình dài lâu, lúc *còn bé*, đặc biệt rõ hơn từ thời kỳ 8 tuổi đến tuổi dậy thì. Ở tuổi ấy, các vùng kích thích tính dục hầu như gần gũi với tuổi trưởng thành: cũng có độ căng tính dục và sự thoải mái của nó.

H.N.D. bình:

Ở đây nên dùng quan điểm phát triển mà nhìn nhận sự hình thành các khoái cảm (mào đầu và kết thúc).

Đời sống tính dục là một tiến trình phát triển (tương ứng với sự trưởng thành của cơ thể). Nó phải trải qua các giai đoạn tất yếu của nó, không một giai đoạn nào có thể làm chuẩn cho một giai đoạn khác. Ở tuổi trưởng thành, đời sống tính dục đạt đến *hình thái chính thức* của nó (cũng như cơ thể đã chững lại ở một độ cao nhất định). Hình thái này chỉ là một trình độ phát triển cao hơn của cùng một đời sống tính dục, giống như quả là một hình thái, mà các hình thái trước nó là hoa, nụ, chồi, mầm. Freud đã mô tả được các hình thái này, vốn rất xa lạ với con mắt người lớn, khi họ lấy hành vi tính giao hợp chính cống (của họ) làm chuẩn.

Quan điểm phát triển còn thể hiện ở trong một hành vi giao hợp. Nó có những giai đoạn của nó. Bạn đã từng đốt lửa trại? Sự kiện này bắt đầu từ một hành vi xa lạ, không có chút lửa nào, ví dụ xếp củ thành đống. Không có củ thì không có lửa trại. Mà có củ cũng chưa chắc có lửa trại. Cơ thể phụ nữ (nói chung là libido) như đống củi ấy. Que diêm tính dục lúc đầu còn rất mong manh dễ tắt, nhưng nếu cẩn thận, từng tí một nhen nhóm, thì ngọn lửa tính dục sẽ bén

dẫn, từ ngoại vi bén vào, cháy to dần theo độ bất của cùi, rồi rùng rục dâng lên, cho đến khi bùng lên ngọn lửa phùng phục đích thị là lửa trại (đạt đến hình thái chính thức). Ngọn lửa ấy nhanh chậm gì cũng sẽ tiêu hết năng lượng libido, rồi hạ dần và còn lâu nữa đám than kia vẫn nóng âm ỉ, phải dùng thời gian tưới lên mới làm cho nó nguội hẳn. Bạn thấy chưa, bản lĩnh tính dục tạo ra sức mạnh tính dục cũng như cùi tốt tạo ra nhiều sức nóng hơn lửa rom. Sức cháy của libido do đó cần được hiểu là sức cháy của văn hoá tính dục, của một trình độ phát triển người nói chung trong toàn bộ lịch sử của nó, chứ không phải chỉ là năng lượng bản năng thiên nhiên hoang dã.

Freud. Rôle de produits sexuels...

H.N.D. dịch: Những sản phẩm tính dục có sứ mệnh gây ra kích thích tính dục, rồi sau đó làm nguội nó đi bằng hành vi phóng xuất. Ở tuổi thiếu niên, việc phóng xuất này có thể xảy ra trong giấc mơ, với cơ chế mượn từ cơ chế thực của hành vi tính dục đích thực. Điều kiện cơ bản để có được sự phóng xuất (với tư cách là phương thức giải quyết kích thích tính dục) là phải có CÁI để mà phóng xuất, tức là có sẵn các sản phẩm tính dục đã được tích tụ đến một chừng mực nào đó. Khi nguồn dự trữ ấy bị cạn đi, thì không thể có được hành vi giao hợp và mọi sự kích thích tính dục vào các vùng tính dục cũng không mang lại bao nhiêu hiệu quả. Tuy nhiên, kích thích tính dục có thể độc lập với lượng sản phẩm tính dục do các cơ quan tính dục sản xuất ra, mà người ta cho rằng có chất hoá học gì đó chạy trong máu, đến hệ thần kinh trung ương và gây ra kích thích tính dục. Tôi tin vào lý thuyết của tôi (Freud) hơn, ấy là thuyết libido.

H.N.D. dịch tiếp: Thuyết libido cho rằng sự kích thích tính dục không phải chỉ có độc một nguồn cung cấp từ các cơ quan sinh dục (là nơi sản xuất ra các sản phẩm tính dục), mà từ tất cả các cơ quan khác, từ năng lượng libido (dục năng) thể hiện dưới hai trạng

thái libido của TÔI là cái còn ẩn tàng, khó lấy ra được để phân tích, và phải đợi nó chiếm lĩnh được đối tượng tính dục, tức là khi nó trở thành *libido của đối tượng*.

Libido khi được tập trung vào đối tượng thì sẽ điều khiển hoạt động tính dục của cá nhân, dẫn dắt nó đến orgasme mới thôi (lúc ấy mới dập tắt được tạm thời ngọn lửa libido).

Libido của đối tượng khi tách ra khỏi đối tượng (kết thúc giao hợp) thì để lửng ở đấy, trong một trạng thái đặc biệt, rồi dần dần biến thành libido của TÔI. Trong cuộc đời cá thể, việc đầu tư libido của TÔI là hành vi khởi đầu được thực hiện từ bé. Việc đầu tư này (cũng như đầu tư vốn cho nhà máy) và biến nó thành libido của đối tượng là một sự kiện trọng đại của đời sống tính dục. Sự chăm sóc tính dục cũng là sự nuôi dưỡng đời sống cá thể nói chung, như chăm bón một cây non. Có những thời kỳ phát triển riêng, chẳng hạn, đến tuổi dậy thì, thì xảy ra...

Freud. La différenciation des sexes.

H.N.D. dịch: Sự khác biệt về giới tính dứt khoát bởi sự khác biệt giữa đàn ông và đàn bà.

Con gái phát triển tính dục sớm hơn con trai. Nhưng nếu xét những biểu hiện tự khoái (autoérotiques) và thủ dâm (masturbatoires) thì tính dục của trẻ em gái có tính chất thuần nam. Nói chung, libido có bản chất nam (mâle) ở cả đàn ông lẫn đàn bà, nhưng khác nhau ở những vùng dẫn truyền tính dục. Ở các em gái vùng ấy là âm hạch (clitoris). Còn ở các em trai – dương vật. Nhưng ở cả hai đều bị kích thích làm cương lên (érection) như nhau. Đến tuổi dậy thì, libido ở con trai được triển khai mạnh và tập trung ở dương vật như trước đây. Còn con gái thì có xu hướng tìm hãm chuyển sự kích thích từ âm hạch sang âm đạo⁽¹⁾. Sự biến hoá này chứng tỏ sự

⁽¹⁾ Sau này, nhiều người không tán thành quan điểm ấy. Âm hạch vẫn luôn luôn giữ rịt lấy vai trò của chính mình trong giao lưu tính dục và trong tính dục nói

xuất hiện dứt khoát đối tượng tính dục, vì vậy xin trình bày tiếp.

Freud. Le découverte de l'objet sexuel.

H.N.D. dịch: Bạn đọc, nhất là các bà mẹ, xin đừng giãy nảy lên nghe những điều sắp nói.

Đối tượng tính dục đầu tiên của trẻ em (cả trai lẫn gái), từ khi nó đang bú mẹ, là mẹ nó. Lúc ấy vùng dẫn truyền tính dục là *mồm* và sau đó là *tay* (sờ tí) và *toàn bộ cơ thể đứa bé* (trong lòng mẹ).

H.N.D. trấn an:

Đây là chỗ người đời khó vượt qua nhất. Hình như chẳng còn “luân thường đạo lý” gì nữa, chỉ có một sự xuyên tạc bỉ ổi, một cái nhìn thô tục trần trụi... (cứ nói tiếp đi cho hả con giận đạo đức, nhưng nhớ cho: giận mất khôn).

Những định kiến cổ truyền quá quen thuộc với thói quen hàng ngày, với tư duy trực quan, hời hợt, đã ngăn cản chúng ta vượt ra khỏi ranh giới cổ truyền của mọi vấn đề (vâng, chẳng phải chỉ trong một vấn đề này). Nhưng có định kiến nào không phải là một thành tựu của quá khứ, một trình độ quá khứ? Và có quá khứ nào không có những vùng ngu muội trong trí óc các vĩ nhân? Có vĩ nhân nào chịu gò mình trong những suy ngẫm và cách cư xử thường tình của thói quen hàng triệu người?

H.N.D. dịch: Mỗi lần bú xong, cô bé (cậu bé) lăn ra. Nàng orgasme ru cơ thể đã thoả mãn trong một giấc ngủ thần tiên, say ngây ngất. Mấy chục năm sau, đối tượng thay đổi, vùng kích thích thay đổi, và sự thoả mãn orgasme ấy còn được ý thức nâng cao hơn, xứng với một bản lĩnh tính dục đã trưởng thành, thì cái vòng “tròn ốc” ấy bạn có tự nghiệm thấy không?

Sau thời kỳ *bú*, là thời kỳ tính dục lùi sâu hơn. Đứa bé chuyển đối tượng từ mẹ sang người khác, trước hết sang những người chăm

chung.

sóc nó, chiều chuộng nó. Những kích thích tính dục vẫn được tạo ra và được thoả mãn, tất nhiên, không phải bằng cái hình thức chính cống (bởi cơ quan sinh dục). Xin lưu ý cho, một sự chiều chuộng (của bố mẹ) quá đáng sẽ trở nên có hại, vì nó tạo ra một sự cảm nhận quá sớm, làm hư đứa bé, sau này không có được tình yêu.

H.N.D. bình:

Khái niệm tính dục (sexualité) của Freud rộng hơn và sâu hơn những quan niệm thông tục, của thói quen thường ngày. Điều này phù hợp với các khái niệm “vùng kích thích tính dục” và orgasme của ông. Sở dĩ bạn lẩn tránh mãi và cứ cảm thấy còn cợn, vì bạn chỉ có một biểu tượng sơ sài về tính dục, hoặc bạn chỉ thừa nhận tính dục trong một hình thức chính cống (classique) của nó thôi, hoặc cũng có thể bạn cứ hình dung sự loạn luân.

Trong những đoạn trích dịch trên đây, nếu bây giờ đọc lại một lần nữa, bạn sẽ thấy ở đâu cũng có vấn đề sinh lý và tâm lý. Nhưng không phải hai cái ghép lại, mà chúng là những biểu hiện được *tách ra bằng tư duy* để xem xét một thực thể.

Freud cho rằng tính dục phát triển một cách *tự nhiên*, từ lúc mới đẻ. Tôi tán thành quan điểm đó. Tính dục, từ những kích thích mào đầu đến orgasme, bản thân nó có một lịch sử. Freud chỉ miêu tả một phần lịch sử ấy – đó là lịch sử của một cá thể. Còn có một lịch sử nữa gắn liền với lịch sử nói chung từ khi khai thiên lập địa đến nay.

Tính dục không phải bỗng nhiên có mà cũng được sinh thành trong sự sinh thành chung của tất cả các lĩnh vực của đời sống cá thể, thì nó có quyền đòi hỏi được đối xử công bằng như với bất cứ vấn đề nào khác. Và nếu không biết bao năm tháng đã trôi qua, nó bị đối xử bất công, thì không thể vì thế nó cũng phải chịu mãi số phận ấy. Freud hơn tất cả mọi người, đã cảm nhận sớm hơn sự bất công ấy và ông đã nói to lên. Định kiến xã hội đã trả thù ông. Nhưng đời sống

của một cá nhân có đáng là bao mà còn vút vào chuyện “vật” ấy. Freud vẫn một mực lắng nghe tiếng nói của chuyện ấy, rồi lại nói to hơn nữa cho người đời phải chú ý. Ông có công lớn là đã dám nêu vấn đề và đặt vấn đề. Chỉ có ông mới dám coi *đời sống tính dục là một chuyện nghiêm túc*. Nó có thể mang lại cho con người hạnh phúc hay đau khổ. Ông vạch ra nguyên nhân của sự đau khổ là từ phía *xã hội* mà ông chỉ biết những định kiến xã hội thôi. Còn hơi hợt lắm! Đến như trong một vùng thuần túy tính dục, ông cũng chưa đi xa được bao nhiêu, chưa vượt quá tầm quá khứ (Nói vậy thôi, không nên chê lịch sử).

Phát hiện ra tính dục như một chuyện nghiêm túc thật là một cống hiến lớn cho đời sống thường ngày. Một sự kiện thiết thân, sát sần sật đến thế với từng cá nhân mà xưa nay bị vùi lấp, bị thui chột và không có điều kiện phát triển hơn. Tôi biết, xưa nay người ta vẫn giao lưu tính dục, vẫn hưởng thụ khoái cảm tính dục, nhưng còn thô sơ lắm, giống như vẫn nói mà mù chữ vậy. Có chữ mới có thể thường thức được tiếng nói, đồng thời có cách làm cho tiếng nói phong phú, tinh tế hơn. Cũng vậy thôi, chờ đến Freud, người đời mới biết mình “mù” tính dục. Không “đọc” được khoái cảm nhục dục thì làm gì có cái thú “ngâm nga” thưởng thức. Nền văn minh đã biến tiếng nói thông thường hàng ngày thành đối tượng hưởng thụ tinh tế, cao sang (văn chương), thì sao lại không thể biến sự giao lưu tính dục thành một hành vi cao sang, tinh tế. Và như vậy, điều kiện tối thiểu, bắt buộc là phải “xoá nạn mù tính dục” (như xoá nạn mù chữ), rồi còn phải “bổ túc” tri thức nữa (như bổ túc văn hoá). Đó là biện pháp cấp thiết đối với những người trưởng thành, còn đối với trẻ em, chúng ta dùng con đường “giáo dục phổ thông” tiến hành một cách chính quy, có hệ thống.

Muốn giáo dục cho trẻ cái gì, trước hết người lớn hãy biết rõ cái đó, một cách **TUÔNG MINH**.

Khoái cảm tính dục chính cống (orgasme) có được từ hành vi tính

dục chính cống (giao hợp). Đó là trạng thái *đạt đến*. Trong giáo dục, chúng ta phải bắt đầu từ đầu. Như vậy, thoát tiên phải xác lập khái niệm tính dục (sexualité). Nó bao gồm tất cả những gì thu được từ *khoái cảm của cơ thể* mà ngày càng quy tụ về cơ quan sinh dục (giác quan thứ sáu). Khoái cảm nhục dục phải được thực hiện một cách vật chất, trong thực tế, dù một cái nhìn (tức là phải có trước mắt một đối tượng, để sau đó có thể thay nó bằng biểu tượng), một cái bắt tay, một chiếc hôn, hay mọi sự đụng chạm cơ thể... cho đến hành vi giao hợp⁽¹⁾. Định nghĩa này tự nó bao hàm cả khái niệm “vùng tính dục”. Với những vùng này, ban đầu khoái cảm tính dục được cảm nhận một cách trừu tượng nhất, vốn còn hoà hợp với những khoái cảm khác do các giác quan mang lại (ví dụ, vị giác). Ở điểm xuất phát, tất cả các khoái cảm cổ điển đều ở trạng thái tự nhiên như nhau với tư cách là khoái cảm nói chung. Với một trình độ phát triển nào đó, các cảm giác đều ở trình độ tương đương nhau. Nhưng về sau, do nhu cầu trực tiếp của cuộc sống mà sự phát triển ấy sẽ *không* đồng đều, nghĩa là khả năng phân hoá ngày càng cụ thể hơn. Đến một trình độ phân hoá nào đó thì mỗi giác quan có được cảm giác độc đáo của chính mình. Đó là thời điểm các vùng kích thích tính dục quy tụ về giác quan thứ sáu ở tuổi dậy thì. Mỗi bước tiến của các khoái cảm nhục thể nói chung đánh dấu một *trình độ văn hoá* của xã hội và của cá nhân, một bước tiến từ trừu tượng đến cụ thể.

Một người không được giáo dục đặc biệt thì không thể nâng cao trình độ cảm nhận của các giác quan, ví dụ, tai không thính âm nhạc, mắt không đọc được chữ. Nói chung, các cảm giác dừng lại ở trình độ là một *cơ sở vật chất* đảm bảo một cuộc sống tối thiểu, bất buộc. Chất văn hoá sẽ xây lên ngôi nhà văn hoá trên nền đó, sẽ làm cho các giác quan trở nên người hơn.

(¹) Một hành vi tính dục tự nhiên phải là sự giao lưu tính dục giữa hai người khác giới.

Với một trình độ văn hoá thấp, mỗi giác quan chỉ là một giác quan tự nhiên¹ của đời sống thường ngày. Chúng dễ cô lập nhau, hoặc ngược lại, không phân hoá nổi. Trong trạng thái ấy, cá nhân không hưởng thụ được orgasme.

Khái niệm orgasme cũng cần xác định rõ hơn. Thông thường người ta chỉ dùng cho khoái cảm tính dục (mà hình thức chính cống là của giác quan thứ sáu). Thực ra, bất cứ giác quan nào cũng có thể đạt đến orgasme. Một món ăn ngon, một chất rượu ngon có thể tạo ra orgasme. Một bản nhạc hay có thể tạo ra orgasme. Một vở diễn hay có thể tạo ra orgasme. Nhưng để có được orgasme trong các trường hợp này, cần phải có một quá trình huấn luyện công phu (phải có kinh nghiệm hiện thực). Nói tóm lại, phải có một trình độ văn hoá nào đó mới có thể đạt đến orgasme cho các giác quan, kể cả giác quan thứ sáu. Ở một trình độ văn hoá cao hơn, để có được orgasme cho một giác quan này, có thể huy động thêm các giác quan khác. Ví dụ, vừa uống rượu vừa ngâm thơ, các nghệ sĩ múa say mê theo âm nhạc tạo ra một orgasme biểu diễn. Những trường hợp này, Freud gán cho một thuật ngữ khác, *sublimation*, mà nhiều người quen dịch là sự *thăng hoa*, là trạng thái đạt đến cái tuyệt vời, tột đỉnh (*sublime*).

Freud coi sự thăng hoa như một *lối thoát*. Sự kích thích quá mạnh trong lĩnh vực tính dục buộc cơ thể phải tìm cách làm cho nó thoát bớt đi, sang nơi khác, ví như nổi nước đang sôi, thì mở vung cho nó “thăng hoa” ra khỏi cái nổi quá chật hẹp. Rơi vào trường hợp này, theo Freud là các nghệ sĩ, trí thức, các nhà hoạt động văn hoá nói chung.

Bằng sự kiện lâm sàng trên giường bệnh, Freud phát hiện ra những sự chuyển hoá (*dérivations*) của libido từ lĩnh vực này sang

¹ Tính từ “tự nhiên” ở đây không phải thuần nghĩa thiên nhiên mà là toàn bộ đời sống tự nhiên đang bao lấy cả thể.

linh vực khác. Thực ra, nó là biểu hiện của mối liên hệ hữu cơ giữa các linh vực của cuộc sống. Ví dụ, ông phát hiện ra những nhân vật lỗi lạc nhất (về trí tuệ) thường là những người có một đời sống tính dục sớm: La précocité sexuelle va de pair avec la précocité intellectuelle.

Để có được orgasme tính dục, do đó, không phải chỉ khai thác năng lượng libido, của năng lượng tự nhiên thiên nhiên. Không! Năng lượng ấy nhiều lắm như năng lượng tiềm tàng của hạt nhân. Cần có văn hoá để “phá vỡ” nó, giải phóng nó, tạo ra phản ứng dây chuyền, làm ra bom nguyên tử. Đã nhiều lần tôi nhấn mạnh đến vai trò *ý thức* (tức là văn hoá) trong đời sống tâm lý.

Freud cho rằng le fond de toute vie psychique est inconscient. Vô thức là cơ sở của đời sống tâm lý. Đó là một câu nói chân thành và trung thành với sự kiện, chỉ có điều là sự kiện bệnh hoạn, chứ không phải bình thường. Chúng ta không quên, Freud là một thầy thuốc chữa những bệnh tâm thần và rối loạn thần kinh.

Tôi biết, trong quan niệm “vô thức” của Freud, có cả nguồn tiềm năng người mà trong quá trình trưởng thành cá thể có thể hiện thực hoá nó, đem gieo vào đời sống thực tế (thông qua hành động của chủ thể) và đặc biệt, vô thức có thể có tác động đến bản năng. Cho dù như thế đi nữa, quan niệm ấy vẫn không vượt ra khỏi tâm tư duy của quá khứ, và không giải quyết nổi vấn đề orgasme. Nếu orgasme chỉ do bản năng, do vô thức tạo ra, thì nó không vượt xa được bao nhiêu so với giới động vật, hay so với buổi đầu lịch sử của loài người. đương nhiên, để có được orgasme phải có một cơ sở vật chất (là cơ thể nhục thể) nhưng quả bom nguyên tử orgasme phải do *ý thức* làm ra, dẫu là làm bằng chính vật liệu vật chất ấy. Trình độ văn hoá của xã hội và của cá nhân càng cao thì năng lượng dành cho orgasme càng lớn. Sự tăng lên ấy sẽ không có giới hạn, nói đúng hơn, mọi giới hạn orgasme chỉ là tương đối, giống như đoạn đường đi được trên

một con đường dài mãi về phía trước.

Như vậy, từ chỗ coi “chuyện ấy” là nghiêm túc thì vấn đề cực kỳ nghiêm túc đặt ra là cần phải tạo ra được orgasme và ngày càng nâng cao hơn nữa. Cái ngáng chận đầu tiên phải tháo gỡ là *y thức xã hội* và cùng với nó là *y thức cá nhân* về giao lưu tính dục về bản lĩnh tính dục, về văn hoá tính dục, về khoái cảm nhục thể. Sau đó phải huấn luyện một cách có văn hoá những giác quan tạo ra khoái cảm nhục thể nói chung: con mắt biết thưởng thức vẻ đẹp, cái tai biết nghe âm nhạc, cái lưỡi biết nếm những vị ngọt của thức ăn... Tóm lại, tất cả các giác quan người đều phải được huấn luyện theo cách người, bằng văn hoá người. Và như vậy, BÊN CẠNH chức năng cổ truyền của chúng (vốn từ động vật mang theo) mỗi giác quan còn có thêm một chức năng MỚI, chỉ riêng cho người.

Bất cứ CÁI MỚI nào ra đời cũng để thực hiện một hướng phát triển lịch sử và vì vậy CÁI MỚI ấy phải đóng vai trò chủ đạo. Xưa nay các giác quan đều có một nghĩa vụ chung là *duy trì sự sống* của loài và của cá thể. Nghĩa vụ ấy không có gì mới hơn so với quá khứ động vật. CÁI MỚI là ở chỗ sự sống người không đơn thuần là sự sống sinh học, sinh lý, sinh vật, mà là *đời sống tâm lý*, chỉ riêng người mới có.

SỰ SỐNG VĂN HOÁ trong xã hội hiện đại là một sự sống được tổ chức, chứ không phải tự phát, nhờ *phân giải* được tiến trình phát triển của nó (cho loài và cho cá thể) theo logic tự nhiên của nó (từ trừu tượng đến cụ thể). Con người hiện đại KHÔNG trông chờ vào những gì sẵn có, bỗng nhiên có như của bất được. Trong vô vàn những cái cần phải có ấy, con người hiện đại trân trọng những khoái cảm nhục thể, kể cả khoái cảm tính dục. Đó là một nhu cầu nghiêm túc, thể hiện một trình độ văn hoá cao. Tôi thật bụng tin rằng trình độ orgasme đạt được bao giờ cũng tương xứng với trình độ văn hoá tạo ra orgasme trong lĩnh vực đó. Nói cách khác *orgasme là một sản phẩm tâm lý*. Từ quan điểm đó nhìn trở lại ta thấy xã hội cổ truyền

không phải chỉ có những hoan quan (theo đúng nghĩa đen) ở cung đình, mà có rất nhiều những hoan quan khác trong tất cả các lĩnh vực của đời sống ở trong cung đình và trong cuộc sống hàng triệu người. Những hoan quan ấy không bao giờ đạt đến được orgasme trong bất cứ lĩnh vực nào. Để hiểu thôi, sinh ra các hoan quan ấy là một nền văn hoá rất thấp.

Trên kia (mục 1) tôi mô tả nỗi sợ “con dại” của các bà mẹ.

Họ tìm mọi biện pháp ngăn dẽ con gái mình. Thì trong các biện pháp ấy không có “cơ chế thụ thai” và ý thức tính dục.

Quá khứ đã cư xử theo đúng trình độ văn hoá mà họ có. Họ hy sinh tất cả vì một mục đích đơn giản, “giống như ở những nước vùng Pla-ta”, người ta giết cả một con vật chỉ để lấy da hoặc lấy mỡ⁶⁴. Khen cho các vua chúa trong trường hợp này rất duy vật, biết xoá bỏ cái “cơ sở vật chất” của ý thức tính dục. Nhưng cư xử như vậy, về mặt triết học còn “thấp tay” lắm (tất nhiên là rất tàn bạo và vô nhân đạo rồi!), ngày nay không thuyết phục nổi ai. Cái lý do duy nhất của họ chỉ là để bảo vệ giống nòi cho thuần chủng (như một con dê thuần chủng), tức là chỉ biết phạm trù thứ nhất của giao lưu tính dục mà không biết đến phạm trù thứ hai!

⁶⁴ La Pla-ta là vùng Ac-hen-ti-na, Pa-ra-goay, Uru-goay.

⁶⁴ C. Mác. Xem⁽¹⁴⁾, tr. 95.

6 - HÔN NHÂN

Sự hình thành phạm trù thứ hai đã tạo ra một bước tiến của văn hoá loài người, xảy ra ở ngay tại phòng ngủ, len vào tận nơi sâu thẳm nhất của đời sống cá nhân. Sự kiện đó mạnh mẽ đã mấy thế kỷ rồi, từ cuộc cách mạng tư sản hay cuộc cách mạng đại công nghiệp. C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n đã viết những dòng như thế này về cuộc cách mạng đó trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*:

“Bất cứ chỗ nào, hễ chiếm được chính quyền là giai cấp tư sản phá huỷ những quan hệ phong kiến, gia trưởng và thuần phác. Tất cả những mối liên hệ phức tạp và muôn mầu muôn vẻ ràng buộc con người phong kiến” với những bề trên tự nhiên của nó, giai cấp tư sản đều thẳng tay phá vỡ, không để lại giữa người và người một mối quan hệ nào khác, ngoài mối lợi lạnh lùng và lối “trả tiền ngay” không tình nghĩa. Giai cấp tư sản đã dập những xúc động thiêng liêng của lòng sùng đạo, nhiệt tình hiệp sĩ, mối thương cảm tiểu tư sản, vào trong dòng nước giá ngắt của sự tính toán vị kỷ”⁶⁵.

Không phải chỉ xoá bỏ quá khứ, mà trên đồng hoang tàn ấy “giai cấp tư sản”, trong quá trình thống trị giai cấp chưa đầy một thế kỷ, đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của tất cả các thế hệ trước kia gộp lại (...). Có thể kỷ nào trước đây lại ngờ rằng có được những lực lượng sản xuất như thế vẫn tiềm tàng trong lòng lao động xã hội”⁶⁶.

⁶⁵ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Tuyên tập*, hai tập, T. I, ST. 1970, tr. 31.

⁶⁶ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁶⁵, tr. 33-34.

Làm được những kỳ công như vậy, chỉ vì giai cấp tư sản có trong tay NGUYÊN LÝ ĐẠI CÔNG NGHIỆP là “phân giải mọi quá trình sản xuất (xét ngay trong bản thân nó và trước hết là không liên quan gì đến bàn tay con người) thành các yếu tố cấu thành nó”⁶⁷.

Trích nhiều đoạn như vậy để bạn thấy rằng có những vấn đề chỉ đặt ra cho một thời đại thôi. Mà mãi cho đến thời đại ấy vấn đề ấy mới đặt ra, chỉ vì bản thân nó là lịch sử. Nó cần có những điều kiện kinh tế - xã hội *đủ chín muồi*. Do đó dễ hiểu là những *tư tưởng* về bất cứ lĩnh vực nào của đời sống cũng là con đẻ của những quan hệ kinh tế - xã hội đương thời. (Vâng, không một vĩ nhân nào có thể có một tư tưởng đi trước thời đại mình nửa ly. Và họ chỉ có thể *đi trước* số đông thôi). Ví dụ, các chủ nghĩa xã hội gọi là không tưởng (Saint Simon, Fourier), thì chỉ vì hồi ấy các quan hệ kinh tế - xã hội tư sản còn quá trừu tượng, chưa biểu lộ rõ đường đi nước bước cụ thể, như thời của Mác và Ăng-ghen.

Dại công nghiệp không những có công lớn tạo ra một *cơ cấu* sản xuất và xã hội mới; mà còn tự nguyện làm một cơ sở vật chất bền vững như đất liền cho tòa nhà tư duy. Nó có nguyên lý của riêng nó – cái nguyên lý phân giải mọi quá trình hiện thực thành các yếu tố cấu thành nó. Nó cho rằng các quá trình trần gian chỉ có các yếu tố trần gian thôi. Vậy nên nó tin vào chính mình, chứ không tin vào những lực lượng siêu phàm nào khác. Từ tầm cao tư duy đại công nghiệp ấy, ta có thể nhìn về quá khứ; xem xem những vấn đề gì đã có, đang hình thành hay vừa nảy sinh. Trong câu chuyện đang tiếp diễn, Ăng-ghen đã từng làm việc đó trong quyển sách *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước* (7).

Có lẽ vẫn không thừa, nếu tôi nhắc lại lần nữa quan điểm gốc của quyển sách. Ăng-ghen viết: “Theo quan điểm duy vật thì nhân tố

⁶⁷ C. Mác. Xem¹⁴, tr. 321-322.

quyết định trong lịch sử suy cho cùng, là sản xuất và tái sản xuất ra đời sống trực tiếp. Nhưng sản xuất đó bản thân nó lại có hai loại. Một mặt là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt: thức ăn, quần áo và nhà cửa, những công cụ cần thiết để sản xuất ra những thứ đó, mặt khác là sản xuất ra ngay bản thân con người, là tiếp tục nòi giống. Những trật tự xã hội, trong đó đang sống những người của một thời đại, lịch sử nhất định và của một nước nhất định, là do hai loại sản xuất đó quyết định: một mặt là trình độ phát triển của lao động và mặt khác là trình độ phát triển gia đình¹⁶⁸. Câu chuyện của chúng ta sẽ nhằm vào *lịch sử phát triển của gia đình* từ trước tới nay. Thì “cho đến khoảng đầu những năm 60 (thế kỷ 19 – H.N.Đ.) người ta vẫn chưa có thể nói gì đến lịch sử gia đình được” (7; tr. 10). Quyển sách của H. Morgan, kết quả nghiên cứu 40 năm trời của ông, ra đời vào năm 1877. Nhân có quyển sách đó, Ăng-ghe-ni viết quyển (7) mà lẽ ra được viết chung cùng C. Mác.

Morgan chia lịch sử làm 3 thời đại chính: mông muội, dã man, văn minh. Mỗi thời đại chia thành các giai đoạn: thấp, giữa, cao.

Giai đoạn thấp của thời đại mông muội là “thời kỳ thơ ấu của loài người” (7, tr. 32). Họ ở trên cây, ăn quả. Giai đoạn giữa thì đã biết dùng lửa và biết làm thức ăn. Giai đoạn cao tính từ khi biết làm cung tên. (Nó tương ứng với thanh kiếm sắt ở thời đại dã man và khẩu súng của thời đại văn minh).

Sang thời đại dã man, giai đoạn thấp đánh dấu bằng nghề làm đồ gốm. Đến giai đoạn giữa thì biết thuần dưỡng gia súc. Giai đoạn cao bắt đầu với việc nấu quặng sắt và làm ruộng.

Thời đại văn minh sáng tạo ra chữ viết và nghệ thuật.

Những nét hết sức sơ lược ấy nhằm tạo ra một biểu tượng về lịch sử. Trong quá trình lịch sử ấy, Morgan viết: “Gia đình là một

¹⁶⁸ Ph. Ăng-ghe-ni. Xem ⁷, tr. 6-7. Từ nay trong mục này, khi chỉ ghi số trang sách trích thì hiểu là trích từ quyển (7).

yếu tố năng động, nó không bao giờ đứng nguyên một chỗ mà chuyển từ một hình thức thấp lên một hình thức cao, khi xã hội phát triển từ một giai đoạn thấp lên một giai đoạn cao” (tr. 45). Xin hãy bắt đầu từ *quan hệ thân tộc* rất thịnh hành trong các dân mông muội và dã man. Ví dụ, ở Ha-oai, con của anh em trai, chị em gái đều là anh chị em với nhau, được coi như con chung do những chị em gái hay anh em trai sinh ra. Đó là trạng thái một người chồng có nhiều vợ, đồng thời một người vợ có nhiều chồng. Ngày nay những người thuyết giáo đạo đức cổ tình chối phát sự kiện này. Chối thì cứ chối. Ăng-ghe-ni-ét viết, “thực tiễn bao giờ cũng lạng lẽ nhưng trắng trợn, vượt quá giới hạn mà xã hội quan phương đã đặt ra” (tr. 46) (ở đây là cái xã hội của gia đình một vợ - một chồng). Thế mà Morgan vẫn cho rằng đã có trạng thái nguyên thủy, trong đó quan hệ tính giao không hạn chế trong nội bộ bộ lạc, khiến cho mọi người đàn bà đều thuộc về mọi người đàn ông, cũng như mọi người đàn ông đều thuộc về mọi người đàn bà (tr. 47). Có thể chứng minh một cách chắc chắn sự tồn tại trong lịch sử *hình thức quần hôn*, trong đó có cả nhóm đàn ông và cả nhóm đàn bà đều là sở hữu của nhau, trong đó tính ghen tuông khó lòng có chỗ đứng (tr. 63). Cái khái niệm loạn luân cũng vậy. Chẳng những anh em, chị em trong thời kỳ đầu đều là vợ chồng, mà ngay ngày nay nữa, những quan hệ tính giao giữa cha mẹ và con cái vẫn còn tồn tại ở một số đông bộ tộc. Hồi ấy, khi chưa phát hiện ra loạn luân là gì (vì chính đó là một phát hiện hết sức quý báu) việc giao hợp giữa cha mẹ và con cái không gây nên một sự ghê tởm gì lớn hơn là việc giao hợp giữa những người thuộc những thế hệ khác nhau, vì rằng, ngay cả hiện nay nữa, điều đó cũng xảy ra trong những xứ phi-li-stanh nhất mà không gây nên một sự kinh khủng nào, ngay cả những “cô gái” già, ngoài sáu mươi tuổi, nếu khá giàu có thì đôi khi cũng lấy được những chàng trai tuổi ba mươi (tr. 55). Ngày nay, nếu ai xem xét trạng thái nguyên thủy ấy “qua cặp kính nhà thờ” (tr. 56) thì không thể hiểu được gì hết và

chỉ còn cách gọi bừa là “quan hệ tình giao bừa bãi”.

Một tác giả khác nghiên cứu lịch sử gia đình được Ăng-ghe-nh dẫn và bình luận là Bachofen (1815-1887), một sử gia và luật gia nổi tiếng người Thụy Sĩ, tác giả quyển *Mẫu quyền*, xuất bản năm 1861. Trong quyển ấy, tác giả dùng các bằng chứng *văn học cổ điển* mà nêu mấy luận điểm sau đây: 1- loài người thoát tiên sống trong những quan hệ tình giao bừa bãi; 2- những quan hệ như thế không thể nào cho biết chắc chắn ai là cha đẻ, nên huyết tộc phải xác định theo mẹ; 3- vì mẹ là người duy nhất chắc chắn đã sinh ra thế hệ trẻ, nên được tôn kính và có uy tín rất cao; 4- sự hình thành chế độ hôn nhân cá thể là hành vi phạm vào điều răn tôn giáo (vi phạm quyền của người đàn ông khác đối với một người đàn bà này) nên người đàn bà ấy phải chịu phạt và phải chuộc tội bằng cách hiến thân cho nhiều người khác trong một thời gian nhất định (tr. 12).

Tác giả thứ ba, nhà luật học xứ Écosse, Mc Lennan (1827-1881) đã có công phát hiện ra chế độ mà ông gọi là ngoại tộc hôn (theo luật cấm kết hôn lẫn nhau trong nội bộ tập đoàn). Ông cũng phát hiện ra chế độ mẫu quyền.

*

* *

Morgan đã mô tả được các HÌNH THỨC GIA ĐÌNH đã phát hiện khá sớm trong lịch sử:

- 1- Gia đình huyết tộc
- 2- Gia đình pu-na-lu-an
- 3- Gia đình đối ngẫu
- 4- Gia đình một vợ một chồng

Gia đình huyết tộc

Với hình thức sớm nhất này, các tập đoàn hôn nhân phân phối theo *thế hệ*. Mỗi thế hệ là vợ chồng của nhau. Thế hệ các ông bà

đều là vợ chồng của nhau. Thế hệ các con của họ, tức là thế hệ cha mẹ, là vợ chồng của nhau. Thế hệ các cháu cũng làm thành một nhóm vợ chồng của nhau. Như vậy, ở đây đánh dấu bước tiến thứ nhất là *huỷ bỏ* quan hệ tính giao giữa các thế hệ chên nhau (ông bà với cháu, cha mẹ với con). Còn đã là anh chị em ruột hay họ xa gần gì thì cũng đều là vợ chồng của nhau.

Để trả lời cho câu hỏi: “Có bao giờ nghe nói anh trai ôm hôn em gái như ôm hôn vợ mình không?”. C. Mác trả lời: “Trong các thời nguyên thủy, chị em gái là *vợ và lúc đó như thế là hợp với đạo đức*”(tr. 57).

Gia đình Pu-na-lu-an

Bước tiến thứ hai là huỷ bỏ quan hệ tính giao giữa anh chị em ruột với nhau. Bước tiến này khó khăn hơn nhiều, vì họ tuổi sần sần nhau, nhưng đó là bước tiến vô cùng quan trọng và được thực hiện dần dần, *chắc là* bắt đầu huỷ bỏ quan hệ tính giao giữa anh chị em cùng mẹ. Ở Ha-oai, khi quan hệ tính giao giữa những người *cùng mẹ* bị cấm, thì chị em gái cùng mẹ là vợ chung của những người chồng chung (trong đó không có các anh em ruột cùng mẹ với họ). Những người chồng này gọi nhau là bạn thân (pu-na-lu-an). Cũng vậy những anh em trai cùng mẹ đều lấy chung vợ (trong đó không có chị em gái ruột cùng mẹ). Những người vợ này cũng gọi nhau là pu-na-lu-an (bạn thân).

Tình trạng ấy cho biết là con của các dì tôi vẫn coi là *con* của mẹ tôi, cũng như con của chú, bác tôi cũng coi như *con* của cha tôi; còn con của các cậu tôi thì bây giờ là *cháu* của mẹ tôi, cũng vậy con của các cô tôi là *cháu* của cha tôi. Vậy là lần đầu tiên có khái niệm *cháu họ* (tr. 61).

Gia đình Pu-na-lu-an có ở giai đoạn giữa thời đại dã man. Nó là cơ sở của trật tự xã hội của số đông dân dã man trên Trái đất. Từ khi ngăn cấm quan hệ tính giao giữa anh chị em về *đẳng mẹ*, thì

làm thành một nhóm cố định những người cùng huyết tộc về phía mẹ, không có quyền lấy nhau. Đó là điểm xuất phát để suy ra *thị tộc mẫu quyền*.

Gia đình Pu-na-lu-an là một hình thức điển hình của *chế độ quần hôn*: Không phải các cá nhân mà cả nhóm lấy nhau. Có nhiều loại quần hôn. Ví dụ, bất cứ người đàn ông Crô-ki nào cũng có quyền làm chồng của mọi người đàn bà Cu-nút. Chế độ quần hôn ở Úc là một thứ hôn nhân theo đẳng cấp: chồng là toàn khối đẳng cấp đàn ông ở rải rác trên toàn lục địa và vợ là đẳng cấp đàn bà cũng ở rải rác như vậy. Vết tích còn lại của chế độ quần hôn là việc cướp đoạt đàn bà. Khi người con trai được bạn bè giúp đỡ mà cướp được hay quyến rũ được một cô gái, thì tất cả những người bạn đó lần lượt giao cấu với cô ta, nhưng sau đó thì cô ta chỉ là vợ của người con trai khôi xương. Nếu cô ta vốn là vợ của một người trước đó, thì người này bây giờ không có quyền gì với cô ta nữa.

Gia đình đối ngẫu

Châu Mỹ là quê hương cổ điển của gia đình đối ngẫu phát sinh vào lúc từ thời mông muội chuyển sang thời đại dã man. Đó là hình thức kết hôn *từng cặp*, có thể đã có trong chế độ quần hôn hay còn sớm hơn nữa. Trong số vợ rất đông của mình, người đàn ông có *một vợ chính*; còn đối với người đàn bà ấy thì anh ta là *người chồng chính* trong số rất nhiều người chồng.

Xu hướng chủ yếu của gia đình đối ngẫu là thay thế dần chế độ quần hôn, trong tình trạng ngày càng có nhiều ngăn cấm về quan hệ tính giao. Và điều này chẳng phải do “định kiến” hay “sáng kiến” hay “đạo đức” gì gì đó, mà do quy luật đào thải tự nhiên. Morgan viết: “Các cuộc hôn nhân giữa những người không cùng huyết tộc đã sinh ra một nòi giống khỏe mạnh hơn cả về thể chất lẫn trí lực” (tr. 73).

Ngày càng triệt để ngăn cấm những bà con thân thuộc (từ gần đến xa) lấy nhau, nên trên thực tế không thể có được chế độ quần

hôn và rốt cuộc chỉ còn *tùng đôi vợ chồng* kết hợp với nhau một cách lỏng lẻo. Thường thường hai người không biết đến nhau đã được đính hôn với nhau mà chỉ gần ngày cưới họ mới biết việc đó. Trước ngày cưới, chàng rể mang biểu họ hàng nhà vợ chưa cưới những lễ vật xem như mua người con gái ấy.

Từ bỏ chế độ quần hôn là việc chẳng dễ gì. Mãi đến nay, ở Bắc Mỹ, ít nhất cũng có bốn mươi bộ lạc, người đàn ông nào lấy người chị cả thì cũng có quyền lấy các cô em người đó (tàn tích chế độ chị em gái cùng mẹ lấy chung một chồng). Có nơi thì nhân ngày hội hè, tập hợp nhau lại cùng giao hợp bừa bãi. Ở Úc, bà lão và tù trưởng hàng ngày được hưởng chế độ cộng thể, thì nhân dịp lễ hay hội hè, đều cho phép vợ mình hưởng ứng thú vui cùng các chàng trai trẻ khoẻ. Ở các đảo Thái Bình Dương, con gái có quyền tự do tính giao hết sức thoải mái trước khi lấy chồng. Ở quần đảo Ba-lê-a, bạn bè và bà con chú rể và cả khách dự đám cưới, ngay trong buổi hôn lễ, đều đòi quyền giao cấu với cô dâu và cuối cùng mới đến lượt chú rể. Ở nơi khác thì nhân vật đứng đầu bộ lạc, nhân danh đại diện cho cộng đồng, được hưởng đêm đầu tiên của cô dâu, v.v...

Phải còn chờ lịch sử gom đủ thời gian, thì những quan hệ tính giao cổ xưa mới hết tính chất ngây thơ nguyên thủy và khiến cho đàn bà cảm thấy nổi nhục đó và đòi quyền được giữ trinh tiết, được quyền kết hôn (dù là tạm thời) với một người đàn ông thôi và coi như được giải phóng. Bước tiến đó không thể nào lại do người đàn ông gây ra, chỉ vì cho đến tận ngày nay nữa, Ăng-ghe-nơ viết tiếp – đàn ông không bao giờ có ý muốn từ bỏ cái thú của chế độ quần hôn thực sự cả (tr. 82).

Chế độ hôn nhân đối ngẫu (nét đặc trưng cho thời đại dã man, giống như chế độ quần hôn – cho thời đại mông muội và chế độ một vợ một chồng – cho thời đại văn minh) – đã đưa vào gia đình một *yếu tố mới*: xác nhận được người *cha để* đích thực. Đây là tiền đề khiến cho người chồng làm sụp đổ chế độ mẫu quyền, thay vào chế

độ thừa kế tài sản có lợi cho con mình. Ăng-ghe-n coi đây là một trong những cuộc cách mạng triệt để nhất của nhân loại (tr. 87). Chế độ mẫu quyền bị lật đổ là *sự thất bại lịch sử có tính chất toàn thế giới của phụ nữ* (tr. 89). Từ đó người đàn bà bị mất cái vị trí danh dự xưa kia của họ biến thành nô lệ để giải trí cho đàn ông và thành một công cụ sinh đẻ đơn thuần. Đồng thời cũng từ đó người đàn ông xác lập một chế độ mới: *gia đình gia trưởng*.

Gia đình gia trưởng hoàn thiện nhất là gia đình La Mã. Danh từ Familia (gia đình) là chỉ một cơ cấu xã hội mới, trong đó người chủ gia đình là chủ của vợ, con và nô lệ. Để đảm bảo tuyệt đối con cái đích thực là của người cha, người vợ phải phục tùng tuyệt đối và trung thành tuyệt đối. Nếu chồng có giết vợ chẳng nữa, thì cũng chỉ là thực hiện quyền làm chồng mà thôi (tr.91). Nói chung người chủ gia đình thường lạm dụng địa vị và quyền hành đối với các nữ tì trẻ tuổi, đặc biệt ít nhất cũng ở Nga, đối với con dâu (dùng làm hậu phòng). Cho nên, những kẻ quyền quý vẫn có nhiều vợ, chỉ có những người nghèo mới tự bằng lòng với một vợ duy nhất thôi!

Gia đình một vợ - một chồng

Gia đình loại mới này xuất hiện vào giữa hai giai đoạn giữa và cao của thời đại dã man. Sự thắng lợi của nó đã mở ra thời đại văn minh.

Quan hệ vợ chồng bây giờ chặt chẽ hơn nhiều so với gia đình đối ngẫu. Vợ chồng không thể tùy ý bỏ nhau. Nhưng quyền ngoại tình vẫn ưu tiên cho người chồng⁽¹⁾. Còn người vợ, đôi khi nhớ lại và muốn khôi phục cái thực tiễn tính giao tự do ngày xưa, thì bị trừng trị nghiêm khắc hơn bất cứ thời kỳ nào trước đó.

Ở Hy Lạp, hình thức gia đình mới này thể hiện tất cả những

⁽¹⁾ Bộ luật Napoléon (code Napoléon) cho phép người chồng có quyền ngoại tình, miễn là không được dắt tình nhân về nhà.

cay nghiệt của nó. Các anh hùng Hy Lạp tha hồ hưởng thú vui xác thịt của kẻ thua trận. Các tướng lĩnh lần lượt theo cấp bậc chọn lấy những cô gái đẹp nhất.

Mỗi anh hùng ít nhiều trọng yếu của Hô-me đều có một nữ tù binh trẻ tuổi cùng chung giường chung chăn. Kẻ chiến thắng mang những cô gái trẻ chiến lợi phẩm ấy về nhà, con của họ cũng chia phần nhỏ gia tài. Trong khi đó người vợ chính thức buộc phải chịu đựng tất cả, phải giữ trinh tiết và lòng trung thành nghiêm cẩn nhất đối với chồng. Sự có mặt của những nữ nô lệ trẻ đẹp thuộc về người đàn ông cả thể xác lẫn tâm hồn đã làm cho chế độ một vợ một chồng có tính chất đặc biệt là chỉ một vợ - một chồng *đối với người đàn bà* thôi.

Quá trình phát triển về sau của Hy Lạp phân ra hai loại: Sparte và Athènes.

Ở Sparte hình thức gia đình đối ngẫu được điều chỉnh theo quan điểm của họ về Nhà nước. Các cuộc hôn nhân không có con đều bị xoá bỏ. Người vợ thứ nhất không có con, thì có thể bỏ lấy vợ hai, rồi cũng có thể bỏ (nếu không có con) để lấy vợ ba, v.v... Mấy anh em trai có thể lấy chung một vợ. Có thể san sẻ cho bạn hưởng vợ mình.

Ở Athènes, con gái chỉ học kéo sợi, dệt vải, may vá, nhiều lắm là học đọc học viết. Họ bị cấm cung. Ở nhà có chó ngao canh giữ (hoặc các hoạn quan). Ra khỏi nhà có nữ tì đi theo. Người chồng thì hoạt động thể dục và hoạt động xã hội, có quyền dùng nhiều nữ nô lệ. Vào thời kỳ phồn thịnh nhất của Athènes, nạn mại dâm rất thịnh hành và ít ra cũng được nhà nước bảo hộ. Trở trêu thay, muốn trở thành người vợ thì trước hết phải là gái điếm. Và bộ phận ưu tú nhất trong số kỹ nữ ấy của Athènes cũng như phụ nữ Sparte được người xưa nói đến một cách kính cẩn và lời nói của những phụ nữ ấy đều đáng được ghi nhớ.

Gia đình Athènes trở thành kiểu mẫu cho người Hy Lạp ở trong nước và ở thuộc địa. Oái oăm thay, một gia đình kiểu mẫu như thế,

phụ nữ bị cấm cung và giám sát kỹ như thế, thế mà phụ nữ Hy Lạp thường vẫn tìm được dịp để lừa dối chồng, còn các đức ông chồng thì vẫn cảm thấy xấu hổ khi tỏ một chút tình yêu nào đó đối với vợ, nhưng lại thích giở đủ mọi trò trăng gió với kỹ nữ.

Sự thắng lợi của chế độ một vợ - một chồng không phải là kết quả của *tình yêu* cá nhân giữa trai và gái, mà là tìm cách xác định đích thực người cha để để thực hiện quyền thừa kế tài sản. Vì vậy, chế độ hôn nhân một vợ - một chồng không phải là hình thức cao nhất. Và sự thắng lợi của nó cũng không có nghĩa là chấm dứt các quan hệ tính giao trước đây. Vẫn tồn tại bên cạnh chế độ hôn nhân cá thể một chế độ hôn nhân gọi là TẠP HÔN. Đó là các quan hệ tính giao ngoài hôn nhân, dưới nhiều hình thức khác mà cực đoan là nạn mại dâm công khai.

Chế độ tạp hôn cũng là một thiết chế xã hội như mọi thiết chế khác (tr. 105). Hình thức tạp hôn bắt nguồn từ hình thức quần hôn, từ việc phụ nữ phải hiến thân cho người ngoài để chuộc lại quyền giữ trinh tiết. Còn mại dâm bắt đầu từ hành vi tôn giáo, hiến thân để lấy tiền bỏ vào đền nữ thần ÁI TÌNH. Việc hiến thân cho những người đàn ông xa lạ lúc đầu là một nghĩa vụ của tất cả phụ nữ. Sau đó các bà đồng làm việc ấy thay cho các chị em khác. Chế độ tạp hôn còn đi theo con đường khác, ấy là sự tự do tính giao mà cô gái được phép hưởng trước khi lấy chồng.

Chế độ tạp hôn vẫn duy trì tự do tính giao cũ, có lợi cho đàn ông. Chẳng những nó được dung thứ mà còn mở rộng hơn, vì được giai cấp thống trị lợi dụng. Nó chỉ bị lên án trên đầu lưỡi! Và sự lên án ấy không nhằm vào đàn ông mà chỉ nhè vào đàn bà thôi! Quá quắt hơn nữa, người chồng còn lấy việc tạp hôn để tô điểm cho cuộc sống của mình. Thành thử chế độ một vợ - một chồng làm xuất hiện thêm *hai* nhân vật mới, chưa hề có: người tình thường xuyên của vợ và người chồng bị cấm sùng. Đàn ông đã thắng đàn bà, nhưng kẻ bại trận lại rộng lượng tự tay mình đặt vòng hoa vinh quang lên đầu kẻ chiến thắng. Bên cạnh chế độ

hôn nhân một vợ - một chồng và chế độ tập hôn, *tệ ngoại tình* đã trở thành một hiện tượng xã hội không tài nào xoá bỏ được (tr. 106), đến nỗi nhà thờ Thiên chúa giáo cũng thấy rằng không có phương thuốc nào trị được ngoại tình, cũng như không có phương thuốc nào trị được cái chết cả (tr. 112).

Đã có công trích chép hầu như nguyên văn từ quyển sách (7) của Ăng-ghe-n, và bút đang trong tay, tôi tự cho mình quyền bình luận, ít ra cũng là quyền phát biểu ý kiến bổ sung.

Trước hết, tôi thấy hoàn toàn không có lý do gì để tranh luận với bất cứ tác giả nào được trích dẫn ở đây (Bachofen, Mc Lennan, Morgan, Engels), chỉ vì ngay từ đầu họ đã thoả thuận với tôi về những điều sẽ phát biểu lại ở trên các trang viết có trước mắt bạn.

Hai là, tôi không quan tâm đến bản thân các sự kiện lịch sử gia đình với tư cách nhà sử học, mà chỉ muốn dùng chúng như những cứ liệu lập luận theo quan điểm cho rằng quan hệ tính giao có một lịch sử của bản thân nó, nghĩa là có một lô-gic phát triển nội tại. Sự phát triển tự nhiên ấy được diễn đạt bởi các *khái niệm* thích hợp của nó. Từ đó dễ thấy ra chỗ vênh này: hoặc các khái niệm *cũ* không còn thích hợp với trạng thái phát triển hiện đại, hoặc các khái niệm hiện đại không thích hợp trạng thái phát triển từ thuở còn mông muội và dã man. Cho nên, trong thực tiễn hiện nay của chúng ta, không thể nhìn nhận những vấn đề liên quan đến quan hệ tính giao theo bất cứ định kiến nào. (Thật ra, có đáng gì các định kiến. Bao giờ chúng cũng là một trình độ ngu muội tương đối, gắn chặt với quá khứ).

Ba là, do những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, xác định mà nảy sinh và hình thành dần những tập quán, những ràng buộc cùng với những định kiến. Lịch sử đã sản sinh ra chúng thì rồi cũng chỉ có lịch sử mới có thể xoá bỏ chúng. Trong cả hai lần, lịch sử đều *không sai lầm*. Nếu lần đầu lịch sử phải dùng những sức mạnh hiện thực, cảm tính, vật chất, để tạo ra chúng, thì sau đó, muốn xoá bỏ một định kiến, một tập quán, lịch sử không thể chỉ tiến hành một cách

tinh thần, bằng triết học, bằng lập luận của tư duy, mà cũng phải cư xử hiện thực và có hiệu quả thực tế. Nói tóm lại, chúng ta không xuất phát từ những điều mà con người nói, tưởng tượng, hình dung, mà cũng không xuất phát từ những con người chỉ tồn tại trên lời nói, trong ý nghĩ, trong tưởng tượng, trong biểu tượng của người khác... Không, chúng ta xuất phát từ những con người đang hành động, hiện thực và cũng chính là xuất phát từ đời sống hiện thực của họ mà chúng ta mô tả sự phát triển của những phản ánh tư tưởng của quá trình đời sống ấy. Ngay cả những ảo tưởng hình thành trong đầu óc con người cũng là những vật thăng hoa tất yếu của quá trình đời sống vật chất của họ, một quá trình có thể xác định được bằng kinh nghiệm và gắn liền với những tiền đề vật chất. Như vậy thì “đạo đức, tôn giáo phép siêu hình và những dạng tư tưởng khác cùng với những hình thái ý thức tương ứng với chúng liên kết ngay mọi vẻ độc lập bề ngoài. Tất cả những cái đó không có lịch sử, không có phát triển”⁶⁹. Vì vậy xin nói thừa ra một lần nữa rằng tất cả những quan niệm, tập quán, định kiến về giao lưu tinh dục hiện đang tồn tại trên thực địa xã hội hiện đại đều được hình thành *trong quá khứ* với những tiền đề vật chất và kinh nghiệm của chúng. Trong số đó có những cái đã *lỗi thời*, đã bị xoá bỏ hay thay thế. Những cái còn lại mà ta còn thấy được nhờ ánh sáng quá khứ mang đến cho thì tình trạng đó đôi khi cũng giống như ánh sáng của ngôi sao đã tắt còn chưa đi qua hết đầu óc chúng ta. Nếu không có kính viễn vọng đưa tầm nhìn tư duy đi xa hơn con mắt thịt để nhìn thấy ngôi sao đã tắt ấy thì dễ rơi vào những chuyện cái vớ không đầu mà bên nào cũng thực bụng tin rằng mình đúng.

Ngôi sao đã tắt có liên quan đến câu chuyện đang diễn ra là nền sản xuất nông nghiệp gia trưởng và những quan niệm con đẻ của nó.

⁶⁹ C. Mác và Ph. Ăng-ghen. *Hệ tư tưởng Đức*. In trong C. Mác và Ph. Ăng-ghen. *Tuyển tập*, 6 tập, tập I, ST. 1980, tr. 277.

Gia đình một vợ - một chồng là một hậu quả tất yếu từ sự thắng lợi của chế độ tư hữu đối với chế độ công hữu nguyên thủy, được hình thành trên cơ sở tài sản chiếm hữu chênh lệch, chứ đâu phải là một sự thoả thuận giữa đôi trai gái trên cơ sở bình đẳng. Sự chênh lệch tài sản giữa vợ và chồng có một nguyên nhân sâu xa từ thuở mông muội - do phân công lao động tự nhiên, do bốn phận sinh đẻ của phụ nữ. Nhưng cách cư xử tự nhiên và bốn phận tự nhiên ấy gây ra những hậu quả xã hội trái ngược lại. Do rảnh tay lao động làm ra của cải mà người đàn ông thực hiện quyền thống trị của mình đối với người đàn bà trong gia đình và trong giao lưu tính dục. Như vậy, chế độ hôn nhân có thể vừa là một bước tiến lịch sử lớn, vừa kèm theo một bước lùi: hạnh phúc của người này đánh đổi bằng đau khổ của người khác. Cho nên, dễ hiểu là trong hoàn cảnh lịch sử ấy, chế độ một vợ - một chồng chỉ có một chiều đối với người vợ thôi, còn người chồng được đền bồi bởi chế độ tập hôn mà hình thức cực đoan là mại dâm. Người đàn bà từ một bà hoàng (trong chế độ mẫu quyền) trở thành một nô lệ như tài sản của đàn ông, thì thú vui tính dục tất nhiên cũng sẽ không san đều thành hai. Cái tâm lý tiết dục, trinh tiết, đức hạnh của phụ nữ được hình thành trong hoàn cảnh ngặt nghèo rất bất lợi ấy, cứ đời này truyền đời kia thành một "sự đã rồi" trong tâm lý xã hội. Cho nên, có thể nói, lịch sử gia đình là lịch sử o ép ngày càng khắt khe hơn đối với giao lưu tính dục của phụ nữ, biến họ thành một nhân vật *bị động* và đáng ra là một sự hưởng thụ, thì họ tự nguyện đóng vai trò hiến dâng. Đã thế rồi, họ còn gánh chịu lấy những hậu quả khủng khiếp về cả thể chất lẫn tinh thần mà công luận, định kiến và phong tục tập quán trút lên đầu họ. Cái hậu quả ấy bao giờ cũng ám ảnh phụ nữ, do đó họ khó bén lửa dục tính mới nhen nhóm lúc ban đầu và khi ngọn lửa ấy đã bắt rồi, họ không còn đủ can đảm và năng lực làm cho nó cháy bùng lên đến tận orgasme.

Như vậy, để có được khoái cảm tính dục và làm cho khoái cảm

ấy đạt đến orgasme, thì vấn đề không phải chỉ giải quyết trong phòng ngủ cửa đóng then cài, mà phải nói to lên trước công chúng, giữa thanh thiên bạch nhật, phải giải quyết những vấn đề cơ bản nhất của xã hội về *lao động*, về vai trò *xã hội* của phụ nữ và đồng thời phải làm cho phụ nữ ý thức được vấn đề tính dục, có nhu cầu hưởng thụ khoái cảm tính dục, có năng lực thoả mãn nhu cầu đó. Rút cục, phụ nữ phải tự giải phóng lấy mình một cách có ý thức.

Đại công nghiệp (dù là đại công nghiệp tư sản thôi) đã bứt người phụ nữ ra khỏi gia đình, ném họ vào nhà máy công xưởng. Ở đó họ, cũng như nam giới, đều là những cái trêu tượng ngang nhau. Vậy là cái “lý do kinh tế” của sự bất bình đẳng (trước là trong đời sống thường ngày, sau là trong đời sống tính dục) đã bắt đầu chịu thử thách. Khi ngón tay điểm chỉ ấn vào cái giao kèo làm hợp đồng, thì cái uy thế cổ truyền của đức ông chồng đầu còn nguyên vẹn thiêng liêng như xưa nữa.

Hành vi ký vào giao kèo làm thuê dù ở cái thế lép vế đi nữa, nó cũng chứng tỏ ít nhất về mặt pháp lý *quyền tự do thân thể*. Thân thể CỦA TÔI. Mọi hành vi thân thể ấy cũng CỦA TÔI. Hai tiếng CỦA TÔI nói ra còn rụt rè, nghe còn sợ hãi lắm, nhưng nó đã gieo mầm “nổi loạn” đòi quyền bình đẳng. Ở điểm này ta phải công bằng: “Tạo ra những con người “tự do” và “bình đẳng” đó chính là một trong những công trình chủ yếu nhất của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa”(7, tr. 127).

Trong lịch sử vẫn có những sự trở trêu không lường hết được. Đọc lại trang đầu của mục này, bạn sẽ thấy rằng đại công nghiệp đã làm cho mọi quan hệ cổ truyền bị đổ vỡ. Tất nhiên, quan hệ hôn nhân đã bị rạn nứt một cách quyết định và dần dần chuyển theo nguyên lý mới của đời sống – cái mà Rút-xô (Rousseau) gọi là *khế ước xã hội*.

Mua bán theo khế ước. Đó là sự bình đẳng tư sản. Cái trật tự mới xây bằng khế ước ấy là lý tưởng của giai cấp tư sản mà lãnh tụ

tinh thần của nó là Rút-xô và Vôn-te (Voltaire). Cái khế ước ấy cũng đi vào tận phòng ngủ, len vào tận quan hệ thân mật nhất của cuộc sống cá nhân. Đưa tay ký vào khế ước là hành vi kết thúc của một quá trình mặc cả. Đã mặc cả thì phải *sòng phẳng*. Đã *sòng phẳng* thì không còn “chịu nhún nhường” (cam chịu không phải là sự nhún nhường). Đã không chịu nhún nhường trong hành vi công khai thì ngày một ngày hai nó cũng chẳng chịu nhún nhường nữa trong mọi hành vi kém công khai hơn, rồi cứ thế... Hôn nhân, theo quan niệm tư sản, là một khế ước, một việc giao dịch có tính chất pháp lý quan trọng hơn mọi việc giao dịch khác, vì nó định đoạt cả thể xác lẫn tâm hồn của một đời người. Cái khế ước ấy phải ký công khai, trước pháp luật và mỗi bên trước khi ký còn phải nói to lên mình đồng ý kết hôn.

Ký vào khế ước là một hành vi tự nguyện chịu ràng buộc của người có tư cách quyết định *việc riêng* của mình. Đó là sự kiện chưa hề có trước đây. Một bước tiến lịch sử. Mà theo lẽ thường, mỗi bước tiến lịch sử đều kèm theo một bước lùi của nó. Thoạt đầu ngay khi người ta đang hí hửng với quyền quyết định ấy trước mặt pháp luật, thì đã có rồi “những giọt nước mắt đời không thấy” đằng sau việc ký kết ấy là cái gì? Cái động cơ nào thúc đẩy sự ký kết ấy? Sự ký kết ấy trong thực tế có lợi cho ai? Thế nên còn phải có cuộc đấu tranh nữa để xoá bỏ cái khế ước đã ký (luật ly hôn).

7 - TÌNH YÊU

(I - TRONG LỊCH SỬ)

Trong suốt cả mục trước, tôi cố tình chép lại Ăng-ghe-n, để bạn thấy một ông già 64 tuổi của thế kỷ trước¹ quan niệm như thế nào về quan hệ tính giao và hôn nhân. Nhưng chủ yếu là để cho bạn thấy các tác giả trước tôi gắn lịch sử của quan hệ tính giao với lịch sử gia đình và hôn nhân, còn tôi muốn xét kỹ hơn mối quan hệ giữa hôn nhân và tình yêu, thì ở đây, Ăng-ghe-n cũng đã viết ra được những đoạn như thế này:

“Trước thời trung cổ thì không thể nói đến tình yêu cá nhân giữa trai gái được. Dĩ nhiên, về đẹp và thân thể, tình thân mật, những khuynh hướng giống nhau, v.v... bao giờ cũng làm nảy nở trong lòng người ta sự thèm muốn có quan hệ tính giao với nhau, và đối với cả đàn ông lẫn đàn bà không phải là họ hoàn toàn không quan tâm đến việc họ có những quan hệ hết sức thân thiết đó với ai. Nhưng từ đó đến tình yêu nam nữ như chúng ta thấy ngày nay thì còn rất xa. Trong suốt thời cổ đại, các cuộc hôn nhân đều do cha mẹ quyết định thay cho con cái và con cái đều yên tâm vâng theo. Nếu người ta thấy có đôi chút tình yêu giữa vợ chồng trong thời cổ, thì tình yêu đó không phải là một khuynh hướng chủ quan mà là một nghĩa vụ khách quan, nó không phải là cơ sở của hôn nhân, mà là

¹ Năm 1945, mới hôm qua thôi, Bác Hồ kính yêu của chúng ta đã được gọi là “người cha già của dân tộc” lúc 55 tuổi. Xem Trần Dân Tiên. *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*. Nxb. Văn học, 1989, tr. 114.

phần bổ sung vào hôn nhân. Trong thời cổ, những quan hệ yêu đương, theo nghĩa hiện đại, chỉ có ở bên ngoài cái xã hội quan phương. Những người chần cù mà Tê-ô-crit và Môt-su-xơ đã ca ngợi những nỗi vui buồn trong tình yêu của họ đều chỉ toàn là những người nô lệ không có quyền tham dự vào việc nhà nước, vào lĩnh vực sinh hoạt của công dân tự do. Ngoài những mối quan hệ yêu đương giữa các nô lệ ra, chúng ta chỉ thấy những quan hệ yêu đương với những phụ nữ cũng sống ngoài lề xã hội quan phương - với những kỹ nữ (...) nếu những quan hệ yêu đương thật sự xuất hiện giữa nam nữ công dân tự do, thì đó chỉ là ngoại tình” (7; tr. 122)¹.

“Thời trung cổ bắt đầu với mầm mống những tình yêu nam nữ của nó: tệ thông dâm. Đó là thứ tình yêu của kỹ sĩ. Từ thứ tình yêu đó nhằm phá hoại hôn nhân đến thứ tình yêu làm cơ sở cho hôn nhân, còn có cả một quãng đường dài mà các kỹ sĩ vẫn chưa bao giờ đi hết được cả” (7; tr. 123-124). Cũng phải thôi, mãi còn lâu nữa, chừng nào thủ tiêu *chế độ tư hữu*, thì mới xóa bỏ lý do kinh tế hiện vẫn ảnh hưởng rất lớn đến việc chọn vợ kén chồng, thì lúc đó việc kết hôn sẽ không còn động cơ nào khác ngoài tình yêu.

“Nhưng tình yêu giữa cá nhân nam nữ thì lại tùy từng người mà lâu dài rất khác nhau, nhất là đối với đàn ông. Và nếu tình yêu đã hoàn toàn phai nhạt, hay bị một tình yêu say đắm mới lấn át mất, thì ly hôn sẽ là điều hay cho cả đôi bên cũng như xã hội. Chỉ cần tránh cho nhau khỏi sa chân vô ích vào vũng bùn kiện tụng để ly hôn mà thôi” (7; tr. 132). Kết hôn hay ly hôn thì nguyên lý cơ bản vẫn là tình yêu.

Theo quan điểm ấy “tình yêu nam nữ ngày nay khác về căn bản với tính dục đơn thuần, với Eros (sự luyến ái) của người cổ đại. Một là, nó giả định phải có tình yêu trở lại của người mình yêu, còn đối

¹ Cách ghi vấn đề này cho biết: trích từ quyển có mã số (7), tức là quyển sách của Ph. Ăng-ghe-nơ: *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*.

với sự luyến ái thời cổ đại thì quyết không phải bao giờ người ta cũng hỏi ý kiến của người đàn bà. Hai là, sức mạnh và sự bền bỉ của tình yêu thường đến mức là hai bên thấy việc không lấy được nhau và phải xa nhau là điều đau khổ lớn, nếu không phải là điều đau khổ lớn nhất. Để lấy được nhau, hai người phải liều thân, có khi phải hi sinh tính mạng. Điều đó, trong thời cổ, chỉ xảy ra trong trường hợp ngoại tình mà thôi” (7; tr. 123). Thật ra, cái quan trọng không phải ngoại tình hay nội tình - sự phân biệt ấy chỉ có ý nghĩa pháp lý xã hội mà thôi, còn nội dung của nó là mối quan hệ giữa tình yêu và hôn nhân. Trước đây, hôn nhân là sự kiện có trước, còn nghĩa vụ vợ chồng có sau và có sau cùng (chắc gì đã có) là tình yêu. Thì có lúc trật tự ấy bị đảo ngược. Từ thời cổ Hy Lạp, đã có câu chuyện nàng Cly-tem-ne-sto-rơ đã giết chồng là A-ga-mem-nôn vừa từ Tơ-roa về, để chạy theo gã tình lang E-gi-sơ. Những câu chuyện như thế chắc không ít, nên Thượng đế mới thành lập Bộ Tình yêu do nữ thần Ái tình làm Bộ trưởng, trông coi việc yêu đương. Việc thành lập Bộ Tình yêu chứng tỏ có một sự độc lập tương đối của Tình yêu trong quan hệ với hôn nhân và với giao lưu tính dục. Chắc chắn là tình yêu có những vấn đề riêng của nó. Nó có lịch sử của bản thân mình với hai lần xuất hiện, lần đầu trong toàn bộ lịch sử nói chung, và lần sau trong mỗi cá thể.

Lần đầu, tình yêu được chuẩn bị từ một tiền đề “vật chất” sống còn - sự tồn tại của loài. Vì vậy, nó phải gắn liền với gia đình (hôn nhân).

Ngay trong giới động vật, chúng ta cũng nhận thấy những tấm gương chung thủy, son sắt giữa vợ chồng như đôi Uyên Ương được lấy làm biểu tượng. Trong những chuyện thần thoại, chuyện cổ tích, đều có nói đến tình yêu. Và sáng tác ra những chuyện thần thoại và chuyện cổ tích phải là một trình độ phát triển cao, nghĩa là phản ánh hoàn cảnh của chính họ. Hồi ấy, Tình yêu chỉ mới manh nha, một tình cảm mơ hồ về một quan hệ MỚI NÀY SINH, xét trong toàn

bộ lịch sử nói chung, mà trình độ phát triển lịch sử còn chưa thấy rõ nó. Thế rồi hành vi giao lưu tình cảm, do sức mạnh vật chất của bản thân mình, càng ngày càng làm cho cái sự vật vừa mới manh nha góp nhặt ngày tháng cứng cáp lên. Tiến trình này ăn khớp với sự phát triển của gia đình, cùng đồng thời phù hợp với sự tiến triển của hôn nhân mà Morgan mô tả.

Không có gì bỗng nhiên có. Cùng chẳng có cái gì đã có là mãi mãi như thế. Tình yêu càng là sự sinh thành và biến hoá điển hình hơn, vì nó gắn liền với những cá nhân đang sống. Trong những câu chuyện thần thoại hay cổ tích, chuyện Tình yêu thường bắt đầu từ phía mạnh hơn. Một hoàng tử đang kén vợ. Và các câu chuyện lục đục trong cung đình thường do chỗ nhà vua yêu ai hơn, còn các hoàng hậu, cung phi thì ra sức tận dụng tình yêu ấy có lợi cho con mình. Những tình yêu có tính chất ban phát ấy vốn là con đẻ của một điều kiện sống cụ thể, của một *xã hội tha hoá*.

Bạn nào bức mình nghĩ rằng tác giả “quá chính trị”, động một tí là nói đến bất bình đẳng xã hội, mà lẽ ra phải nói thẳng vào cái tình yêu thuần túy kia!

Xin thưa: tôi cũng từng có lúc nghĩ như thế, rồi mới thấy nghĩ như thế thì không đâu vào đâu cả!

Khi bạn đã “thực sự tin vào cái bản chất chính sự vật thì lẽ nào che giấu bản chất đó dưới cái *bề ngoài* của một bản chất khác và tìm lối thoát trong sự giả dối và nguy hiểm”⁷⁰. Tất nhiên, không phải bạn muốn, tôi muốn, tất cả chúng ta muốn mà được. Chỉ có bản thân lịch sử mới làm được, vì “lịch sử tác động một cách triệt để và trải qua rất nhiều giai đoạn cho đến khi nó đưa cái hình thức sinh hoạt đã lỗi thời xuống mồ”⁷¹. Nó đã đưa chế độ quân hôn xuống mồ. Nó đã đưa chế độ hôn nhân đối ngẫu xuống mồ. Rồi nó cũng sẽ đưa xuống mồ nốt những hôn nhân không có tình yêu đảm bảo. Cái chế độ một vợ một

⁷⁰⁻⁷¹ C. Mác. *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*. ST, 1977, tr. 18.

chồng mà những người hiện đại đang sống với nó, mon trón vớ về nó, thì hãy còn lấy “kim ngạch” đảm bảo, chứ đâu phải vì tình yêu. Cho nên nhu cầu phát triển hơn nữa chế độ một vợ - một chồng vẫn còn đang ở phía trước. Morgan nói: “Nếu người ta công nhận cái sự kiện là gia đình đã lần lượt trải qua bốn hình thức và hiện nay đang ở hình thức thứ năm, thì một vấn đề sẽ phát sinh là: trong tương lai, hình thức thứ năm đó có thể tồn tại lâu dài hay không? Câu trả lời duy nhất có thể đưa ra là: hình thức đó phải phát triển cùng với sự phát triển của xã hội và phải biến đổi cùng với sự biến đổi của xã hội, giống hệt như trong quá khứ. Là sản vật của một chế độ xã hội nhất định, hình thức đó sẽ phản ánh trạng thái phát triển của chế độ xã hội đó. Vì gia đình một vợ - một chồng được cải tiến ngay từ khi bắt đầu thời đại văn minh và được cải tiến rất rõ rệt trong thời cận đại, nên chỉ ít người ta cũng có thể giả định rằng hình thức đó còn có thể được cải tiến thêm nữa *cho tới khi đạt được sự bình đẳng giữa nam và nữ* (tôi nhấn mạnh. HND). Còn nếu như trong tương lai xa xôi sau này, gia đình một vợ - một chồng sẽ không có thể đáp ứng được những nhu cầu xã hội, thì cũng không thể nào dự đoán trước được là gia đình tiếp theo sau đó sẽ có tính chất như thế nào” (7; tr. 133-134). Ph. Ăng-ghe-nơ cũng tự đặt mình vào tình thế ấy của Morgan. Ông nói: điều mà ngày nay chúng ta có thể giả định được về hình thức của các quan hệ nam nữ mai đây – thì chủ yếu là có tính chất phù định, và trong phần lớn các trường hợp, nó chỉ giới hạn ở những cái sẽ bị xóa bỏ đi. Nhưng cái gì sẽ thay thế vào đó? (7; tr. 132-133). Một thế kỷ đã trải qua, các câu hỏi ấy hãy còn nguyên đó. Một thế kỷ hết sức cơ động mà còn dè dặt đến thế! Hình như, lịch sử còn chưa biết làm thế nào “để từ biệt một cách vui vẻ quá khứ của mình”¹⁷². Cái quá khứ ấy còn nặng nề lắm, còn níu người đang sống lại được. Không một lĩnh vực nào có thể tự giải phóng mình, Mác nói thêm “nếu không tự giải phóng mình khỏi

¹⁷² C. Mác. Xem¹⁷⁰, tr. 18.

tất cả mọi lĩnh vực khác của xã hội, và đồng thời không giải phóng tất cả những việc khác của xã hội”⁷³. Đại công nghiệp đã bắt tay vào sự nghiệp giải phóng ấy. Không phải như hai lần trước, làm một thao tác “lật ngược”, - lần đầu đưa người đàn bà lên địa vị Bà Hoàng và lần sau đặt Bà Hoàng xuống hàng nô lệ, - lần này việc giải phóng ấy nhằm làm cho phụ nữ ngang hàng với đàn ông. Sự bình đẳng ấy không thể có được và mãi mãi sẽ không thể có được, chừng nào phụ nữ còn bị gạt ra ngoài *lao động sản xuất* của xã hội. Ăng-ghe-n viết: “Việc giải phóng người phụ nữ chỉ có thể thực hiện được khi nào người phụ nữ có thể tham gia sản xuất trên một quy mô xã hội rộng lớn và chỉ phải làm công việc trong nhà ít thôi. Nhưng điều đó chỉ có thể thực hiện được với nền đại công nghiệp hiện đại là nền sản xuất không những thu nhận lao động của phụ nữ trên quy mô lớn, mà còn trực tiếp đòi hỏi phải có lao động của phụ nữ và ngày càng cố hoà tan lao động tư nhân của gia đình vào trong nền sản xuất xã hội” (7; tr. 268). Lúc ấy, những hàng rào cuối cùng bảo vệ quyền uy tuyệt đối của đàn ông sẽ sụp đổ, và trên cơ sở bình đẳng nam nữ mới hi vọng nảy mầm, bén rễ Tình yêu, - tình yêu chính cống. Chuyện đó có thể xảy ra và phải xảy ra. Ta nhớ lại, người đàn ông thời mông muội (người đi săn thành thạo) đã vui lòng giữ địa vị thứ yếu trong nhà. Rồi người đàn ông chăn nuôi và nông nghiệp cày nhiều của đã làm “một trong những cuộc cách mạng triệt để nhất”, lật ngược tình thế, đưa người đàn bà xuống địa vị “hạng nhì” (mà người đàn bà cũng chẳng oán trách - ở cái tình thế nó thế, thế thì phải thế, chứ biết làm sao). Trong cả hai lần, nhân tố giới tính, nghĩa là *điều kiện tự nhiên* của các cá nhân, đứng sau xúi bẩy. Còn lần này, đại công nghiệp không cần phải biết nam nữ, thì cái tiền đề vật chất ấy hoàn toàn đảm bảo tính bình đẳng nam nữ.

Tình yêu trước hết và sau cùng là sự bình đẳng, “chỉ có đối tình yêu lấy tình yêu”. “Nếu anh yêu mà không được yêu trở lại, nghĩa là

⁷³ C. Mác. Xem⁷⁰, tr. 37.

tình yêu của anh với tư cách là tình yêu không để ra tình yêu của bên kia; nếu với tư cách là một người có tình yêu mà bằng *biểu hiện sinh hoạt* của anh, anh không làm cho anh trở thành *người được yêu*, thì tình yêu của anh là bất lực, và nó là bất hạnh⁷⁴. Ngay trước, chỉ trong hôn nhân mới có chuyện “tôi là người xấu xí, nhưng tôi có thể mua một người vợ tuyệt đẹp”⁷⁵, thì trong tình yêu bây giờ, một người xấu xí vẫn có thể được một người tuyệt đẹp yêu. Vì trong tình yêu chỉ có cho và nhận, “của cho không”.

Muốn có được bình đẳng trong tình yêu, hoặc nói đúng hơn muốn có bình đẳng để có tình yêu, thì các cá nhân phải là các cá nhân tự do. Sự tự do ấy có thể biểu hiện ở những hình thái rất khác nhau, ví dụ, tự do chính trị (thời cổ Hy Lạp) hay tự do ký giao kèo bán sức lao động của chính mình (thời tư bản chủ nghĩa). Nhưng có được tự do kiểu nào là do hoàn cảnh xã hội – kinh tế của nó quyết định.

Tôi ngồi trên kiệu được rước về nhà anh. Cái nhà này của mẹ anh. Cái sân này của mẹ anh. Cái bếp, cái niêu, cái nôi, cái que đun bếp, bát đũa, rồi đến cả anh nữa - tất tất đều của mẹ anh. Tôi phải *mượn* mới có: Mượn cái chổi quét nhà cho mẹ anh. Mượn cái niêu nấu cơm cho cả nhà. Mượn cái nùn rom chằm lửa. Rồi cùng đến rón rén mượn cả anh làm chỗ ngủ khi cả nhà giấc ngủ đã say.

Nay tôi đi làm. Đồng lương trong ví. Anh có A tôi có A, anh có B tôi có B. Anh có gì tôi có nấy. Riêng mẹ anh không. Thì bây giờ câu chuyện đã khác lắm rồi – là câu chuyện giữa tôi với anh.

Khi mỗi cá nhân có quyền quyết định về đời sống vật chất của mình, thì họ có quyền đến cơ quan pháp lý đăng ký kết hôn theo nguyện vọng của chính mình. Và sự hình thành gia đình ấy không

⁷⁴ C. Mác. Xem ^[1], tr. 183.

⁷⁵ C. Mác. Xem ^[1], tr. 178.

phải là sự hình thành *một đơn vị kinh tế*. Gia đình càng không phải là đơn vị sản xuất hay đơn vị kinh tế thì tính chất tự nguyện kết hôn và ly hôn càng được đảm bảo.

Thế hệ thanh niên khi đã có quyền tự nguyện thì đã có thật rồi cái cơ sở để có Tình yêu, như một thành tựu văn minh. Bấy giờ Tình yêu như một cơ sở để quyết định hôn nhân. Đó là quyền được tự do yêu và được yêu lại. Ăng-ghe-n đặt ra câu hỏi này: “Cái quyền của những kẻ yêu nhau đó há chẳng phải cao hơn quyền của cha mẹ, của những người thân thích và của mọi người mỗi lái thông thường khác hay sao? (...) Và tại sao cái quyền ấy lại có thể dừng lại trước cái kỳ vọng không thể tha thứ được của thế hệ già cứ muốn định đoạt thể xác, tâm hồn, tài sản, hạnh phúc và đau khổ của thế hệ trẻ hơn?”.

Cái câu hỏi ấy không thể nào không đặt ra trong một thời đại mà tất cả những sợi dây cũ kỹ ràng buộc xã hội đều bị dãn ra và tất cả các quan niệm thừa hưởng của quá khứ đều bị lung lay” (7; tr. 128-129). Chẳng bao lâu, trên giấy tờ, trong lý luận đạo đức cũng như trong thơ ca, không một quan niệm nào được xác lập cứng rắn và vững chắc bằng quan niệm cho rằng, bất cứ cuộc hôn nhân nào không dựa trên tình thương yêu lẫn nhau và trên sự thoả thuận thật sự tự do giữa vợ chồng, thì đều là vô đạo đức cả. Tóm lại, kết hôn vì tình yêu đã được tuyên bố là quyền con người, hơn nữa, nó không những là *droit de l'homme*, mà đây là ngoại lệ - còn là *droit de la femme* nữa”¹¹ (7; tr.130).

Lịch sử bao giờ cũng sẵn những điều oái oăm. Những người công bố luật đó (giai cấp thống trị) thì thường kết hôn theo những lợi ích kinh tế, chính trị, nghĩa là những lợi ích bên ngoài tình yêu. Thì cứ hỏi nàng Kiều, con Vương ông, có phải không. Nàng tự nguyện đi theo Mã Giám Sinh sau khi nhận

¹¹ Ăng-ghe-n chơi chữ: *droit de l'homme* là quyền con người, còn có nghĩa quyền của đàn ông, để đối với *droit de la femme* - quyền của đàn bà.

dù 400 lạng vàng, rồi lại tự nguyện đi về nhà Thúc Sinh chịu cho Hoạn Thư đánh ghen. Chưa xong, nàng còn tự nguyện đi theo Từ Hải và cuối cùng tự nguyện trong tình cảm kỳ với Kim Trọng.

Có ba bảy thứ tự nguyện, cũng như có ba sáu kiểu tự do. Con chim kia có cả bầu trời bao la, sao không bay lên cao nữa, cao mãi? Con chim kia có cả đại dương mênh mông tha hồ thả cánh, sao phải quẩn quanh mãi ở những hòn đảo cô độc?

Tình yêu tự do là một tự do KHÔNG SAN SẺ cho ai được. Lịch sử hàng ngàn năm nay đã bắt phụ nữ không chia sẻ cho ai khác ngoài chồng mình những gì hôn nhân có và tình yêu có, để thực hiện triệt để chế độ một vợ - một chồng, thì ngày nay có trách gì Hoạn Thư, người đã có công¹¹ lại đang có quyền? Còn như những ai khác “vui lòng chấp nhận thói ngoại tình của chồng” thì âu cũng là cách chọn lấy cái ít tồi tệ nhất trong những cái tồi tệ. Hôn nhân là sự tự nguyện, bình đẳng và tự do, trên cơ sở tình yêu, thì từ bản chất ấy, nó phải là một vợ - một chồng. Đó là cái phân tử nhỏ nhất, bền vững, nhưng không cố định. Hôn nhân vừa cố kết với nhau bằng lực hút của tình yêu, vừa có xu hướng tách ra bằng lực đẩy cũng của Tình yêu. Hai nguyên tử của phân tử gia đình đều bình đẳng nhau về pháp lý lẫn về thực tiễn trong sự cố kết hay tan rã ấy. Như vậy, cuộc đấu tranh cho tự do ly hôn cũng có giá trị như cuộc đấu tranh trước đó cho tự do kết hôn.

Tuy nhiên, có lẽ vì méo mó nghề nghiệp, tôi xin nói rằng: hôn nhân KHÔNG PHẢI việc riêng của hai cá nhân kia! Còn có người thứ ba: con cái! Và còn có thêm người thứ ba rưỡi: các quan hệ xã hội đang tồn tại trên thực tế, trực tiếp tác

¹¹ Bachofen có lý biết bao khi ông nhận định rằng bước chuyển từ chế độ quân hôn sang chế độ một vợ - một chồng chủ yếu do công lao của phụ nữ (7: tr. 131).

động vào cuộc sống của từng người cụ thể và của cả cộng đồng, xã hội.

Vì vậy, gia đình không phải là một phân tử của hai nguyên tử, mà là của ba: vợ - chồng - con cái. Cái tam giác gia đình ấy mới đích thực là một phạm trù độc lập ngang với phạm trù cá nhân và cộng đồng (xã hội) như đã nói ở mục 3.

Từ đó, dễ thấy rằng, gia đình được hình thành từ hôn nhân giữa hai cá nhân bình đẳng và tự do đang yêu nhau. Nhưng lợi ích cơ bản của gia đình không phải là số học lợi ích của hai cá nhân ấy. Con cái, theo bản chất của nó, không phải là một hậu quả ngẫu nhiên mà là một kết quả tự nhiên, tất nhiên của hôn nhân và Tình yêu. Mỗi cá nhân trong gia đình coi hai thành phần còn lại như sự tồn - tại - khác của chính mình, gắn liền máu thịt với bản thân cuộc sống của mình. Cho nên bình đẳng trong hôn nhân là bình đẳng của cả ba nhân tố ấy. Nói cách khác, hôn nhân một khi được hình thành từ Tình yêu, thì nó có quy luật vận động của riêng nó, chứ không phải ở mãi tại chỗ xuất phát. Do đó trong thực tiễn cuộc sống, có một sự KHÁC BIỆT giữa kết hôn và ly hôn, như sự khác biệt giữa trạng thái trừu tượng ở điểm xuất phát với một trạng thái cụ thể trong tiến trình lịch sử của một thực thể.

Còn thực thể gọi là hôn nhân, nói cụ thể hơn - gia đình (nói chi li nữa - tam giác gia đình), có động lực là Tình yêu.

Vậy, TÌNH YÊU LÀ GÌ?

Xưa nay những người ít nhiều nổi tiếng thường phát biểu nhiều câu chí lý về tình yêu, như những *định nghĩa* kinh điển. Các bạn trẻ thường cố chép và nhớ thuộc lòng các câu ấy để tìm dịp đưa vào thư tình, hy vọng làm tăng thêm "chất trí tuệ" của tình yêu.

Tôi cố hết sức tránh những định nghĩa cộc lốc như thế, mặc dù tôi thừa sức nghĩ ra những định nghĩa giật gân hơn, bất ngờ đến ngỡ ngàng. Chắc bạn không để ý, suốt cả mục 6 - HÔN NHÂN tôi không

động vào cuộc sống của từng người cụ thể và của cả cộng đồng, xã hội.

Vì vậy, gia đình không phải là một phân tử của hai nguyên tử, mà là của ba: vợ - chồng - con cái. Cái tam giác gia đình ấy mới đích thực là một phạm trù độc lập ngang với phạm trù cá nhân và cộng đồng (xã hội) như đã nói ở mục 3.

Từ đó, dễ thấy rằng, gia đình được hình thành từ hôn nhân giữa hai cá nhân bình đẳng và tự do đang yêu nhau. Nhưng lợi ích cơ bản của gia đình không phải là số học lợi ích của hai cá nhân ấy. Con cái, theo bản chất của nó, không phải là một hậu quả ngẫu nhiên mà là một kết quả tự nhiên, tất nhiên của hôn nhân và Tình yêu. Mỗi cá nhân trong gia đình coi hai thành phần còn lại như sự tồn - tại - khác của chính mình, gắn liền máu thịt với bản thân cuộc sống của mình. Cho nên bình đẳng trong hôn nhân là bình đẳng của cả ba nhân tố ấy. Nói cách khác, hôn nhân một khi được hình thành từ Tình yêu, thì nó có quy luật vận động của riêng nó, chứ không phải ở mãi tại chỗ xuất phát. Do đó trong thực tiễn cuộc sống, có một sự KHÁC BIỆT giữa kết hôn và ly hôn, như sự khác biệt giữa trạng thái trầu tượng ở điểm xuất phát với một trạng thái cụ thể trong tiến trình lịch sử của một thực thể.

Còn thực thể gọi là hôn nhân, nói cụ thể hơn - gia đình (nói chi li nữa - tam giác gia đình), có động lực là Tình yêu.

Vậy, TÌNH YÊU LÀ GÌ?

Xưa nay những người ít nhiều nổi tiếng thường phát biểu nhiều câu chí lý về tình yêu, như những *định nghĩa* kinh điển. Các bạn trẻ thường cố chép và nhớ thuộc lòng các câu ấy để tìm dịp đưa vào thư tình, hy vọng làm tăng thêm "chất trí tuệ" của tình yêu.

Tôi cố hết sức tránh những định nghĩa cộc lốc như thế, mặc dù tôi thừa sức nghĩ ra những định nghĩa giắt gân hơn, bất ngờ đến ngờ ngàng. Chắc bạn không để ý, suốt cả mục 6 - HÔN NHÂN tôi không

hề một lần dùng chữ yêu. Chủ định của tôi là để Tình yêu ở sau, thật muộn, như chính lịch sử muộn mằn của nó.

Manh nha rất sớm, xuất hiện sớm - một điều ấy chưa đủ để nói rằng Tình yêu được hình thành sớm. Trên dưới mười trang bạn vừa đọc, tôi chỉ có một ý: Tình yêu đích thực chỉ có thể được khi có *bình đẳng nam nữ và tự do cá nhân* để kết hôn hay ly hôn. Vậy thì, muốn có Tình yêu, lịch sử hãy giải phóng phụ nữ.

Sự giải phóng triệt để nhất là đưa phụ nữ vào đời sống sản xuất, vào các hoạt động xã hội.

Trong những gia đình nghèo, thuộc tầng lớp bị áp bức, phụ nữ vẫn tham gia lao động và thậm chí còn cực nhọc hơn, làm ra nhiều của cải hơn đàn ông. Nhưng họ vẫn không được bình đẳng vì họ chỉ ru rú ở nhà, lo việc bếp núc và đẻ con, nói chung chỉ làm những việc gia đình⁽¹⁾, giao mọi việc xã hội cho đàn ông.

Từ khi xã hội phân thành các giai cấp bình đẳng, thì gia đình cũng phồng theo đó mà tạo ra sự bất bình đẳng. Sức mạnh để củng cố sự bất bình đẳng đó từng nghĩ rằng chỉ có những *thể chế Nhà nước*, - *du luận công chúng, phong tục tập quán* là những sức mạnh cưỡng chế thường xuyên trên thực tế (chứ không phải trên văn bản, bằng pháp lý) và trong ý thức. Điều này thể hiện rất rõ trong ca dao tục ngữ: *của chồng công vợ* - có văn bản chính thức nào dám ghi điều phi lý ấy! Nhưng người đàn bà “có lý” và “cái lý” mạnh nhất trong ý thức họ là “người ta đều thế cả”, từ thuở ông cha đã thế rồi. Phá bỏ những phong tục tập quán, công luận đại loại như thế là việc làm lâu dài, vì nó ở ngay trong mỗi người và ở nơi sâu thẳm nhất của họ. Nó thấm vào máu thịt người ta từ khi lọt lòng, một cách tự nhiên, đến nỗi chẳng ai có ý thức về nó như chẳng có ý thức về không khí

⁽¹⁾ Thực ra, cũng vẫn chỉ là những việc gia đình, mà trước đó, vì thế, họ ở địa vị cao, nắm quyền thống trị trong nhà.

đang nuôi sống mình. Vậy cũng nên biết rằng “một hoạt động xã hội nào, một loạt những quá trình xã hội nào vượt ra khỏi phạm vi chi phối của con người thì chúng hình như phó mặc cho những tính ngẫu nhiên thuần túy, và những quy luật nội tại cố hữu của chúng, với một sự tất yếu tự nhiên, lại càng mở đường cho mình trong khuôn khổ của cái ngẫu nhiên đó” (7; tr. 290-291). Đời sống xã hội, đời sống gia đình, đời sống tình yêu đều xảy ra dưới tác động của những quy luật như thế.

Tình yêu nảy sinh từ một trình độ phát triển văn hoá cá nhân, biểu hiện cụ thể của một trình độ phát triển văn hoá xã hội. Thời đại mông muội chắc chắn chưa có ý thức Tình yêu. May ra, ở giai đoạn cao thời đại dã man, với *thanh kiếm sắt* chinh phục thiên hạ, những hiệp sĩ bắt đầu có ý thức hướng “của lạ” ở vùng mới chinh phục.

Khi đã có thanh kiếm sắt thì cũng phải có cày sắt, rìu sắt, đồ sắt nói chung, tức cũng là có ý chí sắt chinh phục thiên nhiên và chinh phục kẻ khác.

Nếu sắt là thứ nguyên liệu quan trọng nhất trong tất cả các nguyên liệu đã đóng vai trò cách mạng trong lịch sử thì nó cũng là sức mạnh quyết định nhất làm rạn nứt thể chế cổ truyền, hình thành nên *gia đình cá thể*. Thực thể gia đình cá thể này thoát đầu chỉ là một *đơn vị kinh tế*, hình thành một cách tự phát. Thế rồi cuộc sống thực tế ấy, cũng một cách tự phát, làm nảy ra bông hoa tình thần của nó – tình thương yêu, một tình cảm cô đặc hơn, đủ toả hương thơm trong một phạm vi hẹp hơn của gia đình. Thêm vào đó, cái bếp gia đình cũng ngày càng có sức sưởi ấm cho cuộc sống trong cái không gian đóng kín gọi là gia đình ấy. Cảm nhận được hương thơm của Tình yêu và sức ấm của nó đòi hỏi phải có những giác quan tinh tế hơn và nhu cầu cảm nhận.

Tình yêu như một *nhu cầu mới*, lần đầu tiên nảy sinh từ quan hệ gia đình. Điều này phù hợp với tiến trình phát triển của bản thân gia đình (xem mục 6 – Hôn nhân). Trong đời sống gia đình, dù

chuyện ăn ở có tầm quan trọng hàng đầu, thì nó cũng còn ở bên này nhu cầu vật chất. Trong những nhu cầu vật chất, cái trực tiếp làm ra nhu cầu tinh thần và Tình yêu là sự *hưởng thụ cá nhân*. Khi cá nhân càng có ý thức hưởng thụ, thì càng có khoanh hẹp vùng hưởng thụ và từ đó mới có *ghen tuông*, như một biểu hiện xuyên tạc của Tình yêu. Nếu trước đây, “sự tha thứ lẫn nhau giữa những con đực thành niên, việc không ghen tuông là điều kiện đầu tiên để thành lập những tập đoàn lớn và bền vững hơn và bước chuyển từ thú vật thành người chỉ có thể thực hiện được trong các tập đoàn đó thôi” (7; tr. 53), thì bây giờ ghen tuông nảy sinh cũng là hợp lý và nó tạo ra một tình cảm mới, biểu thị một quan hệ mới, nhằm duy trì gia đình, rồi làm cho gia đình thu nhỏ dần cho đến tận cái phân tử nhỏ nhất chỉ gồm có hai nguyên tử. Sự kiện đó phù hợp với tiến trình hình thành chế độ tư hữu. Nếu, theo ví dụ của Rousseau, chế độ tư hữu bắt đầu từ cái khoảnh khắc, một ai đó rào một vùng đất thiên nhiên rồi cắm cái biển: CỬA TÔI, thì cái vùng ấy của tình cảm ghen tuông e còn nhỏ hơn rất nhiều.

Rất có thể tình cảm ghen tuông bị ám ảnh bởi tính chân thực của người cha đẻ. Nhưng nếu cái sự chân thực ấy được bảo đảm xác thực, thì liệu có phải nhân tố tạo ra ghen tuông chỉ là vật chất thuần túy? Nếu có bấy nhiêu thôi, xin đảm bảo sự không suy suyển ấy cho anh:

Lẳng lơ thì cũng chẳng mòn!

Còn như chị em nào duy tâm thấy thế hơi quá đáng, ngộ nhờ sau này có chuyện chẳng lành, thì số còn lại, rất duy vật, thành thực khuyên:

- Chính chuyên chết cũng ra ma,

Lẳng lơ chết cũng chôn ra ngoài đồng!

Tóm lại, triết lý của chị em là:

- Chỉ dâu mà buộc ngang trời

Thuốc dâu mà chữa con người lẳng lơ!

Cho nên anh nhà giàu suy nghĩ duy tâm, thích khoe của
kia oi, tặng nhẫn thì cứ, nhưng đừng hy vọng vào phép thần:

Lẳng lơ đeo nhẫn cho chừa!

Chị em xin thưa với anh:

Nhẫn thì rơi mất, lẳng lơ vẫn còn!

Tình yêu (biểu hiện ở cực bên kia – ghen tuông) là một nhu cầu đặc biệt, về sự toàn vẹn của nó, ngay cả “một cách tinh thần”. Nhiều chị em hơi ít tư duy triết học thì nói: Ta rằng ta chẳng có ghen - Chồng ta ta giữ, ta nghiền, ta nghiền, ta chơi. Số chị em sâu sắc hơn thì chỉ ghen giấc mơ của chồng vì biết mười mười các đức ông chồng: đàn ông một trăm lá gan – lá ở cùng vợ, (còn 99 lá) thì toan cùng người.

Xét trong lịch sử, tính ghen tuông mãi sau này mới có, tức là sau khi quan hệ tính giao bị hạn chế nghiêm ngặt hơn. Sự hạn chế này lại có mặt tích cực của nó – sinh ra hiệu quả hưởng thụ cá nhân, sự độc chiếm cá nhân! Những câu ca dao trích dẫn thực chất cho ta biết nỗi mong ước sâu xa của đời sống vợ chồng là sự *chung thủy*, nhưng nó chỉ mới bắt đầu vượt ra khỏi trạng thái nguyên thủy của quan hệ tính giao khi tình yêu còn gắn liền với nó.

Nhu cầu chung thủy trong quan hệ tính giao vợ chồng biểu hiện một xu hướng lành mạnh và hợp lý: mỗi người trong tình yêu có nhu cầu tìm thấy (nói triết để duy tâm hơn – tìm lại) mình trong bạn tình của mình. Sự cảm nhận này (cũng như bất cứ sự cảm nhận nào khác) bao giờ cũng có một cơ sở vật chất hiện thực, ở đây là sự tồn tại nóng hổi của bạn tình. Lúc ấy, bạn tình là cái TỒN TẠI KHÁC của mình. Sự chiếm hữu trọn vẹn tuyệt đối (ít nhất cũng tại lúc ấy) là biểu hiện của sự tồn tại trọn vẹn của chính tôi, đồng thời lúc ấy tôi ý thức rằng đó là sự toàn vẹn tình yêu của tôi. Không có cách nào khác để chứng thực tính trọn vẹn tuyệt đối của tình yêu tôi buộc phải chọn lấy sự độc chiếm cơ thể của bạn tình, coi đó như một *biểu trưng* tinh thần hơn là một cơ sở vật chất. Vì vậy, bộ luật Napô-lê-ông cấm đem nhân tình về nhà là chỉ để tránh gây ra một tác

động tinh thần trực tiếp. Điều này chứng tỏ tình yêu có nhu cầu được *tinh thần hoá*. Như vậy là đã thấy hai cực của khái niệm *Tình yêu*. Một sự hợp nhất thân thể và một tinh thần cho sự hợp nhất ấy. Tình yêu là toàn bộ thể thống nhất vật chất – tinh thần ấy. Đó là hình thái kinh điển của nó.

Thực thể vật chất là sự hợp nhất hoà hợp cả hai cơ thể. Các cụ nhà ta thường gọi nhau là “mình”. “Mình” của nhau, kia là “mình” của đây. Hoàn toàn không phải do ghép hai cá nhân lại. KHÔNG có số học tình yêu! Ở đây mỗi cơ thể tách riêng ra thì không là gì cả! Vì bấy giờ mỗi cơ thể tồn tại vì KẸ KHÁC (vì một mục đích khác, chứ bản thân nó không phải là một mục đích tự thân). Còn như cơ thể của tôi tồn tại vì tôi, thì nó tồn tại và vận động theo một nguyên lý khác. Cái cơ thể ấy nhiều lắm là một VẬT CHỨA.

Mỗi cá nhân có một cơ thể (là vật chứa) và cái chứa trong đó. Không thể có một cái cơ thể người cộc lốc. Chỉ có cơ thể cộc lốc của thú vật là một tảng đúc liền, đồng chất và đồng nhất.

Vật chứa và cái chứa trong đó làm thành một *thực thể*. Tình yêu là một thực thể như thế. Cá nhân cũng là một thực thể như thế. Vì vậy tôi lưu ý đến SỨC CHỨA của cá nhân và do đó của Tình yêu của cá nhân đó. (Nói thật chặt chẽ thì một cá nhân cộc lốc KHÔNG có tình yêu).

Xã hội càng văn minh thì “sức chứa” này có một khả năng độc lập với cơ thể (vật chứa). Đây là chỗ khác biệt cơ bản giữa người và động vật. Cơ thể cộc lốc của người hay của vật chỉ là cái vật chứa trống rỗng mà Thượng đế chia đều cho cả động vật và người. Trong khi con vật vui lòng và trân trọng giữ nguyên như khi được cho, thì con người dám tạo ra thêm ý thức, tâm hồn và tình yêu (theo nghĩa quen thuộc) rồi đem “rót vào” cơ thể đó. Càng rót vào nhiều càng làm tăng sức chứa của cá nhân (chứ không phải của cơ thể), do đó làm nhạt đi cái bản tính thiên nhiên buổi đầu của cơ thể trời sinh.

Nhưng con người không phải từ bỏ những của “cho không” hào hiệp của thiên nhiên đâu. Có những trường hợp rủi ro như Trương Chi, như Đức chúa Jesus đứng ra chịu lấy một số phận hẩm hiu, cứu cho nhiều người còn lại, để họ may mắn được một cơ thể hoàn hảo hơn với sức chứa lớn hơn:

... “Về mặt đa cảm, cô là một điển hình đáng kể, điều đó ông biết. Ở cô, đứng trên bình diện nghệ thuật và khí chất mà xét có một cái gì vượt xa tầm tưởng tượng sắc sảo nhất của những người tầm thường. Bản thân ông cũng không hiểu rõ cái đó là cái gì, song ông cảm thấy đó là một tình cảm dồi dào không ngang tầm vóc với trí tuệ, hay hơn thế nữa, với kinh nghiệm, một điều đáng để cho bất cứ người đàn ông nào khao khát. “Cô gái đặc biệt” này, ông ngẫm nghĩ, nhìn thấy cô rõ mồn một trong tâm tưởng mình”.

“Vừa trầm ngâm suy nghĩ xem nên làm gì, ông vừa trở lại khách sạn và về phòng riêng. Khi bước vào phòng, một lần nữa ông lại bàng hoàng vì sắc đẹp của cô và vì vẻ quyến rũ không cưỡng nổi của tính cách cô. Trong ánh sáng ngọn đèn có chụp, nom cô như thể một nhân vật chưa đầy ấp những điều kỳ diệu”.

(...)

“Ông kéo cô vào sát mình và bỗng mất hết cả tính thận trọng của tuổi tác. Trong tâm trạng ông có một cảm giác vừa thiếu thốn vừa thoả mãn. Cuối cùng, bất chấp những tổn thất khác, số mệnh đã đem đến cho ông cái điều khao khát nhất – Tình yêu, một người phụ nữ mà ông có thể yêu. Ông ôm lấy cô vào lòng và hôn hoài hôn mãi”.

“Nhà văn người Anh Jefferis”¹ đã nói phải mất một trăm năm mươi năm mới tạo nên được một trinh nữ hoàn hảo. Của báu đó đã đem chất lọc từ tất cả những gì diệu kỳ nhất của Trái đất và không khí. Từ làn gió nam thổi suốt một thế kỷ rưỡi trên đồng lúa xanh rờn, từ hương cỏ sinh sôi rập rờn toả trên ngàn hoang thảo triu

¹Richard Jefferie (1848-1887) Nhà văn Anh viết nhiều tiểu thuyết về nông thôn.

hoa và những khóm cây reo cười, nơi giấu mình của những con chim khuyển xanh. Từ vị ngọt của tất cả những dòng suối nhỏ quanh co nơi những cây i-rít hứng ánh nắng, từ vẻ đẹp của những khu rừng hoang dại, từ những quả đồi rộng đầy xạ hương theo về lỏng lẻo tự do – ba trăm năm mới lặp lại một lần.

“Một trăm năm của hoa anh thảo, hoa dạ lan hương, hoa tím, mùa xuân thắm và mùa thu vàng, ánh nắng mưa rào và những buổi sớm đẫm sương, đêm dài vĩnh cửu, tất cả nhịp điệu thời gian trải ra. Một cuốn biên niên sử không được viết ra và vượt quá sức của mọi cây bút, ai là người ghi lại những cánh hồng đã rụng từ một thế kỷ trước? Thử nghĩ xem, ba trăm lần cánh nhận về đậu trên nóc nhà! Từ những cái đó trinh nữ vụt hiện lên và cả trần gian khao khát hướng tới sắc đẹp của Nàng như hướng về những bóng hoa của quá khứ. Về yêu kiều của tuổi mười bảy phải trải qua hàng thế kỷ mới nên. Chính vì vậy, tình yêu hầu như nhuốm buồn.

“Nếu như ta đã hiểu và trân trọng vẻ đẹp của những bông dạ lan rừng ba trăm lần nở lại, đến như tinh hoa của những đoá hồng, của âm nhạc, của những buổi mai và những buổi chiều hừng nắng đã có lần khiến lòng ta xúc động, nếu như tất cả cái đẹp đều phù du mà ta có dịp được ôm tất cả cái đó trong vòng tay, trước khi thế gian này trôi tuột đi thì liệu ta có bỏ qua không?”⁽⁷⁶⁾.

“Sức chứa” của cá nhân nói lên một cách trung thành và cụ thể sự phong phú và đa dạng của tâm hồn, của đời sống tinh thần. Thuở đầu, đời sống cá thể là một *tổng thể trừu tượng*, chưa được phân hoá. Hoàn cảnh sống rất giản đơn thì những nhu cầu cá nhân còn rất đơn giản và cái “sức chứa” có đáng là bao.

Một mảnh vườn con rào giậu chia với thế giới bên ngoài, thiết lập một thế giới bên trong khép kín với những mối lo

⁽⁷⁶⁾: Theo Dore Dreiser. *Jenny Ghechac*, tập I. Tiểu thuyết dịch từ tiếng Anh, *Jennie Gerhardt*. Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 1985, tr. 95-97.

thường ngày lập đi lập lại đơn điệu: sân đã quét chưa, bếp núc củi lửa ra sao, nước sôi trong chum vơi đầy, gà mẹ gà con sáng chiều thiếu đủ, rác rưởi, rau quả, chó mèo, trẻ nhỏ... vèn vèn chỉ có bấy nhiêu. Éo le lắm thì cũng chỉ đến nước này: Đang khi lửa tắt cơm sôi - Lợn kêu, con khóc, chồng đòi tòm tem!

Sức chứa ấy có thể chứa đủ hàng nghìn vạn nỗi lo vất vãnh xung quanh đời sống thường ngày sát ngay đất liền mà tầm ngang rộng lắm thì đến tận rào giậu, cao bằng tầm bếp núc, chum vại. Cuộc sống ấy tui bụi, quần quật suốt ngày. Và khi đêm xuống, lửa bếp đã ém lại, gà đã vào chuồng, con trẻ đã ấm chỗ, thì cái việc cuối cùng hai chân đập vào nhau cho đỡ bụi còn chưa xong để ngã lưng, con ngủ đã ào ào ập đến. Còn đâu nữa những phút giây thưởng thức ái ân và vị ngọt tình yêu. Riêng các đức ông chồng “nhân cư” hơn, thì có làm nhiều điều thiện hơn để làm tăng thêm “sức chứa” ấy không? – Chưa chắc! Cuộc đời nam nhi ngày rộng tháng dài chỉ quanh quẩn trong lũy tre làng, trong cánh đồng làng thì cũng chỉ gặp những cô gái cùng làng, những bà nạ dòng, những người vợ có chồng bên cạnh, ới một tiếng đến ngay. Một ý muốn hão huyền mơ mộng nào nhờ chột loé lên, thì cũng như que diêm cháy rực lên giữa không trung, cháy cho hết để lại đi, thành một que than cong queo. Chỉ có những ai no cơm ấm cật thì mới giậm giật mọi nơi. Nhưng công luận lại luôn luôn có mặt khắp mọi nơi. Nó theo không khí len vào mọi kẽ đời sống, không tài gì bịt nổi.

Tình yêu và công luận trong mỗi thời đại vừa là người bạn đường, vừa là kẻ thù của nhau. Trong suốt lịch sử loài người ta thấy công luận ngày càng bịt lại nhiều lối ngang dọc, che chắn nhiều phương trời, chỉ để lại độc một hướng, dù cho cuộc đời còn con len chân. Nhưng khi cái giới hạn cuối cùng đã chạm đến thì nó lại theo luật tự nhiên tức nước phải vỡ bờ. Thế nào rồi cũng đến lúc những giới hạn địa vực sẽ vỡ ra, vỡ mãi ra, cho cả hành tinh này liền thành một tảng. Thế là, “đổ vỡ những chương ngại cổ xưa giới hạn con người

trong phạm vi quê hương họ, và cùng với chúng những khuôn khổ có từ nghìn xưa của phương thức tư duy trung cổ cổ truyền cũng bị sụp đổ. Một chân trời vô cùng rộng lớn hơn đã mở ra cho tầm mắt bên ngoài cũng như tầm mắt bên trong của con người” (7; tr. 129). Tầm mắt càng nhìn xa hơn ra ngoài, càng nhìn sâu hơn vào trong, thì nó làm cho công luận cổ truyền càng phải nói ra sợi dây ràng buộc, nói ra mãi, nói cho đến khi không còn ràng buộc gì được nữa. Ở Tây Âu, đó là thời kỳ mở đầu của các anh chị giang hồ tư sản mới từ tầng lớp thủ ba ngai lên. Họ có chủ nghĩa lãng mạn và mộng tưởng yêu đương của họ. Ở ta, bạn đọc vẫn có thể nhìn thấy tận mắt những sự đổ vỡ và “quá đà” trong đời sống, trong công luận và trong tình yêu.

Khi trước mắt tôi không phải là những bộ mặt quen thuộc với những tên gọi cô-Nụ-con-bà-Bàng, chị Mơ-nhà-anh-Nỗ, bà Tè-vợ-ông-Mit, thì chuyện gì sẽ xảy ra, khi chỉ có những cá nhân rời, cô Nụ là cô Nụ, mà tôi chẳng cần biết là con bà Bàng hay con ông Tre, chị Mơ là chị Mơ tôi biết, mà chẳng hề bận lên trong trí óc một điều gì có liên quan đến “nhà anh Nỗ”? –
Chúng ta quen nhau.

Bà già công luận nhìn thấy chúng tôi quen nhau thì nguyệt lờm, thì bĩu môi, thì vẽ chuyện chửi gà mắng chó. Nhưng không phải một tôi, mà nghìn vạn triệu tôi, thì liệu bà già kia còn nguyệt, còn lờm, còn sức mà bĩu môi, còn hơi mà vẽ chuyện nói xa gần bóng gió? Kể ra, chẳng trách bà già công luận ấy. Thời son trẻ, bà phải vào tận phòng ngủ đêm tân hôn thì mới làm quen được với ông nhà. Thành thử, trong đầu bà “quen nhau” là như vậy đó. Một tràng pháo, mấy giọt nước mắt từ biệt mẹ là đã có đủ phép thần, biến sự xa lạ thành “quen nhau” chóng vánh. Thời chúng tôi bây giờ khác. Quen nhau nhanh chóng mà còn lâu vẫn còn “xa lạ”, đã sát sạt sạt bên nhau, tay cầm tay, mặt nhìn mặt, hai thân thể truyền hơi ấm sang nhau, mà chỉ sau một nhịp nhạc nữa là đã rời nhau và biết còn gặp lại? Ảng-ghen tóm tắt: “Khi nào những con người như thế ra đời,

thì họ sẽ vứt bỏ tất cả những điều mà theo quan niệm hiện nay họ phải làm: tự họ, họ sẽ biết cần phải làm như thế nào và tự họ sẽ gây lấy một công luận thích hợp để phê phán hành vi của mỗi người. Chỉ có thế thôi” (7; tr. 133).

Công luận ngày xưa gọi là khát khe, thực ra chỉ vì nó lấy hôn nhân làm chuẩn cho quan hệ vợ chồng, và lấy gia đình làm một đơn vị kinh tế. Nền kinh tế gia trưởng tự cung tự cấp ấy buộc phải coi đời sống gia đình như một hòn đảo giữa đại dương công luận bao quanh: vào dễ ra khó. Suốt một đời, từ khi trên kiệu hoa bước xuống cho đến khi trên xe tang ra đi, con người cả một đời làm dâu ấy còn có một hình ảnh nào khác chập chờn tạo ra một nhu cầu nào khác. Sự yên tĩnh trong đời sống tạo ra sự yên tĩnh trong đầu óc. Công luận ra sức bảo vệ sự yên tĩnh ấy, bảo vệ cái gia đình như một tảng liền khối, như cái bao tải gom lại các củ khoai (ví dụ của Mác).

Nếu lấy tình yêu làm chuẩn cho hôn nhân, thì nó như sợi dây lèo làm chuẩn cho con điều cuộc đời. Con điều dù chòng chành, bay lượn, chao đảo trong bầu trời thời đại, thì nó vẫn được tình yêu dẫn dắt.

Mới hôm qua tôi còn tưởng một mình anh ở trên thế gian này, mà hôm nay tôi đã biết thêm những Trí, Dũng, Hùng, Minh, còn đặm hơn anh, thì trách gì tôi - lời thề chóng nhạt!

Mới hôm qua, tôi đứng trong rào giậu vườn nhà, có lũy tre làng bao bọc, có công luận trùm lên, thì mỗi lời tôi thề còn đọng lại nguyên vẹn cho đến hôm nay. Còn như mai kia, giữa bầu trời khoáng đạt, thì anh trách gì tôi, nếu lời hứa cho tai anh, tai người khác rồi có thể được nghe?

Thế hệ thanh niên hiện đại sinh ra giữa lúc các biên giới địa vực rạn nứt, vô từng mảng, gia đình gia trưởng không còn là đơn vị kinh tế xã hội. Họ rời bỏ quê hương tới những nơi xa lạ, không một người thân thích máu mủ bên cạnh. Mỗi người phải tự liệu lấy thân. Chính hoàn cảnh “được giải phóng” ấy sinh ra Tình yêu tự do, hình

thành nên một công luận ít khát khe hơn, làm tăng thêm sức chứa cá nhân cho những đôi trai gái đang yêu nhau.

*

* *

Nếu cốt vật chất của đời sống là *lao động sản xuất xã hội*, thì công luận xã hội đóng một vai trò rất đặc biệt trong tâm lý cá nhân. Nó là không khí, nước uống, thức ăn nuôi tâm hồn cá nhân từ lúc lọt lòng. Lờ ru, thái độ, cách cư xử, tất cả đều thấm đượm *ý thức xã hội*; rồi ý thức ấy như không khí, nước uống, thức ăn thấm vào từng thớ thịt đứa bé. Rõ ràng là đứa bé *chưa có ý thức*, nhưng những câu ca dao, câu hò cứ lắng lắng vào trong nó, rồi đầu lại, nằm im ở tận đáy cuộc đời.

Trong một thời gian tương đối yên tĩnh, thì những gì đã vào được từ bé, lớn lên còn phù hợp với trạng thái ý thức xã hội hiện tồn. Lúc ấy KHÔNG có vấn đề gì đặt ra. Chính vì vậy mà Aristote ở phương Tây, Khổng Tử ở phương Đông có thể tồn tại những vài nghìn năm, tương ứng với sự tồn tại hàng nghìn năm của nền sản xuất nông nghiệp gia trưởng.

Từ khi hình thành nền sản xuất đại công nghiệp, thì sự biến động triền miên bất tuyệt của nó làm lay động đến tận đáy đời sống xã hội và cá nhân. Lúc ấy, chúng ta đứng trước một sự va chạm, quá khứ muốn níu lại, hiện tại cứ dấn lên, công luận xã hội tận dụng triệt để sức mạnh cổ truyền của mình cho từng trận thắng một để rồi thua cả cuộc chiến tranh.

Các thế hệ sống xen kẽ nhau, vừa nương tựa nhau, vừa thúc đẩy nhau, vừa níu kéo nhau, gây ra mâu thuẫn tất yếu giữa các thế hệ, trong đó bao giờ thế hệ già hơn cũng quen lấy mình làm chuẩn cho thế hệ trẻ hơn.

Bi kịch này còn có thể phần nào chịu được trong xã hội cổ truyền, nhưng trở nên gay gắt (thậm chí cực kỳ gay gắt) trong

xã hội hiện đại đại công nghiệp!

Công luận xã hội vào trong cuộc đời cá nhân rất sớm, cho nên những đầu óc sắc sảo nhất của cờ trung bình định ninh rằng nó là *vô thức* hay *bản năng*. Trong khi đó bản chất vấn đề chỉ là *trạng thái* biểu hiện của ý thức một cách TUÔNG MINH, lộ liễu hay ẩn tàng, che giấu.

Xấu hổ là một ý thức sâu thẳm như thế. E thẹn là một ví dụ khác. Thái độ thụ động của phụ nữ trong quan hệ tính dục là điển hình hơn cả, chỉ vì công luận coi hành vi ấy là tội lỗi, là “dơ dáy”.

Phá bỏ một công luận là cả một cuộc vật lộn lâu dài, dai dẳng, lừng nhùng. Nhưng để thắng được công luận xã hội thì cuộc đấu tranh công luận đó phải tiến hành trong từng cá nhân. Muốn có Tình yêu tự do thì cá nhân phải chiến thắng được công luận xã hội ở ngay trong bản thân mình, mà trước hết phải có ý thức về cuộc đấu tranh đó.

8 - TÌNH YÊU

(II - TRONG CÁ NHÂN)

Đoạn trích ở (76) mô tả một sự kiện đã rõ nét, nên hoàn toàn có thể dùng để kết thúc chương 7 của quyển tiểu thuyết như Dreiser đã làm. Nếu bạn còn có thì giờ thì tôi vui lòng thuật lại 96 trang trước đó, theo từng cột mốc đứt quãng của hành trình.

Lần thứ nhất:

Mùa thu năm 1880

Hai mẹ con cần mẫn làm việc, lau dần từ trên xuống. Lúc này họ đã lau gần đến chân cầu thang. Qua cánh cửa quay lớn, một tôn ông đứng tuổi, người cao lớn và tao nhã, bước vào; chiếc mũ lụa và tấm áo choàng rộng, khiến ta hiểu ngay ông là một nhân vật quan trọng. Thấy người phụ nữ đứng tuổi đang lau cầu thang, không những ông đi vòng để tránh và còn khoát tay duyên dáng như muốn nói: “Các người cứ ngồi nguyên, mặc tôi”. Thế nhưng cô con gái đã đứng dậy, bắt gặp ánh mắt ông.

Lần thứ hai:

Hết sức rụt rè, bà Ghec-hác gõ cửa phòng. Jenny yên lặng đứng cạnh mẹ. Lát sau cửa phòng mở và ông Thượng nghị sĩ hiện ra trong ánh rực rỡ của căn phòng sáng trưng.

- Ô, chào bà, - ông nhận ra hai mẹ con, đặc biệt là cô con gái - tôi có thể làm gì cho bà?

Người mẹ e thẹn, ngập ngừng trả lời:

- Chẳng hay ngài có áo quần đưa chúng tôi giặt không ạ?

Ông né sang một bên rất lịch sự, vẫy tay ra hiệu cho hai mẹ con vào và đóng cửa lại. “Để tôi xem xem”.

- Đây có phải là con gái bà không?

- Dạ thưa ngài, con gái lớn của tôi đấy ạ.

Lần thứ ba:

“Năm chục tuổi đầu, cô độc, hoàn toàn cô độc”

Chiều thứ bảy, ông đang ngồi trong phòng suy ngẫm, thì tiếng gõ cửa khiến ông bật dậy, mở tung cửa và nhìn thấy Jenny.

- Cứ vào thẳng trong này!

Jenny bước vào, dáng vẻ chờ đợi một lời khen vì quần áo được giặt xong nhanh chóng.

Lần thứ tư:

Bọn trẻ nhà Ghec-hác do Jenny dẫn đi nhặt than ở ga.

Trên đường về nhà, cả bọn trẻ chạm trán với một tôn ông. Đó là ông Thượng nghị sĩ.

- Có phải cô Jenny đấy không?

Jenny nhận ra ông nhanh hơn ông nhận ra cô. Cô buồm quai chậu đựng than, bỏ chạy ngược lại. Ông Thượng nghị sĩ đuổi theo, ba bốn lần gọi Jenny, Jenny! Nhưng không đuổi kịp và chợt nhận ra, đồng thời tôn trọng nỗi hổ thẹn ngây thơ bình dị của cô.

Lần thứ năm:

Giờ đây, mỗi tuần hai lần, khi cô đến chạy vật ở khách sạn, Thượng nghị sĩ Brandơ tiếp cô lịch sự. Ông thường hay tặng cô các món quà nhỏ hoặc gửi cho các em cô. Ông trò chuyện với cô rất tự nhiên, khiến cô xoá bỏ được cái cảm giác sợ sệt về khoảng cách quá xa giữa cương vị hai người, đến mức coi ông là một người bạn độ lượng hơn là một Thượng nghị sĩ cao sang.

Vào một buổi tối, ông gọi cô đến bên mình. Cô bước lại, và do một xúc cảm đột ngột, ông bỗng cầm lấy tay cô.

- Này, Jenny, cô nghĩ về tôi như thế nào? Vừa nói ông vừa nhìn vào mặt cô, vẻ dò hỏi.

- Dạ em không biết.

- Có chứ, ông vận lại.

- Không, em không có ý nghĩ gì cả.

...

Ông vừa nói vừa dịu dàng kéo cô về phía mình, rồi áp đôi môi lên má cô.

- Ôi, cô kêu lên, đứng thẳng dậy, giật mình sợ hãi. Đó là một sắc điệu mới giữa hai người: Tính cách ông Nghị tan biến đi trong khoảnh khắc. Cô nhận ra ở ông một cái gì mà trước đây cô không cảm thấy. Đối với ông, cô là phụ nữ và ông đang đóng vai người tình. Cô lưỡng lự, không biết phải làm gì nên cũng không phản ứng gì.

Lần thứ sáu:

Bà Ghec-hác mở cửa.

- Chào bà, ông vui vẻ nói và khi thấy bà còn do dự, ông nói tiếp: tôi có thể vào được không?

Người mẹ hiền từ vô cùng sùng sốt về sự có mặt đột ngột của ông ở ngay nhà mình.

- Dạ, mời ông vào!

Bà vội vã đi trước, quên cả đóng cửa và quên kéo ghế mời ông ngồi.

- Cô Jenny đi đâu hả bà?

- Nó có nhà đấy, để tôi gọi nó.

Lần thứ bảy:

Với Jenny, càng ngày ông Thượng nghị sĩ càng nhích lại gần hơn, đến nỗi việc cô đến thăm ông mang một sắc thái riêng mà ta phải phân tích tỉ mỉ mới làm sáng tỏ được. Tuy vậy cô gái trẻ trung tươi mát này còn quá ngây thơ và bồng bột, chưa để ý cân nhắc quan điểm của người khác. Còn ông Thượng nghị sĩ nghĩ rằng mình xử sự

không đúng. Hẳn là chẳng bao lâu nữa người ta sẽ phát hiện ra cái quan hệ giữa ông với cô con gái bà thợ giặt. Mặc dù lúc này ông chưa hề biết rằng bà quản lý khách sạn đã theo dõi cô Jenny mỗi lần đến lấy hay trả quần áo, đều nấn ná ở lại từ 15 đến 45 phút.

Một buổi tối, ông vòng tay ôm lấy cô và xiết chặt vào ngực mình. Một lần khác, ông kéo cô ngồi lên đầu gối. Những lần ấy, ông vuốt ve và hôn cô, song chỉ để thăm dò, chưa dứt khoát. Ông không muốn đi quá sâu vào tâm hồn cô.

Jenny cảm thấy thích thú một cách hoàn toàn ngây thơ. Những yếu tố mơ mộng và mới lạ thâm nhập vào cuộc đời cô. Là một người chất phác, đa cảm và hoàn toàn không có kinh nghiệm trong yêu đương, song về tinh thần cô lại đủ trưởng thành để thưởng thức những chấm chút ân cần của con người cao quý đã tự hạ mình làm quen với cô.

Lần thứ tám:

Ở nhà bà Ghec-hác, nhân khi được trò chuyện riêng với Jenny trong khoảnh khắc, ông bèn mạnh dạn hỏi:

- Cô có thích đi chơi bằng ô tô với tôi tới mai không?
- Em thích. Đối với cô đề nghị ấy là một điều mới mẻ dễ chịu.

Ông mỉm cười và vỗ nhẹ lên má cô.

Khi bà Ghechac quay trở lại, ông đứng dậy vì đã đạt được mục đích.

Lần thứ chín:

Jenny đã chuẩn bị sẵn sàng chờ ông Thượng nghị sĩ đến. Hai người rong xe đi chơi. Trời đêm phảng phất hơi xuân, thôi thúc ông thổ lộ tâm tình. Ông nói: tôi thấy đời tôi không thể thiếu em. Em thử xem, có thể từ nay chung sống với tôi, được không?

- Em không biết, cô mơ hồ nói.

Lần thứ mười:

- Tao chẳng đã bảo mày không được đi chơi tới là gì! Ông

Ghechac nói, hoàn toàn không đếm xỉa đến Brandơ có mặt ở đó. Jenny giận dữ, đỏ mặt, không nói được lời nào.

- Có chuyện gì vậy? Brandơ nghiêm nghị hơn. Sao ông lại nặng lời với cô ấy vậy?

- Nó không được phép đi chơi tối. Tôi đã bảo nó hai, ba lần rồi. Mà tôi nghĩ, ông cũng chẳng nên đến đây nữa.

- Sao? Ông Thượng nghị sĩ hỏi, dừng lại suy nghĩ cân nhắc lời lẽ. Con gái ông đã làm gì nào? Cô ấy đã đủ tuổi khiến tôi quan tâm. Tôi muốn lấy cô ấy làm vợ, nếu cô ấy ưng tôi.

- Tôi muốn ông ra khỏi chỗ này và đừng đến đây nữa, ông bố trả lời, mất cả ý thức luân lý và rơi xuống cái mức tâm thường là lấy quyền cha mẹ bức bách con cái.

Lần thứ mười một:

Đưa con trai lớn của ông bà Ghechac đi giúp các em lấy trộm than, bị bắt giam. Cần có 10 đô-la để chuộc. Cả ông, cả bà, cả nhà không có cách gì có được 10 đô-la vào 9 giờ sáng mai mà bây giờ đang đêm.

Khi cô Jenny đến khách sạn thì xung quanh tối đen, chỉ có một ngọn đèn leo lét ở lối vào. Cô vội vã bước lên cầu thang, bốn chồn và tái nhợt, song không biểu lộ ra ngoài một dấu hiệu gì con báo trong lòng cô. Đến trước khung cửa quen thuộc ở phòng ông, cô chỉ lo không có ông, rồi cô run sợ nghĩ rằng ông ở đó. Một ánh đèn chiếu qua cửa sổ nhỏ trên cao. Cô thu hết can đảm gõ cửa.

Ông Brandơ mở cửa và ngạc nhiên không sao kể xiết. Ôi, Jenny! Thật là thú vị! Tôi vừa mới nghĩ đến em. Vào đây, vào đây! Ông đón cô bằng một cái ôm hôn sôi nổi. Nỗi triu mến dâng lên như sóng cồn!

Jenny cầu cứu ông giúp anh trai. Ông Thượng nghị sĩ đến nơi giam can thiệp, trong khi Jenny ngồi lại ở phòng ông, đợi ông về.

Lần thứ mười hai:

Mời bạn đọc lại từ đầu chú thích (76), để hình dung sự giúp đỡ sau đó, khi ông quay trở về phòng mình.

- Nay, tôi đã lo xong cho anh cô rồi. Anh ấy đã được thả ra.

Cô đứng dậy:

- Ôi, cô kêu lên, rồi dang cánh tay về phía ông. Những giọt lệ biết ơn rung rung trong mắt cô.

Ông nhìn thấy những giọt nước mắt ấy và bước lại gần cô. Jenny ơi, lạy Chúa, em đừng khóc. Em là thiên thần!

Ông kéo cô vào sát mình.

Bình luận về khoảnh khắc xảy ra sau đó, tác giả tiểu thuyết viết:

Thường thường ta không thấy rõ ngay từ đầu ý nghĩa của những chuyển biến vật chất và tinh thần đôi khi bất chợt xảy đến với ta. Ta chỉ thấy một cảm giác choáng váng, một cảm giác lâm nguy, rồi dường như lắng xuống những nếp cũ, nhưng thực ra sự thay đổi đã diễn ra rồi. Không bao giờ nữa, dù ở đây hay ở nơi khác, ta còn y nguyên như cũ. Suy nghĩ về bước ngoặt xúc cảm tế nhị mà cuộc hành trình giao cảm tối hôm ấy dẫn tới, Jenny thấy mình lạc vào một cõi mơ hồ những xúc cảm hỗn độn. Cô không nhận thức được dứt khoát là mối quan hệ mới với ông Thượng nghị sĩ có thể kéo theo những thay đổi gì về mặt xã hội và cả về thể xác nữa. Cho đến nay cô chưa hề ý thức về chấn động mà cái khả năng trở thành mẹ tất phải dội lên người phụ nữ bình thường, ngay cả trong những điều kiện thuận lợi nhất. Thái độ của cô lúc này là kinh ngạc, ngờ ngàng, thấp thỏm, đồng thời cô cũng trải qua một cảm giác hạnh phúc êm đềm thật sự (tr. 97-98).

Có lẽ chẳng cần nói gì thêm, bạn cũng đoán biết, sau đêm ấy, về ý nghĩ và hành động, cô Jenny đã già dặn thêm mấy tuổi. Những ngày sau đó, cô còn băng khuâng mộng ảo. Cô cứ đi đi lại lại

hoài trí óc những sự kiện ly kỳ vừa xảy ra. Cô kể lại cho mẹ chuyện ông Brandơ xin cưới. Riêng cái điều duy nhất vô cùng quan trọng kia thì cô không thể nói ra. Chuyện ấy quá ư là thiêng liêng.

Mười hai khoảnh khắc của một mối tình, mở đầu bằng ánh mắt và kết thúc bằng sự giao cảm cuối cùng giữa hai tâm hồn. Hành trình 12 khoảnh khắc ấy là một ví dụ kinh điển về Tình yêu, mà xưa nay các nhà viết tiểu thuyết có thể đem ra làm quà tặng bạn đọc. Nhưng tôi vốn bản tính tò mò, xin được hỏi nhỏ - Cái ánh mắt mà cô Jenny bắt gặp ở Thượng nghị sĩ Brandơ, theo bạn đó là sự mở đầu của mọi sự về sau hay đó là sự mở đầu của mọi sự mở đầu?

*

* *

Bạn thân mến, cái ánh mắt tức thời ấy như ánh chớp của hai đám mây đã tích điện từ trước. Vì sao hai luồng ấy đến lúc ấy mới lại gần nhau? Vì sao trước đó đã có điện âm và điện dương? Và vân vân. Cứ suy như vậy đối với cô Jenny thì thế nào cũng phải đến chỗ phải dừng lại, - cái giây phút cô chào đời. Nhà văn Dreiser không có thì giờ đi xuống tận cái giây phút ấy. Chỉ nói đến tuổi bé Jenny biết đi, ông đã dừng lại. Mà xem ra ông cũng biết chung chung vậy thôi. Xin nghe một đoạn ngắn này sẽ rõ: "Từ thuở hoa niên, mọi xung động của cô Jenny đều khuôn theo lòng từ bi nhân hậu. Nếu cậu anh ngã đau thì chính cô là người khắc khoải lo âu và cố gắng dìu anh đến mẹ an toàn. Nếu đứa em kêu đói, thì cô cho em cả phần bánh mì của mình. Biết bao nhiêu giờ cô vừa ngồi đưa nôi, ru các em ngủ, vừa hát bằng cả tấm lòng và mơ những giấc mơ xa vời. Ngay từ thuở mới biết đi cô đã là cánh tay phải của mẹ. Có việc gì phải lau chùi, chạy vặt hoặc trông em, cô đều làm cả. Chưa hề có ai nghe thấy cô phàn nàn mặc dù cô thường hay suy nghĩ về số kiếp khổ cực của mình. Cô biết là có nhiều cô gái sống vô vãn lần thoải mái hơn và đầy đủ hơn, song chưa bao giờ cô có ý nghĩ ghen tị nhỏ nhen. Vào những ngày đẹp trời, cô nhìn qua

cửa sổ ở bếp và ao ước được tới những miền đồng cỏ. Những đường cong tuyệt diệu và những nét đậm nhạt của thiên nhiên cũng làm cô xúc động như chính một bài ca. Đã có lần cô cùng các em đến tận một vạt đất cây cối sum suê râm mát và một dòng suối trong. Tuy chẳng phải là nghệ sĩ để phát biểu những quan niệm này nọ, tâm hồn cô vẫn nhạy cảm với những cảnh vật này, và mỗi âm thanh hoặc mỗi tiếng xào xạc đều làm cô thú vị (tr. 24-25).

Một cô gái như thế tự bạn cũng thấy rằng tất nhiên, sẽ “chân thật, tốt bụng và đàn bà đến tận chân tơ kẽ tóc” cho nên tuy mới gặp Nàng, chàng Lexto^(*) tin chắc rằng “rồi ra Jenny sẽ nhượng bộ chàng về thể xác như đã từng nhượng bộ về tinh thần. Vì lý do gì chàng không thể giải thích được. Ở nàng có một tính chất đàn bà nồng nhiệt, về mặt chân thành ngây thơ - hàm ngụ một tình cảm hướng về quan hệ xác thịt mà không dính gì đến sự đòi hỏi vô luân thô bạo cả. Nàng là một phụ nữ để dành cho một người đàn ông - chỉ một người duy nhất” (tr. 176).

Xa vời biết mấy giữa những biểu hiện của cô Jenny thời bé và lúc trưởng thành. Nhưng có gì lấy làm lạ? Nào ai cảm nhận được chút may mắn hương vị của quả khi cây mới vừa bén rễ. Và ai dám bảo rằng sự khác biệt ấy không phải là cái trình độ phát triển khác nhau của một thể hữu cơ. Freud đã mô tả, một cách “trơ trẽn” (và theo bạn, có khi còn “tàn bạo”, “vô luân” nữa) những hành vi tính dục của trẻ sơ sinh, của tuổi lên 3. Nhưng bạn cũng nên rộng lượng khoan dung cho cách nhìn có phần “trần trụi” của khoa học. Nó muốn vạch ra tiến trình phát triển của sự vật, theo cái logic bên trong của nó, mà nhìn bề ngoài hình như không có gì dính dáng với nhau. Anh cô ngã mà cô khắc khoải lo âu; em cô đói thì cô nhin ăn. Mẹ cần gì cô làm nấy. Cô nhận nhượng tất cả, để “cho không” những gì mình

^(*) Lexto là con trai một nhà đại tư sản gặp Jenny sau khi Brandơ chết. Lúc ấy cô đang làm “con hầu” cho một mục sư, bạn của Lexto.

có. Thì cũng dễ lắm, “rồi ra Jenny sẽ nhượng bộ chàng...” bởi vì theo cô, cái hành vi ấy không hề đáng gì đến sự thô tục, hư hỏng.

Tình yêu của một cô gái “đàn bà đến tận chân tơ kẽ tóc” là kết quả tự nhiên, tất nhiên của một cuộc đời, chứ không phải bỗng nhiên có.

Bạn hãy lắng nghe những câu vô nghĩa mẹ nựng con và những câu “triết lý” còn vô nghĩa hơn của những cặp đang yêu nhau, những giọng nói thủ thi âu yếm, những biểu hiện xúc động rạo lên trong đôi mắt trẻ thơ hay trong đôi mắt người tình, khi được hưởng một tình yêu đáp lại. Và cuối cùng, cái trạng thái thoả mãn đầy áp đảo toả lên giấc ngủ của trẻ thơ hay đang áp đến với bạn tình vừa thưởng thức trọn vẹn hương vị chung tình - Những sự kiện ấy liệu có quá xa nhau vì năm tháng không? Và điều này còn quan trọng hơn nhiều, - nếu không gieo từ trước, vào những ngày tháng non mềm những tình cảm hết sức hồn nhiên ấy, thì liệu có được không sau này những xúc động yêu đương ở tuổi trưởng thành? Tôi tin rằng cái chồi non mập mập hôm nay hứa hẹn nhiều hơn so với một cái mầm héo hắt, quặt quẹo, dị dạng, cả cơ thể lẫn tâm hồn. Một tâm hồn êm dịu cho một Tình yêu say đắm của Jenny không phải vừa mới có hôm qua, khi vừa “bắt gặp ánh mắt” người đàn ông Brandor.

Cũng vậy thôi, mười sáu năm trôi cuộc đời chuẩn bị cho Thuý Kiều một tết thanh minh năm nay. Hôm ấy cuối ngày đang khi “chị em thơ thẩn” còn “dùng dằng nửa ở nửa về”, thì “nhạc vàng đầu đã tiếng nghe gần gần. Trông chừng thấy một văn nhân”. Chỉ một khoảnh khắc, còn ở tận “nẻo xa mới tỏ mặt người”. Mới có thể thôi mà sao “tình trong như đã mặt ngoài còn e”? Mà sao đã có tâm trạng “chập chòn con tình con mé”? Để rồi sau đó, ngay trong “khoảng vắng đêm trường”, nàng Kiều đã dám “đánh đường tìm hça” đến với Kim Trọng.

Nếu chỉ nhìn đến những diễn biến cuối cùng, thì mọi sự đều như từ trên trời rơi xuống, không làm sao hiểu được một cô Kiều, khi

“xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê”, vẫn còn trong cảnh “êm đêm trướng rủ màn che” lần đầu gặp Kim Trọng, quá ư ngỡ ngàng, Kiều còn “e lệ nép vào dưới hoa”, thế mà vừa sến ra, thừa lúc “hai thân còn dở tiệc hoa chưa về”, đã biết phép “của ngoài vội rủ rèm the, xâm xâm bằng lối vườn khuya một mình”, đến nơi tự tình.

Đọc *Truyện Kiều*, bạn sẽ cảm thấy cô gái đa cảm ấy nhất định rồi sẽ là một người đa tình. Mới lần đầu cuốn trướng vén màn ra đi, thoáng gặp mà lòng đã rộn lên bồi bồi, để cho “một ngày nặng gánh tương tư một ngày”. Nhưng Kiều say mà tỉnh, dấm vì mình mà cũng dấm từ bỏ mình. Cho nên, khi cân nhắc “bên tình bên hiếu bên nào nặng hơn”, Kiều đã chọn cái giải pháp của thời đại mình: “Quyết tình nàng mới hạ tình: Dê cho để thiếp bán mình chuộc cha”. Thôi thì,

Trăm nghìn gửi lại tình quân

Tơ duyên ngắn ngủi có ngần ấy thôi!

Cô Kiều từ hôm qua còn “phong lưu rất mực hồng quần” để sang hôm nay - “đến phong trần cũng phong trần như ai”, cũng dám chịu nổi số phận “ngàn thu bạc mệnh một đời tài hoa”.

Cụ Nguyễn Du đã kể lại một mối tình của một đời tài hoa ấy.

Mối tình đầu của Kiều như một ánh chớp tự nhiên giữa “người quốc sắc, kẻ thiên tài”. Lần đầu, ở chỗ đông người, Kiều còn hoà lẫn với em, cả hai “e lệ nép vào dưới hoa”. Nhưng lần tiếp theo, gặp riêng ở vườn nhà, qua giọng nói còn ngẩn ngừ, lòng Kiều đã quyết rồi:

Dù khi lá thắm chỉ hồng

Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.

Kiều yêu sôi nổi, tự tin, mạnh bạo. Để gì hỏi ấy, cô gái dám đến với người tình trong đêm: Vắng nhà được buổi hôm nay - Lấy lòng gọi chút sang đây tạ lòng! Và Kiều dám lăm hiên dăng, thật bụng chẳng phải “tiếc gì với ai”, âu chỉ vì ý thức về sự trong trắng:

Còn thân ắt cũng đền bồi có khi.

Cho nên, *chặng hai*, với Mã Giám Sinh, dù cho sự việc là thế, thế mà Kiều không cho là thế:

Chặng thứ ba: “Cũng liều nhắm mắt đưa chân, mà xem con tạo xoay vần đến đâu” - Nàng đi theo Sở Khanh.

Chặng thứ tư tình từ *một* đầu này đến tận ngàn vạn đầu kia:

Biết bao bướm lả ong lơi

Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.

Trong lòng dù có nhói lên “khi tỉnh rượu, lúc tàn canh” nàng cũng sống thật lắm, cũng “đòi phen nét vẽ câu thơ - cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa”, nghĩa là cũng ăn chơi rất mực phong lưu: nhạc - cờ - thơ - hoa - trăng - hoa. Chỉ có điều, chơi thì chơi, tri âm vẫn biết là không.

Chặng thứ năm tiếp theo vào lúc Kiều đang độ “hải đường mon morn cảnh tơ”, một Kiều hoàn hảo trong một cơ thể đàn bà:

Rõ ràng trong ngọc trắng ngà

Dây dây sẵn đúc một toà thiên nhiên.

Cái cơ thể đang rùng rục ấy cũng đã chín chắn trong *suy ngẫm sự đời*. Không còn nữa cô Kiều ngây thơ, dễ động lòng nữa. So với cậu Thư sinh họ Thúc, Kiều chín chắn hơn nhiều. Anh chàng học trò chỉ biết “liều”, còn Kiều vẫn muốn tìm một giải pháp chủ động hơn, khuyên Thúc Sinh nên thú thật với vợ. Ở *chặng này*, Hoạn Thư là cái giá mà Kiều phải trả cho mình và trả bù cho cả Thúc Sinh. Cái giá ấy quá đắt mà Kiều còn phải “trả thêm”:

Chặng thứ sáu - Kiều trở lại lầu xanh.

Chặng thứ bảy - Một mối tình vào lúc đã chín sự tảo bạo của Kiều. Nhưng *chặng* tình này có cái gì đó không khớp với bản tính sâu thẳm nhất của Kiều. Nó không có cơ sở tồn tại lâu bền.

Chặng thứ tám - Mối tình trở lại với mình 15 năm sau. Trong cái lờ ở “nửa kia” của Kiều là Kim Trọng. Nhưng một Kim Trọng bằng xương bằng thịt ấy không đủ. Phải có thêm các nhân vật khác

gộp lại thì mới đủ làm nên “một nửa kia” cho Kiều này.

*

* *

Cụ Nguyễn Du kể lại thời thơ ấu của Kiều vền vẹn trong một đôi dòng. Kiều sinh ra và lớn lên ở một thời “bốn phương phẳng lặng, hai Kinh vững vàng” trong một gia đình “thường thường bậc trung”. Từ đó ta suy ra một tuổi thơ được giáo dục chu đáo trong một gia đình điển hình của thời đại:

Êm đềm trướng rủ màn che

Tường đông ong bướm đi về mặc ai.

Tất cả vấn đề mà tôi và bạn đang quan tâm chính là *thời gian* ấy; lứa tuổi ấy, lúc còn là một mầm non, ở đằng sau màn trướng.

Chưa ai cắt công theo dõi để mô tả được cái mầm non ấy cùng với thời gian đã đem lại cho đời một đoá hoa lộng lẫy đường ấy. Thì điều chắc chắn chỉ có thể là một *tiến trình phát triển tự nhiên* của một thực thể tự nhiên.

Tình yêu lứa đôi mà nàng Kiều có được ở tuổi 16 - 17 và ý thức giữ lấy cái “tiết trăm năm” vào lúc “sóng tình đường đã xiêu xiêu”, chỉ là một trình độ phát triển tự nhiên của đời sống tinh thần và cơ thể.

Tôi đã lấy hai ví dụ về hai cô gái sống cách nhau hai thế kỷ và nhà ở cách nhau bên này bên kia nửa vòng trái đất, để nói rằng những cô gái đa tình đa cảm là một thành tựu, hơn là một may mắn bất ngờ. Tình yêu là một đoá hoa từ cây đời nở ra, chứ đâu phải ngắt từ vườn cấm cấm vào.

Chắc tôi sẽ không bị phản bác gay gắt như Freud từng bị, khi ông nói về tính dục của trẻ em, nếu tôi nói Tình yêu nào cũng có cuộc đời của nó trong lòng cuộc đời nói chung của cả xã hội và cá thể. Đúng là Tình yêu đôi lứa đã được quyết định *từ trước* nhưng có hai câu trả

lời đối lập nhau: Từ trước, nhưng đó là sự sinh thành hay có sẵn trong định mệnh?

Giải thích bằng định mệnh là cách đơn giản nhất và dễ an ủi những đầu óc ngu muội cũng như rất thích hợp với trình độ nhận thức của tri khôn nguôi ấy. Nếu trước đây tất cả tai họa đều “từ trên trời đổ xuống”, vì không hiểu được nguyên nhân: gió mưa, bão lụt, mùa màng thất bát, thì trách sao được lòng tin vào những sức mạnh siêu phàm!

Nền sản xuất đại công nghiệp tìm cách phân giải *mọi quá trình* (trước là trong sản xuất vật chất) của đời sống hiện thực, thì phân giải đến đâu, xua tan đến đâu bóng đen của “định mệnh”.

Tin vào định mệnh, số mệnh, bản năng, sức mạnh vô thức, những “lý thuyết” loại ấy, như một giáo sư - tiến sĩ tâm lý học Ba Lan nói - “được lan truyền rộng rãi nhất chủ yếu là trong đám tri thức nửa vùi, cái loại người dễ bị cảm dỗ nhất bởi phân tâm học của Freud”¹⁷. Loại người ấy mê muội với những điều nhảm nhí được gói trong những câu “thông thái” với những chuyện giật gân “có vẻ khoa học” và “triết lý gọi là có đầu óc”. Trời đất, cái đầu óc gì mà chủ trương con người càng gần với thú vật thì cho là càng “người” hơn. Trong khi đó, sự thật lịch sử là con người ĐANG PHÁT TRIỂN trong phạm trù người, trên cơ sở của chính mình, với những nét độc đáo xứng với cái tên riêng Người!

Những kẻ tin vào định mệnh trong Tình yêu (hay trong cuộc sống nói chung) không thể tin vào quá trình sinh thành của những gì làm nên cuộc sống người. Thế mà, trong hiện thực trần gian, con người nào cũng là kết quả tất nhiên từ cuộc sống của chính mình. Con người là thực thể tự sinh thành trong đời. Và tình yêu cũng có

¹⁷ Kazimierz Obuchewski. *Tâm lý học về các dự vọng người*. Bản dịch tiếng Nga, dịch từ tiếng Ba Lan. Nxb “Tiến bộ”, M. 1972, tr. 116.

một lịch sử cùng với chính cuộc đời cá thể ấy. Cái mầm Tình yêu càng bén rễ sâu từ bé, từ lúc lọt lòng, thì nó càng mập mập, chắc chắn, hứa hẹn một cây cổ thụ đại ngàn! Sự phong phú trong cả quãng đời thơ ấu cho đến khi trưởng thành làm nên sức mạnh và tầm cỡ của Tình yêu. Không một tình yêu nào bỗng nhiên có, thì lại càng không thể bỗng nhiên có một tình yêu vĩ đại nào!

Những tình cảm ban đầu - thái độ và lời ru của mẹ. Nhưng tình cảm ban đầu - tình anh em, mối liên hệ gia đình. Những tình cảm ban đầu - bạn cùng lớp, cùng trường, cùng thế hệ... Những tình cảm ấy cơ hồ như lúc nào cũng “ban đầu”, vì lần đầu tiên nảy sinh, nhưng không phải nảy sinh từ hư vô mà từ cái gốc rễ đã có trước đó. Tình yêu là đoá hoa nở ra trên cây đời ấy. Cây nào hoa nấy. Muốn có một đoá hoa lộng lẫy thì phải chăm bón từ lúc cây còn non. Với trí khôn hời hợt và trực quan, Tình yêu dễ lẫn với những thứ khác lúc còn ở trình độ trừu tượng ban đầu, giống như cây mạ dễ lẫn với cỏ dại. Nhưng thời gian sẽ làm cho cây mạ ngày càng là cây lúa, ra đồng, ngậm sữa, chờ lúc nở rộ, chín vàng, cho một mùa bội thu. Vàng, có thể thất bát, nhưng không có cách nào khác là bắt đầu từ đó, theo trật tự tự nhiên ấy - ngậm thóc - gieo mạ - cấy trồng...

9 - TÌNH YÊU

(III - CHUYỆN PHÒNG NGỦ)

Trong cuộc sống có những chuyện bịa đặt nghiêm túc để đối lại có những sự nghiêm túc sao mà nhảm nhí làm vậy! Nguồn gốc trực tiếp là KIỂU TU DUY.

Nhảm nhí là Tư duy lấy cái NÀY làm chuẩn cho cái KIA!

Tư duy nghiêm túc là xét sự vật ngay trong bản thân nó, lấy Nó làm chuẩn cho Nó. Nó ấy là quá trình sản xuất, là quá trình sống, là quá trình tư duy, là tình cảm vợ chồng, cha mẹ - con cái, v.v...

Xin bạn hãy hình dung tình huống này. Trên hàng ghế chủ tịch đoàn Hội nghị, những bộ mặt trang nghiêm trong y phục chỉnh tề chứng thực cho một cuộc họp nghiêm túc vì những vấn đề nghiêm túc của cộng đồng. Nếu ta bê nguyên một vị trong số đó ra khỏi khung cảnh ấy, rồi đặt vào một nơi khác, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Xin lỗi! Cái đầu đề quá rộng. Vị ấy còn dính đến nhiều sự quá: Sự nói năng, sự ăn mặc, sự địa vị xã hội, sự vai trò lúc ấy, sự vân vân. Nhưng sự gì thì sự, tan họp, mỗi vị sẽ tự mình ra khỏi phòng họp, đến nơi khác, mà ta giả định ít nhất có một vị trong số đó phải về nhà và cuối cùng phải vào phòng ngủ.

Vị vào phòng ngủ. Tiếng khoá cửa. Tiếng cười. Tắt đèn. Vọng ra...

- Sao cứ nằm như khúc gỗ ấy?

- Ồ!

- Còn thắng bộ com-lê làm gì?

- Ô, ờ!
- Thế cái cà-vạt này nữa?
- Ô, ờ, ờ!
- Vẫn cứ tro tro trắng đuột thế kia, sao?

Nói chung, trong cuộc sống thường ngày, lý lẽ ít sức mạnh hơn cái “chậc” xô đẩy người ta hành động.

Freud có thể đúng khi ông nói rằng cái “chậc” ấy cất lên từ libido. Nó xô đẩy con người ta vào những cuộc phiêu lưu và con người thường ngã theo tiếng gọi thiết tha ấy.

Nói cho công bằng, những cứ liệu của Freud (làm cơ sở cho luận điểm ấy) là có thật và KHÔNG THỂ chối cãi được. Tuy nhiên, phải có một trình độ trí tuệ nào đó mới thấy được khoảng cách giữa “sự thật không thể chối cãi được” với chân lý khoa học. Trong khoa học điều quyết định là *các cứ liệu* - đã đành. Nhưng cứ liệu ấy nhiều lắm chỉ là nguyên liệu mà thôi! Còn lâu mới tinh chế ra lý luận, tức là chân lý khoa học.

Cái sự thật không thể chối cãi được là hành vi tính dục của người, BỀ NGOÀI và một cách TRỰC QUAN, chẳng khác gì hành vi ấy của thú vật. Nhưng đó là hai CHẤT khác nhau: có văn hoá và không. Cũng vậy, hành vi tính dục của người NÀY, *bề ngoài và một cách trực quan*, chẳng khác gì hành vi ấy của người KIA. Nhưng rất có thể đó là hai CHẤT khác nhau: có tình yêu hay không.

Những cứ liệu của Freud thu được trên người bệnh, không chịu sự kiểm soát của ý thức bình thường của văn hoá người. Đáng giận thay những ai thường bằng vào sự hiểu biết nông cạn của mình mà tuyên truyền âm ĩ những chuyện dưới mức trung bình. Cũng không hơn gì, những người coi quan hệ tính giao vợ chồng là một cái gì không đáng quan tâm. Một số người thường ca ngợi những mối tình thơ mộng, thuần túy tinh thần, không bợn một tý ty dục tình. Dù tâng bốc quan hệ tính giao như một động lực vạn năng hay coi

thường quan hệ tình giao trong đời sống vợ chồng, thì cả hai đều là KHÔNG nghiêm túc.

Cư xử nghiêm túc là cư xử đúng với KHÁI NIỆM của sự vật.

*

* *

Trong trạng thái hiện đại, khái niệm VỢ CHỒNG có một thực thể ở hình thái vật chất là thân thể đôi trai gái (đàn ông - đàn bà) và hình thái tinh thần gọi ước lệ là Tình yêu.

Tôi phải dùng *cách nói* ấy để trước hết nêu bật vai trò như nhau của quan hệ thân thể và quan hệ tinh thần trong đời sống vợ chồng. Tinh thần ấy phải có cơ sở vật chất là thân thể ấy. Hai là, với tư cách các yếu tố cấu thành (trong giao lưu tình dục hay trong tình yêu) cả hai *binh đẳng* về mọi phương diện trong đời sống vợ chồng. Xin bắt đầu từ điểm thứ hai.

Sự bình đẳng trong phòng ngủ, tôi đã nói ở trên, là “quyền bình đẳng cuối cùng trong cuộc đấu tranh cuối cùng giải phóng phụ nữ”, thì nay xin nói thêm - đó cũng là cuộc đấu tranh cuối cùng xoá bỏ những hành vi ích kỷ của đàn ông quen hưởng thụ một chiều. Mà sự hưởng thụ này, do đó, cũng rất hạn chế. Việc giải phóng phụ nữ trong quan hệ vợ chồng, vì vậy, cũng là một hình thức giải phóng chính bản thân nam giới. Ở đây có một sự *biến đổi cơ bản* coi như một cuộc *cách mạng tính dục* trong lịch sử văn minh.

Sự hiểu biết nông cạn cứ tưởng rằng đây là một sự “nổi loạn”, tự do bừa bãi. Ai có ý muốn thì thực thi được những quan hệ tình giao với bất cứ người nào.

Cuộc cách mạng tính dục có hai nhân tố cơ bản: 1 - Đưa quan hệ tình giao thành một sự kiện *chính thức* của đời sống. Nó cũng được coi trọng như ăn, ở, mặc, đi lại. 2 - Đàn bà và đàn ông được quyền hưởng khoái cảm tính dục như nhau và do đó cùng có quyền bảo vệ sự bất khả xâm phạm về tính dục cũng như nghĩa vụ cho

nhau khoái cảm ấy. Hai nhân tố này giải phóng quan hệ tính giao cho khỏi những định kiến cổ truyền, đặc biệt đề cao vai trò phụ nữ, coi họ như một nhân tố tích cực và chủ động. Đó là cử chỉ coi trọng trên việc làm danh dự, trinh tiết, đức hạnh của phụ nữ trong một quan hệ xưa nay thường làm nhục họ.

Cuộc cách mạng tính dục đã cắt đứt sợi dây cuối cùng của giới hạn đạo đức cổ truyền. Tất nhiên lịch sử sẽ thay bằng những quan hệ mới, phù hợp với cơ sở vật chất của nó, do chính phụ nữ xác lập trong sản xuất và trong đời sống xã hội. Việc xoá bỏ đơn vị kinh tế gia đình¹¹ tự nó sẽ tạo ra những hậu quả tâm lý của xã hội và cá nhân, dẫn đến những biến động tận gốc rễ đời sống. Nền sản xuất đại công nghiệp do bản tính của nó mà mở rộng *dân chủ* trong đời sống, và cùng với cuộc cách mạng xã hội nó tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi cho cuộc cách mạng tính dục.

Phương pháp đại công nghiệp là nghiên cứu đối tượng ngay tại nó. Và cái gì trong cuộc sống thường ngày cũng có thể là một đối tượng như thế. Những chi tiết nhỏ nhặt nhất của tư liệu sinh hoạt được sản xuất hàng loạt, những vấn đề thầm kín nhất đều được đem phơi bày ra, và phân tích, lý giải xem xem nó *đích thực là gì*. Đó là nền *dân chủ* đích thực trong đời sống.

Tư duy cổ truyền là tư duy độc đoán nhất. Đầu óc gia trưởng không phải chỉ trong những quan hệ xã hội và gia đình, mà trong mọi ngóc ngách cuộc sống. Cái bàn thờ để nơi trang trọng nhất trong ngôi nhà cổ truyền. Phòng ngủ cho phụ nữ ở chỗ kín đáo nhất. Ở xó xỉnh “thấp hèn” nhất thì chỉ có thể là hố xí. Trong căn nhà hiện đại, tất cả đều đặt bên cạnh nhau, được coi trọng như nhau. Đó là sự *dân chủ hoá* triệt để trong đời sống, tuyên bố rằng các bộ phận trong cơ

¹¹ Xin phân biệt kinh tế gia đình là một hoạt động sản xuất tại gia đình với gia đình là một đơn vị kinh tế xã hội (nền kinh tế gia trưởng).

thể phải được sự cư xử bình đẳng.

Có lúc những giáo sư tiến sĩ nghiên cứu về trí tuệ (như tôi) trên thực tế cuộc sống chắc gì được coi trọng bằng những chuyên gia về cơ cấu và hoạt động của bộ máy sinh dục. Còn được coi trọng hơn (thể hiện ở chỗ hưởng phúc lợi đếm được) là những ai đi bầy cho người ta giao hợp vào những ngày nào trong tháng, nếu cần thì với những phương tiện gì, làm sao đạt được orgasme trong mỗi lần.

Nếu trước đây, trên trang sách chỉ có những lời thánh hiền về đạo lý cao xa với vợ, thì ngày nay, khó có gì bán chạy hơn sách nói về đời sống tính dục, có hình vẽ minh hoạ với những chú thích cận kề. Vâng, tôi biết, cuộc cách mạng nào cũng có cái thô bạo và quá trớn của nó. Chả trách được mà trách cũng chẳng được gì!

Quá trình *dân chủ hoá* đã vào tận phòng ngủ, thăm vào những quan hệ thân thiết nhất của đời sống vợ chồng.

Freud cảm nhận được tinh thần dân chủ ấy. Và phải tự tin lắm thì mới dám nói to lên tinh thần ấy. Hành vi này của ông về mặt *dùng cảm* tôi đánh giá cao. Nhưng về tư duy, Freud cũng không lên nổi trên này tầm thời đại. Cách mạng không phải là một thao tác lật ngược. Đó là cả một quá trình chuyển hoá. Ngày xưa, hành vi tính dục bị chà đạp nhất, bị coi khinh nhất, thì không phải vì thế mà bây giờ được coi trọng nhất, lấy làm động lực cho cuộc sống người⁽¹⁾. Cư xử như vậy chỉ là thay sự độc đoán này bằng sự độc đoán theo chiều ngược lại. Vâng, Freud chỉ biết thay đổi kẻ thống trị, chứ không hề xoá bỏ bản thân sự thống trị độc đoán. Từ đó, một lần nữa, ta thấy cư xử dân chủ là cách cư xử phù hợp với khái niệm của đối tượng được cư xử.

*

* *

(¹) Tôi hoàn toàn tin rằng dục năng có sức mạnh - vô cùng lớn đối với động vật. Nhưng thú vật cũng chỉ động cựa theo nhu cầu loài thôi!

Mối quan hệ giữa thân thể và tinh thần trong đời sống vợ chồng là một công thức thể hiện ý thức dân chủ của phụ nữ. Trong quá khứ, phụ nữ cam chịu số phận cống hiến như một nghĩa vụ, thì họ đâu dám phán xét người đàn ông về tư cách hay trình độ văn hoá, thô bạo hay tinh tế. Nhưng một khi ý thức dân chủ thể hiện ở ý thức hưởng thụ khoái cảm tinh dục đã rõ nét, thì người vợ sẽ “khó tính” hơn nhiều.

Những đôi vợ chồng cùng một trình độ văn hoá tính dục và có ý thức “dân chủ” dù cao thấp đến đâu, thì nhân tố tâm lý vẫn đóng vai trò chủ đạo và thống trị so với những nhân tố sinh lý. Vấn đề gọi là KỸ THUẬT chỉ có một giá trị hữu hạn và trong nhiều trường hợp không mang lại một hiệu quả tích cực nào.

Nếu xét thuần mặt *kỹ thuật sinh lý* thì giữa vợ chồng dễ trái ngược hơn là hoà hợp: chồng có nhu cầu sinh lý tích cực (chủ động) do sự tích tụ tinh dịch. Hành vi phóng tính làm giảm độ căng sinh lý, đồng thời gây ra khoái cảm lớn hơn bất cứ sự “tháo xả” nào khác. Vợ không có nhu cầu sinh lý cấp thiết như vậy, vì không có chất để tháo xả, còn chất nhón tiết ra thì làm một nhiệm vụ “tiếp tân” thôi. Ở vợ nhu cầu tính dục có được từ sự kích thích trực tiếp, do tiếp nhận (và tiếp nhận ở đây có nghĩa là “cho”) cơ quan sinh dục của chồng. Mặt khác, khi những xúc động tính dục càng tăng lên thì càng tập trung lại ở giác quan thứ sáu mà với nam giới có một tổ chức duy nhất là dương vật, còn phụ nữ có những hai “kênh dịch” với nhau: âm bạch (clitoris) và âm đạo. Đặc điểm này, tất nhiên, cũng có chỗ ưu việt của nó: trong một lần giao hợp phụ nữ có thể đạt đến nhiều lần orgasme, lần sau cao hơn lần trước, vì một khi cảm nhận (gouter) được khoái cảm thì có nguyện vọng lặp lại và muốn nhiều hơn lần đã được trước đó.

Những đặc điểm sinh lý trên thường tạo cho nam giới cách cư xử chủ động mà quá một chút thì thành thô bạo. Ngược lại, phụ nữ thường thụ động hơn. Đặc biệt những phụ nữ chưa hề có kinh

nghiệm thì càng ít có nhu cầu cấp thiết về hành vi tính giao. Nhờ vậy, nhiều cô gái già sống thanh thản một cuộc đời không có khoái cảm tình dục.

Về mặt sinh lý, cách cư xử thô bạo của nam giới còn có một nguyên nhân nữa: Ở nam giới có nguồn kích thích ở bên trong chờ đợi, với tư thế sẵn sàng. Hễ có dịp là nhanh chóng được huy động. Trong khi đó ở phụ nữ, còn phải có thời gian cần thiết cho âm đạo mở ra. Mâu thuẫn giữa một sức mạnh chủ động đang lên với một sự chuyển động chậm chạp, giữa một bên đã đạt đến trạng thái “chính thức” (của dương vật) và đang hăng hái với một bên (âm vật) còn ngái ngủ, chưa kịp vươn vai đứng dậy - mâu thuẫn ấy khuếch đại sự cập kênh giữa đôi bên, tạo ra hai chiều phát triển ngược nhau: một bên quyết tiến lên, đi đến kết cục, một bên cầm cự và dễ rút lui. Hai nguy cơ: bên này càng thô bạo thì bên kia càng có cơ tháo chạy, trở về trạng thái xuất phát, làm cho âm đạo co lại, tạo ra sự cự tuyệt vật chất chống lại dương vật đang con. Trong hoàn cảnh này, nhân tố tâm lý tự động nhảy vào cuộc. Nhưng cần hiểu rõ hoàn cảnh này:

Nam giới *tự đánh lừa mình*, tự làm tăng cường kích thích tâm lý xúc động bản thân mình, đi quá xa so với trạng thái tâm lý nữ giới đang chờ được vuốt ve, âu yếm. Trong trường hợp ngược lại - sự nồng nhiệt quá đáng của nữ giới sẽ kìm lại sự hăng hái bên nam. Thế là có hai nguy cơ khác nhau. Một đằng bản lĩnh tính dục không đủ để kìm hãm và tâm lý “cốt lấy được” đã vội vàng bấm nút phóng. Còn đằng kia, vì không có cơ chế phóng, nên phải dằn dai và không thể đạt đến orgasme. Cả hai khi đã dịu lại, đều có tâm trạng nặng nề và tội lỗi - một chỗ cợn trong cảm giác. Những chỗ cợn ấy như lỗ mối bờ ruộng làm cạn dần cả một cánh đồng tình lênh láng, mà cả hai chỉ có thể nhận ra khi đã khô nứt nẻ.

Nhưng Thượng đế đã khéo tính trước. Nếu cơ chế sinh lý của nam giới dễ vận hành và nhanh chóng lên đến đỉnh cực khoái, trong khi nữ còn chưa kịp dứt khỏi nơi xuất phát, thì sau đó, ngược lại nam

nhanh chóng dịu đi, còn nữ thì “ngâm nga âm hưởng” lâu hơn, muốn giữ lại dương vật lâu hơn, và lấy thế làm thoả mãn. Cơ chế này, giúp cho nam giới “trả món nợ” đúng hạn, nếu biết giữ một trạng thái tâm lý phù hợp, nghĩa là tiếp tục ở nguyên trạng thái ấy trong một thời gian. Đương nhiên vì cơ thể sinh lý không cho phép giữ lâu hơn, nên bấy giờ nam giới ít nhiều phải ở phía thụ động. Sự co bóp của bản thân âm đạo và tư thế giữ lại dương vật trong mình cũng để tạo ra khoái cảm, theo Hélène Deutch, đôi khi còn lý thú hơn⁽⁷⁸⁾.

Trạng thái sinh lý dễ bị kích thích bên trong của nữ thường có vào lúc trứng rụng, ở khoảng giữa chu kỳ kinh nguyệt. Đó là đặc điểm vốn có ở tất cả những con vật cái, ở vào thời gian động dục. Lúc ấy, con cái tiết ra một mùi đặc biệt báo cho con đực biết và khi con đực lại gần thì cả hai đều đã sẵn sàng. Phụ nữ không hoàn toàn chịu o ép bởi một cơ chế ấy và với một giới hạn eo hẹp như thế về thời gian (ngay cả khi đang hành kinh). Xét về tiềm lực dục năng (libido), phụ nữ luôn luôn có thể đáp ứng vào bất cứ lúc nào, vì có nhân tố tâm lý tham gia vào. Đã vậy, Thượng đế vốn khéo tinh trước, việc giữ lại lâu mau giao cho hai bên thu xếp với nhau bằng cơ chế tâm lý. Nếu nam giới có văn hoá đọc được ý này của Thượng đế, thì sẽ tự nguyện làm theo, kéo dài sự hưởng thụ khoái cảm cho nữ sau orgasme. Trong trường hợp nam giới “mù chữ” thì nữ giới, do hoàn cảnh huấn luyện cho, sẽ nhanh chóng đạt đến orgasme (có khi còn sớm hơn nam) để còn hưởng thụ lâu hơn. Sự hưởng thụ êm dịu này phù hợp với tâm lý phụ nữ và cơ chế sinh lý của hành vi tính giao về phía nữ. Kết quả nhiều ít tùy vào nhân tố tâm lý.

Ấn nút khởi động hành vi tính giao là bàn tay tâm lý hơn là sinh lý. Nhưng khi máy sinh lý đang chạy thì đến một lúc nào đó, theo lôgic của nó, sẽ có được sức mạnh tạo ra một *tâm lý tức thời* phù hợp với nó, - tâm lý “chặc” - làm kẻ bảo chữa cho nó. Ngọn lửa tình dục khi

⁽⁷⁸⁾ H. Deutch. Xem⁽⁶³⁾, tr. 80.

đã cháy thì cứ cháy theo năng lượng của nó và nung sự giá lạnh ban đầu mỗi lúc một hừng hực, cho đến orgasme. Ngay sau đó, mỗi bên nhanh chóng quay về trạng thái ban đầu, nhưng nặng nề hơn.

Nhân tố tâm lý cũng chịu bó tay trong trường hợp đối với đàn ông bất lực, và đối với đàn bà ghê lạnh về khoái cảm tính dục (frigidity). Nguồn gốc của nó có thể ở sâu trong cơ thể, một cách vật chất, sinh lý, cũng có thể có nguyên nhân tâm lý. Những người có vấn đề tính dục thường có sức mạnh tâm lý hơn. Có thể kìm cho cơ chế sinh lý KHÔNG vận hành nổi khi ngọn lửa tính dục đang nhen nhóm vẫn có thể tắt ngấm, nguội lạnh nhanh chóng. Vì vậy, cách chữa tùy thuộc vào nguyên nhân. Một người có thể thờ ơ với chồng, nhưng rất mãnh liệt với bạn tình. Cũng vậy, có khi mang tiếng là bất lực lúc này, nhưng vẫn là một người đàn ông đích thực trong trường hợp khác⁽¹⁾.

Nhiều người thường viết ra những điều “am hiểu bác học”, về *kỹ thuật gây kích thích sinh lý*, e có khi không lường được sức mạnh của tâm lý trong giao lưu tính dục. Kỹ thuật cao cường đến đâu không thể đánh thức nổi những xúc động tính dục ở một cơ thể nam giới hoàn toàn lạnh mạnh (còn khó hơn đối với nữ giới), nếu một trạng thái tâm lý nào đó muốn làm vô hiệu hoá mọi tác động trực tiếp và cơ học về sinh lý. Một tương quan nào đó giữa vợ chồng cũng không thể dẫn tới một hành vi tính giao bình thường. Tình hình ngày càng trở nên “tâm lý hơn” đối với phụ nữ. Ý thức dân chủ hoá trong giao lưu tính dục trong khi làm cho người vợ có ý thức hưởng thụ, đồng thời cũng đưa ra những đòi hỏi cao hơn về phía người chồng. Một người vợ có vấn đề tính dục cao mà không được chồng kính trọng (còn tệ hơn nữa – không được yêu) thì người ấy chỉ đạt đến một cảm giác dang dở, - sự cố gắng sinh lý không thể đạt đến

⁽¹⁾ Cách chữa sinh lý xin bạn chịu khó đến hỏi nhỏ thầy thuốc coi như hỏi họ cho người khác, hoặc là chỉ hỏi để biết, làm đầy thêm kho tri thức.

orgasme. Mỗi lần như thế để lại một tâm trạng khó chịu, mệt nhọc, hậm hực, khó khuấy khoả. Một đám mây đen kéo đến, dễ gây ra thời tiết xấu phủ lên đời sống vợ chồng. Có thể trời lại quang, nhưng cũng có thể những đám mây ấy dày lên thêm, cho đến khi gây ra sấm sét làm xáo động sự yên tĩnh hàng ngày. Nỗi ám ức không thoả mãn về tính dục tiềm tàng trong nó mới đe dọa vật chất của bất hoà (mặc dù ít ai nói ra điều đó). Sự không thoả mãn ấy càng tăng lên một cách không thoả đáng khi có sự chênh lệch trong việc tạo ra và hưởng thụ khoái cảm tính dục giữa vợ chồng. Cho nên, trong xã hội hiện đại, nếu không có sự bù trừ thích đáng, thì chỉ với một lý do không được thoả mãn tính dục là đã có quyền ly dị và pháp luật sẽ chấp nhận yêu cầu đó. Trong trường hợp này, phụ nữ được chiếu cố nhiều hơn. Xã hội càng văn minh, phụ nữ càng có ý thức hưởng thụ khoái cảm cao hơn và chẳng lạ gì các cô gái hiện đại đưa ra tiêu chuẩn “sức khoẻ” đối với người chồng tương lai, thậm chí họ còn muốn trước khi có một quyết định “pháp lý” phải tự mình trực tiếp kiểm tra bằng kinh nghiệm cảm tính.

Về mặt sinh học, âm đạo chỉ có cảm giác khi nó đã có được kinh nghiệm trực tiếp. Kinh nghiệm càng phong phú thì hương vị tính dục càng đậm, càng nồng. Đó là sự tinh tế do giác quan mang lại, giống như người sành rượu. Người mới uống dễ say mà không có bao nhiêu hứng thú. Người sành sỏi nhạy cảm với độ tinh chất rượu, uống nhiều không say, vẫn tỉnh táo tận hưởng cái khoái cảm độc đáo của nó. Nhưng chóng say, say hay không say, còn phụ thuộc vào trạng thái tâm lý do kinh nghiệm mang lại. Sau khi lấy chồng phải vài ba năm hay quãng ngoài 30 tuổi, phụ nữ mới cảm nhận được khoái cảm ấy đến mức tràn trề (*voluptueusement*). Và người đàn ông muộn hơn nữa mới có đủ kinh nghiệm cho một bản lĩnh tính dục vững vàng. Chính hoàn cảnh này đã đặt vào đầu các cô gái châu Âu ngày nay một câu hỏi: Có nên tận hưởng những kinh nghiệm của những đàn ông giàu kinh nghiệm hay không? Cũng như những

chàng trai châu Âu hiện đại muốn được các phụ nữ đã dạn dày đường đời dẫn dắt, hơn là với các bạn gái trẻ cùng tuổi¹⁾. Nhưng đôi vợ chồng mới cưới thường thường hưởng khoái cảm tính dục như trẻ con háo hức ăn quả xanh - không cảm nhận ngai ngái, mà vẫn thấy ngon lành. Mãi về sau, cùng với thời gian làm cho quả ấy chín dần, họ mới đủ bình tĩnh để phân biệt được ngũ vị trong một quả. Bây giờ, biết nếm rồi, họ lại thích “của lạ” và bắt chước trẻ con đi hái trộm ở vườn người, những nghĩ rằng ở đó quả ngon hơn của nhà đã đặt sẵn lên mâm. Trong dư luận xã hội âm ỉ mãi tiếng đồn về “quả cấm” làm nao lòng người, nam cũng như nữ.

Ngày nay đời sống tính dục vợ chồng sẽ được lý giải nghiêm túc hơn, trên tinh thần dân chủ và bình đẳng giữa vợ chồng và trên *cơ sở tình yêu*: Một tình yêu say đắm, người chồng được nể vì, người vợ được yêu quý, thì cả hai dễ cùng nhau đi đến hành vi tính giao để biểu hiện tình cảm gắn bó, nhờ vậy, có thể đạt đến orgasme hoàn hảo, một sự thoả mãn choáng ngợp, mãn nguyện khoái lạc. Vì vậy, một dấu hiệu đáng tin cậy của không khí hoà thuận vợ chồng là mối liên hệ hài hoà giữa tình yêu tinh thần và giao thân nhục thể. Sự gắn bó về thân thể là hiện thân sự hoà hợp tâm hồn. Vì vậy, có hai cách chiêm ngưỡng Tình yêu - trước hết, trong tinh thần và sau đó, trên nhục thể - hai lần chiêm ngưỡng trên một thể thống nhất hữu cơ, là Tình yêu theo đúng KHÁI NIỆM của nó.

*

* *

Tình yêu vợ chồng đặt ra một vấn đề nghiêm túc: Làm thế nào để đạt được orgasme trong giao lưu tính dục?

¹⁾ Ở đây ta tạm thời để đó những yêu cầu về đạo đức, những quy định của phong tục tập quán, vai trò của ý thức xã hội. Ta chỉ xét về một phạm trù thứ hai và như một giả định.

Orgasme chỉ xảy ra vền vền trong 0,8 giây thôi! Nhưng để có được khoảnh khắc cực khoái ấy, cần phải biết tổ chức và dẫn dắt toàn bộ quá trình.

Thiên nhiên thật chu đáo: giác quan thứ sáu của mỗi bên đều được trang bị bằng hệ thống cơ bắp để thực thi và hệ thống thần kinh chỉ huy, cảm nhận. Khoái lạc tính dục phải được cảm nhận bằng hệ thần kinh trung ương và được ý thức (sự say đắm cũng là sự say đắm có ý thức). Động cơ, mục đích, lẽ sống của hành vi ấy được quyết định bởi ý thức trên cơ sở thực thể vật chất. Hãy có lấy ý thức ấy đã, nhưng cũng phải tìm cách tạo ra sức mạnh vật chất!

Trong xã hội cổ truyền, đối với tuyệt đại đa số dân cư, cơ thể là một vùng đất hoang, chưa được khai phá và đầu đầy vẫn còn “rừng nguyên sinh” chưa hề gặp ánh mắt của nền văn minh. Bởi vậy, người đời cứ tưởng đó là nơi trú ngụ của những sức mạnh siêu phàm, bí ẩn và không dám nhìn vào. Một biểu hiện khác của ý thức đó là coi khinh và xếp nó vào hàng thấp nhất trong trật tự phong kiến. Tư duy hiện đã có ý thức về mỗi chi tiết của một cơ cấu này, thì cũng nhận ra rằng, Thượng đế rất tỉ mỉ không cho thừa một chi tiết nào trong bộ máy cơ thể. Nói cách khác, mỗi chi tiết đều có một tính tất yếu, được coi trọng như bất kỳ chi tiết nào trong cùng một cơ cấu. Xin cứ nhìn vào chiếc đồng hồ thì rõ.

Ý thức dân chủ đối với mọi thành viên của cộng đồng không những là một thành tựu lịch sử đối với đời sống xã hội và gia đình, mà với tất cả những gì làm nên sự sống. Bạn hãy mở một trang sách y học về cơ thể sẽ được nghe một giọng nói nghiêm túc như nhau về mắt, mũi, hô hấp, sinh dục.

Ở đâu người ta cũng lấy TÊN RIÊNG và chức phận ra mà nói.

Đọc sách y học không phải lo, nhưng lo nhớ ra quyển sách này rơi vào tay một bạn đọc chỉ quen một cách đặt tên, vừa để gọi ở nhà, vừa gọi ở trường và ghi vào các văn bản chính thức, ví dụ, Hồ Đại Lãi. Chắc gì bạn ấy biết, ngày xưa, người thất

học cũng như người “văn chương chữ nghĩa bẽ bẽ” thường có hai ba tên. Thành thử cứ phải mở ngoặc chú thích, ví dụ, Phạm Phòng (thằng Cu), Trần Như Nhộng (cái Him). Hằng ngày bà con ta ít khi đông dài. Người Hà Nội không mấy khi nói “đi Hải Phòng”, mà nói đi Phòng. Biết vậy, về khoản này theo tập tục lâu đời trong học thuật, tôi vẫn xin được nói dài dài, ví dụ, thay một tên tục cục lốc gọn lỏn chỉ một tiếng bằng cái tên chữ dài bẹt ra như: cơ quan của giác quan thứ sáu đặt tại cơ quan sinh dục phụ nữ. Tất nhiên, trong trường hợp có thể, tôi cố gắng nói gọn hơn, ví dụ, hành vi tính giao. Với trường hợp bà con dùng tên tục đã quá quen thì tôi không dùng tên chữ, như không nói cơ quan vị giác đặt tại mồm, mà nói luôn “lưỡi”, một tiếng cục lốc.

Trong giao lưu tính dục ý thức có khả năng huy động toàn cơ thể tham gia vào, càng nhiều càng tốt. Theo sức của mình, mỗi bộ phận (giác quan) có thể đi đến đâu hay đến đấy, trên đường đến orgasme.

Xa vời nhất là hai giác quan lý thuyết: mắt và tai. Được nhìn, dù một cách tinh thần, từ xa, như nhìn ánh chớp tận chín tầng mây, thì cũng đã đón trước sẽ nghe tiếng sấm đến sau. Được nghe, dù hai cơ thể đã đủ gần để nghe nhau, còn chưa với tới nhau, thì cũng như nghe hồi kèn xung trận cho cuộc đánh giáp lá cà. (Nhưng hai đội quân có nhảy khỏi chiến hào không, đó là chuyện khác).

Xin nói nhỏ: chỉ có các giác quan lý thuyết mới có khả năng thường thức nghệ thuật. Cho nên, chẳng cứ gì Thúc Sinh, bạn hãy tự hỏi mình:

Nguyệt hoa hoa nguyệt nào nùng,

Đêm xuân ai dễ cảm lòng được chăng?

Chỉ khi nào các giác quan không lý thuyết đã no rồi những ngày mà Thúc Sinh cùng Kiều “miệt mài trong cuộc truy hoan”, thì mới tạo ra được cảm hứng nghệ thuật:

*Rõ ràng trong ngọc trắng ngà
Dày dày đúc sẵn một toà thiên nhiên
Sinh càng tỏ nét càng khen*

Ngụ tình tay thảo một thiên luật Đường.

Tôi hoàn toàn tin vào lúc này, Thúc Sinh - nhà thơ viết ra được “lời lời châu ngọc, hàng hàng gấm thêu”.

Ý thức vốn có “tính chất lý thuyết”, nên luôn luôn đi kèm theo hoạt động của các giác quan không lý thuyết⁷⁷ vào những lúc được kích thích nhất, hoặc muốn đẩy cho tiến trình nhanh đến orgasme, hai bên thường nói với nhau những câu mà trước đó hay sau đó không thể nói ra được. Cũng vậy, nhìn vào cơ thể ở trạng thái đã “cởi mở” hết, mà cảm thấy tự nhiên, thì sự đó chỉ có thể xảy ra trước orgasme. Các giác quan lý thuyết chỉ có thể động viên, hô hào, chứ không thể tạo ra orgasme.

Trong hành vi tính giao, orgasme được coi là *trạng thái chính thức*, mặc dù chỉ trong khoảnh khắc 0,8 giây. Đó là lúc mỗi bên coi bên kia là nửa thứ hai của mình, với một trạng thái tâm lý vượt ra mọi khuôn khổ và e thẹn.

Tôi còn phải “đả thông tư tưởng” chừng nào bạn thắc mắc được chuyện này: trong đời sống, người ta có thể mở xem một cách công khai những sách nói về các giác quan như mắt, mũi, tai, lưỡi, với hình vẽ y như thật, gọi đúng tên ta vẫn thường nghe từ miệng em bé hay người lớn, thì có sao sách - tiếng nói không có âm thanh ấy, - cứ lúng túng khi phải nói đến giác quan thứ sáu. Vâng, tôi biết chứ, nói hay viết, thực ra, chỉ dừng lại ở BÊN NGOÀI sự vật thôi, chứ có ai tin rằng chỉ vì một cái tên gọi khác hay *nói treo* đi mà thay đổi được BẢN THÂN sự vật⁷⁹, nhưng dầu sao, cái tâm lý

⁷⁷ Ấy là các tên gọi dễ nhận ra, chứ kỳ thực, như Mác đã nói, giác quan nào của người cũng là nhà lý luận cả. Xem C. Mác. Xem⁷⁸ tr. 134 - 135.

⁷⁹ C. Mác đã nói một ý này: “Cái cách quý biện vốn có của con người là thay đổi sự vật bằng cách đổi tên sự vật”. Dẫn theo Ăng-ghe-n. Xem⁷⁹, tr. 86.

ấy vẫn cần được tôn trọng. Lập phòng tuyến từ xa, tôi đã báo trước, mặc dù vẫn phải dùng tên chữ thay cho tên cúng cơm, thì sự mô tả vẫn phải trung thành với sự việc.

Cơ quan của giác quan thứ sáu của nam giới muốn thực thi chức năng của mình một cách trôi chảy thì phải có dương vật (số còn lại không nhất thiết là yêu cầu bắt buộc).

Dương vật do ba thời hình trụ ghép lại, kết thúc ở đầu quy, tất cả được bọc bởi một lớp da, nhờ vậy nhìn ở bên ngoài ta có một ấn tượng về thể đồng nhất bên trong. Thật ra trong đó còn có nhiều tổ chức nhỏ hơn (có tuyến tiết chất nhờn, có ống dẫn tinh (cũng là ống dẫn nước tiểu) và đặc biệt là hệ thống cơ, mô, mạch máu và dây thần kinh). Khi bị kích thích tính dục, máu sẽ dồn vào các mô này (như bơm không khí vào sơm xe đạp) làm cho thể tích tiêm tăng tăng lên gấp nhiều lần (3 - 4 - 5 lần). Độ lớn và dài của dương vật theo tiêu chuẩn “quốc tế” không bị quy định chặt chẽ. Thượng đế tạo điều kiện cho phụ nữ lòng tốt sẵn sàng chấp nhận mọi cỡ run rủi có được trong đời, bằng một phép thần (mà tôi sẽ thừa sau)¹. Nhỏ nhất dương vật có đường kính khoảng 2,5 cm, lớn nhất 4 - 5cm. Dài nhất trên 20cm, ngắn nhất chỉ 7 - 8 cm. Các bạn trai và nhất là các bạn gái *đã trưởng thành* không nên chạy vạy tìm cách làm tăng thêm cỡ đã có như chẳng ai đi tìm thời gian đã mất. Ở tuổi trưởng thành có thể nào thì dùng thế ấy.

Ở nữ, tổ chức tương ứng là âm đạo. Cờ của âm đạo hoàn toàn thích hợp với mọi cỡ của dương vật có thể có. Âm đạo như một cái ống do ba lớp ghép lại:

- 1 - Một màng nhầy đẩy mạch máu.
- 2 - Một lớp cơ, đặc biệt là cơ co bóp (theo chiều ngang).
- 3 - Một lớp sợi cơ đàn như cao su (theo chiều dọc).

Vật liệu cấu tạo cũng như cách bố trí sắp xếp ấy tạo ra một ống có

¹ Có phải vì thế không, mà ca dao ta có nói đến vị thần trú ngụ trong phụ nữ có bùa làm mê mẩn những người “văn chương chữ nghĩa bẽ bề”!

nhiều nếp gấp, thành một thể co giãn còn gọi là “thể tiềm năng”. Ở trạng thái không hoạt động tính dục, cái ống ấy như một thể đặc. Nó chỉ doãng ra khi ấn một vật cứng vào và vật ấy có cỡ nào thì nó doãng ra theo cỡ ấy.

Âm đạo vốn là tổ chức của phạm trù thứ nhất, theo chức năng loài (sinh đẻ). Lúc ấy, khoái cảm tính dục là phần “khuyến khích vật chất cho được việc”, nên Thượng đế đã đặc ân cho phụ nữ một tổ chức nhạy cảm hơn với kích thích tính dục: âm hạch (clitoris). Thế nhưng tổ chức này đối với nhiều người không thể tạo ra orgasme được. Vì vậy, tính lại, Thượng đế thiết kế ở âm đạo một mạng cơ thất bóp ở nửa ngoài của âm đạo, tiếng Anh gọi là orgasmic platform, đảm nhiệm thêm chức năng tạo ra orgasme bằng cách co thắt lại và nói chung tạo cho dương vật khoái cảm trong quá trình giao hợp. Sức hấp dẫn của các cô gái trẻ (hoặc chưa sinh đẻ) thường do tính co giãn mềm mại này.

Âm hạch ở trạng thái không hoạt động tính dục¹ thì cỡ nhỏ, thụt vào bên trong giống như đầu quy được bao bởi lớp da, đôi khi khó tìm ra chỗ ở của nó. Chỉ khi nào được kích thích thì mới mở to ra và trồi ra ngoài như đầu rùa (quy) thò ra khỏi mai. Ở tận cùng phía ngoài âm hạch là nơi nhạy cảm nhất vì vậy âm hạch chóng to lên khi nhận được kích thích trực tiếp một cách cơ học (manipulation). Tuy nhiên ấn mạnh lên phần mu và hõm chứa âm hạch vẫn mang lại những cảm giác dễ chịu.

Để tạo ra khoái cảm nhục dục ở cơ quan sinh dục, chị em còn được thiết bị thêm mạng dây thần kinh ở ngay xung quanh lối vào âm đạo, - ở môi nhỏ và môi lớn, cũng như bộ phận âm đạo sát lối vào (orgasmic platform) - đó là những nơi nhận trực tiếp những kích thích cơ học (từ phía nam giới hay tự mình). Ở nữ, khoái cảm nhục

¹ Tôi gọi là “Trạng thái không hoạt động tính dục” chứ không nói “trạng thái bình thường”.

dục không hạn chế ở một vùng, dù là tại trụ sở chính thức của giác quan thứ sáu. Có những tổ chức trực tiếp tham gia như vũ, lân da ở những chỗ kín trong cơ thể. Cho nên, ở trên tôi để cho bạn tin rằng phụ nữ thường lưỡng lự chọn giữa âm hạch và âm đạo, thì bây giờ bạn có thể biết thêm bí mật này: họ còn lúng túng hơn, vì có quá nhiều sự chọn lựa. (Phải không nhỉ, vì thế mà các nhà văn thường eo xèo về “lòng tham đàn bà”).

Cơ quan của giác quan thứ sáu ở nam, nhất là ở nữ, là một hệ thống tổ chức hoàn bị về cơ cấu và vận hành. Bạn nào làm ở các Viện nghiên cứu khoa học có thể hình dung hệ thống ấy như Tổng Viện, Viện con, Tổ chuyên môn, đề tài: có bộ phận lãnh đạo, có chức năng riêng biệt và điều phối, có động cơ và mục đích hoạt động, có “giả thuyết khoa học” ngay từ đầu, có triển khai từng bước, rồi cũng có nghiệm thu công trình, do các “phản biện” ở phía đối lập đánh giá. Nếu có chút gì khác biệt, thì ở chỗ này: trong hoạt động tính dục mọi sự phải được kiểm nghiệm một cách cảm tính, tại hiện trường, dưới hình thức trần trụi nhất, thực chất nhất và cơ động hơn nhiều so với tiến trình nghiên cứu lý luận rề rà, lặc lừ. Còn về *hiệu quả*, thì một hoạt động tính dục bình thường thế nào cũng phải đạt đến orgasme dứt điểm, trong khi có các công trình nghiên cứu khoa học cứ để đấy, đang dở mãi, lung lừng, lên không lên được, mà xuống ngay thì chẳng nhề...

Bạn nào chưa có học vị khoa học nhân đây có thể học ở CHUYỆN ẤY cung cách triển khai nghiên cứu khoa học.

Một hành vi tính giao thực sự trên hiện trường có 4 pha⁸⁰:

- 1 - Pha vào cuộc,
- 2 - Pha cao trào,

⁸⁰ Theo Masters and Johnson dẫn từ quyển sách: *Education for sexuality*, của hai tác giả: John J. Burt và Linda Erower Meeks. Nxb W.B. Saunders company. 1975, Philadelphia - London - Toronto, p. 54 - 57.

3 - Pha chính cuộc (orgasme),

4 - Pha tàn cuộc.

Trước đây người ta quen chia làm 3 pha thôi. Nhưng quan trọng không phải ở chỗ 3 hay 4, mà có vạch ra được không giới hạn giữa các pha. Tôi tán thành hai tác giả Masters và Johnson, coi orgasme là một pha, dù chỉ 0,8 giây, nhưng nó tương đương về vai trò so với các pha khác có khi dài hàng giờ.

1 - Pha vào cuộc

1 - Định nghĩa: Pha này bắt đầu khi có kích thích trực tiếp, do sự đụng chạm hai cơ thể.

Chỉ nhìn hay nghe thì thảo thôi thì chỉ là cảm giác dễ chịu chứ chưa có dấu hiệu vào pha.

2 - Mục tiêu. Bắt đầu hành sự ở mỗi bên

Chỉ tiêu cụ thể:

a) Nam giới: dương vật cương lên, đủ độ cứng cho vào âm đạo được.

b) Nữ giới:

- Cương ở núm vú và vú.

- Bắt đầu rỉ ra chất nhờn, đó là dấu hiệu vui lòng tiếp nhận.

- Âm đạo mở ra, - đó là cách tuyên bố - sẵn sàng tiếp nhận dương vật.

- Âm hạch mở ra và thò ra khỏi hõm.

3 - Phương pháp

Dùng biện pháp cơ học, bằng tay, bằng sự tiếp xúc cơ thể trực tiếp, bằng môi, bằng lưỡi. Phải thực thi một cách cảm tính, bằng một sức mạnh vật chất, theo thứ tự tăng dần hiệu quả kích thích. Thuận lợi nhất là sự đụng chạm cơ thể, dù còn phảng phất tính chất thăm dò (thay cho “ăng - két” bằng lời trong nghiên cứu khoa học). Trực tiếp hơn là hôn và sờ mó.

Những nhà nghiên cứu khoa học thường tán đồng câu nói của Hegel: Toàn bộ triết học thâu tóm vào phương pháp. Một bước tiến khoa học được đánh dấu bằng một phương pháp mới. Nhưng phương pháp KHÔNG tự sinh ra phương pháp: Cái cây chia với không sinh ra mấy cây! Tất nhiên mấy cây chỉ có thể có sau khi đã có chiếc cây chia với! Sự vận động của cuộc sống, nhu cầu mới của cuộc sống đẻ ra phương pháp mới. Một nhu cầu mới chỉ có thể nảy sinh từ một trình độ phát triển xác định.

Trong giao lưu tính dục, xưa nay mục đích và nhu cầu của nó gắn với phạm trù thứ nhất, thì phương pháp triển khai rất đơn giản, thực dụng, cốt được việc. Nó không cách xa bao nhiêu so với hành vi ấy của tổ tiên loài.

Mỗi phương pháp là thước đo trình độ quan hệ giữa người với người. Tôi muốn mượn chuyện ăn để nói về hành vi tính dục. Một đôi vợ chồng ngồi vào bữa ăn hay giao lưu tính dục, thì cũng là một biểu hiện của quan hệ vợ chồng và cách thức thực hiện quan hệ ấy. Ăn tham trong bữa ăn có sự tương ứng như thế trong giao lưu tính dục (ích kỷ, vụ lợi).

Mỗi phương pháp là thước đo trực tiếp trình độ văn hoá. Ăn thịt sống và ăn thịt chín. Ăn bằng tay và ăn bằng bát đĩa. Ăn trong nồi trong niêu hay dọn ra mâm. Ăn nhồm nhoàm, ăn lấy được hay ăn từ tốn, đĩnh đạc. Mỗi trường hợp này đều có sự tương ứng trong giao lưu tính dục.

Mỗi phương pháp là thước đo trình độ phát triển trí tuệ, phân biệt được bản chất và hiện tượng, mục đích và phương tiện, tất yếu và ngẫu nhiên, v.v...; còn quan trọng hơn là nhận thức được sự chuyển hoá biện chứng, thống nhất giữa chúng, nhờ đó có thể xoá bỏ được *định kiến* của trình độ quá khứ bằng cách tạo ra *cơ sở vật chất* cho quan niệm mới (chứ không phải chỉ bằng những lời “kiên quyết lên án” định kiến). Đi đại tiện là chuyện không bao giờ được coi là

“nghiêm túc” trong định kiến cổ truyền. Đó là chuyện ô uế. Mà ô uế thật. Khi chưa có cách thì hổ xí phải để xa tít ở xó xỉnh hèn hạ nào đó. Hổ xí máy là cơ sở vật chất để cư xử theo cách khác: có thể đặt ngay cạnh phòng ngủ.

Trong cơ thể, các bộ phận cũng từng được cư xử “bất bình đẳng” như thế. Miệng có thể là hơi, nước bọt có thể mang nhiều vi trùng truyền nhiễm, nhưng vẫn được tiếng là “sạch” và “sang” (đàn ông rộng miệng thì sang). Còn trụ sở của giác quan thứ sáu là nơi quân tử muốn lui tới, mà cứ nghĩ là chốn “hèn hạ”, bẩn thỉu không xứng đáng. Nếu tắm rửa sạch sẽ, chuẩn bị chu đáo thì chắc nơi đó ít có vi trùng hơn ở miệng và lúc đó có khi còn thơm. Nếu vậy, tình hình sẽ khác. Hôn vào nó còn tạo ra kích thích lớn hơn nhiều so với môi hôn môi. Nhưng, ở đây không còn thuần một kích thích sinh lý. Cư xử như vậy chúng ta có một cách hiểu nào đó về giao lưu tính dục, và đạt đến một quan niệm nào đó về khoái cảm tính dục cho bạn tình, chứ không phải chỉ cho riêng mình. Tóm lại, phương pháp thực tế là người này có thể dùng bất cứ thủ thuật nào của cơ thể mình để kích thích trực tiếp lên bất cứ nơi nào trong cơ thể bạn tình, kể cả sự ngắm nhìn trên cơ thể một cách “lý thuyết”. Chỉ có sự khác biệt này nên lưu ý: nữ giới muốn mọi sự xảy ra từ từ, tăng dần cường độ, tốc độ và những nơi khác nhau trên cơ thể mà địa điểm sau cùng là núm vú, vú, âm hạch và toàn vùng quanh âm đạo, còn đối với nam giới là dương vật và đầu quy. Đó là phương pháp kích thích sinh lý. Hiệu quả của kích thích này tỉ lệ với quan hệ giữa hai người và tính chủ động của mỗi người. Chỉ có “biện pháp tâm lý” mới làm tăng thêm lên vô cùng hiệu quả của biện pháp kỹ thuật sinh lý.

4 - Thời gian: Từ vài phút đến vài giờ, chừng nào cả hai cảm thấy phải chuyển pha.

II - Pha cao trào

1 - Hành vi tính giao ở trạng thái chính thức của nó. Dương vật đã ở trong âm đạo.

2 - Mục tiêu: Làm nên cho orgasme.

Bạn nhớ cho: núi cao nhất bao giờ cũng ở trên dãy núi cao nhất. Ở giữa đồng bằng thì chỉ có gò đồi lè tè thôi!

Chỉ tiêu cụ thể:

a) Nam giới:

- Dương vật to và dài hết cỡ, đặc biệt là đầu quy cứng đầy máu.
- Tiết ra chất nhờn (các bạn nữ chưa có kinh nghiệm thường nhầm với tinh dịch).

b) Nữ giới:

- Vú căng lên.
- Âm hạch ra khỏi hân ngoài hông, cương lên.
- Tiết ra chất nhờn rất nhiều.
- Sự chuyển dịch bên trong của tử cung (dựng lên).

3 - Phương pháp:

Vấn dùng cơ chế cơ học. Sự vận động tạo ra sự kích thích cơ động (chứ không thể để yên được). Tư thế của hai người có thể đa dạng (nằm, ngồi, đứng). Thông thường nằm, nhưng không nhất thiết nằm giữa và nữ nằm trên để đến orgasme hơn vì có ý thức hưởng thụ rõ rệt. Tuy nhiên, nói chung phụ nữ có ý muốn “cho” trong thế thụ động (nằm dưới). Để tăng độ cao, có thể huy động các giác quan khác tham gia, kể cả các giác quan lý thuyết. Thời gian này hai người có thể nhìn lên nhau trong trạng thái tự nhiên nhất, có thể nói với nhau những lời thân mật nhất. Để có sức mạnh gạt bỏ nốt những vướng vát cuối cùng của định kiến và của sự e thẹn thường ngày, có thể dùng những từ ngữ đích xác nhất đã vào sâu trong ý thức, qua các “kênh” sống thường ngày từ bé.

Nguyên vọng sâu xa nhất của vợ là được tận hưởng tình yêu, được khẳng định tình yêu, được cho. Chỉ có tình yêu mới có khả năng đưa đến orgasme, thoả thuê nhất cho nữ.

Sự kích thích của nữ, do cơ chế của âm đạo, mà dâng lên từng đợt, nhiều lần tưởng đã đến orgasme, nhưng chưa, lại xuống. Phù hợp với điều đó, có thể có những khoảnh khắc yên tĩnh để chiêm ngưỡng, thưởng thức vẻ đẹp độc đáo của giao lưu tính dục. Các bạn chưa có kinh nghiệm đừng ngại ngần dốc hết mình “cho” và “nhận”. Một cách cư xử nhiệt thành, quên mình, không giới hạn là cần thiết và rất cần thiết cho khoái cảm tính dục. Sự e dè không phải là dấu hiệu của sự “cao thượng”. Nên phân biệt sự đam mê vô hạn độ và vô nguyên tắc với sức hấp dẫn có thể có được do mình tạo ra trong giao lưu tính dục, - cho mình và cho bạn tình. Mỗi người chỉ có thể hưởng được những gì người bạn tình cho. Cho lẫn nhau và nhận của nhau với lòng thành và nồng nhiệt bao giờ cũng thoả mãn hơn. Bản lĩnh tính dục, văn hoá tính dục đẩy cho độ căng kích thích đến cao nhất, như kéo doãng một lò xo. Bạn chớ cả lo sợ “hông lò xo”. Thiên nhiên rất chu đáo, chờ cho đến một độ nào đó thì cử người mách cho bạn chuyển sang pha tiếp theo.

4 - Thời gian:

Tuổi trẻ còn chưa có bản lĩnh tính dục (nhất là nam) nên không giữ lâu được pha này, có thể chỉ một hai phút. Nhưng người có bản lĩnh tính dục vững vàng thì có thể duy trì pha này khá lâu, 15, 20, 30 phút hay nhiều hơn, tùy theo cách thức đạt orgasme và kiểu orgasme của bạn tình.

III - Pha chính cuộc (orgasme)

Các cơ đang ở độ kích thích căng đột ngột co thắt rồi thả lỏng chúng, tạo ra orgasme.

Ở nam giới: phóng tinh...

Ở nữ giới: Co thắt orgasmic platform và các cơ khác của âm đạo, của tử cung và của các bộ phận khác của cơ quan sinh dục.

Phụ nữ có thể có cảm giác orgasme ở âm hạch, ở âm đạo, thậm chí ở hậu môn. Phụ nữ còn có thể có hai, ba và nhiều orgasme. Vì

vậy bản lĩnh tinh dục của nam được thử thách trên việc làm có dám đưa nữ đến orgasme lần thứ nhất, rồi chờ (sau orgasme, như sau một đợt sóng biển, cần có thời gian làm ra đợt tiếp sau) chừng 5 - 10 phút (có khi gần hơn và cũng có khi xa hơn) cùng đến orgasme lần thứ hai. Thường orgasme lần đầu của nữ dễ làm cho nam (do xúc động) cũng đến orgasme ngay và trong trường hợp ấy nữ không thể đạt đến orgasme lần thứ hai.

Chỉ có orgasme mới làm cho hành vi tính giao phù hợp với khái niệm của nó. Cho nên pha thứ hai mặc dù là hành vi tính giao đang được thực hiện trên hiện trường, nhưng không đạt đến orgasme thì coi như không, thậm chí còn mang lại hiệu quả xấu hơn, làm tổn thương đến quan hệ vợ chồng.

Nói chung nam giới dễ đến được orgasme, nhưng những người có văn hoá tính dục cao thường vì nhân tố tâm lý, có khi rất khó đến orgasme và sau khi phóng tinh vẫn chưa thấy thoải mái về tâm lý.

Nữ thường có nhiều mối đe dọa không đến orgasme, vì nguyên nhân sinh lý (do nam đến orgasme sớm quá) và cả nguyên nhân tâm lý như mối đe dọa thụ thai không mong muốn và những nỗi lo pháp phông khác. Nhân tố tình yêu còn quan trọng hơn, có khi chỉ có nó mới tạo ra được orgasme cho nữ. Có những người vợ không thể có orgasme với chồng hoặc để có được orgasme thì lúc ấy phải nghĩ đến người khác hay phải tưởng tượng như thế nào đó cho phù hợp hơn. Orgasme trong trường hợp này vẫn không trọn vẹn và những vết cợn trong quan hệ vợ chồng vẫn còn, có khi còn cộm lên thêm.

Orgasme ở nữ có thể không đạt được vì pha thứ hai kéo quá dài, hoặc tất cả đã dốc ra từ pha thứ nhất. Cho nên, cứ giữ mãi trạng thái lưng lửng (dù ở độ cao như những đồi núi vùng trung du nhấp nhô trập trùng ở một mức độ). Trường hợp này thường gặp ở những người chưa có kinh nghiệm tính giao. Họ vội hưởng thụ một orgasme như hái quả sớm một quả xanh, không thể chín được.

IV - Pha tàn cuộc

Sau orgasme, về tâm lý lẫn sinh lý cả hai đều có nguyện vọng trở về trạng thái xuất phát. Những biến đổi thấy rõ:

a) Ở nam giới: dương vật xù đi (Xin miễn mô tả các tổ chức khác).

b) Ở nữ giới:

- Hai vú xẹp xuống.

- Orgasmic platform giải toả máu, mềm đi.

- Âm hạch co về trong hõm.

- Cổ tử cung hạ xuống vào chỗ chứa tinh dịch (nếu vì phạm trù thứ nhất thì phụ nữ nên nằm ngửa).

Một sự “lệch pha” về tâm lý thường xảy ra ở vào lúc này. Nam giới mất nhanh chóng hứng thú, nhất là những người thiếu bản lĩnh tính dục. Trong khi đó nữ giới vẫn muốn tiếp tục tận hưởng khoái cảm orgasme lâu hơn, muốn giữ lại dương vật. Hoạt động sinh lý ấy vẫn còn đốt nóng tình cảm của phụ nữ, còn nam thì nguội lạnh càng mau, một cơn ngủ như cơn mưa đang đông đang ập đến. Như vậy, có hai trạng thái chênh vênh về tâm lý. Ở pha thứ nhất, nam giới chóng vào cuộc, như con gà trống xòe lông cục cục chạy theo con gà mái vòng quanh lại là đã. Nữ giới theo như Nguyễn Đình Thi mô tả, thì thế này: “Nàng thoảng rừng mình rạo rục, một sự thèm muốn như con rắn thức giấc ngủ, từ từ ngóc đầu dậy và duỗi thẳng những vòng cuộn, lác lư cái đầu”^(*). Đáng nam nhi có văn hoá tính dục phải biết chờ cho con rắn libido ấy có đủ thời gian “từ từ ngóc đầu dậy”, còn nán thêm ít nữa để nó kịp “duỗi thẳng những vòng cuộn”, chừng nào nó đã “lác lư cái đầu” thì nó sẽ nhanh chóng hoạt bát hẳn lên, nhận ra ngay chuyện gì. Ở pha thứ tư, thì cũng phải chờ theo thứ tự ngược lại, xem chừng đã cuộn xong chưa, đã luồn đầu vào vòng cuộn chưa. Không nên làm phiền nó lúc đang ngái ngủ, dù thừa biết đang lịm dần vào giấc ngủ. Quý lắm một giấc ngủ yên lành, thoải mái, dân hết ra.

(*) Nguyễn Đình Thi. *Vỡ bờ* tập I, tr. 213.



Vợ chồng là một cấu tạo mới từ hai cá thể đã trưởng thành. Các cá nhân này sống trong một xã hội đa dạng, phong phú với những biến động triền miên, thì tâm hồn, vốn sống và những va chạm, thử thách ngày càng phong phú, phức tạp, tinh vi. Vâng, tâm hồn của một người vừa đủ cất cánh bay dưới tầm ngọn tre, với nhịp đập của giáp, của năm, của vụ chiêm vụ mùa, thì so sao nổi với tâm hồn được con tàu vũ trụ chở lên tận mệnh mông, với cuộc sống tính chi li bằng giờ, phút, giây, và làm những đơn vị chia nhỏ từ giây ra trăm, nghìn, vạn lần! Trong hàng triệu chi tiết của con tàu vũ trụ, chỉ một hồng đã đủ gây ra tai hoạ, thì cuộc sống hiện đại phong phú và phức tạp như thế nào khi tâm hồn con người cũng tinh tế như thế?

Cuộc sống hiện đại ấy đặt lên chiếc giường ngủ ngày nay vô vàn vấn đề của đời sống vợ chồng, chứ đâu phải như xưa, quần quanh trong chuyện trâu no, bò đói, niêu cơm, ấm nước. Cuộc sống hiện đại đại công nghiệp ấy đòi hỏi phải thực hiện ngày càng triệt để hơn xu hướng dân chủ hoá - dân chủ hoá đối với mọi công dân, dân chủ hoá trong gia đình, dân chủ hoá giữa phòng ở và phòng ăn, phòng tiếp khách và hố xí, để cuối cùng dân chủ hoá giữa các bộ phận của cơ thể. Ai cũng đòi quyền được bình đẳng làm nên cuộc sống, và do đó, được quyền cư xử bình đẳng vì đã làm nên cuộc sống.

Cuộc sống thực ấy được chính thức thừa nhận là *chuẩn mực ở đời*. Diễn nôm ra, trong xã hội, không một ai được quyền làm chuẩn cho người khác, trong gia đình không một ai được quyền coi mình là chuẩn mực cho tất cả; trong nhà ở, không một phòng nào được quyền tự phong là chuẩn mực; trong cơ thể, không một bộ phận nào được chơi trội, coi mình là sang, còn thì đều hèn. Tóm lại, cái quyền dân chủ ấy được ghi vào văn bản như sau: Mỗi cái, mỗi sự, mỗi người hãy *tự lấy mình làm chuẩn cho chính mình*, theo đúng chức phận của riêng mình trong cuộc sống. May sao, kiểu tư duy hồn nhiên này

ngày càng thâm nhập nhanh chóng vào mọi lĩnh vực đời sống, và bạn thấy kia kia - nó đã ở ngay trên giường ngủ!

Cái giường ngủ hiện đại có những vấn đề của nó, rất hiện đại. Bạn đừng hy vọng lấy một chuẩn mực nào *bên ngoài nó* để phán xét nó. Không! Phải xét nó theo chuẩn mực chính nó! Cớ sao người vợ không có quyền được hưởng những niềm vui xác thịt. Sự hưởng thụ này hoàn toàn xứng đáng và cao thượng như Tình yêu họ cho và nhận. Cùng vậy, cái Tình yêu cao xa vời vợi kia hoàn toàn xứng đáng và cao thượng ở trên vương quốc tinh thần. Thế nhưng một nhà đại duy tâm như Hegel phải thừa nhận, không có một tinh thần nào chỉ ở mãi trên thượng giới, nó phải xuống trần gian^(*), nhập vào một thực thể cảm tính, vật chất và bấy giờ NÓ mới đích thị là NÓ làm nên KHÁI NIỆM của nó. Khái niệm vợ chồng cần phải hiểu là thể thống nhất của tình yêu tinh thần và sự hoà hợp thân thể. Độ thẩm tình yêu phải thành độ cao orgasme của giao lưu tính dục và qua khoái cảm cảm tính mà nhấm nháp hương vị của tình yêu. Với khái niệm phải lấy sự tương đồng của hai mặt làm chuẩn. Không có một trong hai, thì sẽ không tồn tại khái niệm! Và sự chênh vênh của một trong hai cũng làm cho khái niệm chênh vênh. Ví dụ, một năng lực hạn chế trong hưởng thụ nhục dục chỉ có thể là một sự lạng nhục đối với một tình yêu cao cả, chứ không thể là cái gì khác! Điều này trái hẳn với quan niệm cổ truyền lấy năng lực tiết dục làm chuẩn và cho rằng ai nồng nhiệt về tính dục là một người xấu xa, hèn hạ. Về chuyện này, tôi muốn nhờ một nhà tâm lý học ngoan đạo dẫn ra những danh nhân mà có lẽ bạn đã biết rồi: “Victor Hugo và E. Katerina của Nga, là hai người rất đa dâm, nhưng điều đó không hề cản trở người này trở thành một thiên tài khổng lồ của văn chương và người kia là một nữ hoàng vĩ đại⁽⁸¹⁾”. Còn ở cực bên kia, có ai thờ ơ với đời sống tính dục

(*) Hành vi “hạ thế” đó Hegel gọi bằng thuật ngữ rất dễ hiểu lắm: THA HÓA.

(81) Maurice Tiede. *Guide Partique d'éducation familiale*. Edition SDT, 1965, p. 484.

hơn các hoạn quan? - Thì bạn cũng biết rồi đấy, tài năng và đức độ của bọn họ to lớn cỡ nào và họ có được bao nhiêu niềm vui cuộc đời?

Vợ chồng không nhất thiết phải sống bằng sức mạnh libido của mỗi cá nhân, nhưng cũng phải dựa trên quan hệ xác thịt của đôi bên. Điều quyết định ở trên chiếc giường ngủ không phải do lượng tuyệt đối về năng lượng libido được đem dùng, mà là mối liên hệ tương đối của sự hài hoà giữa đôi bên. Victor Hugo có người vợ nồng nhiệt như mình thì cũng chỉ có một hạnh phúc êm đềm như một đôi vợ chồng ít nhiều thờ ơ với chuyện ấy. Nhưng khó lường nổi chuyện gì sẽ xảy ra khi bị phá vỡ thể hài hoà tinh dục giữa hai người. Thời gian sẽ nhanh chóng làm to chuyện sự chênh lệch ấy (về nhu cầu hay năng lực tinh dục), nếu một trong hai hoặc cả hai không nhận ra sớm. Trong những tình huống như thế, ý thức và sự hiểu biết có thể tìm ra giải pháp thoả đáng có thể cứu vãn tình hình, cải thiện và làm tươi mát không khí gia đình, bằng tình cảm, bằng những mối liên hệ tinh thần (để đồng cảm) và bằng cả những kỹ thuật kích thích (thậm chí có thể dùng thuốc). Xin nhớ cho, điều cốt tuỷ trong giải pháp đó là một thoả thuận ngầm: tìm cách khoanh vùng vấn đề trong một phạm trù thứ hai thôi, tức là thừa nhận nhu cầu tinh dục là chính đáng và lành mạnh.

Các bạn gái ngày nay biết chẳng, về khoản này, xưa kia các hoàng hậu chính ngôi chỉ được tiếng thôi! Và còn éo le hơn nữa đối với các cung phi. Họ thừa biết, nhà vua, người chồng chung ấy, đến với họ chỉ vì khoái lạc nhục dục của riêng ông ta, chứ đâu phải vì yêu họ. Vậy thì đại gì họ không tận dụng phần còn lại. Hàng trăm người đàn bà ấy, thử xem mỗi người được hưởng bao nhiêu phần trăm khoái cảm nhục dục chia ra từ một người đàn ông ấy? Cái phần chia ít ỏi ấy càng trở nên ít ỏi hơn khi vừa được một lần có kinh nghiệm cảm tính thì đã ít có dịp có lại để có nhiều hơn. Nỗi niềm cay đắng ấy càng nhân lên bao nhiêu nữa, khi cái ý thức hưởng thụ chen vào, xúi bẩy?

Từ một sự chênh lệch có thật, vật chất, của những lần hưởng thụ không trọn vẹn, hoặc còn dưới ngưỡng tâm lý người đời dễ làm to chuyện, mỗi lần một to ra. Ở đây điều quyết định không phải hoàn toàn về lượng tuyệt đối, mà chỉ là về lượng cần thiết như nhiệt lượng vừa đủ để nâng nước 99 độ lên một độ cuối cùng, cho sôi. Chưa đến orgasme, người đời muốn đến. Đến một lần, muốn lần thứ hai. Sẽ chẳng có chuyện gì xảy ra, khi lần thứ hai cũng được thoả mãn. Lúc ấy năng lượng tạo ra cho lần thứ ba hoàn toàn được tiến hành tự nhiên. Một đời sống vợ chồng hài hoà. Sự trục trặc chỉ bắt đầu khi có một lần thể cân bằng đó bị phá vỡ, thường là từ phía đàn ông.

Các bạn trai nên biết, kho năng lượng libido của các bạn là vô hạn, nhưng bao giờ cũng hữu hạn ở những thời điểm xác định. Một người vợ khôn ngoan có thể buộc bạn phải xuất ra¹⁷¹ số hiện có trong kho libido của bạn chỉ vừa đủ theo lệnh xuất kho của vợ thôi. Một sự định lượng ngặt nghèo theo luật tự nhiên. Tình hình đó đặt bạn giữa ngã ba, đi đường nào đây? - Nếu lệnh xuất kho nhiều hơn số dự trữ hiện có, thì bạn có cơ “thiếu hụt”. Sự ấy đẩy bạn vào thể bấp bênh. - Nếu bạn chấp nhận mọi lệnh xuất kho nghĩa là các thời điểm tạo ra sự hữu hạn kia cứ triển miên nối tiếp nhau, thì vợ bạn khó gì không biết được “bí mật” và đó là sự khôn ngoan của người vợ đặt bạn vào một thể *háo hức*, cũng là một thể chòng chành, hay nói đúng hơn, đó chính là cái *thế yếu đàn ông*.

Nhu cầu tính dục trong đời sống vợ chồng là cảm tính, vật chất, nên chỉ có thể được thoả mãn một cách vật chất, cảm tính. Đó là một

¹⁷¹ Ngưỡng, thuật ngữ tâm lý học. Bạn đã từng ném muối vào canh? Cho vào một thìa, nhạt phèo. Thêm một thìa nữa, - vẫn nhạt thếch. Còn hơi nhạt sau một thìa thứ ba. Nhưng chỉ mấy hạt muối nữa đã đủ làm cho nổi canh mặn! Nó đã quá ngưỡng!

¹⁷² Có nhiều cách: bằng hành vi tính giao tự nhiên, bằng kích thích cơ học trực tiếp. Tạo ra khoái cảm tính dục cho chồng bằng những kích thích cơ học (bằng môi, bằng tay) không tốn bao nhiêu năng lượng và người vợ nào cũng có thể làm được.

đình luật tự nhiên. Nhưng cơ thể có ý thức còn chịu tác động của ý thức, tình cảm, nói chung là tinh thần. Vì vậy, những chênh lệch nhu cầu tính dục (và năng lực thoả mãn nó) có thể bị ý thức đặt vào một ngã ba, hoặc nó làm giảm bớt nhu cầu vật chất, nếu sự hoà hợp về tinh thần mạnh hơn; hoặc là, nó mượn nhu cầu vật chất *làm cớ* (chứ không hẳn là nguyên nhân) để bảo chữa cho những rạn nứt, thậm chí lần đầu tiên tạo ra những khác biệt tình cảm, tinh thần. Những rạn nứt, đổ vỡ, xung đột gia đình thường mượn những cớ công khai để che giấu những nguyên nhân sâu xa thầm kín, trong số ấy có những chuyện ở ngay trên giường ngủ.

Bạn còn nhớ chăng một nguyên tắc thực tiễn này: sự hoà hợp về tính dục là dấu hiệu đáng tin cậy của một gia đình thuận hoà.

Sự xung đột nảy sinh do mất thế cân bằng đời sống tình dục càng dễ bị phóng to, khi buổi đầu khơi dậy ý thức hưởng thụ tính dục và ý thức dân chủ trong sự hưởng thụ đó. Có thể coi đây là một đặc điểm của *thời đại*. Ngày xưa, các bà vợ không hề có (mà nếu có thì tự mình dẹp tắt) những khát vọng tính dục với một ý thức về nghĩa vụ. Ngày nay, các cô gái hiện đại bày tỏ công khai nhu cầu đó, thì càng có xu hướng “quá đà”, tạo ra một tình thế *cơ động* trong phòng ngủ. Thêm vào đây đời sống hiện đại vô cùng đa dạng, khi đã tạo ra những cá nhân đa dạng về cá tính, về nhu cầu, về lối sống, thì đồng thời cũng tạo ra nguy cơ về sự mất ổn định trong gia đình. Tình hình trở trêu thế này đây: Ngày xưa các bà vợ chưa có ý thức hưởng thụ khoái cảm tính dục, thì họ “thả lỏng” các ông chồng, tạo ra thế cân bằng “thả nổi”. Thì *vợ chồng hiện đại* cũng phải biết cư xử có văn hoá tính dục may ra mới giữ được thế cân bằng do hai bên cùng kiểm soát, nếu không, ý thức hưởng thụ và ý thức dân chủ sẽ phá bỏ một cách có ý thức thế cân bằng cơ động, tạo ra *bị kích hiện đại* của đời sống vợ chồng!

*

* *

CHỈ CẦN ĐỌC LẠI TỪ ĐẦU MỤC NÀY, BẠN thấy ngay “những chuyện trong phòng ngủ” ở trong quyển này không phải ở chỗ “đặt vấn đề” mà điều cốt tủy là ở cách giải quyết, đặc trưng cho nó⁽⁸²⁾. Tôi giải quyết bằng KHÁI NIỆM!

Khái niệm Tình yêu hiện đại đã vượt ra khỏi trạng thái xuất phát buổi đầu, ở vương quốc tinh thần. Nó cũng không phải là đứa con hạ giới thông tục và thô tục. Nó lại cũng không trở thành một tôn giáo mới như Feueurbach mong ước. Tuy nhiên, bạn cũng thấy đấy, tôi đang hạn chế vấn đề trong phạm vi VỢ CHỒNG, tức là một *quan hệ trong hôn nhân và gia đình*.

⁽⁸²⁾ C. Mác. “Những thời đại kinh tế khác nhau không phải ở chỗ chúng sản xuất ra cái gì, mà là ở chỗ chúng sản xuất bằng cách nào, với những tư liệu lao động nào”. Xem⁽⁴³⁾, tr. 338.

10 - CU XỬ THEO KHÁI NIỆM

Tôi sẽ là kẻ đồng loã, nếu không định chính sự xuyên tạc cho rằng vĩ nhân là người đi trước thời đại của mình. Không! Tuyệt đối không! Những nhà tư tưởng đứng đắn chỉ có một cử chỉ đứng đắn: diễn đạt những gì lịch sử ĐÃ CÓ dưới hình thức khái niệm (hay còn gọi là hình thức lý luận). Giỏi hơn, các vĩ nhân hãy dẫn dắt lịch sử hiện thực đi theo phương hướng lý luận ấy⁽⁸³⁾.

Có thể hiện thực hoá KHÁI NIỆM, tìm cho nó một hình thức vật chất. Muốn cho số đông chấp nhận nó, thì cách tốt nhất là thuyết phục bằng hình thái vật chất của KHÁI NIỆM, ở ngay trong đời sống thường ngày.

Muốn cho số đông có *KHÁI NIỆM* ti - vi, tốt nhất là cho họ xem ti - vi, bày cho họ cách sử dụng. Chỉ có một số ít mới có nhu cầu tìm hiểu nguyên lý lý luận của nó. Còn như hy vọng phát hiện ra nguyên lý mới cao hơn nó, thì số người ấy sẽ có tên riêng.

Nhiều người nhìn vào đời sống hiện đại thấy có quá nhiều chuyện lạ, kỳ diệu có, trở trêu có. Nhưng bất luận trường hợp nào, đó là một xu hướng lành mạnh và tự nhiên. Chỉ có điều cần phải biến nó thành tự nguyện, tự giác. Muốn vậy, điều cốt yếu là phải có các KHÁI NIỆM tương ứng. Xã hội hiện đại có những KHÁI NIỆM hoàn toàn mới, chưa hề có trong các xã hội trước đây, như ti - vi, mì ăn liền, máy bay, con tàu vũ trụ. Đồng thời khi ngoái nhìn lại lịch

⁽⁸³⁾ C. Mác. Xem⁽⁷⁰⁾, tr. 29.

sử, nó thấy được trình độ phát triển còn phù hợp với KINH NGHIỆM trực quan, tại chỗ của đời sống thường ngày.

Nếu coi gia đình như một khái niệm, thì nó không phụ thuộc vào những đặc điểm cá nhân của hai nhân tố tạo thành (thuộc KHÁI NIỆM cá nhân). Lúc này các cá nhân là các cá nhân *ngẫu nhiên*, một này gọi là Thị A, còn một kia - Văn B.

Một khái niệm có *những* hình thái biểu thị mỗi trình độ phát triển đạt được. Khái niệm gia đình đã trải qua nhiều hình thái mà còn sờ sờ trước mắt chúng ta là hình thái gia đình một vợ - một chồng.

Khái niệm một vợ - một chồng cũng từng bước qua các nấc thang lịch sử của nó, mà bắt đầu là hình thái hết sức xa lạ, kể từ thời quan hệ tình giao không hạn chế (xem mục Hôn nhân), cho đến hình thái một vợ - một chồng một phía. Chỉ từ hình thái này thì mới sinh thành được ý thức dân chủ, bình đẳng, tình yêu cá nhân.

“Bình đẳng là ý thức của người ta đối với chính mình trong lĩnh vực thực tiễn, nghĩa là người ta có ý thức rằng người khác là người bình đẳng với mình, cần phải đối xử với người khác như người bình đẳng với mình. Bình đẳng là danh từ của người Pháp dùng để nói lên sự thống nhất của bản chất con người, để nói lên ý thức loài và hành vi loài của con người, sự đồng nhất thực tế giữa người với nhau, nghĩa là nói lên quan hệ xã hội hoặc quan hệ người giữa người ta với nhau”⁸¹.

Proudhon (1809 - 1865) đã có một tư tưởng đúng, coi bình đẳng là cơ sở tạo thành tài sản và là căn cứ cuối cùng chứng minh cho tài sản. Cách làm ra tài sản, đến lượt nó, quy định đời sống xã hội và gia đình.

“Tiểu nông là một khối quần chúng rộng lớn mà tất cả các thành viên đều sống trong những điều kiện như nhau, nhưng không

⁸¹ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Gia đình thần thánh*, ST, 1963, tr. 60 - 61.

có được những mối quan hệ về nhiều mặt ràng buộc lại với nhau. Phương thức sản xuất của họ không làm cho họ liên hệ với nhau mà lại làm cho họ tách rời nhau. Tình trạng tách rời đó còn bị tình hình giao thông khó khăn và cảnh nghèo khổ của nông thôn làm cho trầm trọng thêm. Việc khai thác một miếng đất nhỏ bé không cho phép áp dụng một cách phân công lao động nào cả, một sự áp dụng khoa học nào cả, do đó cũng không cho phép một sự phát triển nhiều mẫu nhiều vẻ, không thể có được tài năng, không thể có những quan hệ xã hội phong phú được. Mỗi gia đình nông dân hầu như tự túc hoàn toàn, tự mình trực tiếp sản xuất ra cái mình tiêu dùng và do đó, tự cung cấp cho mình những tư liệu sinh hoạt bằng cách trao đổi với thiên nhiên hơn là với xã hội. Mảnh đất còn con, người nông dân và gia đình anh ta, cạnh đó lại một mảnh đất còn con khác, một nông dân khác và một gia đình khác. Một số gia đình ấy hợp thành một làng và một số làng hợp thành huyện (...) giống như một bao tải đựng đầy khoai tây thì thành cái bao tải khoai tây vậy⁸⁵. Tình trạng đó sẽ kéo dài mãi, chừng nào chưa có đại công nghiệp, đòi hỏi phải thay đổi lao động tạo ra tài sản. Một khi đại công nghiệp thừa nhận sự thay đổi lao động là một vấn đề sinh tử thì, do đó, phải thừa nhận tính chất càng nhiều vẻ càng tốt của cá nhân (công nhân) và, tất nhiên, cần phải làm cho mọi quan hệ phù hợp với sự thực hiện bình thường quy luật đó⁸⁶. Hoàn toàn có căn cứ để nói được “sức mạnh của các sự kiện rút cục buộc phải thừa nhận rằng, cùng với những cơ sở kinh tế của gia đình cũ và của lao động gia đình phù hợp với nó, thì đại công nghiệp cũng phá huỷ ngay chính những quan hệ gia đình cũ”⁸⁷. Nếu chiếu tình hình ấy lên màn ảnh khái niệm thì ta thấy một tiến hoá về tâm lý, mà trên thực tiễn cuộc sống đó là sự xung đột ý thức: ý thức mới xung đột với ý thức cổ truyền.

⁸⁵ C. Mác. Xem⁽⁶⁵⁾, tr. 402.

⁸⁶⁻⁸⁷ C. Mác. Xem⁽¹¹⁾, tr. 327.

Ban đầu sự xung đột ấy còn hời hợt, do những ấn tượng trực quan mang lại. Càng về sau, khi cái quy luật mới đã thực sự phát huy tác dụng, thì nó càng sâu hơn và rút cục đưa đến sự xung đột của các ý thức khái niệm.

Những khái niệm gắn liền với gia đình một vợ một chồng như tình yêu cá nhân, chung thủy, tiết hạnh, v.v..., phải có những *hình thức mới* phù hợp hơn với trình độ hiện đại của các phạm trù cá nhân - gia đình - cộng đồng.

Với *gia đình gia trưởng*, khi tình yêu cá nhân còn chưa là cơ sở *duy nhất* của hôn nhân¹¹ thì khái niệm chung thủy có một *hình thái* khác với hình thái của gia đình hiện đại công nghiệp.

Khái niệm có hình thái CÁI gọi là THỰC THỂ. Khái niệm gia đình có thực thể bao gồm những cá nhân. Nếu xét theo khái niệm gia đình thì các cá nhân này không phải là thực thể, mà chỉ là nhân tố cấu thành thực thể.

Sự hình thành những thực thể gia đình cụ thể là một sự kiện vừa tất nhiên vừa ngẫu nhiên, do đó, cũng có một tính tất yếu y như thể cho sự tan rã, cả hai đều cùng có tính khái niệm như nhau, mặc dù hoàn toàn trái ngược với ấn tượng trực quan của chúng ta (của tư duy cổ truyền). Tôi biết chứ, “truyền thống của tất cả các thế hệ đã qua đè rất nặng lên đầu óc những người đang sống”¹⁸⁸. Có ai chối cãi là có những kỷ niệm xa xưa, những tư thù tư oán, những lo âu và hy vọng, những thiện cảm và ác cảm, những tín điều, những nguyên tắc này nọ đã gắn bó các cá nhân đã đúc lại những gia đình. Nhưng, “cả một kiến trúc thượng tầng do những cảm giác, những ảo tưởng những lối suy nghĩ và những quan niệm triết học riêng biệt cấu thành, đã được xây dựng lên trên những hình thức sở hữu khác

¹¹ Bản thân tôi còn ngờ ngợ với chữ “duy nhất” này, nhưng cần phải nói ra để tránh lập lờ trong tư duy khái niệm.

¹⁸⁸ C. Mác. Xem ⁽⁶⁵⁾, tr. 291.

nhau và trên các điều kiện sinh hoạt xã hội⁸⁹. Lịch sử đã sáng tạo ra các xã hội ấy với cơ sở hạ tầng ấy và với những quan hệ xã hội phù hợp với nó... thì tất nhiên phải có một ý thức xã hội ấy. Ý thức xã hội này có sẵn khi cá nhân chào đời. Vậy từ lúc mới nứt mắt, cá nhân đã tiếp thu ý thức xã hội ấy dưới mọi biểu hiện của nó, đến nỗi tự nhiên như máu thịt vậy.

Khi nền sản xuất đại công nghiệp kết hợp lại những cá nhân nam nữ không có quan hệ họ hàng máu thịt với nhau, không cần phân biệt tuổi tác... và mặc dù dưới cái sức ép thô bạo và tự phát (của chủ nghĩa tư bản), nó làm cho người lao động tồn tại vì quá trình sản xuất (chứ không phải quá trình sản xuất tồn tại vì người lao động), thì như Mác nói, đó là “một cái nguồn gốc ôn dịch” của tai họa, nhưng trong những điều kiện thích hợp thì trái lại nó sẽ biến thành cái nguồn phát triển nhân đạo⁹⁰, ví dụ, “đại công nghiệp tạo ra một cơ sở kinh tế mới cho hình thức cao hơn của gia đình và của mối quan hệ nam nữ”⁹¹.

Trong logic của chúng ta, vấn đề đặt ra là khái niệm gia đình hiện đại. Đã đến lúc cần phải dùng TƯ DUY KHÁI NIỆM để phân tích vấn đề ấy.

TƯ DUY SỐ HỌC chỉ thực hiện thao tác đặt các sự kiện *bén cạnh* nhau. Một cô dâu mới về thì chỉ “thêm bát thêm đĩa” vào mâm cơm đã dọn. Ngôi nhà vẫn một không gian nguyên thủy ấy, nay chỉ cần một sự điều chỉnh cơ học, hoặc mượn thời gian cắt thành từng khoảng tạm thời ban đêm. Trong cái không gian đêm tối ấy, mỗi cặp vợ chồng của gia đình lớn và cặp mới cưới hôm nay “đâu vào đấy” rồi sáng mai họ lại hoà tan vào cái đơn vị kinh tế xã hội vô cùng vững chắc kia. Nhưng bản thân cái hành vi khoan

⁽⁸⁹⁾ C. Mác. Xem⁽⁶⁵⁾, tr. 324.

⁽⁹⁰⁾ C. Mác. Xem⁽¹⁴⁾, tr. 329

⁽⁹¹⁾ C. Mác. Xem⁽¹⁴⁾, tr. 328.

vùng tạm thời ấy đã có xu hướng phân hoá. Chẳng bao lâu, đôi vợ chồng mới cưới đầu còn ở bên cạnh những đôi khác, thì đã mượn một mảnh vải buống xuống làm nên một không gian riêng. Cái không gian ấy sẽ mở rộng gấp bao nhiêu nữa, khi nó được sử dụng 24/24 giờ một ngày đêm, không còn lệ thuộc vào tính thiên văn thuần túy nguyên thủy của thời gian.

Không gian và thời gian - những nhân tố ấy xưa kia vốn của “trời đất” thiên nhiên, thờ ơ với mọi cá nhân trong gia đình, nay trở thành của TÔI, tha thiết thân thương. Không gian của TÔI. Thời gian của TÔI. Thì cuộc sống cũng của riêng tôi. Cô dâu mới về và cái nhân tố tại chỗ được tách ra làm thành một thực thể mới, có không gian và thời gian sống riêng. Một thế giới mới! Cái thực thể mới sẽ tồn tại tự nó và vì nó, với cái sức sống ở ngay trong lòng nó, chứ không nhờ vào những gì ở bên cạnh. Nó sẽ trở thành một khái niệm riêng.

Từ chỗ chỉ đặt bên cạnh nhau, ghép hai cá thể rời thành một và cố định lại một cuộc đời như làm một phép tính số học, đến chỗ tạo ra một thực thể mới tồn tại tự nó và vì nó là một khoảng cách lịch sử.

Trong lịch sử xa xưa, cũng như ở lễ thành hôn, mỗi vợ chồng được hình thành bằng một thao tác đặt BÊN CẠNH nhau hai nhân tố đối lập nhau. Khoảnh khắc ấy nhanh chóng trôi qua. Một thực thể mới rất mỏng manh đã nảy sinh. Nó bắt đầu có lịch sử của riêng nó.

Khái niệm GIA ĐÌNH có một lịch sử của riêng mình. Gia đình một vợ - một chồng lúc đã thành một thực thể mới thì mỗi cá nhân KHÔNG CÒN như trước nữa, mà chỉ còn là một nhân tố hữu cơ của thực thể mới. Thực thể này có những thuộc tính mới vốn không phải là đặc trưng cho các nhân tố cấu thành.

Ý thức xã hội cổ truyền không phải là ý thức khái niệm, cho nên gây ra lắm điều trớ trêu. Vì chỉ có kinh nghiệm, nên người đời mới ác mồm ác miệng dè bủ chuyện “rỏ rá cạp lại”. Cũng vậy, “lỡ

bước sang ngang” chỉ là một thủ thuật thực hiện khái niệm, mà sao chị tôi

*Một lần này bước ra đi
Là không hẹn một lần về nữa đâu.*

Lẽ ra là chuyện vui, cơ sao có tâm trạng này:

*Chuyến này chị bước sang ngang
Là tan vỡ giấc mộng vàng từ đây.*

Ồi, cái giấc mộng vàng của chị tôi là được tiếng “tiết hạnh khả phong” chứ “sang ngang” thế này để mang tiếng “tiết hạnh khả nghi” lắm!

Chùng nào người đời còn chưa cư xử theo khái niệm, thì còn lắm chuyện oái ăm. Chùng nào gia đình chỉ tồn tại trên cơ sở huyết tộc, thì vẫn còn nguyên những khái niệm cổ truyền tiết hạnh, thờ chồng, đi bước nữa,...

Chẳng nên ngạc nhiên, vì sao trước đây ly hôn là cả một chuyện tây trời. Và những đứa con ngoài giá thú từng được đưa ra làm tang chứng của một sự vi phạm đạo đức ghê gớm. Nhưng rồi cùng với năm tháng, cái công luận ấy được pha ra - càng pha càng loãng, loãng mãi, cho đến lúc nào đó đã chắc bạn có đủ độ nhạy cảm tinh tế để nhận ra!

Trình độ phát triển càng thấp thì càng phải dùng đến sự thuyết phục bằng kinh nghiệm trực quan, càng phải dùng đến sức mạnh của số đông, của sự so sánh trực tiếp, tại chỗ. Phương pháp nhận thức càng thấp thì càng trông chờ vào những may mắn ngẫu nhiên, tin vào sức mạnh siêu phàm, nói chung tin vào những gì ở BÊN NGOÀI đối tượng. Phương pháp nhận thức càng thấp thì càng dựa vào cái không bình thường để hy vọng nhận thức được cái bình thường.

Lịch sử khoa học đầy rẫy những ví dụ về phương pháp nghiên cứu trên cái không bình thường để tìm ra cái quy luật

^(*) *Lỡ bước sang ngang*. Thơ Nguyễn Bình.

bình thường, chẳng hạn, Tâm lý học nghiên cứu người bệnh (Freud) để tìm ra cơ chế hoạt động tâm lý của người bình thường.

Trong mọi trường hợp, người ta thường chọn lựa cái ít tồi tệ hơn trong những cái tồi tệ nhất. Khi còn chưa biết nghiên cứu ngay trên ĐỐI TƯỢNG, thì tốt hơn cả là KHOANH VÙNG có đối tượng.

Khi đi hỏi vợ cho con, bạn tưởng là ông bố đi hỏi cô gái ấy à?
- Không đâu! Ông ta nào đã biết gì về cô gái mới lớn ấy. Ông chỉ biết rõ cái *VÙNG* có cô ta thôi: gia đình, dòng họ cô ta.

Một biểu hiện của phương pháp khoanh vùng là NGĂN CẤM. Mọi sự ngăn cấm đều chỉ căn cứ vào những biểu hiện BÊN NGOÀI đối tượng (= khái niệm) và đưa ra những điều kiện áp đặt từ ngoài, chứ không hề động đến bản thân khái niệm. Tuy nhiên, bất cứ một hành vi thực tiễn nào cũng tạo ra một ý thức tương ứng.

Ngày xưa còn “thả rồng”, cũng như trời đất còn mệnh mạng, thì chưa một ai có được một ý thức về của mình. Hành vi khoanh vùng tuy là vô đoán, có tính cơ học, nhưng nó xui giục sự *chiếm hữu và ý thức tư hữu*. Sau này, ông J.J. Rousseau lên án sự khoanh vùng ấy, cho rằng mọi tệ hại của nhân loại bắt đầu gieo từ hôm một ai đó tự tiện khoanh lại một vùng đất, rồi cắm cái biển đề CỬA TÔI. Nhưng ông Rousseau ơi, lịch sử mất cái này thì được cái kia!

Hai miền đất, ở trong, ở ngoài, cũng là một, liền mạch máu thịt, thế mà cái rào giậu kia ngang ngược tách ra những số phận khác nhau CỬA ANH - CỬA TÔI. Vâng, lúc đầu chỉ là một hành vi cơ học, một sự khẳng định hình thức. Nhưng khi đã có rồi một mảnh đất của riêng tôi, thì cái rào giậu trở nên thiêng liêng. Cả trời đất bao la không là gì cả đối với tôi, khi cái phần bé nhỏ được khoanh vùng gọi là CỬA TÔI. Hai tiếng CỬA TÔI kêu gọi, giục giã, kích động hẳn lên, tạo ra những sức mạnh chưa hề có. Nó nuôi dưỡng lòng tham của tôi. Nó làm cho tôi thấy thêm phần chia của anh. Tôi chỉ chực lúc nhà anh “đổi gác” là lên sáng hái trộm quả

cấm. Mưa mai thay, thời đại văn minh xây lên những kỳ công, làm ra những điều kỳ diệu “bằng cách kích thích những động cơ và những dục vọng hèn hạ nhất của con người”⁹². Bạn ngờ rằng, chính “cái lòng tham dê tiện là động lực của thời đại văn minh, từ ngày đầu cho đến tận ngày nay”⁹³. Hỡi nào, khi một người đàn ông này là chồng của tất cả những người đàn bà kia, thì làm gì có chuyện GHEN TUÔNG, làm gì có chuyện xoá đi viết lại mãi lời mở đầu những bức thư tình.

Anh yêu

Viết như thế còn mệnh mông bao la trời đất, chưa nói được cái phần riêng khoanh lại của riêng tôi.

Anh yêu của em

Đã thấy êm êm trong lòng, nhưng lòng tham đàn bà vẫn muốn “gần hơn nữa! Thế vẫn còn xa lắm”⁹⁴.

Anh yêu duy nhất của riêng em

Một chữ “riêng” như ngụm nước uống khi con khát chiếm hữu còn đang rất bỏng, nhưng chưa đã.

Anh yêu duy nhất suốt đời của riêng em

Vẫn chưa! Vẫn chưa! Còn khát lắm.

Anh vô cùng yêu quý, người bạn tình duy nhất của riêng em trong suốt cuộc đời duy nhất của em.

Nếu trí không chỉ có thể vươn đến đấy, Nàng sẽ khắc thành con dấu, dùng mực son in lời mở đầu ấy lên mỗi bức thư tình gửi đi chín phương!

Sự tồn tại thực tế, sừng sừng của những rào giậu, bờ ruộng, lũy tre... ngày một ngày hai vô vè, mòn trớn, nuôi lớn ý thức tư hữu cho vừa với khuôn khổ ấy. Và lạ không, cái rào giậu khoanh vùng kia có sứ mệnh *chính thống* tưởng chỉ để ngăn cản, - nội bất xuất, ngoại

⁹²⁻⁹³ Ph. Ăng-ghen. Xem ¹⁷, tr. 294.

¹⁷ Xuân Diệu. Bài thơ *Xa cách*.

bất nhập. Nào ngờ, chính nó lại ngấm ngấm xúi giục sự háo hức của lạ (một lạ của lạ bằng tạ của quen), lên ra, chui vào. Ôi, các cô vợ đáo để, vượt rào có dám, mà ghen tuông cô cũng chẳng vừa. Còn ở ngoài rào giậu nhà anh, ngoài vòng kiểm soát của cha mẹ anh, tội gì tôi không tận dụng triệt để cái dịp may ấy mà

Chơi cho thùng trống long bông

Rồi ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm

Chơi cho thùng trống long chiêng

Rồi ra ta sẽ lập nghiêm lấy chồng.

Có chồng rồi, khôn hơn, đôi khi nhớ lại cái thực tiễn “ngoài vòng” kia, chị em thực hành vẫn được mà phi tang cũng thành.

Có chồng càng dễ chơi ngang

Đẻ ra con thiếp, con chàng, con ai”

Chị em chúng tôi biết tổng tông tong, sự KHOANH VÙNG chỉ ưu tiên riêng cho phía nữ thôi. Đàn ông các người còn được thả rộng! Nhưng cái rào giậu KHOANH VÙNG mà đức ông chồng ra sức củng cố kia, liệu có làm cho chị em chúng tôi phân vân? Ăn thua gì! Chỉ rào giậu được ở bên ngoài, chứ rào giậu sao được trong lòng. Mỗi khi đức ông chồng vắng nhà, thì

Ngồi buồn vuốt bụng thờ dài,

Nhớ chồng thì ít, nhớ trai thì nhiều!

Nói là nói vậy thôi, ít nhiều chẳng lấy đâu mà đong được, hơn với kém biết đâu mà lường. Đàn ông các người đừng vì thế mà... tiếc rẻ! Với lại, ra đi có bao giờ các ông quên cử người canh gác để tạo *cái lý ngay* cho chị em chúng tôi, thì còn đem lòng nghi kỵ mà chi!

Chừng nào chưa có KHÁI NIỆM và chưa cư xử theo khái niệm, thì chúng ấy còn phải KHOANH VÙNG. Hành vi khoanh vùng thực ra chỉ là cách cư xử cầu may với lòng tin run rẩy có CON KHÁI NIỆM

(*) Xem lại chú thích (35).

- trong trường hợp đang nói là Tình yêu, chung thủy, tiết hạnh. Với một trình độ ý thức thấp, thì cách cư xử ấy rất đơn giản, dù là phía chồng hay phía vợ.

Cái ấy, một khi đã khoanh vùng lại, là trở thành *CỦA TÔI*, của trong nhà chứ không còn là “của ngoài chợ” nữa. Đó là tài sản độc quyền của tôi. Tôi muốn làm gì thì làm, làm lúc nào mặc tôi.

Và bạn có tin không, nếu ông chồng quan niệm như vậy, thì các bà vợ cũng có một ý thức tương ứng, - tôi dám coi ngang với “ý thức” của mảnh vườn kia. Ồ, thì mặc cho ông (chồng) xoay sở riêng với NÓ. Đây là việc của ông với NÓ. Tôi chỉ “khoanh vùng” lại cho một ông. Canh tác hay bỏ hoá, - việc của ông với Nó. Ông dùng hay không, có ông hay không, còn còn hay mất..., - việc riêng của ông với nó. Cư xử như vậy một cách triệt để thì được tiếng là chung thủy, tiết hạnh.

Thật ra, những chung thủy, tiết hạnh ấy không phù hợp với khái niệm. Đó là một sự chung thủy *trống rỗng*, nghĩa là, nói như Hegel, thiếu một ý thức, thiếu khái niệm. Và với cách cư xử hình thức như thế, chỉ còn biết trông chờ vào lòng tốt:

Chính chuyên anh cũng được nhờ;

Lẳng lơ nào biết côi bờ là đâu.

Chỉ có ý thức KHÁI NIỆM thì mới định ra được cái “côi bờ” ấy! Nhưng éo le làm sao: Khi đã có rồi phạm trù thứ hai, thì đâu là “côi bờ” của quan hệ nam nữ? Sự thể thế này: Với một hình thức như nhau, có thể có nhiều khái niệm khác nhau. Chẳng thế mà đôi khi làm một đảng nói một nẻo: cho tôi mượn cái cốc cắm mấy bông hoa. Đó là sự nhầm lẫn thường tình khi chưa có ý thức khái niệm.

Trong một hành vi tính giao có những hai khái niệm với bản chất hoàn toàn khác nhau, thậm chí còn khác nhau hơn cả chó sói so với chó nhà. Vì mỗi cá nhân tham gia vào đấy với hai tư cách có thể có (hai khái niệm khác nhau): 1 - Với tư cách một nhân tố của gia đình, thuộc phạm trù loài và 2 - Với tư cách cá nhân, thuộc phạm trù

cá nhân. Nói chung, cần phân biệt sự TỒN TẠI HIỆN THỰC với sự tồn tại có tính khái niệm (nói tắt: sự TỒN TẠI KHÁI NIỆM). Bạn có thể ngạc nhiên điều này: ngay từ đầu đã có các cá nhân, nhưng lúc ấy chỉ như một nhân tố hữu cơ của một thực thể khác, - gia đình hay cộng đồng. Còn gia đình, còn điểm xuất phát của nó, xưa nay vẫn coi là thể thống nhất giữa đàn ông và đàn bà. Khi đó, lịch sử chỉ mới làm được một sự khẳng định về loài: đàn ông đối lập với đàn bà và chính vì thế mà thống nhất thành loài. Vốn là một thực thể sống, gia đình còn phát triển (trong toàn bộ lịch sử và) trong đời sống cá thể của nó¹ cho đến khi đạt đến hình thái chính thức là một *tam giác* mà ba đỉnh là vợ - chồng - con cái².

Sự hình thành tam giác gia đình làm biến đổi vai trò và chức năng của mỗi yếu tố cấu thành. Bây giờ, mỗi yếu tố đều tắt yếu như hai yếu tố còn lại. Từ đó ta thấy được sự khác biệt này: Cho dù không có con, cơ cấu của gia đình vẫn là ba thành phần (hay ba nhân tố). Cho nên quan hệ vợ chồng KHÔNG PHẢI là quan hệ của hai cá nhân, vì nó trực tiếp hay gián tiếp liên quan đến con cái. Ngay khi mới cưới nhau, chỉ có hai cá nhân *trực quan* thì trong đó đã bao hàm cái xu hướng tiến đến hình thái chính thức ba nhân tố. Nếu gạt bỏ nhân tố con cái, thì lúc ấy không còn khái niệm gia đình nữa. Điều này cũng giống như khái niệm *cây ăn quả*. Hình thái chính thức của khái niệm phải là cả cây có quả, mặc dù ban đầu chỉ trổ trụi một chồi non và sau khi thu hoạch thì không còn một quả nào trên cành. Từ đó ta thấy, chế độ hôn nhân một vợ - một chồng không phải là hình thức cao nhất. Và sự thắng lợi của nó cũng không có nghĩa là chấm dứt các quan hệ tính giao trước

¹ Thuật ngữ cá thể ở đây không có nghĩa là cá nhân. Một gia đình là một cá thể trong một thực thể khác, ví dụ, làng.

² Con cái - trong lịch sử đã từng có khái niệm này thuần có tính chất gia đình mà không phải theo nguồn gốc sinh lý, ví dụ, trong gia đình pu-na-lu-an, xem quyển này, tr. 120.

đấy. Dễ hiểu thôi, quan hệ tính giao chính cống của vợ chồng vẫn thuộc phạm trù thứ nhất.

Phạm trù thứ hai và giác quan thứ sáu được sinh ra từ quan hệ tính giao vợ chồng. Nhưng khi cả hai thuộc về cá nhân, thì đã vượt cao hơn khái niệm loài. Chính vì vậy mà có những trường hợp cực đoan là những cách tạo ra khoái cảm tính dục không không theo cách của quan hệ vợ chồng (hay nam nữ), hoặc sử dụng các phương tiện tránh thụ thai. Lý do: Mục đích của hành vi hoàn toàn nằm ngoài cái tam giác gia đình và ngoài quan hệ vợ chồng (đúng khái niệm), mà chỉ là một biện pháp về mặt kỹ thuật để thực hiện phạm trù thứ hai. Điều này được pháp luật xác nhận: Người chồng bất lực về tính dục thì vợ có quyền huỷ bỏ hôn nhân, tương ứng với cách cư xử của phong tục tập quán đối với phạm trù thứ nhất, khi người vợ không có con thì người chồng có quyền bỏ vợ hay lấy vợ khác.

Từ đó, ta thấy những mục, những khoản “đạo đức” trong các bản quyết toán xưa nay, sẽ được xếp lại theo các khái niệm *mới*, trong hoàn cảnh mới, vì *khi trở thành chính cống*, phạm trù thứ hai sẽ có một vai trò hàng đầu trong đời sống cá nhân.

Thế kỷ trước, một người sáng suốt và hồn nhiên như Angghen khi nói về chuyện ấy, đã không thêm phân biệt hai khái niệm của một quan hệ tính giao: quan hệ vợ chồng hay quan hệ tư thông (7; tr. 123). Vậy thì quan trọng hơn là tính pháp lý của quan hệ tính giao hay chính là bản thân của quan hệ ấy, theo đúng khái niệm của nó?

Cái bi kịch của con người không phải chỉ là cái ĐÃ xảy ra, mà ở sự không hiểu được nguồn gốc của cái xảy ra, cũng như không lường được hậu quả của nó. Sự lường lự, mù mờ, mới đích thực là bi kịch. Cũng vậy bi kịch của giường ngủ là ở chỗ “bán tín bán nghi” không biết cư xử có theo đúng khái niệm không.

Ai cũng biết nỗi đau của người chửa hoang trong xã hội cổ truyền. Nhưng vì sao đó lại là nỗi đau? - Ấy chỉ vì cư xử không phù

hợp với khái niệm. Hành vi ấy thực ra thuộc phạm trù thứ hai, thì hậu quả của nó lại thuộc vào phạm trù thứ nhất. Mà phạm trù thứ nhất chỉ có thể *chính thống* trong quan hệ vợ chồng hợp pháp. Nhưng tính “hợp pháp” hay “bất hợp pháp” (chứa hoang) thực ra chỉ là sự quy ước.

Thu thai nhân tạo (không phải với chồng mình) có sao lại được coi là hợp pháp, được Nhà nước bảo hộ (có hẳn cơ quan Nhà nước lo việc này). Vậy xin hỏi: một người không có chồng hợp pháp với một người có chồng hợp pháp mà không dùng đúng khái niệm thì xét về mặt khái niệm, có gì khác nhau?

Cách cư xử theo khái niệm đôi khi trái ngược với thói quen người đời? - Không, - Mác nói, - không phải “đôi khi” mà “luôn luôn”! Quả đất xoay quanh mặt trời và nước gồm có hai thứ khí rất dễ cháy thì cũng là ngược đời, “Các chân lý khoa học *luôn luôn* (tôi nhấn mạnh - HND) ngược đời, nếu cứ xét đoán trên kinh nghiệm hàng ngày, mà kinh nghiệm này thì chỉ nắm được cái bề ngoài giả dối của sự vật mà thôi”⁹³.

Cách cư xử KINH NGHIỆM (phong tục, tập quán) là lấy *kinh nghiệm làm chuẩn*. Mà kinh nghiệm thì chỉ có giá trị trong những hoàn cảnh rất cụ thể và chật hẹp.

Lịch sử hiện địa chế tạo ra quá nhiều những khái niệm mới chưa hề có trong kinh nghiệm. Và chừng nào kinh nghiệm trực tiếp còn chưa ký vào đấy, thì những cái mới ấy vẫn bị coi là sai. Mặc cho kinh nghiệm câu nệ, chấp nê, lịch sử cứ tiến lên bằng những cái SAI.

Ngày xưa, thấy hai vợ chồng ban ngày ngồi cạnh nhau, người đời đã coi là một sự kiện gớm ghiếc, quay mặt đi, không thèm nhìn cái sự trơ trẽn ấy. Ngày nay trên màn ảnh lồ lộ tênh hênh đôi anh chị (chắc chắn không phải là vợ chồng) đang quấn lấy nhau, thì mọi người ngẩn cổ, hy vọng nhìn rõ hơn.

⁹³ C. Mác. *Tiền công, giá cả và lợi nhuận*. In trong ¹⁸⁵, tr. 512.

Nhờ những cảnh ấy, nhờ thêm cả những điều chỉ dẫn cận kề, không giữ bí mật nhà nghề, trong các sách viết cho người đóng cửa cái then đọc một mình, nhiều vị may còn kịp phát hiện ra cả một đại lục mới lạ trên cơ thể tưởng như kinh nghiệm đã thuộc lòng cả rồi, và, kể cũng vô lý, hình như nay mới là lần đầu tiên (sau hàng nghìn lần) cảm nhận được sức hấp dẫn là lạ và vị ngọt lẩn trong kinh nghiệm xưa nay.

Trong mấy thập kỷ gần đây, cuộc sống của nền sản xuất đại công nghiệp đã làm ra bao nhiêu cái SAI, gây nên bao nhiêu chuyện vô lý, trái ngược với kinh nghiệm cổ truyền, khiến cho các thể hệ đang sống xen kẽ nhau có những cách cư xử khác hẳn nhau. Người này muốn quay về nề nếp ngàn xưa, với những cái gọi là luân thường đạo lý của lễ phải thông thường. Số nữa muốn vứt bỏ tất cả. Những người còn lại thì chờ đợi, khi thỏ dài ngao ngán, khi chặc lưỡi cho qua. Ở thời buổi đầy biến động như thế này, KINH NGHIỆM dễ gây ra đau khổ. Chỉ trong vài thập kỷ mà đời sống đã biến đổi trông thấy. Nhiều cái chưa kịp mới đã cũ, chưa kịp được thừa nhận thì đã không cần phải làm thủ tục nhập cảnh nữa! Lúc nào bạn nghi ngờ điều đó, thì xin hãy nhìn vào các cô gái mới lớn lên, những cô gái rập rình bước sang thập kỷ 90. Chiếc quần bò may chỉ to sợi, thật bền, đủ sức nịt chặt đôi giò sung sức, không cho cựa quậy, phần trên cơ thể thực hư mờ mờ, ảo ảo trong những chiếc gọi là áo - nửa đùa nửa thật, vừa ép vừa buông... khiến cho kinh nghiệm cổ truyền không biết đâu mà ừ: một toà thiên nhiên hay một tác phẩm nghệ thuật do người đời sáng tạo ra?

Những kinh nghiệm hiện đại có được từ những khái niệm hiện đại, mà ban đầu còn là của hiếm, của một số ít người (thậm chí của một) rồi phương pháp đại công nghiệp nhanh chóng đem ra sản xuất hàng loạt. Những cái mới này, dưới con mắt kinh nghiệm cổ truyền đều là những cái SAI, VÔ LÝ.

11 - NGOẠI TÌNH

Về mặt triết học, chúng ta, theo cách nói về Mác, là người đương thời với thế kỷ hiện nay⁽⁹⁵⁾, mà trên thực tiễn lịch sử vẫn thuộc chế độ gia đình gia trưởng. Ngoài ra, chúng ta “còn phải chịu đựng cả một loạt những tai họa kế thừa do chỗ các phương thức sản xuất cổ xưa lỗi thời vẫn tiếp tục sống dai dẳng với những quan hệ chính trị và xã hội trái mùa do chúng đẻ ra”⁽⁹⁶⁾. Còn gia đình gia trưởng thì còn chưa phân hoá nổi thành các cá nhân.

Cho đến nay, trong đời sống thực tiễn thường ngày, những quan niệm phổ biến trong ý thức xã hội ta đều là con đẻ của chế độ tư hữu và của gia đình gia trưởng. Nhưng cách đây một trăm năm, Ăng-ghe-n viết - “cuộc cách mạng sắp đến (tôi nhấn mạnh, HND) sẽ biến ít ra cũng một phần rất lớn của cải bền lâu và có thể thừa kế được - tức là các tư liệu sản xuất, - thành tài sản xã hội, cuộc cách mạng sẽ thu hẹp đến mức tối thiểu mọi mối lo nghĩ về việc thừa kế ấy” (7; tr. 120), do đó, xóa bỏ dần nguyên nhân kinh tế trong chế độ một vợ - một chồng một phía, làm cho nó trở nên toàn vẹn và “sẽ trở thành hiện thực, ngay cả đối với đàn ông nữa” (7; tr. 120). Tuy nhiên, chừng nào của cải còn tập trung vào tay người đàn ông và ông ta có quyền chuyển giao nó cho con của chính mình, chứ không phải cho ai khác, thì vẫn còn chế độ một vợ - một chồng về phía người vợ, vẫn không hề cản trở chút nào chế độ nhiều vợ công khai

⁽⁹⁵⁾ C. Mác. Xem ⁽⁷⁰⁾, tr. 21.

⁽⁹⁶⁾ C. Mác. Xem ⁽⁴³⁾, tr. 18.

hay bí mật. Mặc dù vậy, về mặt tích cực, chế độ một vợ - một chồng, trong hoàn cảnh nào cũng là mảnh đất *mọc lên tình yêu cá nhân* giữa đôi trai gái.

Trong thời cổ đại, tình yêu cá nhân ấy mới manh nha. Nó còn chưa kịp phát triển trong thời trung cổ. Nay mai với “cuộc cách mạng sắp đến” nó sẽ phát huy tác dụng. Cho nên, trong các xã hội trước, tình yêu ấy nếu có thì phải là ngoại tình mà thôi. Ngoại tình là một sự kiện xã hội có từ lâu, lấy hôn nhân pháp lý làm chuẩn trong điều kiện tình yêu không phải là nhân tố tối hậu quyết định.

Hôn nhân pháp lý gắn với gia đình cổ truyền tức cũng gắn với loài, chứ không nhất thiết gắn với tình yêu cá nhân. Quan hệ huyết tộc còn tồn tại thì hôn nhân pháp lý chỉ là hình thức xác nhận quan hệ kinh tế - xã hội trong gia đình.

Ngoại tình theo quan niệm cổ truyền là một hình thức thực hiện hành vi tình giao ngoài hôn nhân mà không phải là mại dâm hay thông dâm, vì có nhân tố tình yêu. Thành thử có hai cách xem xét vấn đề ngoại tình, theo hai hệ quy chiếu khác nhau. Hệ thứ nhất dựa trên *hôn nhân pháp lý* và hệ quy chiếu thứ hai - *tình yêu cá nhân*.

*

* *

HÔN NHÂN và TÌNH YÊU - mỗi cái có lịch sử và số phận riêng. Về mặt lịch sử, chế độ hôn nhân một vợ - một chồng, theo Ăng-ghe-nhien xét, “đã khoắc lên quyền thống trị của người đàn ông những hình thức êm dịu hơn và đã đem lại cho phụ nữ, ít ra cũng là bề ngoài, một địa vị được tôn trọng và tự do hơn nhiều, một địa vị chưa hề có dưới thời cổ đại cổ điển” (7; tr. 109). Cùng với sự kiện đó, nhân loại thực hiện một bước ngoặt đạo đức lớn nhất là căn cứ vào tình yêu hiện đại giữa đôi trai gái - điều mà toàn bộ thế giới trước kia chưa hề biết đến. Tuy nhiên, cái bước ngoặt ấy cũng có những chặng đường gập

ghèngh. Ngay từ lần đầu tiên vừa xuất hiện, hình thức nguyên thủy của tình yêu là “tình yêu theo kiểu hiệp sĩ thời trung cổ, thì tuyệt nhiên không phải là tình yêu vợ chồng” (7; tr. 111). Trái hẳn lại, nó phá hoại sự chung thủy vợ chồng. Chứng cứ: “chàng hiệp sĩ ngủ bên người ngọc của anh ta - tức là vợ người khác - trong lúc đó thì ở ngoài cất một gã đứng canh, chờ trời hừng sáng gọi chàng dậy cho kịp lên ra để không ai trông thấy” (7; tr. 111).

Chế độ một vợ - một chồng ở chặng đường sau từ hôn nhân đôi ngẫu nối sang thì vừa làm cho địa vị của phụ nữ xuống thấp một bậc, vừa làm cho đàn ông dễ ngoại tình hơn (7; tr. 131). Biết vậy, người đàn bà phải chịu đựng thói ngoại tình của đàn ông, vì còn phải lo đến đời sống của mình và của con mình, - tương lai của chúng lệ thuộc vào tài sản thừa kế của cha chúng để lại.

Gần hơn cả là hôn nhân tư sản, thì nổi bật lên tình hình này: “về phía chồng là tạp hôn bừa bãi, còn về phía vợ - ngoại tình lu bù” (7; tr. 111). Đặc điểm cơ bản của hôn nhân tư sản là “hôn nhân có tính toán”. Đó là thứ hôn nhân đã biến thành “tình trạng mại dâm ty tiện nhất”. Người vợ chỉ khác gái đi thường ở chỗ không phải bán mỗi lần mà bán mãi mãi. Người chồng cũng chẳng kém, đến nỗi Fourier phải nói: “Hệt như trong ngữ pháp, hai phủ định cấu thành một khẳng định, trong đạo đức vợ chồng cũng vậy, hai tệ mại dâm cấu thành đức hạnh” (7; tr. 113).

May ra, “chỉ có trong các giai cấp bị áp bức, - bởi vậy, hiện nay, chỉ có giai cấp vô sản thì tình yêu nam nữ mới có thể trở thành một quy tắc trong các quan hệ với phụ nữ, và đang thật sự trở thành một quy tắc như vậy, mặc dù là những quan hệ đó được đăng ký chính thức hay không” (7; tr. 113). Bởi vì, khi thực sự xoá bỏ mọi cơ sở của chế độ một vợ - một chồng cổ điển, thì đóng vai trò quyết định là những điều kiện cá nhân và xã hội hoàn toàn khác hẳn. Lúc ấy “những người bạn đường thường xuyên của chế độ một vợ - một chồng, tức là tệ tạp hôn và nạn ngoại tình, chỉ đóng một vai trò

không đáng kể" (7; tr. 114), khiến cho hôn nhân một vợ, một chồng lần đầu tiên theo đúng nghĩa ngữ nguyên, chứ không theo nghĩa lịch sử của danh từ đó¹ (7; tr. 115). Cơ sở vững chắc đảm bảo cho cái nghĩa ngữ nguyên ấy là những nhân tố mới vừa nảy sinh trong xã hội hiện đại: nền sản xuất đại công nghiệp (dù là đại công nghiệp tư sản) xua người đàn bà ra khỏi bếp núc, đưa họ trở lại tham gia sản xuất xã hội với tư cách một người lao động sản xuất như đàn ông. Với việc làm ấy nền sản xuất đại công nghiệp cũng đồng thời tuyên bố rằng gia đình không còn là một đơn vị kinh tế xã hội nữa.

Quyền ký giao kèo cũng là quyền ký vào giấy giá thú. Quyền ấy chúng tôi mỗi người được tự do làm chủ hành vi của mình và do đó hoàn toàn chịu trách nhiệm về hành vi ấy. Trong hôn nhân, hành vi ký vào giá thú (kết hôn) bao hàm cả việc xoá bỏ giá thú (ly hôn).

Quyền tự do kết hôn và ly hôn là một thành tựu lịch sử. Nếu trước đây người ta cảm thấy nghĩa vụ vợ chồng là phải thương yêu nhau, thì nay nghĩa vụ của những kẻ yêu nhau là được lấy nhau và nếu không còn yêu nhau nữa thì ly hôn. Hoàn cảnh ấy sẽ làm cho khái niệm ngoại tình có một nghĩa ngữ nguyên khác với nghĩa lịch sử có từ trước tới nay.

Lần thứ nhất, bước tiến cơ bản của đời sống gia đình là hôn nhân pháp lý. Trong xã hội tư sản, mặc dù cái vẻ bề ngoài của nó là tự nguyện, thì thực chất là thứ tự nguyện cưỡng bức. Chẳng hạn, riêng một chuyện người cha là người duy nhất có quyền quyết định việc kế thừa đã đặt người con trước một sự chọn lựa như thế nào.

¹ Chế độ một vợ - một chồng theo nghĩa lịch sử là chỉ một phía người vợ thôi. Nghĩa ngữ nguyên bao hàm tính bình đẳng và tự do kết hôn vì tình yêu, mà bản chất tình yêu là cái không thể san sẻ được, cho nên hôn nhân dựa trên cơ sở tình yêu phải là hôn nhân một vợ - một chồng. Ngoài ra, thúc đẩy hôn nhân một vợ - một chồng đi đến nghĩa ngữ nguyên còn có thêm hai điều kiện nữa: 1 - xoá bỏ sự thông tri của người chồng (trên cơ sở tài sản hay theo tập quán) và 2 - quyền tự do ly hôn. HND.

Ngoài ra còn có lợi ích dòng họ, tôn giáo và chính trị chi phối nữa. Vì vậy, nếu nhìn vào mặt phải (mặt chính thống) của sự việc là hôn nhân pháp lý, thì mặt trái của nó là *ngoại tình*. Nhưng bản thân mặt trái, *mặt xấu* này, lại có một nhân tố tích cực, thậm chí Mác đã có dịp nói rằng, chính mặt xấu mới tạo ra những tiến bộ, làm nên lịch sử¹⁹⁷. Khi tình yêu (dưới hình thức ngoại tình) còn đang ở “mặt xấu”, thì còn bị hôn nhân pháp lý dùng sức mạnh thống trị mà trấn áp. Trấn áp cử việc trấn áp, tình yêu “bất hợp pháp” ấy vẫn cựa quậy, vẫn hoạt động sôi nổi, chịu mang tiếng ngoại tình. Nếu tránh cái đoạn đường ngoại tình, bạn tình xem, bằng cách nào tình yêu có thể đi xa hơn. Cho nên thực chất vấn đề ở đây là mâu thuẫn giữa một sức sống mới nảy sinh với một thể chế pháp lý nghiêm ngặt đã có. Theo quy luật phát triển, cái mới bao giờ cũng tự mở lấy con đường cho mình đi lên, đến một lúc nào đó nó sẽ phá vỡ mọi thể chế cổ truyền, xác lập nên những thể chế mới phù hợp với nó hơn.

Tình yêu lần đầu xuất hiện dưới hình thức “bất hợp pháp” là ngoại tình, bị người đời coi như một thứ cỏ dại mọc trong vườn hôn nhân pháp lý. Khốn nỗi, cái thứ cỏ dại ấy là con đẻ của cuộc sống, cho nên nó được cuộc sống bảo vệ ngay trong mỗi cá nhân. Sự xuất hiện tình yêu cũng giống như một nụ hoa mới nhú trên cành cây gia đình. Bạn có dám chắc, ngoài bạn ra, những người khác cũng tin rằng cái cây gia đình và hôn nhân cổ truyền kia không còn là nguyên vẹn những thân những cành như xưa, mà đã có một sự biến hoá cơ bản (thì mới sinh ra được nụ hoa hôn nhân). Cái nụ hoa kia cũng như tình yêu hiện đại, đều chứng thực trên thực tế sự hình thành một phạm trù mới, chưa hề có, trên cơ sở chín muồi về mặt lịch sử. Đó là phạm trù CÁ NHÂN mà trong văn cảnh ở đây, ta coi là được tách ra từ gia đình.

Gia đình, một phạm trù có trước, vẫn tiếp tục phát triển theo logic của nó, tiến tới các hình thái mới (cho đến nay là

¹⁹⁷ C. Mác. Xem²⁰¹, tr. 140.

hình thái một vợ - một chồng). Nó tồn tại *BÊN CANH* phạm trù mới, - cá nhân.

Tình yêu hiện đại là tình yêu cá nhân. Song song với quá trình phát triển cá nhân, tình yêu trở thành nhân tố chủ đạo (đối với hôn nhân, gia đình), nó hình thành nên một hệ quy chiếu cho tất cả mọi khái niệm cổ truyền. Các cá nhân yêu nhau, chứ không phải họ thông gia. Trước kia, trong hôn nhân thời cổ, nếu có đôi chút tình yêu vợ chồng, thì tình yêu đó không phải là cơ sở của hôn nhân, mà chỉ là phần phụ thêm vào (7; tr. 122). Tình yêu cá nhân hồi đó (mới manh nha) như con chim nhốt trong lồng sắt những quan hệ huyết tộc, những ràng buộc kinh tế, những liên minh chính trị, những quan hệ xã hội cổ truyền. Thình thoảng một đôi con số lồng, thì lập tức trở thành biểu tượng của mơ ước trong những bản tình ca lẻ tẻ: Chử Đồng Tử, Trương Chi, Romeo - Juliette, v.v...

Trong một nền văn minh thấp kém với không gian bẹt như vườn nhà, thì con chim tình yêu cũng chỉ như con gà mái, quần quanh ở luống cà, gốc chuối, ngày ngày đẻ trứng. Còn con đại bàng tình yêu thì có cả bầu trời khoáng đạt mệnh mông, tha hồ vẫy cánh. Nhưng con đại bàng ấy cũng chỉ đủ sức lên đến một độ cao nào đó, rồi phải quay về, đổ xuống đất liền. Những quan hệ xã hội đương thời có sức hút như sức hút trái đất, cứ lẳng lẳng lơi mọi cánh chim quay về với gia đình. Các xã hội trước đây tìm mọi cách cấm đoán, trừng phạt hà khắc, mà ngoại tình vẫn cứ ngoại tình, không có cách gì làm cho triệt nọc. Ấy chỉ vì người ta chỉ biết dùng những biện pháp *BÊN NGOÀI*. Trong khi đó, cách duy nhất để xóa bỏ ngoại tình là chính nó, tức là một tình yêu được thừa nhận bởi đương sự và xã hội (pháp lý). Nói khác đi, đó là cách buộc hôn nhân phải quy phục tình yêu: Yêu ai được kết hôn với người ấy, chứ không phải với người khác. Cái quyền của những kẻ yêu nhau ấy phải được thừa nhận bằng pháp lý là *CAO HON* quyền của cha mẹ, của dòng họ, của mọi người mối lái (7; tr. 128 - 129).



Ngoại tình - khái niệm này vốn từ quá khứ để lại, diễn tả một tình yêu “bất hợp pháp” đối với hôn nhân pháp lý. Nhưng cái gọi là “bất hợp pháp” chỉ tùy thuộc vào các quan hệ kinh tế - xã hội của nó. Một khi cái cơ sở ấy bị đảo lộn thì nó kéo theo mọi sự biến động khác. Với gia đình gia trưởng thì pháp lý của nó tất phải là pháp quyền tư hữu. Vâng, dù nói ra hay không, hành vi ngoại tình phải biểu hiện ở giao lưu tính dục ngoài hôn nhân pháp lý. Hành vi này gắn liền với mối nguy chia gia tài, nếu xét về mặt kinh tế; còn về mặt xã hội là vì tâm lý hưởng thụ độc quyền khoái cảm tính dục, chủ yếu là người đàn ông độc chiếm toàn quyền *một phía* vợ mình. Người đời sẽ cư xử không đến nỗi quá đáng đối với người vợ ngoại tình nếu không quyết chống lại cái ý thức muốn hưởng thụ của vợ - tức là mầm mống dân chủ trong đời sống. Ý thức dân chủ ấy động chạm đến pháp quyền của xã hội cổ truyền, động chạm đến những quyền uy đã được xác lập: Người vợ phải ở nấc thang thấp hơn chồng, chỉ có nghĩa vụ “cung cấp” khoái cảm, chứ không có quyền được hưởng thụ. Nhân đây, xin được nói một cách công bằng, người vợ ngoại tình phải là người có trình độ phát triển cao hơn những người bình thường khác, vì đã không chịu khuôn mình vào trong những “pháp chế” độc đoán, họ còn dám trêu ngươi người đời. Ca dao ta thỉnh thoảng vẫn khen thầm những kẻ “táo tợn” như thế. Cô Hồ Xuân Hương, phỏng theo câu ca dao quen thuộc trong dân gian, đã viết thành câu thơ nổi tiếng về những kẻ:

Không có, nhưng mà có mới ngoan!

Sự chống trả bao giờ cũng có *lý do*. Đương nhiên, sức mạnh chống trả lẽ tẻ chỉ có một giới hạn bé nhỏ. Bé nhỏ nhưng vẫn CÓ. Từ cái CÓ bé nhỏ đến cái CÓ lớn hơn không phải là chuyện gì ghê gớm lắm. Sẽ có lúc, cái hợp pháp trở thành bất hợp pháp. Lúc ấy, phải xét lại vụ án gọi là ngoại tình. Tình hình này thường thấy ở những lúc

giao thời, sau những cuộc cách mạng xã hội. Một trong những thành tựu vĩ đại nhất của cuộc cách mạng tư sản Pháp thế kỷ 18 là đưa ra *luật ly hôn*. Sau đó Napoleon còn đi xa hơn - năm 1804 đã hợp pháp hoá sự ngoại tình bằng điều luật 212. Đánh đổi lại, điều 230 của bộ dân luật ấy (code civil) cho phép người chồng ngoại tình, miễn là không dấn tay chân vào nhà.

Thừa nhận ngoại tình là hợp pháp¹. Điều đó chứng tỏ sự đổ vỡ trong lòng đời sống, do tiến trình phát triển của xã hội tạo ra. Cho nên, Ăng-ghe-nh-đam nói: “xã hội càng phát triển thì quyền ấy (ngoại tình - HND) càng được thực hiện rộng rãi (7; tr. 97).

Bây giờ có lẽ bạn đã cảm thấy thuật ngữ “ngoại tình” không ổn! Bởi vì “ngoại” là ngoài hôn nhân pháp lý. Nhưng nếu có một cái pháp lý khác thừa nhận nó, thì sao còn gọi là “ngoại”?

Nhờ sức mạnh chống trả của những người ngoại tình, mà luật ly hôn được thừa nhận một cách chính thống, ngang với quyền tự do kết hôn. Ấy là nhìn một cách trực quan. Thực chất vấn đề nằm ở chỗ, tình yêu cá nhân trai gái được thừa nhận một cách chính thống! Nó lập ra một hệ quy chiếu mới để thảo ra văn bản pháp lý cũng như hình thành một công luận mới. Nếu xã hội cũ lấy công luận làm sức mạnh cưỡng chế (theo hôn nhân pháp lý), thì phải có một công luận khác mạnh hơn mới thắng được nó.

*

* *

Đã đến lúc cần tỉnh táo nhìn lại những vấn đề do lịch sử để lại. Trong những điều kiện xã hội cổ truyền quá trì trệ, ứ đọng, một khi Tình yêu đã lọt vào hôn nhân thì ở lý mãi trong đó, đồng nhất với nó.

¹ Thường được diễn tả kín đáo hơn - ví dụ luật ly hôn hay bảo vệ quyền lợi của con ngoài giá thú.

Đó là sự khôn ngoan của lịch sử. Hồi ấy Tình yêu còn mỏng manh quá, không có cái vỏ hôn nhân thật kiên cố thì bằng cách gì có thể duy trì gia đình?

Thế rồi cùng với thời gian, Tình yêu như một thực thể sống ngày càng lớn lên, lớn mãi lên cho đến khi có được hình thái chính cống (= tình yêu cá nhân gi ả đôi trai gái tự nguyện yêu nhau), thì nó sống theo *luật của nó*, khiến cho cái khuôn khổ hôn nhân cổ truyền không tài nào o ép được. Sự kiện này xảy ra khi *ý thức cá nhân* đã được hình thành rõ rệt, nghĩa là từ khi có nền sản xuất đại công nghiệp! Ban đầu, chỉ có lẻ tẻ vài cá nhân “siêu quần xuất chúng” (nghĩa là, theo cách nói dân gian, “hư hỏng” nhất) dám vượt ra để... thất bại. Lịch sử thường chịu thua trong những trận đánh lẻ để rút cục thắng cả cuộc chiến tranh. Ngày nay thế hệ chúng ta, may sao, chứng kiến được sự “vượt rào” hàng loạt ấy. Mấy thập kỷ gần đây nhất (đặc biệt thập kỷ 70) con số ly hôn tăng vọt lên, gây ra nỗi kinh hoàng cho xã hội hiện đại, nhất là các nước công nghiệp phát triển! Nhiều người, đặc biệt thế hệ già gần như cả phần đời trưởng thành sống yên lành trong phòng ngủ hôn nhân cổ truyền, không thể chấp nhận được cái thói “lãng nhăng” của bọn trẻ hiện đại! Rồi với tất cả chân thành của kinh nghiệm, họ ao ước được trở lại “nền nếp” như xưa. KHÔNG ĐƯỢC ĐẤU! Cái gì đó sở dĩ sinh ra, chỉ vì lịch sử đã thai nghén nó và đã chuẩn bị *những điều kiện vật chất* để nuôi sống nó. Nó sống theo quy luật CỦA NÓ, chứ không phải sống theo nguyên lý của quá khứ ông cha. Ngày nay, thế hệ già hơn còn được may, sống vào lúc hai nguyên lý đang bàn giao nhiệm kỳ. Nguyên lý cũ đang chiếm số đông trong đời sống hằng ngày với những uy quyền tích lũy được hàng ngàn năm, thì ở vào thế “về hưu”. Trong khi đó nguyên lý mới còn ngồi chưa “ấm chỗ” và chưa có đủ kinh nghiệm CỦA CHÍNH MÌNH thì đã phải điều hành cuộc sống hiện đại theo nguyên lý triết học của mình, theo một hệ quy chiếu mới. Những giai đoạn đặc biệt như thế bao giờ cũng đặt ra những

vấn đề chưa hề có và do đó các giải pháp của chúng cũng chỉ có thể tìm lấy trong những điều kiện lịch sử mới, chưa hề có, chứ KHÔNG THỂ nào phỏng theo kinh nghiệm quá khứ. Ăng-ghe-nơ nói thẳng ra rằng, những điều chúng ta giả định về các hình thức quan hệ nam nữ “chủ yếu là có tính chất phủ định, và trong phần lớn các trường hợp nó chỉ giới hạn ở những cái sẽ bị xoá bỏ đi” (7; tr. 132 - 133). Để trả lời câu hỏi: cái gì sẽ thay vào đó, - đến như Ăng-ghe-nơ mà cũng chỉ dám nói: “Điều này sẽ được quyết định khi một thể hệ mới sẽ lớn lên” (7; tr. 133). Tôi cũng tin như vậy. Mỗi thời đại, và may mắn cho thời đại chúng ta, mỗi *thế hệ* có những vấn đề của nó và như vậy đồng thời cũng có cả những giải pháp của nó, vì như Lê-nin nói, không có tình huống nào hoàn toàn không có giải pháp⁽⁹⁸⁾. Các giải pháp này được sinh thành từ trong cuộc sống, bảo đảm sự tồn tại và phát triển của nó. Vì vậy, không thể có một vấn đề vĩnh cửu là ngoại tình và nếu còn có thể có, thì không phải chỉ có một giải pháp vĩnh cửu xưa nay. Nguyên nhân cơ bản tạo ra tình hình đó là sự vận động và phát triển của tình yêu.

Tình yêu phải luôn luôn trở thành tình yêu, chứ không phải nhất thành bất biến, một lần có là có suốt đời, như trong xã hội cổ truyền. Bạn còn nhớ lời Ăng-ghe-nơ chứ? - “Tình yêu cá nhân giữa nam nữ tùy từng người mà lâu dài khác nhau, nhất là đối với đàn ông” (7; tr. 132). Cho nên trong mỗi khoảnh khắc tồn tại của tình yêu đều có mầm mống của sự tan rã. Dễ hiểu thôi, rào giậu vườn nhà, lũy tre bao quanh làng, không còn đủ sức giam chân tình yêu. Ngày nay do biên giới địa vực mở rộng, những ràng buộc cổ truyền lỏng ra, mà mỗi người có nhiều hơn *phạm vi* lựa chọn, đồng thời cũng có nhiều hơn để lựa chọn. Hoàn cảnh sống ấy tạo cho thể hệ trẻ hiện đại *điều kiện* để chọn lựa, chứ không phải như xưa kia, chờ CỬA CÓ SẴN do cha mẹ hay các người mối lái mang lại. Việc lựa

⁽⁹⁸⁾ V.I. Lê-nin. *Toàn tập*, t. 41. M., Nxb. Tiến bộ, 1977, tr. 273.

chọn bao giờ cũng mang nhân tố tiến bộ hơn ngồi chờ cái có sẵn. Thế hệ già hơn thường cả lo, chỉ sợ con cái “trẻ người non dạ” đứng trước ngã ba ngã bảy, không biết đi về đâu, rồi lằm lạp. Cứ cho là vậy, một cách lý thuyết. Nhưng, cách tránh một mối nguy tốt nhất là phải *triển khai* nó, chứ không phải bó tay, không hành động để mong được an toàn.

Đi bộ hai chân chần chẫn là dễ ngã hơn đi bốn chân. Nhưng con khi *dám ngã* (nghĩa là chấp nhận mối nguy) mới thành người. Đi xe đạp an toàn sao bằng đi bộ? - Nhưng con người vẫn làm ra xe đạp. Chiếc ô-tô mang lại nhiều nguy hiểm hơn, cơ sao người đời đua nhau chế tạo ra ô-tô? Mối nguy còn tăng hơn nữa cùng với máy bay, con tàu vũ trụ, nhưng con người vẫn theo hướng nguy hiểm ấy mà hành động, mà triển khai mối nguy.

Ngày xưa, đã vào phòng ngủ, cửa hôn nhân khép lại thì chỉ việc ngủ một giấc yên lành. Nhưng ngày nay, tiếng vọng hấp dẫn của cuộc sống sôi động vượt qua khe cửa, len vào giấc ngủ, đánh thức tình yêu dậy. Nếu có người ngái ngủ nằm lại, thì cũng có kẻ thức dậy, ra khỏi phòng! Nếu có người ra khỏi phòng để quay lại, thì cũng có người đi ra để đi mãi mãi. Cư xử như thế nào là tùy từng *cá nhân*, trong hoàn cảnh cụ thể của họ. Không nên quyết đoán một cách trừu tượng đúng - sai, tốt - xấu, cho các trường hợp. Rất có thể các trường hợp trái ngược nhau đều *đúng*, nếu động cơ hành động của họ là tình yêu. Tình yêu ôm họ vào lòng. Tình yêu giữ họ lại. Tình yêu xúi họ ra đi.

Tình yêu phải luôn luôn là tình yêu trong sự vận động của nó. Một xã hội yên tĩnh chỉ có những cuộc đời yên tĩnh. Trong một xã hội mà mọi sự đầu vào đầy, yên chỗ, thì các cá nhân của nó cũng tròn trặn, đều đặn như những chiếc đĩa, đến bữa ghép lại thành đôi. Mà thành đôi được thì chẳng qua là nhờ một sức mạnh BÊN NGOÀI đưa chúng đến với nhau. Ấy là đặc điểm của hôn nhân cổ truyền. May

sao, hồi ấy một đời sống nghèo nàn, đơn điệu như những chiếc đĩa chỉ cần một điều kiện tối thiểu nào đó đã đủ cho các cá nhân chấp nhận lẫn nhau, hoà hợp với nhau. Trong khi đó, xã hội hiện đại phân hoá ngày càng triệt để các cá nhân. Người ta gắn bó với nhau nhờ sự khác biệt đó. Là chính mình, khi họ ở trong sự liên hệ hữu cơ với các thành viên khác của cộng đồng, mà ai cũng có riêng chức năng và vai trò của chính mình. Nhờ vậy, tất cả cùng gắn bó với nhau để làm ra cộng đồng.

Tình yêu là cái có ở ngay trong mỗi cá nhân gắn các cá nhân với nhau bởi chính mình, chứ không trông chờ vào một sức mạnh bên ngoài nào khác.

Chuyện kể rằng, Thượng đế chỉ sinh ra các đôi yêu nhau, rồi bẻ ra làm hai nửa. Các nửa ấy Thượng đế đặt vào những cái nôi để rải rác khắp nơi. Lớn lên, hãy quờ quạng tìm đến nhau ghép đôi trong cuộc đời tối mò kia.

Người xưa vốn tốt bụng cả tin, bao giờ cũng đinh ninh đã tìm được nửa thứ hai của mình chính là người bạn đời đang có, nên suốt từ đầu này đến cuối kia, họ sống một cuộc đời thanh thản.

Những cá nhân hiện đại, trái lại, luôn pháp phông, hình như chưa tìm đúng nửa của mình^(*). Mùi kim nghi ngờ ấy thỉnh thoảng thò ra, gây những “nỗi đau tình nhân”. May sao, không phải nỗi đau nào cũng chỉ là nỗi đau, nên người đời vẫn lạc quan và hy vọng.

Xã hội hiện đại có quá nhiều cái để thoả mãn một ước mong và mỗi cái như thế còn tạo ra thêm nhiều ước mong khác nữa. Cứ thế, một cách vật chất và hiện thực các cá nhân hiện đại ngày càng trở nên đa dạng, càng đa dạng càng cơ động, linh hoạt, *để thích nghi*, nghĩa là dễ thay đổi.

Một cuộc sống KHÔNG câu nệ, rất cơ động, linh hoạt, tự nó

^(*) Thường thì không mấy khi họ may hơn lần đầu. Nhưng họ chỉ xác nhận điều đó sau nhiều lần so thử.

đặt ra những vấn đề của nó. Cái sợi lạt hôn nhân có thể buộc chặt cả một bó dưa để yên đấy, suốt đời, nhưng làm gì có một sợi lạt như thế để trói buộc ý thức con người hiện đại! Ý thức dân chủ, ý thức hưởng thụ khoái cảm, ý thức cá nhân, với tư cách là những thành tựu mới nhất của lịch sử, tất nhiên, không thể chịu yên phận trong những ràng buộc cổ truyền. Nhưng sẽ thế nào đây? - câu hỏi ấy đang treo lơ lửng trước mắt chúng ta.

Cách giải quyết những vấn đề do cuộc sống đặt ra phải và chỉ có thể tìm ngay trong những điều kiện cụ thể của riêng nó, không thể MÔ PHỎNG theo cái khác⁽¹⁾. Ở đây, có một chỗ trở trêu của trí khôn lý thuyết. Cái đầu óc tư biện cố nghĩ ra hết NẾU này đến NẾU khác, còn cuộc sống thì chăm lo đến VIỆC LÀM. Cách giải quyết tốt nhất một vấn đề là triển khai nó trong thực tiễn cuộc sống, bằng việc làm.

Fourier coi chế độ xã hội lý tưởng là phải thực hiện những nguyên tắc “hài hoà” - mỗi người ra sức hoà đồng hạnh phúc của mình với hạnh phúc của mọi người xung quanh, hãy xoá bỏ sự đối lập giữa lao động và tư bản, ra sức thi đua sáng tạo với một sự say mê mà ông gọi là *nhệ tình*.v.v... Ông có hẳn cả đề án tỉ mỉ, nếu 1823 bắt đầu tổ chức thí nghiệm thì năm 1828 sẽ kết thúc công cuộc cải tạo xã hội. Owen dự định nói giới hạn ấy ra 10 năm.

- Năm 1824, Owen lập ra công xã *Hài Hoà Mới* ở bang In-di-a-na, nước Mỹ, với 800 người từ châu Âu và châu Mỹ tới, trong số đó có cả những nhà khoa học (hai người Mỹ là nhà địa chất và động vật học, một nhà địa chất Hà Lan, một nhà thực vật học người Pháp). Công xã có 12.000 ha nằm trên bờ sông.

⁽¹⁾ Một triệu đôi dưa khác nhau trong đời sống thường ngày vẫn chỉ là MỘT trong triết học. Cái khác của một ấy, nói ví dụ, là thìa hay nĩa, tức là thuộc khái niệm khác

- Ngày 1 - 5 - 1825, *Điều lệ Công xã* sơ bộ do ông đề nghị đã được thông qua. Nền tảng công xã là chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất và phân phối theo lao động.

- Năm sau, ngày 5 - 2, Điều lệ công xã hoàn toàn bình đẳng được thông qua, với các nguyên tắc: mọi người có quyền như nhau về ăn mặc, nhà ở, học tập mà không cần phân biệt số lượng và chất lượng lao động, xoá bỏ mọi hình thức khen thưởng và trừng phạt...

- Năm 1828, Owen tuyên bố: công xã phá sản.

Các nhà tư tưởng ấy đã phát triển đến cùng những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của 300 năm trước (tính từ Tô-mát Mo-rơ, - quyển về *Hòn đảo không tưởng*⁹⁹ xuất bản năm 1516).

Thế mà Fourier vẫn trách các nhà tư tưởng đã để cho loài người lầm lạc trong đêm tối những 25 thế kỷ! Nếu họ kịp thời thảo ra lý thuyết về chủ nghĩa xã hội thì, theo ông, lịch sử đã trở thành lịch sử của chủ nghĩa xã hội từ lâu rồi. Nhưng cả tư tưởng lẫn thực nghiệm của ông và những người cùng thời đều thất bại hoàn toàn. Phân tích sự thất bại của chủ nghĩa xã hội không tưởng, có thể thấy *sự phi lý* của tư tưởng¹⁰⁰. Nhưng thực chất cái phi lý ấy là gì? - Một, nói như Mác, họ chỉ thấy sự khốn cùng là khốn cùng, mà không thấy mặt cách mạng của nó¹⁰⁰. Hai, biết bao nhiêu nhà triết học trước Mác đã xuất phát từ lập trường *đạo đức*, dựa vào lòng tốt, tin vào những “bản chất vĩnh cửu”, “bản tính thiện” của con người, tin vào sự giáo huấn của những tấm gương sáng, tin vào lương tri của các cá nhân, ví dụ, Owen kêu gọi nữ hoàng Anh Victoria và Nga hoàng Nicolai I hãy đứng ra gánh vác sứ mệnh xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thử xem,

⁹⁹ Nguyên văn tên gọi: “Cuốn sách vàng, vừa bố ích vừa lý thú, về thể chế hoàn hảo nhất của một Nhà nước và về Hòn đảo mới không tưởng”.

¹⁰⁰ German S.M. *Học thuyết cải tạo thế giới*. M, Nxb. Thông tấn xã No-vô-xi, 1986, tr. 42.

¹⁰⁰ C. Mác. Xem ¹²⁹, tr. 145.

ai đã theo gương Owen (ông đã bỏ cả cuộc đời và toàn bộ tài sản ra thực nghiệm"?)

Tất cả những nhà tư tưởng trước Mác - tất cả - đều ở trong một tâm tư duy, bị hạn chế bởi những điều kiện *chưa chín muồi* của nền sản xuất đại công nghiệp. Còn chúng ta đang sống trong sự thắng lợi của đại công nghiệp ở trình độ phát triển chính thức của nó, trên phạm vi toàn thế giới, thì phải biết *phân tích đối tượng, xét ngay trong bản thân nó*, để tìm ra giải pháp cho nó, chứ không thể đưa một giải pháp có sẵn TỪ NGOÀI ép vào.

*

* *

Tình yêu phải luôn luôn trở thành tình yêu, vì tình yêu là sự sống của cá nhân hiện đại. Sự sống nào cũng biến đổi trong hoàn cảnh sống. Đời sống hiện đại thay đổi từng ngày, từng giờ dưới bao nhiêu tác động vật chất, cảm tính của đời sống thường ngày. Cuộc sống đời thường cứ chạy qua với tốc độ chóng mặt, không cho phép một ai có thể “ngồi yên” như trong xã hội cổ truyền trì trệ. Cuộc sống sôi động ấy kéo cá nhân ra khỏi mọi ràng buộc cổ truyền, vứt họ vào dòng chảy cuộn cuộn nối tiếp nhau, vượt qua mọi giới hạn tự nhiên về địa vực, phong tục tập quán, mọi thể chế quy ước của các cộng đồng lớn nhỏ. Không một sức mạnh vật chất nào có thể níu giữ các cá nhân, nếu nó không vì lợi ích của cá nhân. LỢI ÍCH, một phạm trù cổ xưa mà vô cùng hiện đại. Ngày này, nói đến LỢI ÍCH là buộc phải nói đến lợi ích cá nhân. Lợi ích của chính tôi. Lợi ích của sự sống cá nhân tôi. Tất nhiên, tôi chỉ có thể đạt đến một lợi ích tối đa, khi tôi có sức mạnh thực tế để làm điều đó. Cũng có khi chỉ vì lợi ích

“ Từ C. Mác trở đi, người ta mới biết rằng đóng vai trò quyết định trong lịch sử hiện thực là sức mạnh của cuộc sống, chứ không phải là đạo đức, lòng tốt cá nhân hay lương tri và sự khôn ngoan của tư duy. H.N.D.

tôi đa ấy tôi nhân nhượng, tôi chấp nhận. Dù cho vì nhân nhượng và chấp nhận mà tôi ở vào vị thế bị cưỡng bức, thì sự cưỡng bức ấy vẫn có tính tự nguyện. Lịch sử đã từ sự tự nguyện có tính cưỡng bức, bước sang sự cưỡng bức có tính tự nguyện. Nguyên tắc ấy đặt ra cho đời sống nói chung thì cũng đặt ra cho sự sống tình yêu. Khi đã thừa nhận vai trò cá nhân trong tình yêu thì đồng thời buộc phải thừa nhận lợi ích của cá nhân trong tình yêu. Đó là nguyên sâu xa nhất để *tách ra* hay *hợp nhất* hai cá nhân của một tình yêu.

Khi tình yêu đã thoát khỏi vòng vây của cộng đồng và gia đình gia trưởng thì nó chỉ bị quy định bởi chính nó. Nó tồn tại trên cơ sở của chính nó mà cái lõi là lợi ích cá nhân.

Lợi ích cá nhân đến lượt nó cũng là một thực thể sống, cũng vận động, biến đổi, cũng chịu những tác động vật chất hiện thực của đời sống. Một lợi ích không ổn định - đó là đặc điểm cơ bản của thời đại chúng ta. Trong hoàn cảnh không ổn định ấy, *tìm đến một lợi ích* tôi đa - khẩu hiệu ấy chi phối đời sống hiện đại, kể cả tình yêu.

Lợi ích là không ổn định, với nghĩa nó được quy định một cách cụ thể trong những điều kiện xác định hoàn toàn cụ thể, vì vậy nó là sự ổn định động, chứ không phải tĩnh như xưa. Nhưng dù “động” hay “tĩnh”, Tình yêu xét theo phạm trù lợi ích không phải dung tục hoá nó đi, không phải vụ lợi, mà chính là vì lợi ích sống còn của bản thân nó. Trong thực tế, mỗi người đến với tình yêu là vì một lợi ích nào đó, lúc ấy. Xét một cách trừu tượng, tất cả các lợi ích đều bình đẳng và tất yếu như nhau, dù là biểu hiện một cách vật chất hay tinh thần, ở bất cứ thời điểm nào trong quá trình sống.

Ngoại tình suy cho cùng là vì một lợi ích nào đó của Tình yêu cá nhân trong sự lựa chọn bạn tình. Trong vô vàn những lợi ích chi phối sự lựa chọn ấy, cần phải tính đến một lợi ích được ngầm ngầm thừa nhận là khoái cảm nhục dục.

Để duy trì tình yêu hay hôn nhân trong thời đại chúng ta cần lưu ý đến phạm trù thứ hai của giao lưu tính dục. Trong ý thức xã

hội, xưa nay nói đến ngoại tình, người ta hiểu ngầm là thực hiện quan hệ tính giao ngoài hôn nhân pháp lý. Hồi ấy, quan hệ tính giao chỉ có độc một phạm trù thứ nhất. (Đành rằng động cơ hành động KHÔNG hẳn là vậy. Nhưng muốn là một chuyện, có thực hiện được không là chuyện khác). Khi phạm trù thứ hai đích thị là một phạm trù độc lập, đặc trưng cho thời đại, thì trước hết trong lĩnh vực tư duy, ta phải “dỡ ra” hệ thống khái niệm của hệ quy chiếu cũ rồi “xây dựng” hệ thống khái niệm mới dựa trên hệ quy chiếu mới theo đặc trưng của Tình yêu. Ví dụ, tính dục là một đặc trưng như thế, hơn nữa còn là hình thức cao nhất của tình yêu. Nó tạo ra sự say mê mà bất cứ người nào cũng có thể có được (7. tr. 110).

Sự say mê tính dục có được từ phạm trù thứ hai đã đưa ra một *tiêu chuẩn đạo đức mới*: “Người ta không hỏi quan hệ đó là vợ chồng hay tư thông, mà hỏi: quan hệ đó có dựa trên tình yêu của đôi bên không?” (7; tr. 123). Diễn nôm ra, nếu hai bên yêu nhau thì quan hệ đó là tự nhiên, hơn nữa, còn được coi là hình thức biểu hiện cao nhất và chính cống.

Tình yêu có rất nhiều hình thức biểu hiện những quang cách rất khác nhau. Thấp nhất là một cái nhìn. Một nụ cười. Một cái bắt tay. Cao hơn - một vòng ôm. Một nụ hôn. Một sự gần hơn nữa của hai cơ thể, và cuối cùng đi đến hình thức cao nhất thực hiện sự hợp nhất về tâm hồn trong hai thân thể giao nhau.

Vấn đề quyết định bây giờ là phạm trù thứ hai sẽ phát huy tác dụng đến đâu trong đời sống nói chung.

Điều chắc chắn là phạm trù thứ hai đánh dấu bước phát triển mới *vô cùng quan trọng* trong đời sống hiện đại. Nó sẽ chi phối mọi khái niệm cổ truyền (của hệ quy chiếu cũ) đồng thời nó sẽ tự tạo ra những khái niệm mới của riêng mình, để

^(*) Tức là hôn nhân pháp lý của gia đình gia trưởng với phạm trù thứ nhất của quan hệ tính giao.

rút cục, dựng lên một hệ thống mới (theo hệ quy chiếu mới).

Tư duy chất phác sẽ không nhận ra nổi những chuyện trái ngược này. Các phạm trù triết học là con đẻ của lịch sử. Nhưng lịch sử hiện đại cũng phải vươn lên cho ngang tầm tư tưởng của thời đại¹⁰¹; nhằm tạo ra trên *thực tiễn số đông* cái tồn tại hiện thực phù hợp với các khái niệm của nó. Cùng với sự kiện đó, cách cư xử hiện đại phải cải tiến các khái niệm đã có, ít nhất cũng về HÌNH THỨC, nếu như cần phải giữ lại cái lõi NGHĨA đã có.

Với bạn nào đã thạo tâm lý học, tôi xin lỗi vì đoạn thừa này:

HÌNH THỨC ít nhất có hai loại, quy ước gọi là hình thức tồn tại và hình thức tương ứng. Cơ thể một người là hình thức tồn tại của người ấy. Còn ảnh, tên gọi, đều chỉ là hình thức tương ứng.

Nền tảng của sự sống là NGHĨA. Kho văn hoá xã hội là kho NGHĨA. Sự phong phú của đời sống vật chất được quyết định một cách vật chất, hiện thực bởi lượng tuyệt đối số NGHĨA có trong kho. Sự phong phú của tâm hồn còn được nhân lên thêm nhiều nữa, vì mỗi NGHĨA có thể có nhiều Ý khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

Chúng ta đang sống trong một thời đại hàng ngày hàng giờ tạo ra những NGHĨA mới về cả lượng tuyệt đối lẫn hình thức của chúng. Đó là cơ sở vật chất cho sự phát triển *tâm lý cá nhân*, trước hết làm cho nó trở nên đa dạng, cơ động, linh hoạt. Xưa kia, những điều kỳ diệu may ra chỉ được *tư duy* hình dung qua các phép thần, thì nay đã có thật. Hoàn cảnh ấy làm cho con người tự tin hơn, đỡ ngỡ ngàng trước những CÁI MỚI vừa xuất hiện, và cũng vui lòng chấp nhận SỰ TUỔI MỚI của những chất liệu quen thuộc xưa nay.

Lại xin lỗi bạn, khi tôi phải nói thừa ra về hai thuật ngữ này: CÁI MỚI chỉ sự hình thành cái chưa hề có, mới về nguyên lý, mới về nghĩa.

¹⁰¹ C. Mác. Xem¹²⁰, tr. 29.

- SỰ TUOI MỚI dùng đắt nhất cho sự bảo vệ nguyên lý cũ, nghĩa cũ bằng vật liệu mới. Bà con ta nói: bình cũ rượu mới, thật ra là bình cũ, rượu tươi mới, vì nguyên lý chế ra nó vẫn cũ. Lần đầu tiên lấy vợ - bạn có CÁI MỚI! Song lần thứ hai, nhiều lắm bạn chỉ còn sự tươi mới.

Thông thường chúng ta *nhận dạng* khái niệm qua các hình thức của nó và ít khi để ý đến hai trường hợp trái ngược nhau. Một, một CÁI gì đó, ví dụ, cái cốc uống nước, thường coi là hình thức tồn tại của khái niệm cốc. Có bao nhiêu người còn tin rằng chính trong cái cốc ấy còn có nhiều khái niệm nữa: lọ hoa, chặn giấy, thậm chí gạo, chậu rửa,... Hai, cùng một khái niệm *Nhà*, mà một đảng có đủ cột, kèo, rui, mè, đòn tay..., một đảng không hề có lấy một yếu tố nào trong số đó (nhà cao tầng).

Tư duy hiện đại là tư duy khái niệm. Có khái niệm đúng thì may ra mới cư xử đúng^{*}. Ăng-ghe-n nói: “Cái gì có hiệu lực đối với tự nhiên thì cũng có hiệu lực đối với xã hội. Một hoạt động xã hội nào đó, một loạt những quá trình xã hội nào mà càng lột khỏi sự khống chế tự giác của con người và càng vượt ra khỏi phạm vi chi phối của con người thì hình như chúng càng phó mặc cho tính ngẫu nhiên thuần túy, và những quy luật nội tại cố hữu của chúng với một sự tất yếu tự nhiên lại càng mở đường cho mình trong khuôn khổ của cái ngẫu nhiên đó” (7; tr. 290 - 291). Cái tự giác của con người là tự giác khái niệm.

Trước đây, cư xử với tình yêu *chưa tự giác* (chưa có ý thức cá nhân) người đời hy vọng khống chế nó bằng một biện pháp BÊN NGOÀI là *hôn nhân pháp lý*, công luận, phong tục tập quán. Cách cư xử ấy bị trực quan trấn áp, do đó chỉ có hiệu quả trực tiếp. Vâng, một làng quê với hàng xóm láng giềng như thế, thì cái vùng đất

^{*} Nói chung trong đời sống thường ngày chúng ta đều cư xử “duy tâm” như vậy. Trước khi hành động chúng ta suy nghĩ hình dung trước tiên trình sẽ xảy ra, mặc dù một cách triết học, mọi tư tưởng đều nảy sinh từ hành động. Trước hết con người (= loài người) phải hành động thực tiễn rồi mới có tư tưởng.

ngoại tình chỉ cần đo bằng bước chân đi bộ. Trong hoàn cảnh ấy khó lòng thực hiện được ngoại tình, nhưng có chắc là không rơi vào tình trạng “đồng sàng dị mộng”? Và cái hành vi hết sức thân mật kia có chắc là thể hiện tình yêu trong hai cơ thể ấy?

Trước đây, hành vi tính giao chỉ có một phạm trù thứ nhất, thì bao giờ cũng ập ù trong lòng nó những hậu quả trực quan về mặt xã hội (con hoang) và mối nguy về kinh tế (chia tài sản). Nếu tất cả những cái đó đều có thể loại trừ một cách chắc chắn, thì liệu còn ngoại tình nữa không? Và có chắc chắn là không còn những người hý hửng có chồng càng dễ chơi ngang?

Trước đây, vì cưỡng ép, vì những lý do BÊN NGOÀI tình yêu, mà cần có hôn nhân pháp lý và cùng với nó là ngoại tình. Ngày nay, nếu đã có một cơ sở duy nhất là tình yêu, thì hôn nhân pháp lý vẫn có ích chứ? Vai trò của nó có gì biến đổi? Và nếu hôn nhân ấy thực sự phù hợp với tình yêu, thì ngoại tình hẳn không còn nữa?

Cuối cùng, trước đây, giao lưu tính dục bị bắt quả tang là dấu hiệu đáng tin cậy 100% về ngoại tình, thì nay với phạm trù thứ hai, liệu cái chứng cứ ấy còn giữ nguyên uy tín cổ truyền?

Những câu hỏi đại loại như thế không thể không đặt ra trong hoàn cảnh lịch sử mới, khi khái niệm giao lưu tính dục đã phân hoá thành hai phạm trù.

*
* *

Điều này là chắc chắn: sự hình thành phạm trù thứ hai (và cùng với nó là giác quan thứ sáu) đã làm cho hành vi tính giao biến đổi cơ bản.

Phạm trù thứ hai, với vai trò lịch sử của mình khi đã tạo ra khoái cảm tính dục cá nhân, phục vụ cho lợi ích cá nhân, thì đồng thời cũng làm biến đổi một loạt những khái niệm cổ truyền như: danh dự, trinh tiết, chung thủy, chính chuyên, lắng lọc... Hành vi

tình giao cho phạm trù thứ hai có một vị trí rất cao, như đại sứ đặc mệnh toàn quyền cho ý thức, đồng thời cũng chỉ là công cụ trong tay ý thức. Cho nên, từ một hành vi ấy (xét về nghĩa), các giá trị ý thức của nó vô cùng chênh lệch nhau.

Khi tách ra khỏi phạm trù loài (dòng họ, huyết tộc) và chỉ phục vụ cho lợi ích cá nhân, hành vi tình giao đã thực hiện một bước tiến cơ bản, đáp ứng được nhu cầu độc lập tương đối giữa 3 phạm trù đều có TÔI trong đó: cá nhân - gia đình - cộng đồng. Trước đây, sự đồng nhất trừu tượng của ba phạm trù trong tôi đã tạo ra biết bao thuận lợi cho cá nhân, cho gia đình và cho xã hội, vào lúc còn ở *điểm xuất phát*. Thi bây giờ ở trình độ phát triển cao hơn, cũng chính sự đồng nhất ấy lại dễ gây ra cho xã hội, cho gia đình và cho cá nhân những bi kịch tây trời. Điều quan trọng không phải đúng - sai trừu tượng vĩnh cửu, mà ở mỗi *thời điểm lịch sử* cư xử sao cho phù hợp với trình độ phát triển của khái niệm. Trong lĩnh vực nào cũng vậy, sự đồng nhất trực tiếp và trừu tượng là đặc điểm chung cho một trình độ phát triển thấp: Cả nước đồng nhất với Vua. Cả nhà đồng nhất với Cha. Vợ đồng nhất với chồng. Sự đồng nhất ấy có luật lệ hà khắc của nó: Tội khi quân, tội bất hiếu, tội ngoại tình. Riêng trong một lĩnh vực tình dục, sự đồng nhất ấy có nhiều cách biểu hiện: phạm trù thứ hai đồng nhất với phạm trù thứ nhất, tình yêu đồng nhất với hôn nhân, hành vi tình giao đồng nhất đức hạnh. Theo cách ấy người đời đem đàn bà đồng nhất với “công cụ sinh đẻ đơn thuần” hay với nguồn “giải trí cho đàn ông” (7; tr. 89) cho nên những hậu quả ngoại tình đổ riệt lên một mình phụ nữ.

Tình hình sẽ biến đổi một cách cơ bản, khi lịch sử thực hiện một bước phát triển quyết định - phân hoá các phạm trù, và cũng theo logic ấy - tổng hợp các phạm trù. Vâng, cái sơ đồ Hegel: khẳng định - phủ định - phủ định của phủ định vẫn đúng ở đây. Tất nhiên, ít nhất phải có các điều kiện lịch sử cụ thể để cho từng phạm trù (khái niệm) tách ra theo logic của nó, thì tự chúng mới thực hiện

được sự thống nhất trở lại.

Phạm trù thứ hai lúc đầu nảy sinh từ quan hệ tính giao bình thường trong tất cả các hình thái gia đình: từ tập hôn qua hôn nhân đối ngẫu, đến hôn nhân một vợ - một chồng¹. Chỉ khi nào tiến trình đó đã phát triển đến giới hạn cực đoan thì mới tạo ra sự khác biệt cơ bản giữa cơ chế thụ thai và cơ chế tạo ra khoái cảm tính dục. Nhờ đó tách ra được “thậm chí lần đầu tiên hình thành nên” giác quan thứ sáu.

Xưa kia, khoái cảm chỉ là phần phụ thêm vào mà tôi gọi là “sự khuyến khích vật chất cho được việc”, thì nay nó là *mục đích*. Vì vậy, nó chỉ bị ràng buộc bởi hành vi tính giao. Chỉ có thế thôi. Bạn hãy bình tĩnh và biết tự kiềm chế để “trừu tượng hoá” vấn đề. Một “hành vi tính giao” cực lố phải được coi là cái không - thể - không - có để có khoái cảm.

Sau khi đã có cái không - thể - không - có, ta mới xét đến hoàn cảnh thực hiện nó. Trong lịch sử đã có tập hôn với quan hệ tính giao bừa bãi, có hôn nhân đối ngẫu với quan hệ tính giao rộng rãi, có “người bạn đường thường xuyên” - ngoại tình bên cạnh sự ngặt nghèo một vợ - một chồng, v.v... Chừng nào còn chưa được thừa nhận là mục đích, hành vi hưởng thụ đó dĩ nhiên phải chịu đồng nhất với hành vi “chính thống” hoặc “nhân danh” nó. Vì sao vậy?

Cơ quan thực hiện phạm trù thứ nhất mặc dù đặt trụ sở tại “địa phương” cơ thể TÔI, nhưng không phải của riêng TÔI (như cơ quan Trung ương đóng ở địa phương). Nó là của loài, của dòng họ. Tôi không có quyền cư xử với nó như của riêng tôi.

Tình hình thay đổi cơ bản khi TÔI - cá nhân tách ra khỏi TÔI trong gia đình và TÔI trong cộng đồng (xã hội), tức là quan hệ phụ thuộc một chiều đã chuyển sang quan hệ ngang chức ngang quyền

¹ Điều quan trọng ở đây không phải là bản thân mỗi hình thức cụ thể, mà là sự tiến hoá nói chung.

giữa ba phạm trù (cá nhân - gia đình - cộng đồng, xem mục 3) - Bây giờ cư xử với nhau phải có thương lượng, có nhân nhượng, chứ còn đâu cái thời chỉ có rất mỗi “chỉ thị” bắt buộc một chiều, vì lợi ích một chiều như xưa.

Nền sản xuất đại công nghiệp khi tách mọi cá nhân ra thành cá nhân, lập nên thế kỷ 18 mà Mác gọi là “thế kỷ của chủ nghĩa cá nhân”¹⁰², thì đồng thời thế kỷ ấy cũng đưa ra nguyên lý *droit de l'homme* và cả *droit de la femme*. Những quyền ấy lúc đầu còn có ý nghĩa chính trị hay kinh tế, cho phép các cá nhân được tự do ký khế ước theo sự tự nguyện của cá nhân mình. Từ đó, Ăng-ghe-nhờ tôi trực tiếp hỏi bạn: “Nếu đối với việc ký kết các khế ước khác, người ta đòi phải có quyền tự do thật sự để quyết định thì tại sao đối với hôn nhân lại không có quyền đó? Cặp thanh niên sánh đôi với nhau đó há chẳng phải cũng có quyền tự do định đoạt chính bản thân họ, thân thể họ và các khí quan của họ hay sao?” (7, tr. 128). Còn tôi, gặp cơ hội, muốn dẫn lên tý nữa hỏi đôn bạn: trong câu vừa trích, nếu thay chữ “hôn nhân” bằng “giao lưu tính dục” thì chuyện gì sẽ xảy ra? (- chắc chắn là không mắc lỗi ngữ pháp rồi). Tiếp đó, dùng cái “quyền tự do định đoạt chính bản thân, thân thể và các khí quan của mình” để thực hiện độc một phạm trù thứ hai thôi, thì có được không? Nếu được, phạm trù thứ hai sẽ tạo ra cơ sở pháp lý của nó (việc đó thế nào cũng làm được) đồng thời cũng tạo ra một *nguyên lý đạo đức mới* phù hợp với nó?

Bạn có chắc là hành vi tính giao chỉ độc quyền thuộc hôn nhân? Và vì hôn nhân có thể thuộc hay không thuộc tính yêu, thì bạn có dám nói hành vi tính giao chỉ thuộc tính yêu thôi? Để cho câu trả lời không thể lập lờ được, bạn có dám đưa hẳn phạm trù thứ hai sang lĩnh vực khoái cảm tính dục thuần khiết, chỉ vì lợi ích cá nhân thuần túy, không dính dáng gì đến loài người, huyết tộc, dòng họ, gia đình -

¹⁰². C. Mác. Xem²⁹, tr. 131.

trong hoàn cảnh ấy phạm trù thứ hai (và cơ quan của nó - giác quan thứ sáu) theo bạn 1 - chỉ thuộc hôn nhân, hoặc 2 - chỉ thuộc tình yêu hoặc 3 - thuộc cả hai, hoặc còn 4 - thuộc nhiều hơn nữa?

Bản thân các câu hỏi ấy tự trung chỉ có một xu hướng cơ bản: lấy một phạm trù thứ hai (đồng nghĩa) làm chuẩn.

Phạm trù thứ nhất đã tạo ra hệ thống quan niệm của nó, đặc biệt là khái niệm *ngoại tình*. Đến như với Ăng-ghe-n, khái niệm này vẫn ở trong sự thống trị độc tôn (và chính thống) của phạm trù thứ nhất, nên những gì dính đến phạm trù thứ hai và không đặt gọn vào trong khung đã xác lập, thì thối ra, đều ở ngoài, - ngoại tình. Trong hoàn cảnh giải phóng triệt để khỏi phạm trù thứ nhất, thì hành vi tính giao không chắc là tiêu chuẩn duy nhất để xác định ngoại tình, thậm chí có thể không là tiêu chuẩn “cơ bản” nữa kia! Lúc ấy, sự trinh tiết của cô gái chưa chồng không phải chỉ đáng giá bằng một màng trinh mỏng manh - cô ta hoàn toàn có khả năng hưởng thụ phạm trù thứ hai ở trình độ orgasme mà vẫn giữ được cái trinh tiết “ước lệ” xưa nay. Đồng thời, không theo ước lệ xưa nay, một người đàn bà vẫn hoàn toàn trinh tiết, nếu chỉ có một ý thức hưởng thụ phạm trù thứ hai thuần khiết, không lệ thuộc vào hôn nhân pháp lý. Khi được giải phóng ra khỏi những “ước lệ” cổ truyền vốn gắn chặt với phạm trù thứ nhất (nói đúng hơn, với hậu quả của nó) người phụ nữ sẽ không “hư” mà cần phải thực sự có bản lĩnh hơn để cư xử theo những nguyên lý mới của đạo đức, tránh được tình trạng oái ăm, e ép một phía đối với phụ nữ bằng những khái niệm *trinh tiết*, *đức hạnh* (theo nghĩa cũ). Thực ra, nếu nói về bản chất sự kiện, thì tôi hoàn toàn đồng ý với Ăng-ghe-n “chế độ tạp hôn đó làm bại hoại đạo đức đối với đàn ông hơn là đối với đàn bà” (7; tr. 119). Nếu lấy hành vi tính giao ngoài hôn nhân làm chỉ tiêu đạo đức (và cho ngoại tình) thì tệ nhất là mại dâm. Thế nhưng theo Ăng-ghe-n “trong giới phụ nữ, tệ mại dâm chỉ làm truy lạc những người nào không may đã sa ngã vào đó, và ngay cả những người ấy thường cũng không phải truy

lạc đến mức như người ta tưởng. Ngược lại, tệ mại dâm đã đem lại một nhân cách đối bại cho toàn thể cái nửa đàn ông của nhân loại. Chính vì thế mà, chẳng hạn, trong mười trường hợp kéo dài thời kỳ chưa cưới ra, thì chín trường hợp là một trường học thật sự để huấn luyện tệ ngoại tình sau này” (7; tr. 119).

Lấy phạm trù thứ hai làm chuẩn cho quan hệ nam nữ làm cho cá nhân có ý thức tính dục cao hơn và do đó có một quan hệ lành mạnh hơn trong giao lưu tính dục.

Người xưa cho rằng, lau sạch mép thì chúng tôi không ăn vụng! Nhưng nếu ăn vụng là thiếu đạo đức, thì KHÔNG ăn vụng đã phải là có đạo đức?

Cũng không hơn gì trong trường hợp GIẢ NHƯ “không còn cái mối lo về những hậu quả”, mối lo ấy hiện nay (thời Ăng-ghe-nh, HNĐ) là yếu tố xã hội chủ yếu nhất - về đạo đức cũng như về mặt kinh tế - khiến cho một cô gái không dám hiến thân cho người mình yêu mà không đắn đo suy nghĩ (8; tr. 121), thì... văn cảnh này chứng tỏ: 1 - hồi đó chỉ có độc một phạm trù thứ nhất; 2 - sự chi phối về mặt kinh tế quá lớn và 3 - phụ nữ còn ở bên này ngưỡng “hiến thân”, ở thế thụ động, chưa sang được bên kia ý thức dân chủ trong hưởng thụ khoái cảm tính dục. Tuy nhiên, một sự kiện ấy vẫn có đủ cơ sở cho phép Ăng-ghe-nh thấy được xu hướng phát triển với những nét khái quát: “Và đó há chẳng phải là một lý do đầy đủ để cho những quan hệ tình giao tự do hơn dần dần xuất hiện, và đồng thời để hình thành một công luận ít khắt khe hơn về lòng danh dự của người con gái và sự trinh tiết của người đàn bà hay sao? (7, tr. 121).

Sự trinh tiết và đức hạnh hiểu theo nghĩa cổ truyền sẽ có một ý nghĩa khác khi đã có một ý thức dân chủ thực sự, đồng thời có một nhận thức về lợi ích cá nhân trong quan hệ tình giao. Lúc ấy, xét từ bản chất vấn đề, cả nam lẫn nữ đều có một cốt lõi tâm lý và đạo đức như nhau trong hành vi tình giao.

Đã đành là sự mất trinh có ý nghĩa lớn đối với một cô gái.

Nhưng một người con trai lần đầu tiên chung đụng với phụ nữ cũng ở *tình trạng y như thế*, mặc dù không có “tang chứng” bề ngoài. Về bản chất vấn đề, trình tiết về cơ thể có nghĩa như nhau đối với cả nam lẫn nữ, mặc dù xưa nay thường chỉ nói về nữ.

Nếu chỉ lấy đọc một phạm trù thứ hai làm cơ bản, thì những hậu quả của hành vi tình giao về tâm lý cũng như *sinh lý* (sự mất trinh, sự chung đụng ngoài hôn nhân) sẽ có một ý nghĩa khác. Ấy là trường hợp thừa nhận rằng quan hệ tình cảm, tình quen thân giữa đôi nam nữ có thể nhiều biểu hiện khác nhau về hình thức và trên các trình độ giao lưu.

Có khi, *một cái bắt tay* giữa hai bàn tay khác giới có một ý nghĩa vô cùng lớn, thậm chí không kém sự giao thân. Cái “hậu quả” cảm tính để lại ở bàn tay kia sẽ KHÔNG ít hơn những gì còn lại sau bốn pha của hành vi tính dục¹¹.

Trong quan hệ tình cảm và tình thân, đôi khi cách cư xử trông thấy chỉ là một hình thức biểu hiện thích hợp với hoàn cảnh ấy. Các giác quan “lý thuyết” thậm chí cũng đem lại cái cảm giác có ý nghĩa “thực tiễn” - một cái nhìn đắm đuối, những lời ái ân để xoá nhoà mọi giới hạn đang trước, tức là vẫn dấn nhau đi trên con đường ấy, nhưng chưa đến nơi. Theo ngôn ngữ tâm lý học hiện đại, hành động ấy tuy không xảy ra trên *vật thật*, nhưng xảy ra trong ý nghĩ, biểu tượng và trên lời nói. Chỉ có một sự khác nhau về hình thức, chứ không phải bản chất hành động.

Phải *tư duy bằng khái niệm*, chứ không câu nệ vào những ấn tượng trực quan, thì bạn có thể tin rằng cái gọi là mục đích không phải đến cuối cùng mới có, mà nó có suốt trong cả quá trình. Hegel nói rằng mục đích để lại sau lưng mình cái xác chết của quá trình⁽¹⁰³⁾. Hành vi tính giao chỉ là đoạn cuối cùng của một con đường dài, trên

⁽¹¹⁾ Vì đã loại bỏ tuyệt đối phạm trù thứ nhất.

⁽¹⁰³⁾ Hegel. *Tác phẩm*, t. 4, t. 2 (tiếng Nga).

đó đôi nam nữ sánh vai đi bên nhau. Tất nhiên, họ có thể dừng lại nửa chừng, tạm biệt ở cái bắt tay, hoặc xa hơn, trong một vòng ôm, trên một nụ hôn... Trong quan niệm cổ truyền, những đoạn đường ấy đều có giới hạn của nó với những nghi thức ước lệ, tuồng như đó là những KHÁI NIỆM khác nhau, chứ không phải những hình thái khác nhau của cùng một khái niệm.

Kể cũng khó thuyết phục rằng mầm - chồi - cành - nụ - hoa - quả là những hình thái nhau của một KHÁI NIỆM.

Cái trật tự phát sinh của chuỗi phát triển trên các hình thái (hình thức - formes) chỉ là các trình độ tiến hoá cao dần. Đương nhiên, mỗi trình độ cũng có những nét độc đáo của riêng nó (vì vậy mà có hình thức ấy).

Xa vời nhất là sự giao lưu bằng các giác quan lý thuyết (tai, mắt). Cái bắt tay cảm tính còn là một hình thái trừu tượng, chưa phân hoá, diễn đạt một quan hệ còn trừu tượng giữa hai cá nhân. Nhưng trong một vòng tay thì cái quan hệ ấy đã cụ thể hơn, đành rằng còn trừu tượng hơn một chiếc hôn. Trạng thái cụ thể triệt để, dĩ nhiên là sự giao thân.

Nếu ta xét quan hệ ấy, ngay trong bản thân nó, thì chẳng có gì gọi là “ngoại” được. Ăng-ghen viết: “Quan hệ nam nữ sẽ trở thành một công việc hoàn toàn riêng tư chỉ thuộc những người hữu quan mà xã hội không cần can thiệp vào”⁽¹⁰⁴⁾. Chẳng có gì đáng phân vân cả, khi chúng ta sống “trong một thời kỳ mà tất cả những sợi dây cũ kỹ ràng buộc xã hội đều bị dẫn ra và tất cả những quan niệm được thừa hưởng từ quá khứ đều bị lung lay” (7; tr. 129). Sự đổ vỡ ấy đã xảy ra trong đời sống hiện thực của hàng triệu triệu người, thì trong tư duy, “những khuôn khổ có từ nghìn xưa của cái phương thức tư duy trung cổ cổ truyền từ nghìn xưa cũng sẽ bị sụp đổ” (7; tr. 129). Lúc ấy, “cái danh thơm nền nếp... phỏng có ý nghĩa gì” (7; tr. 129).

⁽¹⁰⁴⁾ Ph. Ăng-ghen. *Nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*. ST, 1962, tr. 29.

Nên chẳng khép lại mục này bằng chính cái nội dung mở đầu của mục, nay đã ở trình độ phát triển cụ thể hơn?

Hai mặt - *triết học và lịch sử* - vừa thống nhất, vừa khác biệt. Đánh rằng cái gì bắt đầu trong lịch sử cũng mở đầu trong logic, nhưng tư duy logic phải được coi là một dấu hiệu đáng tin cậy của sự phát triển văn hoá tương đối chín muồi. Bây giờ ngoái nhìn lại đoạn đường lịch sử đã qua thì sẽ thấy rõ hơn.

Trừ bạn ra, nhiều người còn chưa để ý đến sự kiện này: một CÁI gì đó đã phát triển đến hình thái chính thức (*forme classique*) thì vẫn có thể tồn tại lâu dài BÊN CẠNH những cái ra đời muộn hơn. Biết vậy, lịch sử bao giờ cũng cư xử rất phải chăng: một mặt vẫn thừa nhận sự tồn kho lịch sử, mặt khác *thăng tay phủ định* chúng về mặt triết học, bằng cách chấm dứt vai trò chủ đạo của cái cũ, giao trọng trách đó cho CÁI MỚI, coi đó là nhân tố đặc trưng cho thời điểm ấy.

Trừ bạn ra, nhiều người thường rơi vào một trong hai trạng thái này: hoặc một mực chấp nhận những gì *hiện đang có* không cần biết nó đóng vai trò triết học gì, hoặc chỉ tin vào phạm trù triết học chung chung, bất chấp sức mạnh thực tế của những cái tồn kho. Hai trạng thái cực đoan ấy, thực ra, cùng có một bản chất *ngu muội*, giống như kẻ độc đoán và người nhu nhược đều không có óc bản lĩnh.

Di bộ là cái cổ xưa nhất. Cho đến nay và mãi mãi nó vẫn tồn tại BÊN CẠNH xe đạp, ô tô, máy bay, con tàu vũ trụ, v.v...

Hôm nay, giữa thủ đô Hà Nội, trên các đường phố nườm nượp xe đạp qua lại, sự kiện đó rất dễ thuyết phục rằng chúng ta đang ở trình độ xe đạp. Theo bạn, liệu có thuyết phục nổi rằng thời chúng ta đã thuộc phạm trù con tàu vũ trụ?

Tư duy kinh nghiệm phải có một triệu chiếc xe đạp mới có được khái niệm xe đạp, chứ hình dung sao nổi là chỉ cần *phân*

tích một con tàu vũ trụ duy nhất cũng đủ để phát hiện ra khái niệm của nó.

Tư duy kinh nghiệm thường ngày đem khái niệm đồng nhất với CÁI có thể mang khái niệm ấy. Ví dụ, họ chỉ biết đây là CÁI *cánh tay*, làm sao họ tin được cánh tay ấy chứa cả khái niệm “gối”?

Tư duy theo lẽ phải thông thường dễ bị lôi cuốn bởi những ấn tượng trực quan, bởi “sự thực sờ sờ” ra. Họ không thấy rằng từ *sự thực* đến chân lý khoa học là một quãng đường rất dài. Bởi vậy, họ hai bề đầu khổ: không hồn nhiên như người không biết gì và không tin vào những điều mình biết. Bởi vậy, đôi khi họ tỏ ra thức thòi, trên đầu lưỡi nói những câu có vẻ “ông” cấp tiến, thì thực ra, như Mác đánh giá, trong đầu họ vẫn là những “thằng” bảo thủ nhất⁽¹⁰⁵⁾. Loại người ấy không tin vào tri thức khoa học về CÁI MỚI (về triết học). Và để lấy lòng số đông họ dùng chủ nghĩa NHÂN DANH: nhân danh đạo đức, nhân danh kinh nghiệm, thậm chí còn nhân danh cả khoa học, v.v...

Có những thời điểm lịch sử có ý nghĩa quyết định. Lúc ấy, cách cư xử về *triết học* là phải chấp nhận sự tồn tại BÊN CẠNH nhau các sản phẩm lịch sử. Còn cách cư xử về *lịch sử* là chấp nhận vai trò chủ đạo của CÁI MỚI (khái niệm mới, phạm trù mới) vừa nảy sinh, còn rất mỏng manh. Đó là yêu cầu *ít nhất* để tiến tới một cách cư xử triệt để hơn - chủ động đưa thực tiễn vượt lên sức níu của quá khứ, đi theo hướng chủ đạo của CÁI MỚI, theo logic tự nhiên của *lịch sử tự nhiên* (thuật ngữ của Mác).

⁽¹⁰⁵⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁸⁾, tr. 12.

12 - Ý THỨC VỢ CHỒNG

Bà con mình cả ngày quần quật làm ăn. Tối sập xuống, đôi mi mắt cũng sập theo luôn. Thừa cơ, một giấc ngủ ập đến.

Nhưng đôi vợ chồng son còn chưa đủ kinh nghiệm phân biệt lạ quen, vẫn háo hức, rất nhạy cảm với mỗi thời điểm đêm ngày. Chẳng bao lâu thì đó qua đi. Một sự đơn điệu đem cuộc đời trải ra đều đều, một sự hờ hững đều đều, một sự hờ hững đều, - dù là ở ngoài đồng, trong bếp hay ở ngay trên giường ngủ. Những phụ nữ ở nông thôn cổ truyền từ bé đã quen với cuộc sống đơn điệu ấy, cũng nhanh chóng trở nên đều đều một sự hờ hững - ôi dào, muốn thế nào thì thế ấy. Hằng hái nhất trong số đó thì được như chiếc trống để sẵn. Gõ thì kêu. Gõ to kêu to. Gõ bé kêu bé. Không gõ không tự dưng kêu lên. Trăm sự phó mặc cho cái đùi. Hai cái thế đối lập nhau, thụ động và chủ động, tuồng như đã định sẵn cho mỗi nửa nhân loại. Kinh nghiệm ấy lặp đi lặp lại mãi, năm này sang năm khác, đời này sang đời khác,... trở thành một nếp nghĩ, một cách cư xử. Nhưng cuộc sống có luật của nó. Nó ngấm cho phép một vài cá nhân làm liều nổi loạn. Những hành vi lẻ tẻ nhất định bị đàn áp tàn bạo đối với phụ nữ, còn đối với đàn ông, thì người đời gao cao đánh khẽ⁽¹⁰⁶⁾. Cái gì ép người đời cư xử như vậy? - Ý THỨC XÃ HỘI. Và vì sao mỗi người chịu ép theo cách cư xử ấy? - vì Ý THỨC CÁ NHÂN. Đó là những câu trả lời trực tiếp. Thực ra, tình hình phức tạp hơn nhiều.

⁽¹⁰⁶⁾ Ph. Ăng-ghen. Xem ⁽⁷⁾, tr. 119.

Sự ra đời và hình thành ý thức xã hội đánh dấu một trình độ phát triển của sản xuất từ “sự nối tiếp của những thế hệ riêng rẽ, trong đó mỗi thế hệ đều khai thác những vật liệu, những tư bản, những lực lượng sản xuất do tất cả các thế hệ trước để lại”⁽¹⁰⁷⁾. Những lực lượng *vật chất* này có thể kiểm nghiệm bằng cảm tính, ở trong đời sống xã hội, trong sản xuất, cũng như trong đời sống thường ngày của cá nhân: ăn, uống, hành vi tính giao, v.v... Từ đó, dễ hiểu rằng “sự phong phú thực sự về tinh thần của cá nhân hoàn toàn phụ thuộc vào sự phong phú của những liên hệ hiện thực của họ. Chỉ có như vậy thì các cá nhân riêng rẽ mới thoát ra khỏi những khuôn khổ dân tộc và địa phương của mình, mới có được những liên hệ thực tiễn với sản xuất (kể cả nền sản xuất tinh thần) của toàn thể giới về mọi lĩnh vực”⁽¹⁰⁸⁾. Những điều ấy được nói ra năm 1846, nay chúng ta đã có thể nhìn thấy bằng mắt trần. Nhờ có cái cơ sở vật chất, cảm tính, hiện thực ấy mà có thể lý giải được hình thái lý luận của NÔ, những tôn giáo, triết học, đạo đức, v.v... Quan điểm đó quen gọi là DUY VẬT LỊCH SỬ⁽¹⁾. Theo quan điểm đó, mỗi giai đoạn lịch sử đều gặp một kết quả vật chất, một tổng số lực lượng sản xuất, một quan hệ của những cá nhân với tự nhiên và với những người khác, những thứ ấy một mặt bị thế hệ mới làm biến đổi đi, song mặt khác lại quy định cho thế hệ mới những điều kiện sinh hoạt mới và làm cho thế hệ mới có một tính chất riêng biệt⁽¹⁰⁹⁾. Như vậy, mỗi giai đoạn đương thời đều coi như *lần đầu tiên xuất hiện* rồi trôi vào quá khứ, nhường chỗ cho một giai đoạn mới. Không giai đoạn nào giống giai đoạn nào.

⁽¹⁰⁷⁾ C. Mác và Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹¹⁸⁾, tr. 48.

⁽¹⁰⁸⁾ C. Mác và Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹¹⁸⁾, tr. 51.

⁽¹⁾ Theo Ăng-ghe-n, Mác có hai công lao lớn nhất, phát hiện ra 1- quy luật phát triển của lịch sử loài người (= chủ nghĩa duy vật lịch sử) và 2- quy luật vận động của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa hiện đại và của xã hội tư sản. Điều văn trước mộ Mác. Xem ⁽¹³⁷⁾, tr. 198.

⁽¹⁰⁹⁾ C. Mác và Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹¹⁸⁾, tr. 56.

Non nửa thế kỷ cách mạng và chiến tranh, nhân dân ta đã làm được nhiều việc kỳ diệu.

Cách mạng đã đưa phụ nữ ra khỏi bếp núc, vườn nhà. Họ tham gia vào đời sống xã hội như đàn ông, với tư cách xã viên, cán bộ, nhân viên, nhà nước, làm những việc mà xưa kia cứ tưởng chỉ là việc đàn ông. Chiến tranh không phải chỉ mang lại những đau khổ, tang tóc, mất mát. Nó có những đóng góp TÍCH CỰC, thậm chí có những cái chiến tranh làm gọn hơn, mà trong hoàn cảnh thời bình thì chưa biết chừng nào mới làm nên.

Chiến tranh phá bỏ mọi ranh giới địa vực. Ngày nay, ở bất cứ nơi nào cũng nghe đủ giọng nói của mọi miền đất nước. Cái lũy tre làng bị chiến tranh làm bật tận gốc, để trống cả một khoảng trời, đột nhiên mở rộng tầm nhìn. Cái tầm nhìn ấy tượng trưng cho tầm nhìn trí tuệ. Trí tuệ do chiến tranh sinh ra là một trí tuệ quyết liệt, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng phải tìm cho được giải pháp của nó. Còn nghi ngờ gì nữa, một dân tộc từng chiến thắng những tên đế quốc ngang ngược nhất đương thời, - dân tộc ấy tất phải có trí tuệ ngang tầm thời đại với một bản lĩnh dân tộc độc đáo của mình.

Thực tiễn cách mạng và chiến tranh trong nước, xu hướng thế chung của thời đại trong hàng chục năm qua đã tác động đến tận gốc rễ đời sống, đến ý thức xã hội, *làm mất thiêng* nhiều quan niệm cổ truyền trong mọi lĩnh vực.

Nơi trú ngụ của thần thánh như nhà thờ, đền chùa, miếu mạo đều bị hất tung. Cha cố, thầy tu đại diện cho Thượng đế ở cõi trần cũng phải chạy táo tác xuống hầm trú ẩn, tự cứu lấy thân xác mình, trên nét mặt hốt hải kia hẳn rõ nỗi sợ trần gian, mất sạch cái vẻ đạo mạo trang trọng ở thánh đường tôn nghiêm. Thế là không cần phải nhiều lời, mỗi người tự hiểu rằng với người trần chỉ có người trần là tối thượng.

Thế hệ ông cha đến với cách mạng và chiến tranh trong một tư thế khác hẳn thế hệ sinh ra từ cách mạng và chiến tranh. Thế hệ trẻ

có ý thức cá nhân cao hơn và xứng đáng với tầm cách mạng giải phóng cho họ khỏi những ràng buộc của xã hội cổ truyền.

*

* *

Sự hình thành ý thức cá nhân chỉ là biểu hiện về mặt ý thức của sự hình thành phạm trù cá nhân. Đó là một quá trình phát triển lâu dài của toàn bộ lịch sử từ trước đến nay. Chúng ta có thể hình dung nó như một *tiến trình phát triển* trải qua nhiều hình thái, biểu hiện ở hình thức lao động. Có thể gọi ước lệ: ý thức hái lượm, ý thức nông nghiệp, ý thức đại công nghiệp... đánh dấu những trình độ phát triển của *lao động*. Cho nên, khi nhận xét về triết học Hegel, Mác viết: “Ông ta nắm lấy bản chất của lao động và lý giải con người đã vật thể hoá, con người chính cống, có tính hiện thực, như là kết quả của *lao động của bản thân* con người”⁽¹⁰⁾. Trình độ lao động là thước đo trình độ phát triển *trí tuệ* của người, xét về *loài* cũng như về cá nhân. Trí tuệ nông nghiệp cao hơn trí tuệ hái lượm. Trí tuệ đại công nghiệp cao hơn trí tuệ nông nghiệp. Nói chung, trí tuệ cũng là bản chất của lao động. Mà lao động chẳng qua là cách thức vật thể hoá bản thân mình, tạo ra một cái TỒN - TẠI - KHÁC của chính mình. Tính đa dạng phong phú của cái TỒN - TẠI - KHÁC này nói lên sự đa dạng phong phú của trí tuệ người nói chung, và thông qua cái TỒN - TẠI - KHÁC này (hay gọi là VẬT THỂ) mà có thể *trao đổi* và giao lưu giữa người với người. Đây là đặc điểm chỉ có ở người. “Động vật một khi đã đạt đến sự trưởng thành thì tự mình sống, hoàn toàn không phụ thuộc vào những con vật khác. Con người thì luôn luôn cần được người khác giúp đỡ”⁽¹¹⁾. Nhờ trao đổi và giao dịch với nhau mà những tài năng khác nhau của các cá nhân đều có lợi

⁽¹⁰⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 194.

⁽¹¹⁾ Câu này Mác dẫn của Adam Smit. Xem ⁽¹⁾, tr. 167.

cho nhau, làm phong phú lẫn nhau. Adam Smith nói thêm rằng đừng tưởng người ta làm lợi cho nhau là vì *thiện chí*. Đó là điều không thể có. Thực ra, lợi ích cá nhân của họ thuyết phục họ rằng cần phải giúp đỡ người khác, nghĩa là làm cái mà người khác cần đến họ. Như vậy, trong hành vi giúp đỡ không phải chỉ có tính *vị tha*, mà còn cả tính *vị kỷ* nữa. Tính vị kỷ này phải phát triển đến một trình độ nào đó mới có được các cá nhân chính cống với những nét độc đáo phù hợp với *tên riêng* của mình. Các nét độc đáo này càng phát triển thì cá nhân càng có nhu cầu phải trao đổi và giao lưu với người khác, nghĩa là có nhu cầu về phân công và hợp tác.

Trình độ phân công - hiệp tác nói lên trình độ phát triển của người, của lao động, trong đó có hai bước ngoặt quan trọng nhất: 1- phân công theo giới tính, một cách tự nhiên và 2- phân công giữa lao động trí óc và lao động chân tay, một cách tự nguyện. Chỉ cần ngoái nhìn vào vài thế kỷ, ta sẽ thấy rõ tình hình hơn.

Hồi ấy chủ nghĩa tư bản mới manh nha, bắt đầu từ một hành vi *tự nhiên*: một cá nhân thuê nhiều người làm cùng một lúc. tuy chỉ mới tạo ra một sự khác biệt thuần túy về LƯỢNG¹¹², nhưng hành vi này đã tạo ra một hình thức lao động mới là hiệp tác¹¹³ điểm xuất phát của một tiến trình lịch sử “biến quá trình lao động thành một quá trình xã hội”¹¹⁴.

Sức phát triển của sự phân công lao động trên cơ sở hiệp tác giản đơn ấy dẫn đến một hình thức lao động mới: CÔNG TRƯỞNG THỦ CÔNG, lấy nghề thủ công làm cơ sở, nhưng dần dần được *phân giải* thành những công việc đặc thù, cô lập nhau, rồi “trói chặt người công nhân vào một công việc bộ phận”¹¹⁵ buộc các cá nhân phải liên hệ chặt chẽ với nhau, tạo điều kiện cho sự phân công lao động phát triển theo logic của nó.

Bước tiến tiếp theo là cách mạng *tư liệu lao động* bằng hành vi

¹¹², ¹¹³, ¹¹⁴, ¹¹⁵: C. Mác. Xem ¹¹⁴, tr. 23, tr. 29., tr. 47, tr. 65.

chuyển từ công cụ thủ công sang *máy móc*. ĐẠI CÔNG NGHIỆP ra đời. Từng chiếc máy, rồi hệ thống máy móc, rồi dùng máy sản xuất ra máy, thế là “cần phải đảo lộn chính ngay cái cơ sở mà nó tìm thấy sẵn lúc ban đầu (...) và phải tạo ra cho mình một cơ sở mới, thích hợp với cái phương thức sản xuất của chính mình”¹¹⁶, nghĩa là nó thực sự đứng vững trên đôi chân của mình¹¹⁷, chấm dứt sự trông cậy vào những đặc điểm cá nhân người lao động gắn với công cụ lao động thủ công.

Máy móc chính là trí tuệ được đưa ra NGOÀI đầu óc con người. Đó là cái TỒN TẠI KHÁC của lý tính. Và dấu những người phát minh có mang tên riêng, thì thực ra, không có những người này, lịch sử sẽ cử các cá nhân khác. Một cái gì xã hội đạt được thì thể hiện ra ở các cá nhân đạt được trên cơ sở trao đổi và giao lưu với người khác. Hành vi này bắt đầu rất sớm đối với cá thể, - từ khi lọt lòng.

Sửa mẹ đâu phải chỉ là những chất sinh hoá. Mẹ cho con bú đâu phải chỉ là “truyền tay”, một hành vi vật chất cộc lốc. Tay mẹ bế, áo mẹ mặc, thìa mẹ cho ăn, lời mẹ ru, giọng ngọt ngào mẹ nựng..., sự trao đổi ấy đi liền với giao lưu. Cái vật chất đem trao đổi ấy thấm đượm cả chất trí tuệ, tình cảm và mọi quan hệ xã hội trong giao lưu.

Nếu ta nói sản phẩm lao động hay thế giới vật thể là sự tồn tại hiện thực (= cái tồn tại khác) của lý tính, của trí tuệ, của ý thức thì hoàn toàn có thể nói y như thế đối với ngôn ngữ. “Ngôn ngữ là ý thức hiện thực, thực tiễn”¹¹⁸. Nếu vật phẩm ngày càng là sản phẩm của trí tuệ con người, chứ không phải của trời đất cho sẵn, thì cũng có một tiến trình y như thế của ngôn ngữ và do đó của cả *ý thức*.

Ý thức không phải chỉ ru rú ở trong đầu óc người ta, mà nó chỉ là hình thái ý thức của sự tồn tại thực tiễn, vật chất. Khi con người còn hái lượm, còn quây quần với nhau theo bầy đàn, thì bấy giờ cũng

¹¹⁶, ¹¹⁷ C. Mác. Xem ¹¹⁴, tr. 133, tr.137.

¹¹⁸ C. Mác và Ăng-ghen., Xem ¹¹⁸, tr. 37.

chỉ có ý thức bày đàn, “ý thức về hoàn cảnh *gần nhất* có thể cảm giác được và là ý thức hạn chế với người khác và vật khác”¹¹⁹. Sự hạn chế này đánh đồng nhất loạt các cá nhân.

Những thao tác hái lượm còn trông chờ vào may rủi, thì đời sống của cá nhân còn phải gắn liền với một tri tuệ thô sơ của các thao tác vật chất. Mãi sau này, khi “xuất hiện sự phân chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần” thì “bắt đầu từ lúc đó ý thức có khả năng tự giải thoát khỏi thế giới (vật chất - HNĐ) và chuyển sang xây dựng “lý luận thuần túy, thần học, triết học, đạo đức v.v...” nhờ có những thao tác trí óc”¹²⁰. Tiến trình này bắt đầu từ lúc đại công nghiệp phân giải bản thân quá trình sản xuất thành các thao tác cấu thành nó. Không phải hôm nay bà con ta mới nói đến chuyện này, từ thế kỷ 19, các nhà kinh tế học đã thấy rõ ràng hoạt động của con người có thể phân chia thành những yếu tố đơn giản gọi là thao tác. Nếu hạn chế được số thao tác cho mỗi cá nhân thì xã hội càng có lợi hơn. Và còn có lợi hơn nữa, nếu mở rộng quy mô hiệp tác. Như vậy, có hai xu hướng cơ hồ như trái ngược nhau, một hướng đi xuống - phân hoá triệt để các cá nhân, một hướng đi lên - liên hiệp các cá nhân theo các quy mô ngày càng mở rộng hơn. Hai hướng đi xuất phát từ một điểm và càng xa nhau, giống như đi trên một vòng tròn, đến lúc nào đó sẽ gặp nhau. Sự phân công lao động càng triệt để thì càng có xu hướng vượt bỏ sự phân công, sẽ có lúc phải “thủ tiêu lối phân công lao động cũ”¹²¹, coi “sự thay đổi của lao động là một vấn đề sinh tử”¹²². Chúng ta đi trong một vòng tròn tiêu hoá: “một khi bắt đầu có phân công lao động thì mỗi cá nhân đều có một phạm vi hoạt động nhất định và độc chuyên mà người đó buộc phải nhận lấy, không thể thoái thác được: người đó là người đi săn, người đánh cá, hoặc người chăn nuôi, hoặc nhà phê phán có tính chất phê phán, và người đó cứ phải là như thế, nếu

⁽¹¹⁹⁾⁻⁽¹²⁰⁾ C. Mác và Ăng-ghen., Xem ⁽¹¹⁸⁾, tr. 37, tr. 38, tr. 39.

⁽¹²¹⁾⁻⁽¹²²⁾ C. Mác. Xem ⁽¹¹⁴⁾, tr. 326, tr. 325.

không muốn mất những nguồn sống của mình¹²³.

Ngày nay chúng ta đang còn triển khai hơn nữa quá trình phân công lao động. Trong hoàn cảnh ấy, mỗi cá nhân buộc phải chịu què quặt vì phải cố định hoá hoạt động của mình, dưới sự thống trị mù quáng của một sức mạnh xã hội. Sự kiện này phản ánh một cách thực tiễn trọng thái ý thức cá nhân đương thời.

Ở trình độ phát triển còn thấp, ý thức cá nhân còn gắn chặt với thế giới vật chất, với biểu tượng trực quan. Ngay khi mới sinh ra, trẻ em đã ở ngay trong thế giới người. *Ý thức xã hội* tràn ngập như không khí đã thấm nhiễm vào trẻ em, *một cách vật chất* qua thế giới đồ vật và con người. Trẻ em cảm thấy có một sức mạnh xa lạ, thần bí áp đặt lên mình một sự CẤM ĐOÁN rất tự nhiên: Cấm chạm vào nước sôi, cấm đưa tay vào lửa... Những sự cấm đoán này dựa trên cái lý của sự vật và do đó dễ thuyết phục trẻ em.

Trong đời sống cá thể, *ngôn ngữ* rồi cũng sẽ có một sức mạnh vật chất như thế, vì ngôn ngữ là một đại sứ đặc mệnh toàn quyền của thế giới hiện thực, cảm tính, vật chất và còn đại diện cho *ý thức*. Ngôn ngữ đồng nghĩa với ý thức ngôn ngữ: sự tương ứng giữa hình thái vật và hình thái âm thanh của ngôn ngữ. Trẻ xác lập dần dần nguyên lý cơ bản của ngôn ngữ. Ý thức thực tiễn của ngôn ngữ thực sự định hình khi trẻ bắt đầu biến báo, lạm dụng cái ngón “quỷ biện” của người đời, - thay sự vật bằng *cái tên* (ngôn ngữ) của nó thôi. Và người lớn lại càng lạm dụng hơn: Khi bắt đầu biết nói, trẻ được nghe ngay những lệnh CẤM bằng ngôn từ: Cấm đến gần lửa! Cấm ra ao! Không được chơi dao! v.v... Những cái CẤM này vốn đã có sức thuyết phục trẻ em, nhưng có nhiều cái CẤM khác chỉ vì lợi ích riêng nào đó, mà xa lạ với cuộc sống cá nhân. Hậu quả là làm rối loạn ý thức cá nhân. Nói chung, bằng cách CẤM ĐOÁN, ý thức xã hội thông qua ngôn ngữ ngày càng có sức mạnh áp đặt lên các cá

¹²³ C. Mác và Ăng-ghen., Xem ¹¹⁸, tr. 343, tr. 344.

nhân. Thế đấy, khi lịch sử cho cái lợi này, thì nó bắt đền một cái khác. Động vật không có ý thức thì không bao giờ chịu một sức mạnh của tinh thần đè lên cuộc sống hằng ngày!

Bằng những tiếng nói khi thì thầm, khi nạt nộ, khi ra rả, nói vào những lúc thích hợp, cũng như không thích hợp ... ý thức xã hội cứ thế thấm vào máu thịt từng cá nhân. Chờ cho đến khi cơ thể trưởng thành, thì ý thức cá nhân định hình và cũng đạt đến hình thái chính thức của nó.

Thật đáng tiếc, vài người tỏ ra có chữ thì không tin vào ý thức, mà đi tin vào *bản năng* hay *vô thức*. Họ không thấy ở đây chỉ có sự khác nhau giữa sự *tường minh* và *không tường minh*, giữa ý thức khái niệm và ý thức chưa đạt đến khái niệm.

Mỗi bước tiến lên của nền văn minh đại công nghiệp là một bước tiến khái niệm. Nếu đem chiếu lên màn ảnh tư duy thì thấy được các trình độ phát triển ý thức, phân biệt rõ ý thức kinh nghiệm với ý thức khái niệm.

*
* *

Nhìn lại toàn bộ lịch sử, ta thấy thượng đế làm ra lịch sử một cách thận trọng, từng bước ăn chắc. Thoạt đầu là sự hình thành MỤC ĐÍCH, rồi sau đó mới chuyển hoá nó thành PHƯƠNG TIỆN.

Mục đích nguyên thủy là làm ra SỰ SỐNG nói chung. Bước tiếp theo là phân hoá sự sống NÓI CHUNG ấy thành sự sống CÁ THỂ. Ta hãy bắt đầu từ SỰ SỐNG THỰC VẬT. Vì phải sinh sống ngay tại chỗ, từ bé đến lớn chỉ cố định ở một không gian ấy, nên cá thể *đồng nhất* với "loài" nói chung. Loài là số học của cá thể. Các cây mọc bên cạnh nhau thành rừng.

Ở nấc thang phát triển cao hơn về nguyên lý là SỰ SỐNG ĐỘNG VẬT. Các cá thể làm nên loài cũng bằng số học nhưng đã có

tác động lẫn nhau. (Hãy xem gà mẹ bệnh con thì rõ). Các cá thể động vật không những có thể thay đổi không gian sống (ít ra cũng hơn rất nhiều các cá thể thực vật) mà còn có thể tách ra khỏi bầy đàn. Các cá thể động vật có thể “táo tợn” như thế chỉ vì đã có sẵn ít nhất một sự sống thực vật, vốn là MỤC ĐÍCH của trình độ lịch sử trước đây. Bây giờ động vật có thể vận dụng mục đích ấy như một *phương tiện*, không quan tâm đến bản thân sự sống thực vật ấy, mà cốt sao cho nó tồn tại trong những điều kiện *biến động* và trong mỗi tác động trực tiếp của các cá thể khác, làm nên năng lực *thích nghi* của loài và cá thể trong một khuôn khổ không gian và thời gian. Tạo ra NĂNG LỰC này là một mục đích mới của lịch sử.

Như vậy cái mới làm nên sự sống động vật là năng lực thích nghi trước những động tác của bên ngoài. Những thành tựu được tích lũy cho loài và cho cá thể ta quen gọi là KINH NGHIỆM.

NGƯỜI là thành tựu sau cùng của toàn bộ lịch sử tiến hoá từ khi khai thiên lập địa. Vì vậy, đương nhiên người thừa hưởng mọi thành tựu quá khứ - sự sống thực vật và cả sự sống động vật. Nhưng chính vì vậy mà SỰ SỐNG NGƯỜI không phải là sự sống động vật, lại càng không phải là sự sống thực vật. Tất nhiên “Con người, trực tiếp là *thực thể tự nhiên*, do đó, với tư cách là thực thể tự nhiên sống, nó được vũ trang bằng những *sức mạnh tự nhiên*, bằng những *sức mạnh sống*, nó là thực thể tự nhiên hoạt động”⁽¹²⁴⁾.

Nếu con người thừa hưởng những gì đã có của tự nhiên, thì bù lại, con người phải trả một cái giá đau khổ:

“... với tư cách là thực thể tự nhiên, nhục thể, cảm tính, vật thể hoá, nó giống như thực vật và động vật là thực thể *đau khổ* bị quy định và hạn chế”⁽¹²⁵⁾.

Nguyên nhân của *sự đau khổ* là ở chỗ những vật thể bên ngoài nó không phụ thuộc vào nó mà lại quy định nó, với tư cách là các *đối*

⁽¹²⁴⁾ ⁽¹²⁵⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 200.

tượng nhu cầu của nó. Ví dụ, “đói là một nhu cầu tự nhiên, cho nên nó cần có tự nhiên ở bên ngoài nó, cần có vật thể ở bên ngoài nó để thoả mãn mình, làm cho mình nó”⁽¹²⁶⁾. Thế mới sinh ra ý thức “tôi là một cái gì khác, một *hiện thực khác* (- một cái tồn tại khác. HND) với vật thể bên ngoài tôi”⁽¹²⁷⁾. Và cũng trong mối tương quan đó, con người “là một thực thể đang *chịu đựng*, và cảm nhận được sự đau khổ của mình, cho nên nó có *nhật tình*: *Nhiệt tình* là sức mạnh bản chất của con người, là sức mạnh kiên quyết hướng về đối tượng của mình”⁽¹²⁸⁾. Quá lên nữa thì nhiệt tình ấy sẽ đến *dục vọng*, được sinh ra và nuôi sống bởi kinh nghiệm, bởi sự lặp lại.

Nhưng kinh nghiệm, nhiệt tình, dục vọng được nhận thức, được vận dụng thì tạo ra một chất mới - đó là ý thức. Thượng đế khi “nặn ra” con người, chỉ mới cho một cơ thể trống không, thiếu một ý thức. Ý thức là cái chất người thuần túy, chỉ do con người sáng tạo ra.

Trong tất cả những lời ca ngợi con người thì không gì bằng mệnh đề của Hegel mà Mác cũng phải dẫn lại: con người tự sản sinh ra chính mình⁽¹²⁹⁾.

Hành vi đầu tiên của sự tự sản sinh ra mình là lao động, là sản xuất ra tư liệu sinh hoạt. “Bản thân con người tự phân biệt với sức vật ngay khi con người bắt đầu sản xuất ra những tư liệu sinh hoạt của mình”⁽¹³⁰⁾.

Bằng *hành động sản xuất* con người tự lo lấy đời sống nhục thể. Nhưng nếu chỉ cần đời sống nhục thể (thực chất là sự sống thực vật) thì nhiều lắm con người chỉ cần vận dụng triết để KINH NGHIỆM để cư xử trong những tình huống khác nhau, nhằm đảm bảo sự sống động vật. May sao, mỗi thành tựu lịch sử chỉ có một giới hạn nào đó

⁽¹²⁶⁾, ⁽¹²⁷⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 201, tr. 202.

⁽¹²⁸⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 202.

⁽¹²⁹⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 194.

⁽¹³⁰⁾ C. Mác và Ăng-ghe-n, Xem ⁽¹⁸⁾, tr. 15.

thời.

Kinh nghiệm là số học của cảm giác trực tiếp, thu được từ những hiện tượng, từ bề ngoài hời hợt của sự vật. Vì vậy, kinh nghiệm chỉ cần thừa nhận, mà không cần lý giải, coi như lẽ phải thông thường. Bạn nhớ chứ, mỗi khi nói đến lẽ phải thông thường, Hegel cười mà rằng, đó không phải là triết học. Triết học bao giờ cũng đi xa hơn “lẽ phải thông thường”¹³¹. Trước Kopernik, ai nói rằng quả đất quay thì tức là chống lại lẽ phải thông thường¹³¹. Lẽ phải thông thường hay định kiến thời đại thì cũng là một. Muốn xóa bỏ được định kiến thì phải có một ý thức mới, mạnh hơn hẳn về nguyên lý. Ngày nay, đó là ý thức khái niệm.

Kinh nghiệm và lẽ phải thông thường có thể tự đến với cá thể. Ca dao, tục ngữ, công luận đều là lẽ phải thông thường, thuộc trình độ quá khứ, - tất cả đều cứ tự nhiên đi vào mỗi cá nhân, đọng lại thành ý thức kinh nghiệm. Ý thức khái niệm ở một tầm khác, cao hơn hẳn về nguyên lý. Muốn có thì phải huấn luyện *công phu*.

Khi ý thức khái niệm tách ra khỏi ý thức kinh nghiệm, thì nó cũng phải góp phần tạo ra một cơ thể tương xứng với ý thức khái niệm. Nếu trước đây, cái cơ thể của sự sống động vật được coi như một MỤC ĐÍCH đã hoàn thành thì ý thức khái niệm còn phải hình thành một cơ thể phù hợp với phạm trù thứ hai và giác quan thứ sáu. Và khi cái MỤC ĐÍCH ấy đã đạt, thì biến nó thành một PHƯƠNG TIỆN.

Nói chung, ý thức khái niệm sẽ là người chủ của cơ thể, huấn luyện và sử dụng cơ thể ấy như một phương tiện cho những mục đích khác. Ví dụ cực đoan nhất là trường hợp

¹³¹ Xin xem lại câu nói của C. Mác ở chú thích ⁽⁹⁴⁾.

⁽¹³¹⁾ V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, T. 29. NXb Tiến bộ, M., 1981, tr. 289. Trước Socrate (470 - 399), Protagoras (485 - 410) nói rằng con người là thước đo của mọi vật. Còn Socrate thì định nghĩa: người là một sinh vật biết tư duy và là thước đo của mọi vật.

Phan Đình Giót lấy thân mình lấp lỗ châu mai.

Cơ thể người hiện đại là thể thống nhất giữa cơ thể và ý thức khái niệm. Cơ thể người hiện đại không còn là một mục đích, thì cũng không cần một sự tiến hoá nào nữa về phía sự sống. Tình hình đó càng nói lên rằng sự phát triển của người là sự phát triển ý thức. “là phẩm chất của bản tính người”⁽¹³²⁾.

*

* *

Lịch sử cá thể người trở thành lịch sử hình thành ý thức. Cơ thể máu thịt chính là (và cũng hạn chế ở chỗ chỉ là) cơ sở vật chất của sự tồn tại cá thể, là sự phân biệt cá thể trong loài⁽¹³³⁾. Không thể có một cá nhân người mà chỉ là một cơ thể cộc lốc, tách khỏi gia đình và cộng đồng. Đến như “khi tôi nói chuyện về hoạt động khoa học, - hoạt động mà chỉ trong những trường hợp hiếm hoi tôi mới có thể thực hiện trong sự liên hệ trực tiếp với những người khác, - ngay cả lúc đó tôi cũng đã tiến hành một hoạt động xã hội. Bởi vì tôi hoạt động như một *con người*”⁽¹³⁴⁾. Bởi vì để hoạt động được tôi phải có tài liệu, ngôn ngữ, dụng cụ..., nghĩa là cần đến những sản phẩm xã hội. Nói tóm lại, “cá nhân là một *thực thể xã hội*”⁽¹³⁴⁾. Sự sống của cá nhân tự nó bao hàm bản tính xã hội, dù ở trong nhà một mình, cửa đóng then cài, dù giữa đảo hoang cô lập như Robinson. Đáng buồn biết mấy, nếu điều này dễ thuyết phục người đời chỉ vì họ lấy những cá nhân trưởng thành làm căn cứ. Nếu vậy, rồi ăn làm sao, nói làm sao, khi câu chuyện bắt đầu từ trẻ sơ sinh? Tư duy kinh nghiệm vốn và chào mừng đứa trẻ sơ sinh con trai hay con gái. Nhưng cơ thể ấy còn

⁽¹³²⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 179.

⁽¹³³⁾ Sự phân biệt giữa các cá nhân về mặt cơ thể chỉ là một sự phân biệt hình thức, hời hợt và trực quan. HND.

⁽¹³⁴⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁾, tr. 131 - 132.

⁽¹³⁴⁾ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹⁸⁾, tr. 15.

chưa phân hoá, còn ở điểm xuất phát: mắt chưa phải là mắt, tai chưa ra tai, chưa cái gì ra cái gì cả. Cuộc sống sẽ “khái niệm hoá” tất cả, biến nó thành một thực thể của sự sống người:

Con trai thành đàn ông, con gái thành đàn bà. Mười ngón tay thành mười ngón khác nhau đặt lên mười phím đàn, không như năm ngón chân kia suốt đời vẫn liền một vì chỉ để đứng bám vào đất liền. Chỉ có *phương thức sống* là nguồn gốc và cách thức tạo ra sự phát triển, phân hoá các cá nhân. Vì vậy họ sống như thế nào thì họ như thế ấy⁽¹³⁵⁾. Những cá nhân này, ngay từ lúc chào đời, đã đứng trước một thế giới *đã xác lập* về tất cả mọi mặt, buộc họ chỉ có một cách cư xử duy nhất: CHẤP NHẬN.

Trong cá nhân CHỈ CÓ THỂ CÓ những gì vốn ĐÃ CÓ trong xã hội. Luật này áp dụng nhất loạt cho một em bé mới sinh, cũng như cho các vĩ nhân của thời đại.

Như vậy, để hiểu được một trình độ phát triển cá nhân, thì cũng phải tìm hiểu xã hội đương thời, thông qua những cá nhân *trưởng thành* quen gọi là người lớn, tức là người ở hình thái chính thức.

NGƯỜI LỚN không phải lớn xác. Bạn đừng ngạc nhiên, đã có thời “những trẻ em, cả trai lẫn gái, được lấy vào làm việc (lâm gạch ngói) từ 6 tuổi, thậm chí cả từ 4 tuổi. Các em đó cũng làm đủ số giờ như người lớn, và nhiều khi còn làm nhiều hơn nữa⁽¹³⁶⁾. Không gì VÔ LÝ hơn, nói rằng mới 4 tuổi đã là người lớn.

Nhưng đó là vấn đề khái niệm!

Nói đến người lớn thì phải xét đến sự sản xuất và phương pháp sản xuất, xét CÁI mà họ sản xuất ra cũng như CÁCH mà họ sản xuất ra CÁI ấy, lấy CÔNG CỤ SẢN XUẤT làm chuẩn⁽¹³⁷⁾.

⁽¹³⁵⁾ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹⁸⁾, tr. 15.

⁽¹³⁶⁾ C. Mác. Xem ⁽¹⁴⁾, tr. 181.

⁽¹³⁷⁾ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹⁸⁾, tr. 72.

Với nền sản xuất nông nghiệp lạc hậu, các công cụ sản xuất hết sức thô sơ, thì sự khác biệt giữa các cá nhân không đáng kể. Tính đơn điệu, thuần phác của các cá nhân khiến họ có thể chung nhau nhiều thứ, như chung một mâm cơm, chung bát, chung nồi, mọi người quây quần bên nhau. Trong hoàn cảnh ấy, dễ hiểu là có chế độ tập hôn, có gia đình đối ngẫu, có chế độ nhiều vợ nhiều chồng, có chuyện đi hỏi vợ cho con, v.v... Nhiều cá nhân yên phận trong không gian bé nhỏ, cố định, những ruộng đồng, nương vườn, nhà cửa. Những quan hệ hàng xóm láng giềng, khi tắt đèn tối lửa có nhau, một bát nước chè xanh ới gọi bà con..., tưởng như các cá nhân gắn bó chặt chẽ với nhau lắm lắm, thì thực ra không. Vì mỗi cá nhân không cần phụ thuộc vào lao động của người khác. Một cá nhân cổ truyền có thể quả quyết “sản phẩm này của tôi”. Trong khi đó không một cá nhân nào trong sản xuất đại công nghiệp dám nói như vậy.

Cung cách làm ăn đại công nghiệp dần dần tạo ra ý thức đại công nghiệp cho cả xã hội và cho mỗi cá nhân. Dần dần hình thành nên những mối quan hệ mới giữa cá nhân - cá nhân, cá nhân - gia đình, cá nhân - cộng đồng. Trong đó mỗi cá nhân là cá nhân tự do. Cá nhân được giải phóng là dấu hiệu của sự “đổ vỡ” từ trong lòng đời sống xã hội, mà suy cho cùng là từ sự đổ vỡ trong cung cách làm ăn sinh sống. Sự đổ vỡ này kéo theo sự biến động của ý thức xã hội. Tuy nhiên trong những điều kiện xã hội cụ thể, sự đổ vỡ đó có thể bắt đầu từ trong đầu óc con người ta. Và nói được như vậy chỉ vì có “sự thật sau đây: trong lòng xã hội cũ đã hình thành những yếu tố của một xã hội mới và sự tan rã của những tư tưởng cũ đi đôi với sự tan rã của những điều kiện sinh hoạt cũ.”⁽¹³⁸⁾

Cách mạng và chiến tranh. Tính thời đại của thế giới hiện đại. Sự giao lưu được mở rộng. Những thành tựu của đại công nghiệp hiện đại luôn luôn hấp dẫn, v.v... Trong những thời điểm quyết liệt

⁽¹³⁸⁾ C. Mác và Ăng-ghe-n. Xem ⁽⁶⁵⁾, tr. 49.

như thế, mọi sự chỉ có thể bắt đầu từ “những xung đột cục bộ và tạm thời, bằng những hành động phá hoại mà thôi”⁽¹³⁹⁾. Những hành động “phá hoại” và “tiêu cực” này thực ra là biểu hiện chân thực của một xu hướng tích cực và xây dựng. Chúng mang tiếng là “tiêu cực” vì chỉ còn lè tẻ rời rạc. Nhưng trong xã hội đã có cơ sở vật chất cho chúng xuất hiện.

Ngày nay, cơ sở vật chất của đời sống hiện thực có nhiều cái mới (= những khái niệm mới) đã làm cho ý thức xã hội phải đổi mới và do đó làm biến động ý thức cá nhân.

Ý thức cá nhân hiện đại *trực tiếp* là sản phẩm của thời đại và như vậy, nó là nhân tố hữu cơ của ý thức xã hội hiện đại. Điều trở trêu là ở chỗ ý thức cá nhân hiện đại *đồng thời* được hình thành cùng với ý thức xã hội hiện đại. Cả hai đều trực diện chống lại ý thức xã hội cổ truyền. Trong lúc còn tranh tối tranh sáng ấy, ý thức kinh nghiệm của người lớn còn ngơ ngàng, nhưng ý thức cá nhân của trẻ em lại được hình thành một cách tự nhiên, “đúng bài bản”.

Ý thức cá nhân của thế hệ trẻ hiện đại là ý có học vấn trong một xã hội có học vấn. Những cá nhân này rất có ý thức về bản thân mình và thời đại của mình. Vì vậy, họ chống lại ý thức cổ truyền một cách có ý thức. Vũ khí cho cuộc đấu tranh ấy là *ý thức khái niệm*.

Đời sống thấp kém, công cụ sản xuất thô sơ thì ý thức cá nhân cũng thô sơ và thấp kém như thế. Lúc ấy chỉ có ý thức kinh nghiệm thôi. Do đó, các cá nhân khác nhau như những chiếc đĩa. Bất cứ hai chiếc nào cũng có thể ghép thành đôi, dù có khi khập khiễng. Nền sản xuất đại công nghiệp với các công cụ sản xuất cực kỳ tinh vi và khác biệt nhau, thị hệ thống khái niệm tương ứng cũng cực kỳ tinh vi, do đó sự phân hoá cá nhân vô cùng sâu sắc.

Hai cá nhân hiện đại, về ý thức, không như đôi vợ chồng cổ xưa kia! Tất nhiên, ý thức khái niệm sẽ tạo ra kinh nghiệm của nó, ở đó

⁽¹³⁹⁾ C. Mác. Xem ⁽²⁰⁾, tr. 141.

họ quan hệ với nhau theo CÁCH KHÁC, phù hợp với ý thức KHÁI NIỆM của họ.

Nếu một cá nhân là một thực thể của sự sống người, tức là thể thống nhất cơ thể và ý thức, thì vợ - chồng^(*) cũng là một thực thể có cơ thể và ý thức của nó.

Dù cửa đóng then cài, dù chỉ có “một trái tim vàng trong túp lều tranh”, thì hai vợ chồng vẫn chỉ làm nên một thực thể duy nhất với ý thức chung, gọi là Ý THỨC VỢ CHỒNG. Ý thức này tách sự sống người khỏi sự sống động vật, và làm phân hoá các vợ - chồng (giống như sự phân hoá giữa các cá nhân với tư cách là cá nhân).

Đưa vào đây KHÁI NIỆM ý - thức vợ - chồng, tôi muốn khẳng định một thực thể mới nảy sinh và phát triển theo logic của nó.

Ý - THỨC - VỢ - CHỒNG là một sản phẩm của đời sống xã hội như ý thức nói chung. Ý thức vợ chồng ở buổi đầu lịch sử còn hết sức trừu tượng và còn gắn liền với sự sống vừa mới nảy sinh, tức là gắn liền với phạm trù thứ nhất hay với phạm trù loài ở trình độ bầy đàn với quan hệ đàn ông - đàn bà (đực - cái). Vì thế, biểu hiện cảm tính của ý thức này là một quan hệ chưa cần sự phân hoá nào khác ngoài giới tính. Bất cứ người đàn ông nào cũng là chồng của bất cứ người đàn bà nào, và ngược lại. Sau đó, quan hệ này được *thu hẹp dần*, cho đến khi chỉ còn lại cái phân tử nhỏ nhất gồm có hai nguyên tử vợ và chồng (một đàn ông - một đàn bà).

Hôn nhân một vợ - một chồng là sự biểu hiện về mặt thực thể của ý thức vợ - chồng đã định hình, đã được xác lập rất vững chắc rồi. Trong tiến trình phát triển tiếp theo, khi ý thức tư hữu sinh ra nhu cầu *bình đẳng và tự do* giữa các cá nhân, thì tạo ra một tình huống mới cho sự sống xã hội. Từ nay, “sự phát triển tự do của mỗi người là

^(*) Tôi gọi là vợ - chồng như một thực thể, y như một cơ thể, chứ không gọi *đôi* hay *cặp* vợ chồng theo cách nói quen thuộc của ý thức kinh nghiệm.

điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người”⁽¹⁴⁰⁾. Cơ cấu nhỏ nhất của “mọi người” là vợ - chồng, là *một thực thể* được tạo thành từ hai cá nhân tự do và bình đẳng. Sự tồn tại và phát triển của thực thể vợ - chồng từ nay được quyết định *bởi chính nó*, trên cơ sở của chính nó (chính là một KHÁI NIỆM độc lập), trong đó vợ hay chồng tách riêng ra thì không còn là vợ hay chồng, mà chỉ là các CÁ NHÂN TỰ DO và BÌNH ĐẲNG về mặt xã hội và cả về mặt cơ thể tự nhiên (ở đây sự khác biệt về giới tính được coi như một điều kiện tự nhiên).

Chế độ một vợ - một chồng ở điểm xuất phát là một *thiết chế xã hội*, trước hết, đảm bảo quyền *tư hữu* của người đàn ông đối với đàn bà. Sau đó, người đàn bà không chịu. Họ tạo ra cho lịch sử một khái niệm mới: NGOẠI TÌNH. Thiết chế xã hội kiên quyết cấm đoán, trừng trị nghiêm khắc, nhưng không thể nhỏ tận gốc được⁽¹⁴¹⁾.

Mối quan hệ giữa hai nhân tố cấu thành vợ - chồng là người đàn bà làm vợ và người đàn ông làm chồng luôn luôn biến động và có nhiều sắc thái khác nhau, thể hiện những ý thức vợ - chồng khác nhau. Nhưng thành tựu lịch sử lớn hơn cả và thích hợp hơn cả với ý thức vợ - chồng là TÌNH YÊU CÁ NHÂN. Nó trở thành *cốt lõi*, đặc trưng cho ý thức vợ - chồng, và cũng là *đạo đức* cơ bản của quan hệ vợ - chồng.

Tình yêu cá nhân nảy sinh ra từ thiết chế một vợ - một chồng, nhưng tình yêu cá nhân không phải và cũng không chủ yếu phát triển được trong thiết chế một vợ một chồng.

Thiết chế vợ - chồng được khẳng định bởi một hành vi pháp lý là *đăng ký kết hôn*. Thực ra, hành vi này KHÔNG DÍNH DÁNG gì với khái niệm vợ - chồng. Dù có đăng ký hay không, được cha mẹ đồng tình hay phản đối... tất cả đều chỉ ở BÊN NGOÀI khái niệm, nhiều lắm chỉ KHOANH VÙNG có khái niệm thôi! Trong khái niệm

⁽¹⁴⁰⁾ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. In trong ⁽⁶⁵⁾, tr. 51.

⁽¹⁴¹⁾ Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁽⁷⁾, tr. 106.

vợ - chồng hiện đại, đóng vai trò quyết định lại là những điều kiện cá nhân và xã hội hoàn toàn khác hẳn. Đó là cá nhân tự do, liên hiệp với nhau theo nguyên tắc bình đẳng. Những điều kiện này chưa hề có trong chế độ gia đình gia trưởng, trong sự ràng buộc dòng họ, làng xã, địa vực và những thiết chế chính trị tương ứng.

Hôn nhân là một thiết chế xã hội về gia đình. Cùng với sự hình thành và phát triển cá nhân và tình yêu cá nhân, cái thiết chế ban đầu này sẽ có lúc không còn phù hợp nữa. Nó phải phân hoá thành hai cực. Kết hôn và ly hôn. Khi mới xuất hiện, ly hôn bị coi như một cái SAI vì nó chống lại thói quen cổ truyền cho rằng kết hôn là việc trăm năm, một lần cho một đời người. Dần dần ly hôn trở thành một hành vi tự nhiên của đời sống, và với tư cách là khái niệm, nó không tốt hơn, không xấu hơn việc kết hôn¹¹. Thừa nhận ly hôn như một thiết chế xã hội tức là thừa nhận sự biến động của ý thức vợ chồng.

Lịch sử có những oái oăm không lường được. Sự thắng lợi của tình yêu cá nhân lại biểu hiện ở luật ly hôn. Đến lượt nó, luật ly hôn là biểu hiện của đạo đức mới, hoàn toàn không phù hợp với thực tiễn thông dụng của thiết chế kết hôn từ trước tới nay.

Hành vi kết hôn phù hợp với ý thức vợ - chồng không còn là một sự ràng buộc thuần pháp lý ở bên ngoài. Tình yêu cá nhân, mà trở thành một *hình thức biểu hiện*, cũng như quan hệ tính giao là một hình thức biểu hiện của tình yêu cá nhân, như một sự khẳng định.

Vai trò pháp lý của kết hôn và ly hôn đã thay đổi. Từ chỗ là một hành vi độc đoán trở thành một hành vi tự nguyện. Nam nữ thanh niên đến với Tình yêu, đi theo tình yêu và cư xử trong đời sống vợ - chồng trên cơ sở những nguyên tắc khác, chưa hề có trước đây.

¹¹ Kết hôn và ly hôn đều là một thiết chế chung cho đời sống vợ chồng, nhưng được tiến hành trong những *điều kiện* khác nhau, vì vậy cách giải quyết cụ thể lại hoàn toàn khác nhau, bị quy định bởi các nhân tố khác nhau, thậm chí trái ngược nhau.

*

* *

Ý thức vợ - chồng nảy sinh và phát triển trên toàn bộ lịch sử nhân loại, rồi tái hiện ở mỗi đời người. Ngày nay có thể mô tả theo các chặng.

Chặng đầu tiên, theo quan niệm cổ truyền, còn là thuần túy tinh thần, các đương sự chỉ liên hệ với nhau bằng các giác quan lý thuyết: nghe nói, xem mặt.

Người con trai bắt đầu khoan vùng có người con gái, bèn đến gia đình nhà gái “xí chỗ” (chạm ngõ), như bà con sáng sớm ra đường làng, không tiện quay về nhà, bèn cầm cái que xi phần trâu đánh rơi mình bắt được.

Các bạn trẻ ngày nay không hình dung nổi sự táo tợn của Kim Trọng lần đầu gặp Kiều:

*Nẻo xa mới tỏ mặt người,
Chàng đã xuống ngựa, tới nơi tự tình.*

Đã là đàn ông thì có quyền liêu lĩnh. (Các cụ nói đàn ông như cái gậy ăn mày, chỗ nào cũng chọc vào xin... Được thì nhờ, không được thì thôi). Lại là hai chị em Kiều chẳng kém phần táo tợn, dám đứng lại, nhưng theo ước lệ thì cứ phải tỏ ra “e lệ nép vào dưới hoa”. Chỉ có thể mà hai bên:

Tình trong như đã, mặt ngoài còn e.

Rõ là sự giao lưu thuần túy lý thuyết ấy đã mạnh nha mối liên hệ *ý thức* hai bên. Chính đây mới là điểm quyết định. Nói gì thì nói, tình yêu cũng như ý thức, không thể cứ ở lý mãi trên Vương quốc tinh thần⁽¹⁾. Rồi thế nào cũng tìm cách hoá thân thành hình thái cảm tính, biểu hiện ở sự *giao lưu cơ thể*.

⁽¹⁾ Cách cư xử duy tâm này, tức là khởi đầu từ tinh thần, là cách cư xử cơ bản trong đời sống thường ngày của người bình thường. Tôi vẫn cho rằng tình yêu là cái gì đó phải đóng vai trò như là nơi đi và nơi đến của quan hệ vợ - chồng.

Anh về em nắm cổ tay

Nếu cổ tay đã để yên trong bàn tay, nối liền hai dòng âm dương, thì đã đủ cho hai ý thức thông nhau. Cái ý thức kia sẽ đẩy cho hai cơ thể ấy đến tận cùng giới hạn.

Vấn đề quyết định ở đây là ý thức về giới hạn của quan hệ nam nữ nói chung.

Ngày trước, không phải là ý thức, mà chỉ có cơ thể là chuẩn mực duy nhất của sự trinh tiết. Mà sự trinh tiết này dính liền với phạm trù thứ nhất. Nếu không có dấu hiệu vật chất hoặc không bắt được quả tang thì người đời chấp nhận sự “trong trắng”, “trinh tiết”... Ngày nay khó gì không kiếm đủ những dấu hiệu ấy. Ngoài ra, điều kiện sống hiện đại cho phép các cá nhân quan hệ với nhau rộng rãi hơn, thân mật hơn và “cách ly” khỏi con mắt tò mò trần thế của người thứ ba. Thì đóng vai trò chi phối là ý thức cá nhân, chứ không phải công luận, dòng họ, làng xã.

Ngày xưa, từ chỗ nhìn thấy nhau đến chỗ “nắm cổ tay” là một quãng đường xa vời vợi, từ nguyên lý kia sang nguyên lý này. Và khi đã sang bên này rồi, thì họ nhanh chóng đến ngay giới hạn cuối cùng: lần đầu cũng là lần thứ nhất. Ngày nay đến như:

Hãy sát đôi đầu! Hãy kẻ đôi ngực!

Hãy trộn nhau đôi mái tóc ngắn dài!

Những cánh tay! Hãy quấn riết đôi vai!

Hãy dâng cả tình yêu lên sóng mắt!

Hãy kháng khí những cặp môi gần chặt!

Cho anh nghe đôi hàm ngọc của răng⁽¹⁴²⁾

Tưởng như đến rồi, thế mà,

Trong say sưa, anh sẽ bảo em rằng:

"Gần thêm nữa! Thế vẫn còn xa lắm!"⁽¹⁴³⁾

⁽¹⁴²⁾, ⁽¹⁴³⁾: Xuân Diệu. *Xa cách*. In trong *Tuyển tập I*, Văn học, 1983, tr. 73.

Ôi! Vẫn còn “xa lắm” giữa đôi ta. Thì ra, sự xa cách ý thức vẫn là thăm thẳm giữa hai cơ thể đã sát sần sạt.

Vậy đó, sự chung đụng cơ thể không phải là biểu hiện duy nhất của ý thức vợ - chồng. Sự kiện này chứng tỏ ý thức có thể cư xử với cơ thể như với một *phương tiện* của mình. Trình độ văn minh càng cao thì cơ thể càng chịu sự chi phối của ý thức.

Nếu nói riêng về ý thức vợ - chồng, thì tình hình mỗi thời một khác. Ngày xưa lấy sự trinh nguyên làm chuẩn, thì ngày nay, nó vẫn cứ tượng trưng cho sự trong trắng, tinh khôi, cho một lần cống hiến duy nhất. Sự trinh tiết cơ thể vẫn là một niềm kiêu hãnh trong một thời hạn đó, tuy thuộc vào ý thức vợ - chồng của thời đại.

Trong lịch sử hiện đại, tội và công của đại công nghiệp là xoá bỏ mọi giới hạn cổ truyền. Khi trí khôn đã phân giải được quá trình sản xuất, thì nó còn e ngại nỗi gì đối với các quá trình của đời sống. Sinh đẻ có kế hoạch đối với quan niệm cổ truyền là hành vi “trơ trẽn” hơn cả, vì nó phân giải ngay chính cái quá trình thụ thai thiêng liêng xưa nay, rồi nhân đó tách ra cái phạm trù thứ hai, khiến cho cái hành vi ấy không nhất thiết chỉ của riêng một ý thức vợ chồng, mà chia sẻ cho cả ý thức cá nhân nữa. Một khi cá nhân có ý thức về *vai trò* và *lợi ích cá nhân* thì đã biết chịu mất cái gì để đổi lấy cái gì, sau khi đặt lên bàn cân ý thức. Làm chồng chảnh mặt cân chính là sức nặng khoái cảm nhục dục của ý thức cá nhân vừa trỗi dậy.

Nam nữ thanh niên hiện đại vì làm chủ được cơ thể họ cho mỗi phạm trù (thứ nhất hay thứ hai) nên sự trinh tiết có một ý nghĩa khác hẳn. Ngược đời thay, ngày nay người hưởng sự trinh tiết của mình chính là bản thân mình. Họ muốn gieo và chăm bón trên cơ thể mình kinh nghiệm hưởng thụ hơn là sự trinh bạch bỏ hoá, mảnh đất “thâm canh” hơn là mảnh đất hoang. Mà một khi sự trinh tiết cơ thể ấy không đem ra *đặt cược*, thì ý thức hưởng thụ khoái cảm nhục dục (của ý thức vợ - chồng) còn muốn được kiểm nghiệm cái cơ thể kia, trước khi đi đến cái thủ tục pháp lý. Thế là bản thân sự cưới xin không còn

là hành vi định mệnh của đời . Cưới xin ầu cũng chỉ là một việc làm có tính chất pháp lý và theo tập quán của ý thức xã hội cũ.

*

* *

Chặng kết thúc trong xã hội cổ truyền là việc cưới xin “việc trăm năm” với cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng. Lễ cưới như một bức ảnh chụp ý thức vợ chồng đã chững lại ở trạng thái chính thức ấy. Nó không còn biến động nữa. Hôn ấy, ý thức cá nhân không đủ sức kinh địch với ý thức vợ - chồng sau ngày cưới, đành phải đầu hàng ý thức vợ - chồng, chấp nhận sự tồn tại vĩnh viễn của cơ thể vợ - chồng¹⁾, kể từ sự chung đụng đầu tiên cho đến tận lúc mãn cuộc.

Một khi hình thành nên ý thức cá nhân của phụ nữ thì một *thế chiến lược mới* sẽ nảy sinh, rồi định hình dần. Cuộc sống sẽ tạo ra một ý thức vợ - chồng coi cơ thể vợ - chồng không phải là cái gì nhất thành bất biến.

Những người vợ trước kia thân nhiên thả rông đức ông chồng. Nhưng dù được nói lòng, các ông chồng nhiều lắm cũng như con diều néo vào sợi dây leo hôn nhân, tung hoành chỉ tới mức ấy thôi. Và rút cục, vợ - chồng vẫn là một thực thể ổn định và cố định.

Điều quan trọng hiện nay là ý thức cá nhân của phụ nữ trong mọi lĩnh vực đời sống: ý thức dân chủ trong xã hội, ý thức hưởng thụ khoái cảm tính dục, ý thức về cơ thể của mình.

Sức mạnh của ý thức hiện đại sẽ chi phối cơ thể của nó. Mọi ràng buộc về cơ thể không còn sức mạnh như xưa. Hôn nhân pháp lý

¹⁾ Bản thân luật ly hôn đã pháp lý hoá quan niệm “không phải chuyện trăm năm một lần”, mà ít ra cũng thừa nhận trên lý thuyết có thể còn có một lần thứ hai nữa. Nếu vậy thì sự trinh tiết cơ thể không còn là điều kiện bắt buộc đối với ý thức vợ - chồng.

²⁾ Thuật ngữ “cơ thể vợ chồng” thay cho đôi vợ chồng.

mất dần sức mạnh rắn đẽ. Từ khi có luật hôn nhân và gia đình, đời sống tính dục vợ - chồng được thừa nhận bằng pháp lý. Khi người vợ được phép đến bệnh viện xin thụ thai nhân tạo, tức là không nhất thiết phải có con với người chồng pháp lý, thì khái niệm chồng đã biến đổi. Cùng tương tự khi người chồng bất lực thì vẫn có thể duy trì được đời sống vợ chồng, nếu người vợ có quyền được tự do sử dụng cơ thể cho phạm trù thứ hai. Sự toàn vẹn về cơ thể vợ - chồng không còn nguyên nghĩa. Bản thân ý thức vợ - chồng cũng phát triển theo xu hướng phát triển của ý thức cá nhân. Bi kịch của đời sống gia đình chính là chỗ không ăn khớp với nhau giữa ý thức vợ - chồng với ý thức cá nhân.

Trong xã hội cổ truyền, cái thế trong gia đình đã xác lập, cho nên đời sống gia đình *ổn định* trong cái thế ấy.

Sự giải phóng phụ nữ đã phá vỡ cái thế cổ truyền, mà còn chưa kịp lập nên cái thế mới, thì đời sống vợ - chồng trở nên chông chênh.

Hiện tượng ly hôn trong những thập kỷ 60 - 70 tăng lên vùn vụt ở các nước công nghiệp. Đáng chú ý là tỉ số ấy rất cao đối với giới trí thức và thấp nhất đối với nông dân. Cùng phải thôi, cái mới bao giờ cũng ở những đỉnh cao của nền văn minh (trí thức, thành phố, nước phát triển công nghiệp...).

Dương nhiên, *không thể* quay trở về tình trạng cũ với sự ổn định tri trệ của đời sống vợ - chồng. Tình trạng ly dị xem chừng có vẻ hỗn loạn, thực ra, chỉ là một bước đi tự nhiên. Lịch sử đang mở lối con đường đi vào tương lai, dứt khoát từ già quá khứ. Mỗi cá nhân hiện đại trên thực tế không tin vào định mệnh, không bằng lòng với cái được tạo ra từ quá khứ và hiện có trong tay. Mỗi người, do ý thức cá nhân xui khiến, còn háo hức tìm một phương án tốt hơn nghĩa là hy vọng tìm đúng cái cơ thể vợ - chồng của nó. Nó cứ ngờ ngợ hình như chưa có đúng cái cơ thể thực quan của nó. Nó cần có một cơ thể phù hợp hơn với khái niệm. Nếu các bà vợ ngày trước

hoàn toàn bằng lòng với chồng mình, như một thế giới cho bà vẫy vùng thả sức thì ngày nay, mỗi cô vợ trẻ nghĩ rằng chồng mình phải thực là toàn diện. Vậy thì chồng không phải là một cơ thể, mà là một ý thức, một tâm hồn, một trí tuệ hay đại loại những cái như thế ở rải rác đâu đó trong nhiều người đàn ông, như Nàng Kiều phải có đủ bộ: có cái nho nhã của Kim Trọng, có cái lời đời của Thúc Sinh, có cái hào hớn của Từ Hải, thêm thêm cái phù phàng của Mã Giám Sinh và cái tráo trở của Sở Khanh. Cuộc sống hiện đại biết chăng, khi đã đánh thức dậy người đàn bà trong mỗi cô gái đang làm vợ, thì cũng như tháo lồng, thả cho bay đi những con chim bị lịch sử nhốt hàng chục thế kỷ. Vâng, những con chim vừa được trả tự do ấy sẽ bay lên nháo nhác có kể gì phương hướng, cứ chơi vui chơi với lòng lơ, cho đến khi mỏi cánh thì hạ xuống, đậu hẳn trên đất liền đàn ông. Để sau đó mỗi khi nuôi tiếc muốn bay lên, thì cũng như con gà mái đã quen vườn nhà, chỉ đủ sức chấp chới trong rào giậu gia đình. Lịch sử hàng chục thế kỷ đã tạo ra cái ý thức vợ - chồng này, thì dễ gì thay nó, mặc dù nó không còn sức hấp dẫn nữa. Các cô gái sắp làm vợ giỏi lắm thì cũng chỉ như những con chim non mới tập chườn: có cái háo hức xô bồ, có cái vụng về non nớt. Mặc nó! Vẫn cứ mặc nó, dẫu biết mười mười, nó đang ở cảnh này chỉ để nghỉ lấy sức để chuyển sang cảnh khác, chưa phải chỗ đậu lại làm tổ. Lo gì! Nó còn đủ thời gian để tìm lấy một cây cổ thụ làm nơi ấp ủ nuôi con. Các người vợ và người chồng hiện đại đôi khi vẫn tưởng chưa qua “tuổi bay chườn”, cứ ham nhảy nhót, nhưng họ vẫn luôn nhớ đến địa chỉ gia đình, nơi tổ chức lễ cưới, cho dù họ biết, nơi đó không còn nữa là sợi dây ràng buộc vĩnh viễn một đời người, lễ cưới KHÔNG CÒN nữa là chuyện trăm năm. Khi lễ cưới còn ở phía trước, đôi trai gái vẫn như xưa, rủ nhau đến đó như một mục đích chung. Nhưng sau lễ cưới, con đường đời của vợ chồng còn có nhiều ngã ba ngã bảy, chứ đâu phải là con đường được vạch sẵn.

*
* *

Ý thức cá nhân - Ý thức vợ - chồng - Ý thức xã hội, cái tam giác ý thức này từng cặp một liên hệ hai chiều với nhau thống nhất lại làm nên cốt lõi của LỐI SỐNG nói chung.

Khi bạn đã đóng trái cửa, cài then, thì bạn chỉ có thể ngăn cách con mắt và lỗ tai của người thứ ba, nhưng ý thức xã hội vẫn theo riết bạn, một ly không rời. Ý thức xã hội thấm vào bạn từ dòng sữa mẹ, từ lời ru, từ thái độ, từ đồ dùng, từ những lời khen và răn đe, từ những điều người lớn trực tiếp nói với bạn hay nói với nhau, nó (= ý thức xã hội) vào trong bạn như không khí, nước uống. Nó làm nên ý thức, tâm hồn, tư tưởng, đời sống tâm lý... như sự sống làm nên cơ thể. Cũng như cơ thể trưởng thành trong cuộc sống trần gian, nó cũng có được từ đời sống trần gian ấy. Cái có là *cái được tạo ra*, chứ không phải CÓ SẴN. Ý thức cá nhân vốn bắt nguồn từ ý thức xã hội và luôn luôn dính liền máu thịt với nó. Ý thức vợ - chồng cũng có một số phận như thế. Từ đó, dễ thấy rằng muốn giải phóng ý thức cá nhân thì đồng thời phải giải phóng ý thức xã hội và ý thức vợ - chồng.

Khi Nàng Kiều tâm sự với Thúc Sinh:

Trộm nghe kẻ lớn trong nhà

Ở vào khuôn phép, nói ra mối giường

thì hẳn không phải do Kiều tự nghĩ ra. Cũng vậy thôi, trách chi Nàng Kiều khuyên Từ Hải ra hàng. Và cũng đừng trách thêm Từ Hải đã nghe lời vợ. Một người đã ý thức được “bỏ thân về với triều đình, hàng thần lơ láo phận mình ra đâu”, mà rồi cũng tính lại, “sao bằng lộc trọng quyền cao, công danh ai dứt lối vào cho qua”, thì chẳng phải vì “lập trường không vững”, mà vì thời đó có một ý thức xã hội ấy thôi! Cụ Nguyễn Du cũng chịu sức ép ấy của ý thức xã hội. Cho nên, để bệnh Kiều, Cụ nói đủ ba mặt của ý thức:

- Với cá nhân: *Xét trong tội nghiệp Thuý Kiều*

Mắc điều tình ái, khỏi điều tà dâm.

- Với gia đình: *Lấy tình thâm trả nghĩa thâm*

Bán mình đã động hiểu tâm đến trời.

- Với xã hội: *Lấy một người cứu muôn người*

Biết đường khinh trọng, biết lời phải chăng.

Cá nhân thời nào cũng là con đẻ của đời sống xã hội. Họ vừa đủ “già” để bảo vệ ý thức xã cổ truyền, vừa đủ “trẻ” để chống lại ý thức cổ truyền. Nhưng thế hệ trẻ hiện đại sẽ có xu hướng như Ăng-ghe-n mô tả, là “một thế hệ đàn ông không bao giờ phải dùng tiền hoặc quyền lực xã hội nào khác để mua người đàn bà, và một thế hệ đàn bà không bao giờ phải hiến mình cho đàn ông vì một lý do nào khác ngoài tình yêu chân chính”⁽¹⁴⁴⁾. Thế hệ ấy sẽ “gây lấy một công luận thích hợp để phê phán hành vi của mỗi người”⁽¹⁴⁵⁾.

Ngày nay những hành vi “nhố nhăng” của bọn trẻ, những cô lộn chồng, những cô không chồng mà chửa, v.v..., còn làm gai mắt thế hệ già. Nhưng chính những cá nhân ấy đã thúc đẩy lịch sử tiến lên bằng những cái “tiêu cực” và “xấu” như thế đó. Tôi không nhớ lời đâu! “Chính mặt xấu trong khi sản sinh ra đấu tranh thì tạo ra sự vận động làm nên lịch sử”⁽¹⁴⁶⁾ và nói chung, “bao giờ cuối cùng mặt xấu cũng thắng mặt tốt cả”⁽¹⁴⁷⁾. Và ngày nay chính chúng ta nhìn thấy tận mắt những cái xấu, chứng tai gai mắt, đã trở thành quen thuộc: từ cách ăn mặc, nói năng, đi lại, trang điểm, đến những cử chỉ thân mật xem ra có vẻ suông sã của các cô gái... Tất cả những biểu hiện do *thực ra* càng đề cao ý thức cá nhân. Những cá nhân ấy lúc đầu bị coi là những kẻ “phá hoại thuần túy phong mỹ tục”, những kẻ “kém đạo đức”, v.v...

Với ý thức xã hội cổ truyền thì mọi thứ đã đầu vào đấy, có ngăn

⁽¹⁴⁴⁾, ⁽¹⁴⁵⁾ Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁽⁷⁾, tr. 133.

⁽¹⁴⁶⁾, ⁽¹⁴⁷⁾ C. Mác. Xem ⁽²⁹⁾, tr. 140.

có bạc, chia ra bên này *tốt*, bên kia *xấu*. Nhưng ý thức xã hội, đạo đức... đều không có lịch sử, không phát triển⁽¹⁴⁸⁾. Chính con người, khi phát triển sự sản xuất vật chất và sự giao tiếp vật chất của mình đã làm biến đổi, cùng với sự tồn tại hiện thực của mình, cả tư duy lẫn sản phẩm tư duy của mình⁽¹⁴⁹⁾. Vì vậy vấn đề là ở chỗ nhận thức được sự kiện này: mặt xấu, mặt kém của xã hội cứ lớn dần lên không ngừng⁽¹⁵⁰⁾, cho đến khi có được những điều kiện vật chất đủ để giải phóng nó, đưa nó lên vị trí “chính thống”, để tạo ra ý thức xã hội trung thành với đời sống hiện thực.

Những quan niệm “chính thống” hiện nay về đời sống vợ - chồng, về kết hôn, về ly hôn, về quan hệ tính giao, v.v..., đang biến động, đang nứt nẻ, đổ từng mảng, đó là chuyện đương nhiên. Nhưng cũng như trong mọi chuyện đời, lịch sử cần có thời gian để tạo ra một cơ sở vật chất làm nền tảng cho ý thức vợ chồng. Đó là việc làm của toàn bộ lịch sử hiện thực, chứ không phải của riêng tư tưởng, quan niệm, ý thức.

⁽¹⁴⁸⁾, ⁽¹⁴⁹⁾ C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. Xem ⁽¹⁶⁹⁾, tr. 277 và tr. 367.

⁽¹⁵⁰⁾ C. Mác. Xem ⁽¹²⁹⁾, tr. 141.

TRÍCH DẪN

- (1) C. Mác. *Bản thảo kinh tế - triết học 1844*. ST, 1962.
- (7) Ph. Ăng-ghe-n. *Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của Nhà nước*. ST, 1972.
- (14) C. Mác. *Tư bản*, quyển thứ nhất, tập II, ST, 1975.
- (16) C. Mác. *Góp phần phê phán kinh tế chính trị học*. ST, 1962.
- (17) C. Mác và Ăng-ghe-n. *Hệ tư tưởng Đức*, ST, 1984.
- (18) C. Mác và Ăng-ghe-n. *Hệ tư tưởng Đức*, ST, 1984.
- (29) C. Mác. *Sự khốn cùng của triết học*. ST, 1971.
- (37) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Tuyển tập*, 2 tập, t. II, ST, 1971.
- (39) Hegel. *Bách khoa toàn thư triết học*, t. II. Bản dịch tiếng Nga. Nxb, Tư tưởng, M, 1975.
- (43) C. Mác. *Tư bản*, quyển thứ nhất, t. I, ST, 1973.
- (54) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Tuyển tập*, 6 tập, t. I, ST, 1980.
- (59) S. Freud. *Trois essais sur la théorie de la sexualité*. Gallimard, 1962.
- (63) H. Deutsh. *La psychologie des femmes*. PUF, P, 1955.
- (65) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Tuyển tập*, 2 tập, t. I, ST, 1970.
- (70) C. Mác. *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel*. ST, 1977.
- (76) T. Dreiser. *Jennie Gerhardt*. Bản dịch tiếng Việt. Nxb. Phụ nữ, H., 1985.

- (77) Kazimierz Obuchowski. *Tâm lý học về các dự vọng người*. Bản dịch tiếng Nga, dịch từ tiếng Ba Lan. M., Nxb. Tiến bộ, 1972.
- (84) C. Mác và Ph. Ăng-ghe-n. *Gia đình thần thánh*. ST, 1963.
- (103) Hegel. *Tác phẩm*, t. 4. (Tiếng Nga).
- (104) Ph. Ăng-ghe-n. *Nguyên lý của chủ nghĩa cộng sản*. ST, 1962.
- (130) V. I. Lênin. *Toàn tập*, t. 29. Nxb Tiến bộ M., 1981.

Chịu trách nhiệm xuất bản:

LÊ HUY HOÀ

Biên tập:

ĐOÀN TỬ HUYẾN

Thiết kế bìa:

HẢI NAM

Trình bày:

ĐÔNG TÂY

Sửa bản in:

THUỶ HỢI

Phát hành tại:

- ☞ Nhà sách Đông Tây: Số 62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội
ĐT/Fax: (04) 37.733.041
 - ☞ Thư viện Cafe Đông Tây: Nhà N 11A Trần Quý Kiên, Cầu Giấy,
Hà Nội. ĐT: (04) 32.671.117
 - ☞ Nhà sách Đống Đa: 834 Đường Láng, Cầu Giấy, Hà Nội.
ĐT: (04) 37.752.939; Fax: (04)37.755.723
 - ☞ Sách Hà Nội – 245 Nguyễn Thị Minh Khai -Quận 1-TP.Hồ Chí Minh
Website: www.sachdongtay.com
-

CHUYỆN ẤY

Nhà xuất bản Lao Động, 175, Giảng Võ, Hà Nội

Trung tâm Văn hoá Ngôn ngữ Đông Tây

Giới tính, tình yêu, hôn nhân, gia đình và văn hoá tình dục – là những vấn đề từ lâu đã được nhiều ngành khoa học quan tâm. Chuyện ấy là một công trình nghiên cứu nghiêm túc về tình dục và tình yêu, phân tích, chứng minh đầy thuyết phục những vấn đề có tính nhạy cảm trong cuộc sống con người, giúp người đọc có một cách nhìn sâu sắc và thực tế hơn.

In 1000 cuốn, khổ 14,5x20,5cm, tại Nhà In Khoa học và Công nghệ

Số đăng ký KHXB: 279-2009/ CXB/42-310/ ngày 03/4/2009.

Quyết định xuất bản số: 310 – QĐLK/LĐ ngày 08/4/2009.

In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2009.

CHUYỆN



KỶ NIỆM 10 NĂM THÀNH LẬP
TRUNG TÂM VĂN HÓA NGÔN NGỮ ĐÔNG TÂY

CÁC NHÀ VĂN GIẢI NÔBEL

CÁC NHÀ VĂN BA LAN GIẢI NOBEL.

HỢP TUYỂN VĂN HỌC NHẬT BẢN.

DẪ SỬ TRUNG HOA.

THƯ MỤC NGUYỄN DU

NHỮNG NGƯỜI DỊCH VĂN HỌC VIỆT NAM

SỔ TAY DỊCH THUẬT (5 tập)

THƯ MỤC TÁC PHẨM VĂN HỌC PHÁP NGỮ LIÊN QUAN
ĐẾN ĐÔNG DƯƠNG

(Song ngữ Pháp - Việt)

HIỆP SĨ THÁNH CHIẾN

(Tiểu thuyết của Henryk Sienkiewicz).

SỬ KÍ THANH HOA

108 KIỆT TÁC VĂN CHƯƠNG THẾ GIỚI.

HOÀNG ĐẾ NỘI KINH TỔ VĂN.



Phái hành: Nhà sách Đông Tây - 62 Nguyễn Chí Thanh - Hà Nội
Thư viện Café Đông Tây, Nhà N11A, Trần Quý Kiên, Cầu Giấy, Hà Nội.
Nhà sách Đồng Đa - 834 Đường Láng - Đống Đa - Hà Nội
Sách Hà Nội - 245 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Website: www.sachdongtay.com

